

VIỆN THẦN HỌC TIN LÀNH VIỆT NAM

Thờ Phượng ĐỨC CHÚA TRỜI

Trần Nghị

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

Ấn bản 2007

Biên soạn: Trần Nghị

Viện Thần Học Tin Lành Việt Nam giữ bản quyền

NỘI DUNG

Chương 1	THỜ PHƯỢNG THỂ TỤC VÀ THỜ PHƯỢNG CƠ ĐỐC	5
Chương 2	NỀN TẢNG KINH THÁNH	12
Chương 3	CÁC NGUYÊN TẮC CĂN BẢN CỦA SỰ THỜ PHƯỢNG CƠ ĐỐC	32
Chương 4	SỰ THỜ PHƯỢNG THẬT	47
Chương 5	NỀN TẢNG THẦN HỌC CỦA SỰ THỜ PHƯỢNG CƠ ĐỐC	65
Chương 6	NỀN TẢNG LỊCH SỬ CỦA SỰ THỜ PHƯỢNG CƠ ĐỐC	77
Chương 7	THỜ PHƯỢNG VÀ ÂM NHẠC	91
Chương 8	KỸ THUẬT HÁT THÁNH NHẠC	116

Chương 9	LỄ BÁP TÊM VÀ LỄ TIỆC THÁNH	125
Chương 10	CẦU NGUYỆN TRONG THỜ PHƯỢNG	135
Chương 11	KINH THÁNH VÀ SỰ THỜ PHƯỢNG: ĐỌC VÀ GIẢNG KINH THÁNH	148
Chương 12	CHUẨN BỊ VÀ HƯỚNG DẪN MỘT BUỔI THỜ PHƯỢNG	160
Phụ lục 1	HỌC KINH THÁNH CÁ NHÂN VỚI CHỦ ĐỀ ‘THỜ PHƯỢNG’	201
Phụ lục 2	BẢN QUAN SÁT MỘT BUỔI THỜ PHƯỢNG	210
Phụ lục 3	CÁC NGUYÊN TẮC THÔNG BÁO TRONG BUỔI THỜ PHƯỢNG	219
Phụ lục 4	NGUỒN TÀI LIỆU (RESOURCES)	220

Chương 1

THỜ PHƯỢNG THỂ TỤC VÀ THỜ PHƯỢNG CƠ ĐỐC

I. Tôn giáo và sự thờ phượng thể tục

Nói về nguồn gốc của tôn giáo, ta có thể phân làm hai loại dựa theo quan niệm độc thần hay đa thần. Những người theo Cơ đốc giáo, Do Thái giáo hay Hồi giáo đều tin rằng những hồ sơ lâu đời nhất về lịch sử tôn giáo đều nằm trong các cuốn Kinh thánh của họ. Theo những cuốn Kinh thánh này, họ tin rằng nguồn gốc tôn giáo bắt đầu từ một vị thần, một Đấng tạo dựng nên thế giới này và tạo nên chính con người, và họ có bốn phận phải thờ phượng vị thần đó.

Duy linh thuyết hay thuyết vạn vật hữu linh (animism) là tôn giáo cổ theo quan điểm đa thần. Trong cuốn *Văn Hóa Sơ Khai* (1871), Sir Edward Tylor đã dùng chữ “animism” để tóm tắt cho những nghiên cứu của ông về nguồn gốc tôn giáo. Duy linh thuyết là niềm tin cho rằng mọi vật đều có linh và hồn. Đó là niềm tin vào sự hiện hữu của các hữu thể thần linh, trong đó có những hữu thể nhập vào thân xác để tạo nên nhân tính, gọi là hồn (soul), những hữu thể khác lại không nhập vào một thân thể nhất định, gọi là linh (spirits). Trong các tôn giáo sơ khai, duy linh thuyết có sự phân nhánh sau:

- ❖ Trước hết là thờ cúng người hay vật, đặc biệt là người hay vật đã chết. Những người theo tín ngưỡng này cho rằng sự chết làm cho linh hồn mãi mãi tách ra khỏi thân thể. Với một tỉ lệ tử cao ở những con người sơ khai, những con người sống còn lại luôn sống trong nỗi lo sợ. Họ muốn có một sự đảm bảo, an toàn trong mối liên hệ với những linh hồn người chết đã ra đi. Từ đó phát sinh sự thờ phụng tổ tiên hay sự thờ phụng người chết. Chính H. Spencer trong cuốn *Các Định Luật Xã Hội Học* (1874) đã xem thờ cúng tổ tiên như là căn bản của tôn giáo con người.
- ❖ Thứ hai là sự thờ cúng các linh hồn. Sir J. G. Frazer trong cuốn *Cành Cây Vàng* (1922) cho rằng ma thuật là nguồn gốc của mọi tôn giáo. Ông dựa vào các bằng chứng mô tả việc con người tin vào hiệu lực của ma thuật. Từ đó những điều cấm kỵ bao trùm đời sống của con người. Từ sự sinh ra đến sự chết, những việc làm hàng ngày đến những nghi lễ quan trọng trong đời người, họ đều phải giữ đúng theo những điều cấm kỵ bởi lẽ họ luôn tin vào hiệu ứng của ma thuật. Từ đây cũng xuất hiện những thuật sĩ, thầy pháp, những người tiếp xúc với các linh, trừ tà đuổi quỷ, dâng tế lễ cho các thần để dân chúng đang sống được yên lành, không bị quấy phá.
- ❖ Hình thức thứ ba của Duy linh thuyết là Quỷ báit tự nhiên. Tại đây ta thấy những con người sơ khai đã gán cho các linh, các quyền lực siêu nhiên, các hiện tượng thiên nhiên một nhân tánh để trở thành các vị thần như thần mặt trời, thần mặt trăng, thần lửa, thần nước...

II. Tín ngưỡng tôn giáo Việt nam

Đào Duy Anh trong *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* đã thừa nhận tổ tiên ta từ thời thượng cổ tín ngưỡng một loại tự nhiên đa thần giáo. Ông cho rằng ông cha ta ngày xưa đã tin rằng “phàm các hiện tượng và thể lực tự nhiên ở trong vũ trụ, như trời đất, mưa gió, núi sông, đều có thần linh chủ trương.” Ông cũng khẳng định rằng dân tộc Việt ngày xưa đã có sự thờ cúng tổ tiên, thờ cúng người chết. Ông nói, “Có lẽ người ta tin rằng linh hồn người chết thường đi lại với người sống, nếu có cúng quảy thì vong hồn phù hộ, nếu không thì vong hồn làm cho đau ốm” Tuy nhiên ông cũng cho biết rằng người Việt Nam vốn lấy sự duy trì chủng tộc làm chính nên theo ông, việc tế tự tổ tiên không phải cốt để cho linh hồn khỏi khổ mà nó có một ý nghĩa sâu sắc hơn là nhớ ơn sinh thành của tổ tiên và lưu truyền nòi giống mãi mãi về sau.

Thật vậy, chủ đề sự sống, hay nói đúng hơn là sự sống còn, bao trùm đời sống tôn giáo của con người. Từ thời kỳ ban đầu cho đến thời đại hiện nay, duy trì và phát triển sự sống là nhu cầu quan trọng hàng đầu.

Đối với loại hình văn hóa gốc du mục, sự săn bắn để có lương thực cho cộng đồng là một hình thức duy trì sự sống. Bữa ăn đối với họ rất thiêng liêng vì để có được thức ăn, họ phải liều cả mạng sống để săn tìm con mồi. Qua bữa ăn, họ thấy được sự linh thiêng của mạng sống và sự lệ thuộc của họ vào những nguồn khác nhau để cung cấp sự sống cho họ.

Đối với loại hình văn hóa gốc nông nghiệp như Việt Nam, tiến sĩ Trần Ngọc Thêm cho biết hình thức sản xuất lúa gạo (để duy trì cuộc sống) và sản xuất con người (để kế tục dòng giống) chi phối các hiện tượng tín ngưỡng của người dân Việt. Xuất phát từ tín ngưỡng phồn thực (*phồn*= nhiều, *thực*= nảy nở), người Việt có tục thờ Mẫu, các bà mẹ. Theo

tín ngưỡng của người Việt, Bà Trời, Bà Đất, Bà Nước, Thiên Mụ, Bà Thiên, Bà Chúa Xứ, Bà Chúa Lạch...là những nữ thần chăm lo các hiện tượng tự nhiên, đem mưa, đem gió, đem cơm, đem gạo đến cho dân làng.

Mặc dù đã có những hiểu biết rất đáng kể về các hiện tượng tự nhiên và đã tự hình thành các phương thức duy trì và phát triển sự sống rất đáng khâm phục, con người xưa và nay vẫn nhận biết suy đến cùng sự sống của mình cũng phụ thuộc vào một đấng cao hơn, một đấng đang nắm trong tay một sự sống toàn vẹn.

Qua những mô tả trên, chúng ta rút ra được một số nhận xét về sự thờ phụng theo cách nhìn của con người:

- ❖ Thờ phụng là sự vươn lên tới một đấng siêu việt, cao cả hơn con người, đấng sở hữu sự sống của cả vũ trụ và sự sống còn của con người. Đó là một đấng cao xa, đôi khi giận, đôi khi hờn, có lúc vui, có lúc buồn, và những tế lễ được dâng lên như là một cách thức làm vui lòng đấng đó.
- ❖ Thờ phụng liên hệ mật thiết đến cuộc sống và bao gồm cả cuộc sống. Trong tôn giáo ma thuật, một số hoạt động của con người có thể làm vui lòng hoặc chọc giận một vị thần. Họ sợ nhiều thứ, kiêng kỵ đủ điều...chỉ vì lý do sống còn.
- ❖ Thờ phụng đòi hỏi một cộng đồng: một bữa ăn được xem là linh thiêng vì sự sống của người săn tìm thức ăn bị đe dọa để có thể cung cấp thức ăn hầu duy trì sự sống cho cả một cộng đồng. Nghề trồng trọt lúa nước của người dân Việt cũng phải lệ thuộc vào thiên nhiên và cả một cộng đồng để có được một hột gạo, một bát cơm.

III. Sự thờ phượng Cơ đốc

Nhìn lại lịch sử loài người trong Kinh thánh, những quan niệm của con người về tín ngưỡng, tôn giáo không phải là ý định đầu tiên của Thượng đế cho con người. Theo sách Sáng thế ký, Đức Chúa Trời đã dựng nên con người như hình và tượng của Ngài để quản trị loài cá biển, loài chim trời, loài súc vật, loài côn trùng bò trên mặt đất và khắp cả đất. Trên hết những điều đó, Thượng đế cho con người có đặc ân được trò chuyện với Ngài, có mối liên hệ mật thiết với Ngài.

Tuy nhiên, mối liên hệ đó đã bị cắt đứt khi con người giơ tay chống nghịch Thượng đế. Họ muốn tự mình làm chúa mình và không cần Thượng đế. Chính sự chống nghịch đó đã khiến họ cách xa Chúa và rơi vào sự sợ hãi. Những hình thức tín ngưỡng tôn giáo ta thấy ở trên là những nỗ lực tuyệt vọng của con người, lẩn mò trong sự tối tăm, bị che khuất khỏi sự sáng của Chúa.

Sự thờ phượng Cơ đốc không phải là một giải pháp tối ưu mà con người đã tìm được. Ngược lại, đó là món quà mà chính Đức Chúa Trời ban cho con người. Đức Chúa Trời đã đích thân bày tỏ chính Ngài cho con người qua mối quan hệ cá nhân với họ, và con người đáp ứng lại. Món quà tình yêu từ nơi Chúa khiến chúng ta muốn đáp ứng lại bằng cách thờ phượng Ngài. Một khi con người nhận biết hoặc chiêm ngưỡng được vẻ đẹp vinh quang của Đức Chúa Trời, đáp ứng thích hợp nhất của họ là thờ phượng Ngài vì Ngài đáng được chúc tụng, thờ phượng.

Trong Cơ đốc giáo hay nói khác hơn, trong chính Chúa Jêsus có sự hy vọng chắc chắn, bởi vì trong khi tìm kiếm Ngài, chúng ta nhận ra rằng Ngài đã tìm thấy chúng ta. Đây là điểm khác biệt độc đáo của Cơ đốc Giáo so với các tôn giáo khác. Trải qua các thời đại khác nhau của lịch sử nhân loại, con người đã nỗ lực tìm kiếm một Đấng Tối Cao, một quyền lực cao hơn để họ nương dựa vào. Họ cố gắng

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

bằng mọi cách để vươn đến Thượng Đế. Họ nghĩ ra những cách thức thờ phượng khác nhau để mong làm hài lòng Đấng ở trên cao. Không giống như các tôn giáo khác, trong Cơ đốc giáo, Đức Chúa Trời đã đến với con người. Sự thờ phượng chân thật không thể có được nếu không có sự khởi xướng này. Nói cách khác, sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời là điều kiện cần và đủ cho sự thờ phượng Cơ đốc.

Do vậy, những điểm khác biệt chủ yếu của sự thờ phượng Cơ đốc và các tín ngưỡng, tôn giáo khác là:

- ❖ Một mối liên hệ cá nhân: điều này không thể có được nếu Trời không đến với con người. Mối liên hệ ở đây không phải là một cái gì đó xa lạ, nhưng là một sự gần gũi cá nhân mật thiết, một mối liên hệ cha con, thầy trò, chủ tớ...Người thờ phượng không làm điều này vì sợ, nhưng vì kính và yêu.
- ❖ Niềm vui thay nỗi sợ hãi: như đã trình bày ở trên, sự sống còn là chủ đề chi phối tất cả các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng của con người. Trong Cơ đốc giáo, chính Chúa Giêsu đã đắc thắng sự chết. Ngài là Đấng sống và Ngài là Đấng có quyền ban sự sống cho những kẻ tin nhận Ngài. Sự sống đã mang một chiều kích mới. Đó là sự sống đời đời, là mối liên hệ với Đấng sống, chứ không phải chỉ là sự sống tạm bợ trên đất. Hơn nữa, vì Ngài đã đắc thắng sự chết, con cái Chúa không còn phải sống trong sự sợ hãi bởi sự đe dọa của các thế lực tối tăm trên thế gian này.

IV. Hội thánh và sự thờ phượng

Mục đích quan trọng nhất mà hội thánh Chúa hiện diện trên đất đó là thờ phượng Đức Chúa Trời. Đóng vai trò là thứ tự ưu tiên hàng đầu trong các sứ mạng của hội thánh, sự thờ phượng chính là động cơ thúc đẩy các khía cạnh khác của

hội thánh. Nói cách khác, nếu không có sự thờ phượng, hội thánh Chúa sẽ chết.

Một con cái Chúa có ba mối liên hệ cơ bản: với Chúa, với con cái Chúa khác, và với người chưa tin Chúa. Sự thờ phượng hay mối liên hệ với Chúa sẽ ảnh hưởng đến các mối liên hệ khác. Nếu mối liên hệ này đúng đắn, các mối liên hệ khác cũng sẽ tốt đẹp. Trong một dàn nhạc giao hưởng, Chúa được ví như cây đàn chuẩn. Nếu tất cả các cây đàn khác đều điều chỉnh cao độ theo cây đàn chuẩn này thì dàn nhạc sẽ tạo nên âm thanh tuyệt vời, cho dù từng cây đàn chơi những nốt nhạc khác nhau. Tóm lại, mối liên hệ với Chúa là điều kiện tiên quyết cho các mối liên hệ hay hoạt động khác của con người.

Mục đích của sự thờ phượng là thờ phượng. Nó không phải là phương tiện để đạt đến một mục đích nào khác. Nếu chúng ta thờ phượng Chúa với ý nghĩ sẽ nhận được một điều gì đó, những hành động của chúng ta không còn là thờ phượng nữa, bởi vì chúng ta đã dùng Chúa như một phương tiện để đạt đến một mục đích nào khác.

Tại sao chúng ta thờ phượng Chúa? Bởi vì chúng ta không thể không thờ phượng. Môi se đã “lật đật cúi đầu xuống đất và thờ lạy” khi Đức Chúa Trời bày tỏ vinh hiển của Ngài cho ông tại trên núi Sinai (Xuất Êdíp-tô ký 34: 8). Người đầy tớ của Áp-ra-ham đã “cúi đầu và sấp mình xuống trước mặt Đức Giêhôva” khi ông nhận biết Đức Chúa Trời đã ở cùng và giúp ông hoàn tất được một sứ mạng quan trọng của chủ giao cho (Sáng thế ký 24:26). Khi Chúa Giê-su chữa lành bệnh cho bà gia Phierơ, bà liền đứng dậy và hầu việc Ngài (Mathiơ 8:14-15). Bởi vì Đức Chúa Trời luôn luôn là Đấng khởi xướng trong các mối liên hệ với con người, cốt lõi của sự thờ phượng được diễn tả một cách rõ ràng nhất qua từ ngữ “đáp ứng.”

Chương 2

NỀN TẢNG KINH THÁNH

Cơ đốc nhân tin rằng Kinh thánh cung cấp các nền tảng căn bản cho sự thờ phượng. Tuy vậy, các giáo phái có những kiểu mẫu thờ phượng khác nhau lấy từ Kinh thánh và những truyền thống khác nhau. Những kiểu mẫu hoặc các tập tục trong sự thờ phượng cộng đồng này phải được liên tục xem xét bởi các lãnh đạo, là những người đặt niềm tin nơi Kinh thánh và đặc biệt là Cơ đốc giáo của Tân ước.

I. Nền tảng cổ xưa

Vốn mang bản chất tôn giáo, con người muốn có những đối tượng để thờ phượng. Do đó sự thờ phượng mang tính toàn cầu. Lịch sử thời tiền sử cho biết con người có những đối tượng thờ phượng. Thông thường, đó là các sự thờ phượng thiên nhiên. Đa thần giáo nhắm đến việc tôn thần mọi đối tượng; phẩm thần luận (pantheistic) cho rằng mọi vật đều có bản chất thần. Ví dụ, người Êđípô thờ thần Ra, thần mặt trời, và thần Osiris, thần của sông Nile và sự màu mỡ.

Sự thờ phượng cổ xưa thường mang hình thức cúng tế hoặc các lễ hội mê tín với mục đích xua đuổi các linh ác

hoặc làm ngòi giận các thần. Những cách thờ phượng này được thúc bởi những nhu cầu nội tại của con người. Họ tạo ra các thần như là đối tượng của sự thờ phượng để thỏa mãn các nhu cầu của họ. Ví dụ, thần Ba-anh được tưởng tượng như là vị thần của mùa màng, cung cấp của cải vật chất cho họ. Sự thờ phượng thần Ba-anh thường được đề cập đến trong các dân tộc thời Cựu Ước (Các quan xét 2:11-14; 1 Samuên 7:3-4; 1 Các vua 18:17-19).

Các nhà khảo cổ và nhân chủng học đã tìm được các tạo tác và các dấu chỉ về những hình thức thờ phượng khác nhau của người thời xưa. Nhiều người thời xưa không phân biệt được các thần linh với các hiện tượng thiên nhiên. Họ tin vào sự hiện diện của các thần như thần ruộng, thần sông, thần mặt trời, mặt trăng, thần của sự màu mỡ, thần của sự cần cỗi, thần sự sống và sự chết. Nhân loại cảm nhận sự đấu tranh của các thế lực siêu nhiên, cũng như cuộc chiến không ngừng giữa thiện và ác.

Ở một số văn hóa xưa, con người bị dâng làm tế lễ cúng cho các thần, bị giết trên bàn thờ, bị thiêu cháy hoặc chôn sống. Dân Ca-na-an ngày xưa cúng tế cho thần Mo-lóc bằng cách đem chính con của họ đặt trên bàn thờ có lửa đang cháy. Với một vài ví dụ đơn sơ không đủ để mô tả hết các nghi thức hoặc tập tục cúng tế thời xưa, nhưng điều chúng ta biết chắc đó là con người đã có các hình thức thờ phượng khác nhau từ thời xa xưa. Nhân loại luôn cố gắng tìm hiểu chính họ và thế giới muôn màu muôn vẻ xung quanh họ. Cho dù họ có suy nghĩ đa thần đến đâu, con người vẫn luôn muốn tìm được một “thần không biết.”

II. Thờ phượng thời Cựu Ước

Sự thờ phượng của con dân Chúa trong thời Cựu ước khác với các tín ngưỡng phương Đông ở các điểm sau: (1) Chúa của dân Y-sơ-ra-ên chỉ có một; (2) Chúa là một Đức Chúa

Trời gần gũi can thiệp vào lịch sử; (3) Dân Y-sơ-ra-ên không có hình tượng trong sự thờ phượng.

Học giả G. Ernest Wright cũng so sánh sự thờ phượng của dân Do Thái với các tôn giáo phiếm thần: “Trong niềm tin của người Y-sơ-ra-ên, nền tảng của sự thờ phượng dựa vào các ký ức lịch sử và sự tương giao thiêng liêng.” Mặc dù không có những lần ranh rõ rệt cho các thời kỳ khác nhau, lịch sử thời Cựu ước cũng cho thấy rằng sự thờ phượng trong cuộc sống của dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa phát triển theo thời gian; từ một tín ngưỡng gốc nhiều cách thức thờ phượng khác nhau được phát triển xuyên suốt lịch sử của Do Thái.

Câu chuyện lịch sử thời xưa thừa nhận rằng Đức Chúa Trời mong muốn tương giao với con người. Trong vườn Ê-đen Chúa hỏi, “A-đam, ngươi ở đâu?” (Sáng thế ký 3:9). Các con của A-đam là Ca-in và A-bên cũng thờ phượng Chúa. Ca-in làm người cày xới đất còn A-bên làm nghề chăn chiên. Ca-in đem những hoa quả của đồng ruộng dâng cho Chúa, còn A-bên đem những con chiên đầu lòng làm tế lễ cho Ngài. Đức Chúa Trời nhậm của lễ của A-bên và từ chối của lễ của Ca-in bởi vì động cơ và thái độ của hai người trước mặt Chúa (Sáng thế ký 4:2-5; Hê-bơ-rơ 11:4).

Vài thế hệ sau đó chúng ta chứng kiến Nô-ê thờ phượng Chúa. Một lần nữa Chúa khởi xướng mối quan hệ này và kêu gọi Nô-ê phục vụ Ngài, đại diện cho Chúa ở giữa những người cùng thời. Nô-ê vâng lời Chúa, đóng một chiếc tàu để cứu cả nhà mình. Sau trận đại hồng thủy, vâng lệnh của Chúa, Nô-ê ra khỏi tàu và “lập một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va, dâng của lễ thiêu cho Ngài” (Sáng thế ký 8:20), cảm tạ Chúa vì sự giải cứu của Ngài. Mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và Nô-ê được đóng dấu bởi chiếc cầu vồng của lời hứa (Sáng thế ký 9:11-12).

A. Thời các tổ phụ - Bàn thờ riêng và trong gia đình

Không khí thờ phượng lan tỏa khắp trong các sách Ngũ Kinh. Những cách thức và các biểu tượng tôn giáo vốn được tôn kính qua các thế kỷ trước đó diễn tả ý niệm về một Thượng Đế thánh khiết oai nghi. Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người để tương giao với họ và Ngài là Đấng khởi xướng trong việc tìm kiếm con người. Sự đáp ứng của con người thời bấy giờ bao gồm việc dựng các bàn thờ và biệt riêng những nơi chốn hoặc vật thể làm những nơi thánh hoặc vật thánh cho Đấng Tối Cao.

Đức Chúa Trời hiện ra với Áp-ram và gọi ông ra khỏi quê hương, bà con ông để đi đến miền đất hứa. Ngài hứa ban phước cho Áp-ra-ham, khiến ông trở nên một dân lớn, và làm nổi danh ông (Sáng thế ký 12:1-30). Áp-ra-ham đáp ứng lại bằng đức tin và sự vâng phục. Ông dựng một bàn thờ cho Đức Giêhôva và thờ phượng Ngài (Sáng thế ký 12:7). Áp-ra-ham cũng bày tỏ sự thờ phượng của ông một cách rất rõ ràng qua việc băng lòng dâng con là Y-sác làm của lễ cho Đức Giêhôva (Sáng thế ký 22: 9-10).

Áp-ra-ham dạy dỗ con mình là Y-sác thờ phượng Chúa. Y-sác dựng một bàn thờ và kêu cầu danh của Đức Giêhôva (Sáng thế ký 26:24-25). Sau đó, đến lượt Gia-cốp kinh nghiệm sự thờ phượng Đức Giêhôva. Ông nằm mơ thấy các thiên sứ đi lên xuống trên một cái thang bắc đến tận trời. Sáng hôm sau, ông nhìn nhận “Quả thật, Đức Giêhôva ngự ở nơi này mà tôi không biết...Nơi này thật đáng kinh sợ thay! Thật không đâu bằng đền của Đức Chúa Trời” (Sáng thế ký 28:16-17). Ông dựng một trụ đá làm bàn thờ và biệt riêng nơi đó cho Đức Giêhôva. Ông gọi chỗ đó là Bê-tên, nghĩa là “nhà của Đức Chúa Trời.” Thật vậy, ngay cả trước khi có luật lệ về lễ nghi vốn được mô tả một cách chi tiết trong Lê-vi-ký, Cựu Ước nói chung trong thời trước đó đã nhấn mạnh điều cần thiết phải có sự thờ phượng.

B. Thời Môi-se- Giao ước của sự mặc khải và đáp ứng

Sự thờ phụng của người Do Thái gồm tóm sự kỷ niệm và công bố giao ước được lập bởi Đức Chúa Trời với dân sự Ngài. Đức Chúa Trời mặc khải cho dân Y-sơ-ra-ên Ngài là Đức Giêhôva, Đức Chúa Trời của giao ước. Giao ước này đã được ban cho Môi-se trên núi Si-na-i khi Đức Chúa Trời tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên. Ngài đòi hỏi sự thờ phụng chân thật nơi con dân Ngài: “Các ngươi chớ quỳ lạy thần tượng, cũng đừng hầu việc chúng nó, vì ta là Đức Giêhôva, Đức Chúa Trời kỳ tà” (Xuất Ê díp tô ký 20:5). Đấng đã ban bằng giao ước cho Môi-se là Đấng có quyền chi phối và hành động trong lịch sử nhân loại. Từ đó trở đi, bằng đá khắc chữ này trở thành lời mặc khải thành văn của Đức Chúa Trời cho dân tộc Do Thái. Có lẽ câu Kinh thánh có khả năng tóm tắt được ý nghĩa và mục đích của sự thờ phụng trong Cựu Ước rõ ràng nhất là “Đức Chúa Trời chúng ta là Đức Chúa Trời có một” (Phục truyền 6:4).

Dân Y-sơ-ra-ên tham gia vào nếp sống thờ phụng dưới sự hướng dẫn của Môi-se. Với cuộc sống du mục nơi đồng vắng, hội mạc (tent of meeting) được xem là kiểu mẫu đền thờ ban sơ có dạng gần giống như một cái lều của người chăn chiên có ngăn phần bên trong và bên ngoài, được dựng bên ngoài nơi đóng trại của dân sự.

Sau đó, Đức Chúa Trời chỉ dẫn cho Môi-se dựng một đền tạm để thờ phụng và một hòm giao ước trong đó có giữ bằng luật pháp Mười Điều Răn. Với việc xây dựng đền tạm, sự thờ phụng hội chúng được thiết lập như một định lệ. Đức Chúa Trời sai Môi-se biệt riêng A-rôn và nhà người làm chức tế lễ (Xuất 28:2-3). Các công việc của thầy tế lễ được liệt kê rõ ràng từng chi tiết. Dân sự có nhiệm vụ dâng tế lễ cho Chúa cách thường xuyên như một hành động thờ phụng.

C. Thời các quan xét

Khi dân Y-sơ-ra-ên tiến chiếm vùng đất Ca-na-an, họ đối diện với sự thờ phượng các thần thiên nhiên, hay các thần Ba-anh (*Baalim*) của các dân tộc trong vùng. Sống trong môi trường như vậy, họ bị lôi kéo để thờ lạy các thần tượng này và ảnh hưởng ngoại giáo xâm nhập vào sự thờ phượng Chân Thần là Đức Giêhôva. Họ đã đem những tập tục, nghi lễ của các thần ngoại giáo vào sự thờ phượng Đức Chúa Trời. Ngay cả những người phụ trách phần nghi lễ thờ phượng trong nhà của Đức Chúa Trời cũng đã bị mục nát. Mặc dù lời cầu nguyện của bà An-ne là chân thật, nhưng hành động suy đồi của các thầy tế lễ và sự tôn sùng hòm giao ước một cách quá đáng cho thấy một sự thờ phượng sai lạc (I Samuên 1, 2, và 4).

Tuy vậy, có một số người còn nhớ đến Đức Chúa Trời và thờ phượng Ngài trong thời các quan xét. Ghinh-ganh có lẽ là nơi đầu tiên được lập nên để thờ phượng Đức Giêhôva nơi miền đất mới Ca-na-an. Sau-ơ được tôn vương tại Ghinh-ganh và các lễ hội hàng năm kỷ niệm sự kiện dân Y-sơ-ra-ên vượt sông Giô-đanh cũng được tổ chức tại nơi này. Các bàn thờ được lập ở Ghinh-ganh (Các quan xét 2:1), Óp-ra (6:24), Si-lô và Đan (18:29-31), Hép-rôn (II Samuên 5:3) và Ga-ba-ôn (I Các Vua 3:4) cho thấy dân Y-sơ-ra-ên cứ tiếp tục bươn tời và tiến chiếm vùng đất hứa cho Đức Giêhôva.

D. Đền thờ và sự thờ phượng

Trong các sách lịch sử, vị vua thường là người hướng dẫn việc thờ phượng bởi vì họ là những người được biệt riêng, và được Đức Giêhôva xức dầu. Vua Đavít dựng bàn thờ đầu tiên cho Đức Giêhôva tại Giê-ru-sa-lem (II Samuên 24:25) và cũng đã dự tính xây một đền thờ cho Đức Giêhôva (II Samuên 7:2-3).

Vào thời Salômôn khi đền thờ đã được xây, sự thờ phượng đặt đến đỉnh cao. Nói về các nơi thánh được biệt riêng để thờ phượng, đền thờ là nơi có kiến trúc hoành tráng và công phu nhất. Nó được xây ở tại Giê-ru-sa-lem, nơi Đức Giêhôva đã hiện ra (II Samuên 24:16-25); và vì vậy, nơi đây trở thành nơi thờ phượng tôn nghiêm của dân Y-sơ-ra-ên. Trước đó, vua Đa-vít đã có ý xây cất một đền an nghỉ cho hòm giao ước của Đức Giêhôva và cho “bệ chân của Đức Chúa Trời” (I Sử ký 28:2). Mặc dù Đa-vít đã chuẩn bị các chi tiết để xây dựng đền thờ cho Đức Giêhôva, Chúa đã tỏ cho ông biết rằng Salômôn sẽ kế vị ông và sẽ đảm trách công việc này. Khi Đa-vít giao lại cho Salômôn công tác xây đền thờ, ông đã khích lệ con ông, “Hãy vững lòng bền chí mà làm; chớ sợ sệt, chớ kinh hãi chi, vì Giêhôva Đức Chúa Trời, tức là Đức Chúa Trời của cha, vẫn ở cùng con; Ngài chẳng hề từ bỏ con, cũng chẳng hề lìa khỏi con cho đến chừng các công việc xây cất đền của Đức Giêhôva được xong” (I Sử ký 28:20).

Thật vậy, đền thờ đã được xây dựng một cách rất công phu. Các khí cụ quý giá được đem vào đền thờ: bàn thờ bằng vàng, bàn bánh trần thiết, các chân đèn vàng, hoa, thếp, nĩa bằng vàng ròng...các cánh cửa của đền cũng đều bằng vàng (II Sử ký 4:19-22). Khi đền thờ được xây xong, Salômôn truyền lệnh cho các trưởng lão và người Lê-vi đem hòm giao ước vào đền. Sách II Sử ký ghi lại việc cung hiến đền thờ. Các thầy tế lễ và người Lêvi mặc áo bằng vải gai mịn, cầm chập chửa, đòn sắt, đòn cầm, thổi kèn tôn vinh Đức Chúa Trời. Những người hát cùng hội chúng đồng thanh hòa nhau như một người khen ngợi, cảm tạ Đức Giêhôva rằng: “Đức Giêhôva là thiện, lòng thương xót Ngài hằng có đời đời.” Khi tiếng hát và nhạc trỗi lên, sự vinh hiển của Chúa đầy đầy đền thờ đến nỗi các thầy tế lễ không thể đứng đó hầu việc Đức Giêhôva được vì bị mây che phủ (II Sử ký 5:13-14). Sau đó, Salômôn quỳ gối trước mặt hội chúng và dâng lời cầu nguyện cung hiến đền thờ. Khi dân sự thấy sự vinh

hiền của Chúa ngự trên đền thờ, họ sắp mặt xuống đất, thờ phượng và ngợi khen Đức Chúa Trời. Salômôn và dân sự dâng của lễ trước mặt Đức Chúa Trời, thầy tế lễ ngợi khen Chúa, người Lêvi thổi kèn và cả hội chúng đều đứng.

Sau khi đền thờ đã được xây dựng và cung hiến một cách hoành tráng, uy nghi, các nghi lễ xoay quanh các ngày hội của dân Y-sơ-ra-ên cũng phát triển mạnh mẽ hơn. Các lễ hội này không chỉ đơn thuần là dịp ăn uống nhưng đó là dịp kỷ niệm sự nhân từ, tốt lành của Chúa đối với dân sự của Ngài. Các lễ hội tạo cơ hội thông công với nhau và với Chúa, ôn lại những điều tốt lành Chúa đã làm cho mình. Qua các lễ hội này, dân sự nhìn nhận Chúa là Đấng chu cấp mọi sự, bảo vệ, gìn giữ, giải cứu họ. Đồng thời, họ cũng dâng lên cho Chúa các của lễ để bày tỏ lòng biết ơn. Chẳng hạn, lễ bánh không men được tổ chức ngay sau lễ Vượt Qua với chiên con bị giết và huyết bôi trên mành cửa để kỷ niệm sự kiện Chúa giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ê-díp-tô. (Xuất Êdíp-tô ký 23:15).

Trong lễ mùa màng và lễ Các Tuần Lễ, người Do Thái kỷ niệm sự chu cấp của Chúa cho mùa màng của họ bằng cách đem dâng cho Chúa các hoa quả đầu mùa, hay bó lúa đầu mùa (Xuất 23: 16; Lêviký 23:10-12). Lễ này cũng được biết với tên gọi Lễ Ngũ Tuần (bởi vì được kỷ niệm vào ngày thứ 50 kể từ ngày Sa-bát của Lễ Vượt Qua). Trong Lễ lều tạm, dân sự dựng lều bằng nhánh cây và sống ngoài trời để kỷ niệm cuộc hành trình đầy khó khăn đến miền đất hứa và sự lo liệu của Chúa cho họ trong suốt cuộc hành trình này (Lêviký 23:34-44).

Nói đến các nghi lễ, đền thờ Giê-ru-sa-lem là trung tâm điểm cho sự thờ phượng của cả vùng đất này. Người người kéo nhau đến Giê-ru-sa-lem với lòng hoan hỉ được đến ra mắt Đức Giêhôva và thờ phượng Ngài. Họ đem theo phần mười các của cải và các sinh tế để dâng lên cho Chúa. Sự thờ phượng của họ được biểu hiện qua âm nhạc, hát xướng, nhảy

múa, đọc lại những câu chuyện về tổ phụ của họ, v.v...kèm theo các lời cầu nguyện, xưng tội, các bữa ăn và sự tẩy rửa. Sự yên lặng cũng là một yếu tố quan trọng trong sự thờ phượng. Tiên tri Ha-ba-cúc nói rằng, “Đức Giêhôva ở trong đền của Ngài; trước mặt Ngài cả đất hãy yên lặng” (2:20). Tác giả Thi-thiên cũng đồng thanh, “Hãy yên lặng và biết rằng ta là Đức Chúa Trời”(46:10).

Các nghi lễ và các chi tiết tỉ mỉ với các ngày lễ và của lễ nhằm mục đích nhắc cho dân sự tội lỗi của họ và đồng thời cho thấy sự yêu thương, nhân từ của Chúa. Toàn bộ sách Lêviký được dành ra để nói đến hệ thống tế lễ và cách dâng của lễ. Như vậy, của tế lễ thời xưa là điều kiện cần cho sự thờ phượng.

Những của lễ được dâng lên cho Đức Giêhôva gồm có: (1) của lễ thiêu dâng trên bàn thờ với khói bốc lên, có mùi thơm cho Chúa (I Samuên 7:9; Phục truyền 33:10); (2) của lễ thù ân (Lêviký 3); (3) của lễ chuộc tội (Lêviký 4); (4) của lễ chay (Lêviký 2); bánh (Lêviký 24:5-9); (5) các thứ hương (Xuất Êđiptô ký 30:34-38). Sứ đồ Phao lô có đề cập đến những món quà từ các tín hữu ở Philíp gửi tặng như là thứ hương có mùi thơm dâng lên đẹp lòng Chúa (Philíp 4:18).

E. Các sách tiên tri và Thi thiên - tôn giáo nhắm vào cá nhân và luân lý

Các tiên tri này đã mạnh mẽ lên án các nghi thức trống rỗng và các động cơ không trong sạch của dân Ysoraên trong những hành động thờ phượng của họ. Tiên tri Amôt bày tỏ sự ghê tởm các ngày lễ của dân Ysoraên, những kỳ hội họp trọng thể, sự dâng của lễ thiêu, của lễ thù ân đầy dẫy bên ngoài nhưng hoàn toàn rỗng tuếch bên trong của họ. Ông kêu gọi dân sự trở về với sự thờ phượng chân thật, chánh trực trước mặt Chúa (Amôt 5:21-24).

Đức Chúa Trời qua môi miệng của tiên tri Ôsê thẳng thắn dạy dỗ dân sự Ngài, “Ta ưa sự nhân từ mà không ưa của lễ, ưa sự nhìn biết Đức Chúa Trời hơn là ưa của lễ thiêu” (Ôsê 6:6). Sách tiên tri Michê cũng phản ánh những lời lẽ tương tự, “Ta sẽ đem vật gì châu trước mặt Đức Giêhôva và quì lạy trước mặt Đức Chúa Trời rất cao? Ta sẽ đến trước mặt Ngài với những của lễ thiêu và với những bò con giáp niên sao? Đức Giêhôva há có thích những hàng ngàn chiên đực hay là hàng vạn sông dầu sao?...cái điều mà Đức Giêhôva đòi người há chẳng phải là làm sự công bình, ưa sự nhân từ và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời người sao? (Michê 6:6-8). Dĩ nhiên các tiên tri này không chủ trương từ bỏ các hình thức cũng như nội dung thờ phượng thời bấy giờ. Điều họ muốn dân sự Ngài lưu tâm đó là tấm lòng chân thật trong hành động thờ phượng của họ.

Một số khác kêu gọi cải cách sự thờ phượng. Tiên tri Giê-rê-mi nhấn mạnh đến một sự thờ phượng cá nhân và thân mật. Đức Giê-hô-va liên hệ cách cá nhân với con người và Ngài muốn họ thờ phượng Ngài bằng cả tấm lòng chân thành. “Dân ta...đã lìa bỏ ta, là nguồn nước sống, mà tự đào lấy hồ, thật, hồ nứt ra không chứa nước được” (Giê-rê-mi 2:13). Phước hay họa đến với dân Ysraên đều xuất phát từ sự thờ phượng của họ. Lời khích lệ từ Đức Giê-hô-va đó là, “Đáng chúc phước thay là kẻ nhờ cậy Đức Giê-hô-va và lấy Đức Giê-hô-va làm sự trông cậy mình” (Giê-rê-mi 17:7); đồng thời với lời cảnh cáo của Ngài, “Khốn thay cho những kẻ chặn hủy diệt và làm tan lạc bầy chiên của đồng cỏ ta...ta sẽ thăm phạt các người về những việc dữ mình làm (Giê-rê-mi 23: 1-2).

Tiên tri Ê-xê-chi-ên cũng lên án dân sự Ngài và đồng thời kêu gọi một sự cải cách, “...tại người đã làm ô uế nơi thánh ta bởi những sự xấu hổ gớm ghiếc, nên ta cũng chắc sẽ xây mất chẳng tiếc người...” (Ê-xê-chi-ên 5:11). Các tiên tri giả rao giảng những sứ điệp giả dối, hứa hẹn sự hòa bình cho dân Y-sa-ra-ên trong khi sự thật không phải như vậy. Tiên tri

Ê-xê-chi-ên cũng cảnh tỉnh dân sự về trách nhiệm cá nhân của mỗi người trước mặt Chúa, cha mẹ cũng như con cái, “Linh hồn nào phạm tội thì sẽ chết” (Ê-xê-chi-ên 18: 20). Các tiên tri giả hay tội đồ giả của Chúa chỉ lo đến cái bụng của họ mà thôi, vì vậy những con chiên ngược trông lên họ nhưng vẫn đói vì không được cho ăn (Ê-xê-chi-ên 34:8). Sau khi lên án những tội lỗi và sự thờ phượng giả tạo của dân sự Ngài, tiên tri Ê-xê-chi-ên kêu gọi họ trở lại với sự thờ phượng chân thật bằng việc mô tả khái tượng Chúa bày tỏ cho ông về đền thờ của Chúa với những nghi lễ trang trọng trong sự hiện diện của Ngài. Tội đỉnh của khái tượng này mô tả phước hạnh của Chúa tuôn chảy từ đền thờ như một dòng sông đem nước tươi mát các vùng đất, sanh hoa quả đem lại sự chữa lành (Ê-xê-chi-ên 47:1-12).

Đoạn Kinh thánh rất điển hình cho sự thờ phượng được ghi lại trong Ê-sai đoạn 6, diễn tả kinh nghiệm sống động của tiên tri Ê-sai khi ông chứng kiến sự oai nghi, vinh hiển của Chúa. Đối diện với sự thánh khiết tuyệt đối của Ngài, tiên tri Ê-sai nhận thấy tội lỗi xấu xa của mình, xưng tội và được Ngài tha thứ tội lỗi, đồng thời ông đã cam kết dẫn thân để hầu việc Đức Chúa Trời.

Sách tiên tri Ma-la-chi đặc biệt quan tâm đến sự thờ phượng. Tiên tri này rất nặng lòng về sự suy đồi trong cách thờ phượng của dân sự Ngài. Họ đã dâng cho Chúa bánh ô uế, các con vật què hoặc đau với một thái độ bất xứng trước mặt Chúa. Tiên tri Ma-la-chi kêu gọi sự ăn năn và trở lại với Đức Giê-hô-va. Đối với những người lìa bỏ sự ác của họ và kính sợ Đức Giê-hô-va, Ngài hứa ban sự chữa lành và làm mới lại đời sống của họ (Ma-la-chi 4:2).

Thi-thiên đầy ắp những khổ thơ thờ phượng cá nhân, hay được viết lên bởi những cá nhân; mặc dù là *cá nhân*, nhưng nó không có nghĩa là riêng tư, riêng rẽ, vì các bài thi thiên thường được dùng trong sự thờ phượng công cộng. Các thi thiên này là nền tảng cho các bài thánh ca Cơ đốc. Tựa đề

của Thi thiên trong tiếng Hê-bơ-rơ là *Tehillim*, có nghĩa là “các bài ca ngợi thờ phượng.” Dưới tựa đề của các thi thiên thường có những đề mục nhỏ để chỉ các mục đích sử dụng đặc biệt của nó trong sự thờ phượng. Ví dụ, Thi-thiên 100 (thơ cảm tạ); Thi-thiên 88 (thơ dạy dỗ); Thi-thiên 38 (dùng để kỷ niệm), v.v...

Những người hành hương thường hát với nhau những ‘bài ca đi lên từng bậc’ khi họ cùng lên đền thờ Giê-ru-sa-lem để thờ phượng trong các dịp lễ lớn hằng năm. Những lời hát trong các bài ca này bày tỏ sự nhờ cậy hay lòng tin chắc của họ về một Đức Chúa Trời yêu thương và thành tín đối với những người thờ phượng Ngài. “Tôi ngược mắt lên trên núi: Sự tiếp trợ tôi đến từ đâu? Sự tiếp trợ tôi đến từ Đức Giê-hô-va, là Đấng dựng nên trời và đất” (Thi-thiên 121:1-2). Với lòng hân hoan lên đền thánh, họ cùng hát với nhau những lời này, “Tôi vui mừng khi người ta nói với tôi rằng, Chúng ta hãy đi đến nhà của Đức Giê-hô-va! (Thi-thiên 122:1). Nhìn nhận sự tể trị của Chúa trên mọi công việc, họ hát rằng, “Nếu Đức Giê-hô-va không cất nhà, thì những thợ xây cất làm uổng công” (Thi-thiên 127:1). Với lòng tin chắc vào các phước lành của Chúa cho những người thờ phượng Ngài, họ đồng thanh hát lên, “Phước cho người nào kính sợ Đức Giê-hô-va, đi trong đường lối Ngài!” (Thi-thiên 128:1).

Các thánh thi cũng là thức ăn nuôi dưỡng đời sống thuộc linh của Chúa Jêsus khi Ngài ở trên đất này, và là nguồn sức mạnh hỗ trợ cho Phao lô và Si-la trong chốn lao tù (Công vụ Các Sứ Đồ 16:25). Nói về sự thờ phượng, Thi thiên được xem như một phương tiện trực giác và tinh tâm thuộc linh bởi các đặc tính sau đây: (1) tinh thần thờ phượng làm sống động các lời thơ, (2) lòng tin chắc vào sự đắc thắng cuối cùng của Chúa được xác quyết trong các lời cầu nguyện, (3) tính chân thành và mạnh mẽ trong nhiều hoàn cảnh khác nhau của từng cá nhân xuyên suốt những lời cầu nguyện, và (4) những lời thơ tao nhã, mang đầy tính nghệ thuật.

III. Thờ phụng thời Tân Ước

Theo các ký thuật trong Tân Ước, sự thờ phụng Cơ đốc có nguồn gốc từ các tập tục thờ phụng của người Do Thái. Các Cơ đốc nhân đầu tiên là những người Do Thái và họ vẫn trung tín thờ phụng Chúa tại đền thờ và nhà hội. Chính Chúa Jêsus cũng tham gia các nghi thức thờ phụng thời bấy giờ. Nhìn chung, sự chuyển tiếp giữa sự thờ phụng thời Tân Ước và thời Cựu Ước không gặp một sự gián đoạn rõ rệt nào giữa hai thời kỳ này. Dĩ nhiên, sự kiện Chúa Jêsus đến trần gian và công tác cứu chuộc của Ngài đã đem lại một ý nghĩa mới cho những nội dung và hình thức cũ trong thời Cựu Ước. Xét trên bình diện không gian, tựu trung có ba hình thức thờ phụng rõ rệt trong Tân Ước: sự thờ phụng nơi đền thờ, sự thờ phụng nơi nhà hội, và sự thờ phụng nơi nhà riêng hoặc các nơi khác.

A. Đền thờ- nơi thờ phụng truyền thống

Có nhiều trường hợp trong Tân Ước ghi lại các câu chuyện hay hoạt động liên quan đến đền thờ. Tiên tri Xa-cha-ri có khả năng về đưa con Chúa sẽ ban cho khi ông ở trong đền thờ hầu việc Ngài (Lu-ca 1:11-37); ông Si-mê-ôn và bà Anne gặp con trẻ Jêsus nơi đền thờ (Lu-ca 2:25; Chúa Jêsus năm 12 tuổi nói chuyện với các thầy thông giáo tại đền thờ (Lu-ca 2:46); Chúa Jêsus dọn sạch đền thờ (Mác 11:15-17); Chúa lên đền thờ dự lễ (Giăng 5; 7; 8; 10). Sử gia Lu-ca cũng ghi lại rằng các Cơ đốc nhân đầu tiên đã ở trong đền thờ ngợi khen Chúa (Lu-ca 24:53). Sau ngày lễ Ngũ Tuần, các tín hữu vào đền thờ ngày đêm cầu nguyện (Công vụ Các Sứ Đồ 2:46). Các sứ đồ dạy dỗ nơi đền thờ mỗi ngày (Công Vụ Các Sứ Đồ 4).

Sứ đồ Phao lô mặc dù đến đền thờ nhưng ông cũng giảng rằng, “Đấng Tối Cao không ngự nơi nhà con người xây bằng tay” (Công Vụ Các Sứ Đồ 7:48; 17:24). Chúa Jêsus

khi nói chuyện với người đàn bà Sa-ma-ri tại giếng Si-kha cũng phán trước rằng, “Sẽ đến lúc và đã đến lúc con người không thờ phượng Đức Chúa Trời nơi ngọn núi này hay tại Giê-ru-sa-lem” (Giăng 4:21). Thật vậy, Cơ đốc nhân không nhất thiết phải đến đền thờ tại Giê-ru-sa-lem hay một nơi nào cố định mới có thể thờ phượng Chúa. Đền thờ dưới giao ước Môi se đã trở thành đền thờ không phải xây bởi tay người (Hê-bơ-rơ 9:1-23) và của tế lễ thời Môi se cũng đã được thay thế bằng một tế lễ toàn vẹn một lần đủ cả, đó là sự chết của Chúa Jêsus (Hê-bơ-rơ 9:23-10:18). Sứ đồ Phao lô nhấn mạnh rằng hội thánh hay những tín hữu Cơ đốc là đền thờ thánh của Chúa (Ê-phê-sô 2:14-21).

B. Nhà hội- Sự thờ phượng chuyển tiếp

Các yếu tố quan trọng như thành Giê-ru-sa-lem bị sụp đổ, đền thờ thời Sa-lô-môn bị tàn phá, cộng với một thời gian dài bị lưu đày rời xa Giê-ru-sa-lem, sự suy yếu của chức vụ tiên tri, cùng với sự quan tâm càng hơn đối với lời Chúa đã hình thành nên các hình thức thờ phượng mới. Khoảng thế kỷ thứ ba trước Chúa, các nhà hội bắt đầu mọc lên.

Mặc dù có một số ý kiến khác nhau về thời kỳ phát triển của các nhà hội, đa số các học giả cho rằng sự phát triển các nhà hội diễn ra mạnh mẽ nhất ở thời kỳ sau lưu đày. Nhà hội hay *synagoge* có ý nghĩa nguyên thủy là nơi hội họp. Các sử gia như Philo và Josephus cũng dùng chữ ‘nhà cầu nguyện,’ ‘nhà trường’ để chỉ nhà hội của người Do thái. Mặc dù với chức năng chính là thờ phượng, nhà hội cũng được sử dụng trong nhiều mục đích khác nhau như giáo dục, hành chính, hay nơi hội họp của cộng đồng Do thái.

Chúa Jêsus giảng dạy và làm phép lạ trong nhà hội ở vùng Ga-li-lê (Ma-thi-ơ 4:23; Lu-ca 4:15), đặc biệt là ở tại Na-xa-rét (Ma-thi-ơ 13:54; Mác 6:2; Lu-ca 4:16) và Ca-bê-na-um (Mác 1:21; Lu-ca 7:5; Giăng 6:59). Nhà hội cũng là

nơi quan trọng trong thời hội thánh đầu tiên. Sứ đồ Phao lô chọn nhà hội là điểm bắt đầu để bước vào một cộng đồng (Công vụ các sứ đồ 13:13-43; 14:1-4; 17:1-17; 18:1-4) mặc dù đó cũng là nơi ông gặp nhiều bất bở.

Với lối xây dựng và hình thức thờ phượng đơn giản hơn so với đền thờ, nhà hội có ảnh hưởng lớn đến các hình thức thờ phượng Cơ đốc. Sự thờ phượng nơi nhà hội có những điểm khác biệt sau so với sự thờ phượng nơi đền thờ: (1) ít hình thức hơn; (2) giảng dạy là chính; (3) sự quan trọng trong vai trò của thầy tế lễ giảm dần; (4) giáo sư, hay thầy giáo đóng vai trò chính; và (5) sự tham gia rõ rệt hơn của những tín hữu bình thường. Các yếu tố căn bản thường thấy trong cách thờ phượng nơi nhà hội gồm có: (1) đọc Kinh thánh và giảng nghĩa; (2) đọc thuộc lòng bài tín điều Do thái, hay *Sh'ma* trong Phục truyền 6:4; (3) Thi thiên, Mười Điều Răn, Các câu chúc phước, câu nói A-men; (4) cầu nguyện; và (5) lời cầu *Kedushah*, hay bài cầu nguyện thánh hóa.

Mặc dù sự thờ phượng Cơ đốc thời kỳ ban đầu bắt nguồn từ những hình thức và nội dung thờ phượng theo kiểu mẫu đền thờ và nhà hội của người Do thái, nhưng nó có những đặc điểm riêng của nó:

1. Cơ đốc nhân bắt đầu sử dụng các thư tín viết bởi các sứ đồ và các ký thuật về cuộc đời cũng như lời dạy của Chúa Jêsus lưu truyền qua các bản viết tay và truyền miệng. Các sách luật pháp và tiên tri nhường chỗ cho những thư tín và các sách Phúc Âm.
2. Mặc dù các tín hữu đầu tiên vẫn sử dụng Thi thiên trong sự thờ phượng, các bản thánh ca khác được thêm vào. Lời tuyên xưng đức tin, đồng thời là hình thức đầu tiên của các bản thánh ca dạng này, được ghi lại trong thư Phi-líp 2:5-11. Sứ đồ Phao-lô khuyến khích các tín hữu đối đáp với nhau bằng ca

vịnh, thơ thánh, bài hát thiêng liêng, và hết lòng hát mừng ngợi khen Chúa (Ê-phê-sô 5:18-19).

3. Báp-têm và Tiệc thánh là hai nghi lễ quan trọng trong sự thờ phượng Cơ đốc.
4. Một bầu không khí đầy nhiệt huyết, phấn khởi lan truyền nơi nhóm họp của các tín hữu đầu tiên vì họ kinh nghiệm được sự hiện hữu của Đức Thánh Linh, tin chắc vào sự sống lại của Chúa Jêsus. Niềm tin và sự hy vọng vào một Đấng sống tạo nên một không khí thờ phượng linh thiêng, vui mừng nhưng cũng không thiếu sự trang nghiêm, kính sợ.
5. Sự thờ phượng Cơ đốc không bị ràng buộc bởi không gian và thời gian nhất định. Cơ đốc nhân không ở dưới luật pháp của ngày Sa-bát và những luật pháp khác của Môi-se vì những điều này đã được làm trọn qua công tác cứu chuộc của Chúa Jêsus. Để ý thấy rằng từ ngữ “ngày đầu tiên trong tuần lễ” (Mác 16:2; Ma-thi-ơ 28:1; Lu-ca 24:1; Giăng 20:1) xuất hiện trong các đoạn Kinh văn ghi lại sự sống lại của Chúa. Các tín hữu đầu tiên, mặc dù vẫn giữ ngày Sa-bát, đã có thói quen nhóm lại với nhau và bẻ bánh (Công vụ các sứ đồ 20:7, 1 Cô-rinh-tô 16:2) trong ngày đầu tiên trong tuần lễ. Có người cho rằng Cơ đốc nhân thiết lập ngày Chúa nhật là để đối phó với phong trào chống Do thái ở những thế kỷ đầu. Sự kiện hoàng đế Constantine ra chiếu chỉ giữ ngày Chúa nhật (ngày của mặt trời theo tập tục thờ phượng ngoại giáo thời bấy giờ) làm ngày nghỉ vào năm 321 góp phần khiến nhiều người nghỉ vấn về sự thờ phượng của Cơ đốc nhân vào ngày Chúa nhật. Mặc dù có nhiều ý kiến khác nhau về lý do Cơ đốc nhân nhóm lại vào ngày Chúa Nhật, điều hiển nhiên được trình bày trong Tân Ước đó là vì sự sống lại của Chúa Jêsus. Ngày Chúa nhật không phải là ngày Sa-bát của Cơ đốc nhân. Vì

vậy sự chuyển tải ý nghĩa thần học của ngày Sa-bát sang ngày Chúa nhật là không cần thiết. Một khi có đôi ba người nhóm lại, cho dù bất cứ ở đâu- nơi nhà riêng, tại nhà thờ...- và bất cứ khi nào -thứ Bảy, Chúa nhật, hay bất cứ ngày nào- Chúa là Đấng sống hứa sẽ ở giữa họ (Ma-thi-ơ 18:20).

C. Các yếu tố chính trong sự thờ phượng

Mặc dù Tân Ước không ghi lại một thứ tự cố định cho một buổi thờ phượng, sứ đồ Phao lô khuyên các tín hữu phải làm “mọi sự cho phải phép và có thứ tự” (1 Cô-rinh-tô 14:40). Khi đề cập đến sự thờ phượng, các yếu tố sau đây thường được thấy xuyên suốt Tân Ước:

1. Sự cầu nguyện: Có rất nhiều bằng chứng cho thấy các tín hữu đầu tiên cầu nguyện trong khi thờ phượng. Ký thuật của Lu-ca cho chúng ta biết rằng các tín hữu này đã “bền lòng giữ lời dạy của các sứ đồ, sự thông công của anh em, lễ bẻ bánh và sự cầu nguyện” (Công vụ 2:42). Có các sự cầu nguyện khác nhau: cầu nguyện tạ ơn, nài xin, cầu thay, chúc phước (Phi-líp 4:6; Cô-lô-se 2:7; II Ti-mô-thê 2:1-2; II Cô-rinh-tô 13:14). Một trong những lời cầu bằng tiếng A-ram cổ xưa nhất là câu *Ma-ra-na-tha*, nghĩa là “Lạy Chúa Jê-sus, hãy đến (trở lại)! ” (I Cô-rinh-tô 16:22). Bài cầu nguyện điển hình là bài cầu nguyện mẫu Chúa dạy các môn đồ (Ma-thi-ơ 6:9-13).
2. Đọc Kinh thánh: Chúa Jê-sus đứng trong nhà hội và đọc Kinh thánh. Đây cũng là điều các tín hữu đầu tiên làm trong khi họ nhóm lại để thờ phượng (Cô-lô-se 4:16; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:27; I Ti-mô-thê 4:13). Các phân đoạn trong Cựu Ước, thường là Thi thiên và các sách tiên tri, vẫn tiếp tục là một phần Kinh thánh được đọc trong sự thờ phượng Cơ đốc.

3. Âm nhạc: đóng vai trò quan trọng trong sự ca ngợi Chúa của các tín hữu Cơ đốc (Ê-phê-sô 5:18-20; Cô-lô-se 3:16; I Cô-rinh-tô 14:15). Một trong những bản thánh ca Cơ đốc đầu tiên là bài ca của Ma-ri (*Magnificat*) được ghi trong Lu-ca đoạn 1 từ câu 46 đến 55; bài ca của Si-mê-ôn (*Nunc Dimittis*) (Lu-ca 2:29-32), và bài ca của Xa-cha-ri (*Benedictus dominus*) được ghi trong Lu-ca đoạn 1 từ câu 68 đến 79. Các bài ca này có thể đã được dùng trong hội thánh đầu tiên. Các bài thánh ca khác cũng được tìm thấy trong sách Khải huyền 5:9, 12-13; 12:10-12; 19:1-2, 6. Những bài ca thuộc dạng này được gọi là *canticulum* hay ‘bài ca nhỏ.’ Đây là những đoạn lấy từ trong Kinh thánh (nhưng không phải từ Thi thiên) có dạng thơ thánh hay thánh ca.
4. Câu nói “A-men” cũng được ghi lại ở nhiều chỗ trong Cựu và Tân Ước. Từ “A-men” trong tiếng Hy-lạp, lấy cùng phiên âm từ tiếng Hê-bơ-rơ từ động từ gốc có nghĩa là ‘xác nhận, xác minh, thiết lập, ủng hộ.’ ‘A-men’ dùng trong Cựu Ước để chỉ sự đáp ứng của một cá nhân hay hội chúng trước một lời cầu nguyện (I Sử ký 16:36), một bài hát hay cầu nguyện chúc tụng Chúa (Thi thiên 41:13; 72:19), hay một sự rửa sã (Phục truyền luật lệ ký 27:14-26). Từ ngữ “A-men” được dùng để nói lên sự công nhận giá trị của lời cầu nguyện hay lời nói vừa được nêu, và vì vậy nó có tính chất ràng buộc. Lời nói “A-men” tương đương với “Vâng, (chúng) tôi hoàn toàn đồng ý,” hoặc “Vâng, đúng như vậy,” hay, “Xin điều đó xảy ra như lời đã nói.” Ngoài các sách Phúc Âm, cách dùng từ “A-men” trong Tân Ước cũng giống như trong Cựu Ước, được đặt sau một lời chúc tụng Chúa (Rô-ma 1:25), đáp ứng lời cầu nguyện (I Cô-rinh-tô 14:16) và chỉ một sự nhấn mạnh, nói “Dạ vâng” với Chúa (II Cô-rinh-tô 1:20). Một điều đáng lưu ý ở đây là từ ngữ

“A-men” trong các sách Phúc Âm được dùng có phần khác với Cựu Ước và các sách khác trong Tân Ước. Mặc dù từ “A-men” xuất hiện 100 lần trong các sách Phúc Âm, từ ngữ này luôn được đặt ở đầu câu, và đa số là các câu nói của Chúa Jê-sus. Trong bản Kinh Thánh tiếng Việt truyền thống, chữ “A-men” này thường được dịch là “Quả thật, quả thật.” Theo học giả G. F. Hawthorne, cụm từ “Quả thật, ta nói cùng các ngươi” của Chúa Jê-sus nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của lời nói và thẩm quyền của Chúa Jê-sus khi Ngài phán lời của Đức Chúa Trời. Tóm lại, ngoài cách dùng đặc biệt của Chúa Jê-sus, từ ngữ “A-men” dùng trong Kinh thánh theo ý nghĩa thông thường đã được người Do thái ngày xưa và các tín hữu đầu tiên sử dụng trong sự thờ phụng một cách cẩn thận trong ý nghĩa thật sự của nó.

5. Sự giảng giải Kinh thánh: là một phần của sự thờ phụng Cơ đốc. Trong ngày lễ Ngũ Tuần, sứ đồ Phi-e-rơ đã đứng lên và giảng Phúc Âm của Chúa cho nhiều người (Công vụ 2:40). Sứ đồ Phao-lô khuyên Ti-mô-thê hãy trung tín trong sự giảng dạy lời Chúa (II Ti-mô-thê 4:1-4). Công tác cứu chuộc của Đức Chúa Trời xuyên suốt lịch sử bày tỏ qua Đức Chúa Jê-sus là sứ điệp mà các tín hữu Cơ đốc phải rao giảng ở bất cứ nơi nào họ đi đến.
6. Sự khích lệ và khuyên lơn: Tác giả sách Hê-bơ-rơ khuyên các tín hữu phải ‘coi sóc nhau, khuyên giục nhau về lòng yêu thương và việc tốt lành’ (Hê-bơ-rơ 10:24). Sứ đồ Phao-lô cũng khuyên các tín hữu phải khích lệ và khuyên lơn với nhau trong thẩm quyền của Chúa ban cho (I Thê-sa-lô-ni-ca 3:2; II Thê-sa-lô-ni-ca 3:12; Tít 2:15).
7. Tín hữu Cơ đốc dâng hiến trong khi thờ phụng. Sứ đồ Phao-lô khuyên các tín hữu ở Cô-rinh-tô chia xẻ

điều họ có với anh em ở Giê-ru-sa-lem (I Cô-rinh-tô 16:2; II Cô-rinh-tô 9:6-7, 10-13). Sự dâng hiến bắt nguồn từ tấm lòng chân thật thờ phượng Chúa là điều đáng trân trọng. Chúa Jêsus khen người đàn bà góa dâng tất cả những điều mình có cho Chúa (Mác 12:42).

8. Sự thờ phượng thời Tân Ước đầy đầy những lời chúc tán Chúa. Trong các thư tín của Phao lô, chúng ta thường gặp những lời chúc tán Chúa của Phao-lô như sau: “Ngợi khen Đức Chúa Trời, Cha Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, Ngài đã xuống phước cho chúng ta trong Đấng Christ đủ mọi thứ phước thiêng liêng ở các nơi trên trời” (Ê-phê-sô 1:3).
9. Các tín hữu đầu tiên thực hành xưng tội với nhau (Gia-cơ 5:16).
10. Báp-têm và lễ Tiệc Thánh được thực hiện trong các sự thờ phượng Cơ đốc. Báp-têm đặt niềm tin nơi Chúa Jêsus là một hành động tuyên xưng đức tin quan trọng (Ma-thi-ơ 28:18-20; Công vụ 2:38-41; Ga-la-ti 3:27). Lễ Tiệc Thánh chiếm một vị trí quan trọng trong sự thờ phượng của các tín hữu đầu tiên. Chúa Jêsus truyền bảo các môn đồ Ngài giữ lễ Tiệc Thánh để nhớ đến Ngài (Ma-thi-ơ 26:26-28). Khi nói đến sự thờ phượng, sứ đồ Phao-lô cũng dành một phần không ít để nói đến việc dự lễ Tiệc Thánh (I Cô-rinh-tô 11:20-34). Xuyên suốt lịch sử Cơ đốc giáo, nội dung cũng như hình thức của báp-têm và lễ Tiệc Thánh được xem xét và quan niệm dưới nhiều góc độ khác nhau bởi các giáo phái hoặc trường phái khác nhau.

Chương 3

CÁC NGUYÊN TẮC CĂN BẢN CỦA SỰ THỜ PHƯỢNG CƠ ĐỐC

Trọng điểm của sự thờ phượng Cơ đốc không phải là một vị thần mơ hồ, trừu tượng nào đó, nhưng là một Đức Chúa Trời thực hữu đã và đang hành động trong lịch sử nhân loại để cứu chuộc, phục hồi con người và trật tự sáng tạo. Các nguyên tắc của sự thờ phượng Cơ đốc sau đây được rút ra từ sự tin chắc vào Kinh thánh rằng, *sự kiện độc nhất vô nhị làm nền tảng cho sự thờ phượng Cơ đốc đó là sự chết và sống lại của Đức Chúa Jêsus Christ*, qua đó quyền lực của sự ác cuối cùng sẽ bị đánh bại, và muôn vật sẽ được phục hồi và làm mới lại.

A. Sự thờ phượng Cơ đốc tôn cao Đấng Christ

Khi công bố công tác cứu chuộc của Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jêsus bằng các bài hát, những câu chuyện, lời cầu nguyện, sự tạ ơn, hội thánh Chúa tôn cao Đức Chúa Trời và ngợi khen sự cứu chuộc của Ngài. Như lời sứ đồ Phi-e-rô đã viết: “hầu cho anh em rao giảng nhơn đức của Đấng đã gọi

anh em ra khỏi nơi tối tăm, đến nơi sáng láng lạ lùng của Ngài” (I Phi-e-rơ 2:9).

1. Sự thờ phượng Cơ đốc dựa vào lịch sử cứu chuộc. Từ ban đầu, Đức Chúa Trời khởi xướng mối quan hệ với con người bằng cách biểu tặng họ tình yêu thương của Ngài. Lịch sử nhân loại đã ký thuật sự kiện Chúa Jê-sus đến trần gian này, sống giữa con người, và chịu chết trên cây thập tự để đem sự cứu rỗi đến cho con người. Ngài đã sống lại, thăng thiên về trời, hoàn tất sứ mạng Đức Chúa Cha giao phó, đồng thời Ngài cũng đã ban Đức Thánh Linh đến với hội thánh Ngài trên đất. Hội thánh Chúa đang nóng nẩy chờ đợi sự chung kết của mọi vật. Thật vậy, “khi muôn vật đã phục Ngài, thì bấy giờ chính mình Con sẽ phục Đấng đã làm cho muôn vật phục mình, hầu cho Đức Chúa Trời làm muôn sự trong muôn sự” (I Cô-rinh-tô 15:28).
2. Trong cả Cựu và Tân Ước, mục đích Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài và kêu gọi một nhóm người cho Ngài là để khiến cộng đồng thờ phượng này biểu hiện công tác cứu chuộc của Ngài trong cả nhân loại. Ví dụ, khi Chúa bước vào mối giao ước với dân Y-sơ-ra-ên, họ đã gặp gỡ Ngài tại núi Si-na-i. Cuộc gặp gỡ này trở thành kiểu mẫu cho sự thờ phượng chung của dân Y-sơ-ra-ên. Và cũng chính qua sự thờ phượng cộng đồng này, sự mặc khải của Chúa, chương trình cứu chuộc và giao ước của Ngài được ghi nhớ và lưu truyền trong lịch sử. Trong Tân Ước, tác giả sách Hê-bơ-rơ đã cẩn thận so sánh Đấng Christ với các hình thức thờ phượng Cựu Ước. Tại đây chúng ta thấy những hình thức thờ phượng thời Cựu Ước được hoàn tất bởi sự chết, sự sống lại và sự trở lại của Đấng Christ. Kinh thánh chép rằng “đến cuối cùng các thời đại, Đấng Christ đã hiện ra chỉ một lần, dâng

mình làm tể lễ để cất tội lỗi đi” (Hê-bơ-rơ 9:26). Qua sự kiện này, Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài, thiết lập sự cứu chuộc cho cả nhân loại và kêu gọi một dân mới cho Ngài đó là hội thánh. Không có điều gì là trừu tượng, mơ hồ, hay viển vông ở đây. Thật vậy, sự thờ phụng Cơ đốc xoay quanh một sự kiện lịch sử độc nhất vô nhị, qua đó bày tỏ mối liên hệ hiện thực giữa con người với Thượng Đế và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người trong cả hiện tại và tương lai.

B. Công tác cứu chuộc của Chúa Jêsus trong sự thờ phụng Cơ đốc được diễn tả bằng lời nhưng cũng được thực hiện qua hành động

Mặc dù Kinh thánh không ghi chép lại một thứ tự thờ phụng cố định theo từng chi tiết, các yếu tố sau đây thường hiện diện trong một trình tự khá rõ ràng và hợp lý. Mỗi yếu tố thể hiện qua các hình thức thờ phụng khác nhau như sự cầu nguyện, các bài thánh ca, sự tuyên xưng, lời làm chứng, và những đáp ứng.

1. Bước vào thờ phụng: từng cá nhân bước vào cộng đồng thờ phụng với sự chuẩn bị lắng nghe lời của Chúa.
2. Lời Đức Chúa Trời: mỗi người có cơ hội nghe lời Chúa phán qua Kinh thánh và đáp ứng lại.
3. Bàn Tiệc Thánh: sự hiện diện của Chúa Jêsus đem đến sự cứu rỗi và chữa lành cho những người đến với Ngài
4. Bước ra phục vụ: Chúa sai phái con cái Ngài đi vào thế gian để phục vụ trong danh Ngài.

Trong mỗi hành động thờ phượng, Chúa Thánh Linh vận hành trong tấm lòng và đời sống của những người thờ phượng Ngài. Các yếu tố căn bản này trình bày cuộc đời của Chúa Giê-su, sự chết, sự sống lại và sự trở lại của Ngài. Đa số các hệ phái, cho dù không thuộc các hệ phái trọng hình thức, các yếu tố này đều có mặt và được diễn tả qua lời nói cũng như bằng hành động cụ thể.

C. Trong sự thờ phượng Cơ đốc Đức Chúa Trời phán và hành động

Nếu sự thờ phượng bắt nguồn từ Phúc Âm và tôn vinh Đấng Christ, chúng ta có thể mong đợi sự vận hành đặc biệt của Chúa trong sự thờ phượng, bày tỏ qua từ ngữ hoặc bằng các hình thức nghi lễ.

1. Lời Kinh Thánh như một sự nhắc nhở về sự hiện diện của Chúa: Có nhiều đoạn Kinh thánh khác nhau nhấn mạnh tầm quan trọng của lời Chúa trong sự thờ phượng. Ngay từ những ngày đầu tiên trong lịch sử dân Y-sơ-ra-ên, Kinh thánh ghi lại rằng khi dân sự ở nơi đồng vắng tại núi Si-na-i, Môi-se “cầm quyền sách giao ước đọc cho dân sự nghe, thì dân sự nói rằng: Chúng tôi sẽ làm và vâng theo mọi lời Đức Giê-hô-va phán chỉ” (Xuất Ê-díp-tô-ký 24:7). Mặc dù lúc bấy giờ họ không có Kinh thánh như chúng ta có ngày hôm nay, sách giao ước được kể như Kinh thánh của họ vì nó chứa đựng mọi lời phán và luật pháp của Đức Giê-hô-va (Xuất Ê-díp-tô-ký 24:3). Nói cách khác, nó biểu trưng cho lời hằng sống của Đức Chúa Trời và giao ước Ngài đã lập với dân sự của Ngài.
2. Khi đọc lời Đức Chúa Trời, dân sự nhớ lại sự kiện Chúa đã yêu thương họ, chọn họ, và đem họ ra khỏi Ê-díp-tô để họ trở nên một dân thánh biệt riêng cho

Ngài. Mỗi khi nghe đọc lại công việc vĩ đại Chúa làm khi Ngài đem họ ra khỏi Ê-díp-tô, dân sự thấy sự kiện đó dường như sống lại trong họ, khiến họ cảm nhận được, kinh nghiệm lại một lần nữa sự cứu chuộc của Chúa dành cho họ và khiến họ bước vào mối liên hệ giao ước với Chúa cách mới mẻ hơn. Vai trò trung tâm của Kinh thánh trong sự thờ phụng cũng được thể hiện trong thời Tân Ước. Một sự kiện điển hình Lu-ca ghi lại đó là, Chúa Jêsus đọc sách tiên tri Ê-sai trong nhà hội và sau đó phán với những người tại đó rằng điều Ngài vừa đọc đã được ứng nghiệm (Lu-ca 4:16-17). Phao lô khuyên Timôthê và các tín hữu chuyên tâm trong việc đọc và giảng dạy lời Kinh thánh (I Ti-mô-thê 4:13; Cô-lô-se 4:16). Ngày nay, khi nghe đọc lời Chúa, chúng ta nên chú tâm lắng nghe với sự nhận biết rằng đây là giao ước giữa Chúa với tôi, đây là quyển sách ghi chép lại thể nào Chúa đã chủ động đến tìm tôi, đã khởi xướng mối tương giao với tôi, và đã đem tôi về lại với Ngài.

3. Nghi lễ được xem như cách Chúa vận hành trong sự thờ phụng: Với quan điểm khác nhau từ các hệ phái Tin lành khác nhau, một số hệ phái chỉ cử hành lễ Tiệc Thánh và lễ Báp-têm. Ngoài hai thánh lễ này, một số hệ phái khác cũng coi trọng phép đặt tay, xức dầu, và lễ hôn phối. Một số hệ phái cho rằng qua các nghi lễ, vốn thực hiện qua các phương tiện vật chất nhưng biểu hiện ý nghĩa thiêng liêng, con người có thể ‘nếm và sờ’ được Chúa. Nói cách khác, Chúa trở nên sống động và con người có thể cảm nhận được Chúa qua các nghi lễ này. Một số hệ phái khác không coi trọng các nghi lễ. Họ cũng không quan niệm rằng Chúa thật sự hiện diện trong các vật chất sử dụng trong nghi lễ. Theo họ, việc giữ lễ là làm theo mạng lệnh của Chúa chứ các nghi lễ tự thân không có hiệu lực, đơn thuần chỉ mang tính chất kỷ niệm.

D. Sự thờ phượng Cơ đốc là một hành động truyền thông hai chiều

Sự truyền thông hai chiều diễn ra khi Chúa phán, vận hành giữa con dân Chúa và họ đáp ứng lại. Sự thờ phượng sử dụng cả ngôn từ và biểu tượng qua đó Chúa đụng đến toàn bộ con người với những tính cách khác nhau. Cũng vậy, người thờ phượng đáp ứng lại với Chúa bằng ngôn từ hoặc các hoạt động biểu trưng. Theo các nghiên cứu khoa học, phần não bên trái và phần não bên phải tập trung vào những hoạt động khác nhau. Phần não bên trái xử lý các hoạt động thuộc về ngôn ngữ, phân tích, và theo trình tự, trong khi phần não bên phải xử lý các hoạt động thuộc về sáng tạo, không gian, khoảng cách. Do vậy, chúng ta thấy rằng phần não bên trái nghiêng về chữ, số, và thứ tự, còn phần não bên phải xử lý tốt hơn những biểu tượng, cảm xúc hoặc các hoạt động sáng tạo khác.

Mặc dù con người sử dụng cả hai bên não, một số có khuynh hướng mạnh về bán cầu não bên trái, một số lại mạnh ở bán cầu não bên phải. Đó là lý do tại sao đối với một số người, sự truyền thông qua ngôn từ, chữ, hoặc số có tác dụng tốt hơn, hiệu quả hơn sự truyền thông qua các biểu tượng hoặc các hình thức sáng tạo khác. Ngược lại, đối với một số khác, sự truyền thông có yếu tố sáng tạo, kết hợp với yếu tố không gian hoặc cảm xúc đem lại một tác động mạnh mẽ hơn.

Điều thú vị là Kinh thánh sử dụng cả hai hình thức này: có những bài diễn thuyết rõ ràng, cấu trúc chặt chẽ được ghi trong các sách Phức Âm và thư tín Phao lô, và cũng có những bài thơ hoặc lời tiên tri chứa đựng các yếu tố biểu trưng, đòi hỏi kỹ năng thị giác và tưởng tượng cao. Vì vậy, khi soạn thảo một chương trình thờ phượng, nên chú ý đến sự cân bằng về cả ngôn từ và biểu tượng, để toàn bộ con người của những người đến thờ phượng được cảm thúc để thờ phượng.

Từ ngữ ‘biểu tượng’ ở đây không nên hiểu là các ‘thần tượng’ hoặc các vật chất đặc biệt tự thân mang những khả năng đặc biệt. Trái lại, ‘biểu tượng’ nên được hiểu như các hình thức sáng tạo không trực tiếp dùng ngôn từ, thường được thấy dưới các dạng cụ thể như âm nhạc, thơ ca, hình vẽ, múa hát... Một biểu tượng phổ biến của hội thánh đầu tiên là hình ảnh chiếc tàu Nô-ê, biểu tượng về nơi cứu rỗi như được chép trong một số đoạn trong Tân Ước (Ma-thi-ơ 24:37-39; Hê-bơ-rơ 4:7; I Phi-e-rơ 3:20; II Phi-e-rơ 3:5). Điều quan trọng cần nhớ ở đây là vì sự thờ phượng là sự giao thông giữa con người với Chúa, các hình thức hay hành động thể hiện sự truyền thông này có thể được thể hiện một cách khác nhau (qua ngôn từ hoặc biểu tượng) khi Chúa đối thoại với con người cũng như khi con người đáp ứng lại với Ngài.

E. Trong sự thờ phượng Cơ đốc chúng ta đáp ứng với Chúa và với nhau

Không phải chỉ là sự thuận ý trên lý trí về các tín lý, giáo điều, hay các lời cầu nguyện mà thôi, sự thờ phượng Cơ đốc còn thể hiện kinh nghiệm sống động của Cơ đốc nhân trong sự hiện diện oai nghi của một Đức Chúa Trời thánh khiết. Cuộc diện kiến này phải chạm đến cái trung tâm, cốt lõi của người thờ phượng, tạo nên một cảm xúc kính sợ và huyền diệu.

Đáp ứng bằng con người bên trong: Khi con người thật sự gặp gỡ Chúa hay được Chúa đụng đến trong sự thờ phượng, họ sẽ cảm nhận được một năng lực huyền diệu mang sự chữa lành đụng đến tận nơi sâu thẳm nhất trong tâm hồn của họ. Muốn có được điều này, Cơ đốc nhân phải bằng lòng bỏ đi những ý tưởng sai lạc vốn đã ăn sâu vào tâm trí của họ khi thờ phượng Chúa, và để Đức Thánh Linh toàn quyền hành động. Người đến thờ phượng phải bỏ đi quan niệm trọng lý trí hoặc kiến thức trong sự thờ phượng và phải biết rằng sự thờ phượng không chỉ có bài giảng mà thôi,

hoặc cho rằng bài giảng mới là phần quan trọng nhất; họ cũng nên bỏ đi quan niệm truyền giảng để đem người đến với Chúa như là mục tiêu chính của sự thờ phượng, vì đó không phải là mục đích chính để Cơ đốc nhân nhóm lại thờ phượng. Tuy vậy, không nên hiểu sai rằng truyền giảng không phải là điều quan trọng, vì đó là mục đích Chúa đến trần gian và đó cũng là mạng lệnh Chúa giao cho mỗi Cơ đốc nhân.

Ý tưởng sai lạc kế tiếp mà người thờ phượng nên bỏ đi đó là trông đợi sự ‘biểu diễn’ có tính giải trí của các ‘tiết mục’ trong chương trình thờ phượng. Người thờ phượng nên nhớ rằng họ đến để thờ phượng Chúa chứ không phải để bình phẩm các xô giải trí. Người Cơ đốc tập hợp lại với nhau trong sự thờ phượng với mục đích duy nhất là được gặp gỡ Chúa, hay được Chúa gặp (thăm viếng). Họ đến trong sự nhận thức rằng Chúa là Đức Chúa Trời, Đấng Sáng Tạo vũ trụ, Đấng Oai quyền, Đấng cầm giữ và duy trì sự sống của mỗi con người, là Đấng Cứu chuộc, là Vua. Đấng Cao cả đó muốn gặp, tương giao, xuyên thấu vào con người bên trong của mỗi cá nhân, và ngự ở trong họ. Vì vậy, sự đáp ứng của người thờ phượng không phải chỉ bằng việc hát thánh ca, đọc tín điều, hay dâng lên lời cầu nguyện. Sự đáp ứng thích hợp nhất phải xuất phát từ bên trong tấm lòng. Hơn nữa, sự đáp ứng này không dừng lại ở nhận thức hay cảm xúc trong tâm trí mà thôi, nhưng nó phải được thể hiện qua hành động cụ thể trong cuộc sống. Đó là biểu hiện của nếp sống vâng lời Chúa.

Thờ phượng đòi hỏi sự vâng lời: Có thể nói khái tượng của tiên tri Ê-sai (Ê-sai 6) đã mô tả được một sự thờ phượng đúng nghĩa theo Kinh thánh. Sự thờ phượng bắt đầu khi tiên tri Ê-sai bước vào sự nhận thức về sự hiện diện, sự thánh khiết và sự vinh quang của Chúa. Giây phút gặp gỡ Đấng Thánh, một khả năng vốn tiềm ẩn nơi mỗi con người, là giây phút của khái tượng, của một sự khai sáng. Đó là giây phút mà cánh cửa của nhận thức, thường bị đóng chặt bởi sự

kiểm duyệt của tâm trí con người hữu hạn, được mở toang ra. Đôi tai trước không nghe được giờ đây có thể nghe lẽ thật của Chúa. Đôi mắt vốn mù nay được sáng để thấy được sự oai nghi, thánh khiết, cao trọng của Đức Chúa Trời. Đó là giây phút nhất định và giới hạn trong lịch sử loài người (về năm Ô-xia băng) nhưng tầm ảnh hưởng của nó xuyên suốt thời gian hữu hạn và đi vào cõi vô hạn, đời đời. Mặc dù khai tượng này xảy ra trong nơi đền thờ, một nơi chốn nhất định và có giới hạn, nhưng sứ điệp của nó không những đánh mạnh vào trái tim của một dân tộc mà còn truyền đạt một cách rõ ràng cho những người nam người nữ ở mọi lứa tuổi trong mọi nền văn hóa.

Lời phán của Chúa, vốn xuất phát từ nơi vô hạn đời đời, có thể trực tiếp đến với mỗi cá nhân trong lịch sử loài người, kêu gọi một đất nước đến sự ăn năn, cáo trách tâm lòng của từng cá nhân, hoặc làm mới lại đời sống của một người. Ảnh hưởng mạnh mẽ của lời Đức Chúa Trời đem lại sự nhận thức về tội lỗi. Thờ phụng và nhận thức sự không xứng đáng đi đôi với nhau, qua đó mời gọi sự ăn năn, làm mới lại, hoặc tái đầu phục. Tiên tri Ê-sai đã nhìn thấy những điều này từ một thế giới quan hoàn toàn khác, thậm chí rất khó chịu. Do vậy, không nên có một sự đáp ứng hời hợt, rẻ mạt trước giây phút tuyệt diệu, đầy ân sủng đó. Giây phút này kêu gọi một sự cam kết dứt giá trước tiếng phán và mục đích của Chúa cho mỗi cá nhân. Nó đòi hỏi một sự làm mới lại trong đời sống, nó đòi hỏi sự vâng lời và đầu phục.

F. Sự thờ phụng Cơ đốc là hành động của mỗi người thờ phụng

Sự thờ phụng không phải là một buổi lễ hay một sô trình diễn cho các tín hữu xem, nhưng là hành động kiến tạo bởi tất cả các thành viên trong thân thể Đấng Christ. Vì vậy, cần phải có sự cân bằng giữa tinh thần tự do và tính trật tự trong khi thờ phụng. Nếu quá nhấn mạnh đến thứ tự, lớp lang,

chúng ta sẽ đi vào chủ nghĩa hình thức, ngược lại nếu quá đề cao sự tự do, chúng ta sẽ rơi vào sự hỗn loạn.

Robert Webber, từng làm giáo sư tại trường Wheaton College, học giả chuyên nghiên cứu về sự thờ phượng, nhận xét rằng đa số các hội thánh ngày nay đang ở trong tình trạng quá nhấn mạnh đến thứ tự. Đề ý rằng sự tham gia của hội chúng bày tỏ qua hành động của mỗi cá nhân trong cùng một lúc. Hành động của cả hội chúng không thể xảy ra nếu không thỏa mãn hai yếu tố sau đây: (1) hội chúng phải hiểu điều họ đang làm, và (2) họ phải có chủ ý đáp ứng lại và xem đó như là sự thờ phượng của họ.

Nói cách khác, thờ phượng là một động từ chủ động. Hội chúng hiểu được sự thờ phượng khi nó dẫn họ qua từng chặng của sự thờ phượng như (1) chuẩn bị cho sự thờ phượng, (2) đọc và giảng nghĩa lời Kinh Thánh, (3) Thông công trong Tiệc Thánh, và (4) Giải tán. Trong thứ tự này, chúng ta thấy thứ tự mạch lạc của từng hành động nối kết với nhau: con dân Chúa đến trước sự hiện diện thánh của Ngài, lắng nghe Chúa phán, sau đó bước vào mối thông công với Chúa qua bàn Tiệc Thánh, và cuối cùng là được sai phái đi ra.

Trình tự này không nên bị loại bỏ ra như một điều gì đó quá xưa cũ thuộc về quá khứ. Những người tôn sùng sự thay đổi hay tính sáng tạo trong thờ phượng dễ mắc sai lầm khi quan niệm rằng mỗi buổi thờ phượng cần phải lúc nào cũng mới, cần thay đổi để đem lại không khí sống động, hưng phấn cho người thờ phượng. Trong một phương diện, đây là điều tốt, cần được đầu tư và phát huy. Tuy nhiên, trong một phương diện khác, đây là điều hầu như không thể thực hiện được. Chúa đã ban cho chúng ta một cái sườn hợp lý với các yếu tố cần thiết đã nêu ở trên. Điều chúng ta cần làm là hiểu được những yếu tố đó và thực hiện nó với đức tin.

Vậy thì, câu hỏi ở đây là, “Làm thế nào hội thánh Chúa vừa kinh nghiệm được một sự tự do thật nhưng cũng vận hành trong trật tự khi thờ phượng?” Sự tự do ở đây là một đức tin năng động, một sự cam kết mạnh mẽ đối với những hành động thờ phượng đang diễn ra. Sự tự do biểu hiện qua tinh thần thanh thoát, không bị gò bó trong các hành động thờ phượng. Tại đây không có chỗ cho những người chỉ ngồi nghe một cách thụ động mà không chủ động thờ phượng.

G. Sự thờ phượng Cơ đốc tận dụng các ân tứ sáng tạo Chúa ban

Kinh thánh cho biết sự thờ phượng là sự dâng hiến toàn thể con người như một của lễ dâng lên cho Chúa. Các ý tưởng sáng tạo, những suy nghĩ thấu đáo về cách sử dụng không gian hoặc nghệ thuật làm cho sự thờ phượng trở nên một kinh nghiệm sống động của toàn bộ con người, bao gồm thân thể, tinh thần và tâm linh.

1. Sự thờ phượng liên quan đến toàn bộ con người: Sự thờ phượng là một hoạt động bao gồm toàn bộ mọi khía cạnh của nhận thức con người: tâm lòng và tâm trí, giác quan và lý trí. Sứ đồ Phao lô khuyên tín hữu Cơ đốc, “hãy dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, đó là hành động tâm linh của sự thờ phượng. Để ý cách ông dùng chữ “tâm linh” ở đây. Ông không nhằm so sánh ‘tâm linh’ với ‘thuộc thể,’ nhưng ông muốn nói đến chất lượng, hay phẩm chất của sự thờ phượng thật. Đó là sự thờ phượng bao gồm cả phần thuộc thể để rồi dẫn đến sự thăng hoa thuộc linh. Không có một kinh nghiệm con người nào nằm ngoài tầm của sự thờ phượng Cơ đốc. Michael Marshall đặc biệt than phiền rằng các hội thánh Tây phương quá thiêng về mặt lý trí mà ít để ý

đến các khía cạnh khác trong sự thờ phượng. Ông cho rằng sự thờ phượng đã bị rút ngắn lại, chỉ vồn vẹn là một trình tự giáo huấn cho tâm trí và cung cấp kiến thức. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng cả Cựu và Tân Ước đều chép rằng chúng ta phải yêu Chúa bằng cả tấm lòng, tâm trí, thân thể, linh hồn, ý chí, và sức lực. Để ý rằng sự thờ phượng không chỉ bao gồm mỗi thành viên trong thân thể của Đấng Christ mà còn là sự tham gia của toàn bộ con người của mỗi thành viên này. Hơn nữa, cần thấy rõ rằng chúng ta không thể tách và không nên tách thân thể với toàn bộ các giác quan của nó ra khỏi sự thờ phượng vì thân thể là biểu hiện bên ngoài, có thể nhìn thấy được của các ý tưởng bên trong tấm lòng và tâm trí. Dĩ nhiên, chúng ta phải giả định rằng hai điều này đi đôi với nhau- cái bên trong và biểu hiện bên ngoài.

2. Thời gian, không gian và nghệ thuật nâng cao sự thờ phượng: Cuộc tranh luận từ xưa đến nay qua nhiều thế kỷ vốn đã phân chia thành các hệ phái khác nhau, đó là câu hỏi, ở mức độ nào thì các hình thức nghệ thuật được chấp nhận trong sự thờ phượng. Quan điểm của trường phái chính thống (Orthodox) đặt nền tảng trên Cựu Ước. Họ chỉ ra bằng chứng đó là vẻ đẹp đầy nghệ thuật và tinh xảo của đền tạm và đền thờ. Họ chất vấn rằng, nếu Đức Chúa Trời cho phép các giác quan của con người tham gia vào sự thờ phượng trong thời Cựu Ước thì tại sao Ngài lại cấm những điều này trong thời Tân Ước? Họ cũng đưa ra ví dụ về sự nhập thể của Chúa Jêsus. Họ lý luận trong giáo lý nhập thể, Đức Chúa Trời đã trở thành con người bằng xương bằng thịt mà chúng ta có thể nhìn thấy, sờ đụng đến được. Vì vậy, nếu Đức Chúa Trời tương giao với con người qua một thân thể được tạo dựng như vậy, thì tại sao chúng ta không thể đáp ứng lại với Ngài qua các màu sắc, âm thanh, cử động, và

các giác quan khác? Ở mặt bên kia của vấn đề, phái cải chánh (Protestants) căn cứ trên điều răn thứ hai: “Người chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao kia, hoặc nơi đất thấp này, hoặc trong nước dưới đất. Người chớ quỳ lạy trước các hình tượng đó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, tức là Đức Chúa Trời ký tã (Xuất Ê-díp-tô-ký 20:4-5). Họ giải thích điều này như là một mạng lệnh chống lại việc sử dụng bất cứ một biểu tượng, tranh vẽ, hay tượng chạm có hình của bất cứ vật hay người nào ở dưới đất hoặc trên trời. Tuy vậy, họ công nhận rằng hai câu Kinh thánh này không loại bỏ việc sử dụng đèn nến, lễ phục, các cuộc diễn lễ, các nhạc cụ, ban hát, những chạm trổ trên cửa chính hoặc cửa sổ, các trang trí nơi bục giảng, bàn Tiệc thánh và hồ báp têm. Mặc dù như vậy, tại sao người Tin lành (Protestants) lại có những cách phối trí có vẻ đơn điệu trong thờ phụng? Điều này xuất phát từ những cách hiểu Kinh thánh của các nhà cải chánh ở thế kỷ thứ mười sáu từ đó dẫn đến những quan điểm khác nhau về những việc được phép làm trong thờ phụng. Luther và phái Anh-quốc giáo cho rằng hễ điều gì không bị cấm một cách dứt khoát trong Kinh thánh thì được phép sử dụng trong thờ phụng. Vì thế, họ đã tự do sử dụng các nghi lễ một cách khá thoải mái. Nhưng Calvin thì cho rằng chỉ có những điều được dạy một cách rõ ràng trong Tân Ước thì mới được phép dùng trong sự thờ phụng. Tuy nhiên vì Tân Ước không nói rõ về những điều nên hay không nên về việc sử dụng nghệ thuật trong thờ phụng, phái Calvin gặp giới hạn trong việc sử dụng các hình thức nghệ thuật như một phương tiện bày tỏ sự thờ phụng. Dĩ nhiên, ở đây chúng ta không đi sâu vào việc giải quyết vấn đề nan giải có số tuổi hàng mấy thế kỷ này. Ở một mức độ ít tranh cãi hơn, đó là vấn

đề sử dụng hình thức nghệ thuật của âm nhạc, kịch, múa, không gian, và màu sắc trong sự thờ phượng. Chúng ta không nói rằng nghệ thuật cần phải có trong sự thờ phượng vì chúng ta có thể thờ phượng Chúa ở bất cứ đâu và trong bất cứ hoàn cảnh nào. Nếu cố chấp cho rằng nghệ thuật cần phải hiện diện trong sự thờ phượng thì chúng ta đã phạm tội tôn sùng nghệ thuật như một đối tượng thờ phượng của chúng ta. Tuy vậy, trong một mặt khác, nếu nói rằng nghệ thuật cản trở sự thờ phượng thì cũng rất nguy hiểm. Quan điểm đó đồng nghĩa với việc từ chối các vật chất do Chúa tạo dựng nên để qua đó Ngài tương giao với con người. Sâu xa hơn, quan điểm này từ chối sự nhập thể của Chúa Giêsu bởi vì chính Chúa đã trở nên con người với thân thể bằng xương bằng thịt như chúng ta. Về mặt không gian, cách kiến trúc nơi nhóm lại một phần nào có thể giúp hay hạn chế sự tham gia thờ phượng. Robert Webber cho rằng lối sắp xếp các hàng ghế thẳng tắp với nhau như trong các giảng đường đại học và bục giảng riêng biệt, cách xa nơi hội chúng ngồi sẽ tạo khoảng cách và hạn chế sự tiếp xúc, gần gũi của những người thờ phượng. Nếu người thờ phượng chỉ thấy cái ót của người ngồi trước mà không thấy mặt hoặc các biểu hiện của những người chung quanh sẽ khó tạo không khí hiệp một, gần gũi trong khi nhóm lại. Nếu đây chỉ là một yếu tố văn hóa Tây phương, thì người Việt cũng cần phải đặt câu hỏi tương tự trong bối cảnh của mình, “Có những yếu tố nghệ thuật nào (âm nhạc, màu sắc, không gian...) trong văn hóa Việt làm cản trở hoặc giúp cho sự thờ phượng Chúa của một hội chúng?

H. Sự thờ phượng Cơ đốc là toàn bộ cuộc sống của một tín hữu

Sự thờ phượng không chỉ là một hành động trong một không gian nhất định vào một thời điểm nhất định. Nó là cả đời sống của một người thờ phượng. Nó không phải chỉ là kinh nghiệm nơi nhà thờ vào ngày Chúa nhật mà thôi, nhưng nó là kinh nghiệm ở tại nhà, tại sở làm, nơi trường học, hay bất cứ nơi nào trong cuộc sống mỗi ngày. Khi sự thờ phượng Chúa là trung tâm của đời sống một người, thì toàn bộ cuộc sống của người đó sẽ hướng về sự thờ phượng và cũng từ đây tuôn chảy ra mạch nước sông phước hạnh, tạo nên một nhịp sống Cơ đốc vững vàng và sống động.

Trong cuộc sống hằng ngày, Cơ đốc nhân đối diện với quyền lực của sự tối tăm, tranh chiến với những thế lực muốn dành ngôi cao nhất trong đời sống của họ. Nếu toàn bộ đời sống của chúng ta hướng về sự thờ phượng Chúa, chúng ta sẽ đặt từng khía cạnh của đời sống mình dưới quyền tể trị của Chúa và tin chắc rằng Chúa Giêsu, Đấng đã đắc thắng các thế lực này qua sự chết và sự sống lại của Ngài sẽ có đủ năng quyền để giúp chúng ta trong từng khía cạnh của cuộc sống mỗi ngày. Đời sống thờ phượng Chúa cũng là một nguồn nước sống đem phước hạnh và thêm sức lực cho những người đặt Chúa làm Chủ của họ trong đời sống mỗi ngày. Khi đối diện với các vấn đề của cuộc sống, người thờ phượng Chúa sẽ không bị ngã lòng và nhất quyết không đầu hàng trước nhận định rất phổ biến của thế gian cho rằng sự chết sẽ có tiếng nói cuối cùng, vì đối với Cơ đốc nhân Chúa Giêsu và sự sống lại của Ngài đã đắc thắng sự chết.

Thật vậy, đời sống hằng ngày của người thờ phượng Chúa hoàn toàn mang một chiều kích mới vì tất cả các hoạt động hay sinh hoạt tại nhà, tại trường, nơi công sở, nơi giải trí, hoặc bất cứ nơi nào đều được vận hành bởi một đời sống mới đã và đang được kiến tạo bởi Đấng sống là Đức Chúa Trời, Đấng hiện có, đã có và còn đến (Khải huyền 1:8).

Chương 4

SỰ THỜ PHƯỢNG THẬT

I. Bản chất của sự thờ phượng

Khi nghe đến chữ ‘thờ phượng,’ chúng ta thường liên tưởng đến điều gì? Đối với một số người, đó là ngày Chúa nhật lúc 8 giờ sáng hay 3 giờ chiều. Họ gọi đó là ‘giờ thờ phượng.’ Với một số khác, đó là hình ảnh một ngôi nhà thờ lớn với cây thập tự trên chót đỉnh, những bài thánh ca trầm bổng, hình ảnh các tín hữu quỳ gối cầu nguyện, mục sư với bộ áo lễ nghiêm trang cử hành lễ. Một số khác nữa liên tưởng đến những giây phút âm cúng, vui vẻ, cùng ngồi lại với nhau trong một ngôi nhà nhỏ lắng nghe lời Chúa từ một chiếc ra-đi-ô nhỏ. Các ví dụ tiêu biểu này cho thấy một số quan niệm thông thường của nhiều người về sự thờ phượng. Họ hiểu sự thờ phượng như một sự việc diễn ra tại một thời điểm nhất định, ở một nơi chốn nhất định, và bày tỏ qua các hành động nhất định. Thật ra, sự thờ phượng Cơ đốc đúng nghĩa cần được hiểu ở mức độ rộng hơn và sâu sắc hơn.

Sự thờ phượng là hành động chủ động đáp ứng lại Đức Chúa Trời bằng cách tôn vinh Ngài bởi bản chất đáng tôn của Ngài. Thờ phượng không phải là một hành động thụ động nhưng đó là một sự tham gia tích cực. Thờ phượng

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

không chỉ là tâm trạng hay cảm giác nhưng đó là hành động đáp ứng trước lẽ thật được công bố. Ralph P. Martin nói rằng ‘thờ phụng Chúa là gán cho Ngài giá trị tốt cùng vì chỉ có Ngài mới đáng được tôn cao như vậy.’ Bởi vì bản chất và công việc lớn lao và diệu kỳ của Ngài, chúng ta dâng lên Ngài vinh quang xứng đáng cho danh Ngài. Tác giả Thi-thiên 96:7-8 đã lớn tiếng ngợi khen Chúa:

*Hỡi các họ hàng của muôn dân,
Đáng tôn vinh hiển và năng lực cho Đức Giê-hô-va.
Hãy tôn vinh xứng đáng cho danh Đức Giê-hô-va;
Hãy đem lễ vật mà vào trong hành lang Ngài.*

Tương tự với bài ca này trong Tân ước tôn vinh Chiên Con của Đức Chúa Trời như sau:

Chiên Con đã chịu giết
đáng được quyền phép,
giàu có,
khôn ngoan,
năng lực,
tôn quý,
vinh hiển
và ngợi khen!
(Khải huyền 5:12)

Theo Allen và Borrer (1982) bản chất của sự thờ phụng đó là sự tung hô, ngợi khen Chúa. Khi chúng ta thờ phụng Chúa, chúng ta tung hô Ngài, tôn cao Ngài, dâng lời ngợi khen, khoe mình trong Ngài.

- ❖ Thờ phụng không phải là những lời cầu nguyện sơ sài hay hoa mỹ, cũng không phải là sự nhép miệng

theo những bài thánh ca mà không để tâm và trí vào đó; trái lại, chúng ta tung hô Chúa khi chúng ta cùng hòa lòng, hết lòng và chủ tâm trong khi cầu nguyện hay hát tôn vinh Ngài.

- ❖ Thờ phượng không phải là những lời làm chứng đầy sáo ngữ, khoe khoang về mình, hay sử dụng những ngôn ngữ ‘nhà thờ’ ra vẻ thiêng liêng; trái lại, chúng ta tung hô Chúa khi chúng ta khoe mình trong Ngài để duy một mình Chúa được tôn cao qua những hành động của Ngài thể hiện trong đời sống của chúng ta.
- ❖ Thờ phượng không phải là những ý tưởng lạc điệu, câu nói băng quơ hay những yếu tố rời rạc, không ăn khớp với nhau; trái lại, chúng ta tung hô Chúa khi các chi tiết, từng phần của sự thờ phượng ăn khớp, kết hợp với nhau để hướng về một mục đích chung duy nhất đó là Chúa được tôn cao.
- ❖ Thờ phượng không phải là sự cần nhần, khó chịu, hoặc bị ép buộc phải thực hiện một điều gì đó; trái lại, chúng ta tôn vinh Chúa khi chúng ta dâng cho Ngài khả năng, thì giờ và toàn bộ con người chúng ta với sự vui sướng, tự nguyện và liêm chính.
- ❖ Thờ phượng không phải là những bài nhạc chơi cách cầu thả, cũng không phải những cuộc trình diễn âm nhạc thật hay; trái lại, chúng ta tung hô Chúa khi chúng ta để tâm trí vào sự ngợi khen Chúa qua âm nhạc.
- ❖ Thờ phượng không phải là sự chịu đựng phải nghe những bài giảng dài; trái lại, chúng ta tôn cao Chúa khi chúng ta nghe lời Chúa một cách vui mừng và hết lòng muốn được dạy dỗ, uốn nắn theo lời của Chúa để được giống Ngài càng hơn.
- ❖ Thờ phượng cũng không phải là cử hành lễ Tiệc thánh cách vội vàng, qua loa; trái lại, chúng ta tung

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

hồ Chúa khi chúng ta cùng thông công với nhau với
tinh thần biết ơn, và ý nghĩa của Tiệc thánh thật sự
xoáy vào trọng tâm đức tin của chúng ta về sự kiện
Đấng Christ đã chết thay cho chúng ta, Ngài đã sống
lại và Ngài sẽ trở lại vì ích lợi của chúng ta.

Một trong những Thi-thiên chuyển tải đầy đủ nhất
tinh thần và tấm lòng tung hô Chúa của con dân Chúa khi
đến thờ phượng Ngài là Thi-thiên 100:

*Hỡi cả trái đất, Hãy cất tiếng reo mừng cho Đức Giê-hô-va!
Khá hầu việc Đức Giê-hô-va cách vui mừng,
Hãy hát xướng mà đến trước mặt Ngài.
Phải biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời.
Chính Ngài đã dựng nên chúng tôi,
chúng tôi thuộc về Ngài;
Chúng tôi là dân sự Ngài,
là bầy chiên của đồng cỏ Ngài.
Hãy cảm tạ mà vào các cửa Ngài,
Hãy ngợi khen mà vào hành lang Ngài.
Khá cảm tạ Ngài, chúc tụng danh của Ngài.
Vì Đức Giê-hô-va là thiện;
sự nhơn từ Ngài hằng có mãi mãi,
Và sự thành tín Ngài còn đến đời đời.*

Trong tinh thần hết lòng thờ phượng Đấng sống,
chúng ta hãy tung hô Đức Chúa Trời của chúng ta!

II. Sự thờ phượng Chúa ưa thích

Có lẽ một trong những yếu tố gây không ít ngạc nhiên cho nhiều người khi suy nghĩ đến sự thờ phượng đó là Đức Chúa Trời đã và đang tìm kiếm những người thờ phượng thật. Thông thường, chúng ta xét vấn đề này từ phương diện của con người, và vì vậy nhiều người đã cố công tìm hiểu sự thờ phượng từ góc độ này. Điều này dẫn đến nhiều thất vọng hơn hy vọng, vì con người với nỗ lực riêng của mình chỉ có thể tạo ra các hình thức thờ phượng theo sự hiểu biết hữu hạn với mong ước một đáng tối cao siêu nhiên nào đó sẽ nghe và nhậm sự thờ phượng của họ. Con người sẽ không bao giờ biết rõ đối tượng và cốt lõi của sự thờ phượng nếu Đức Chúa Trời không đích thân đến với con người, tìm kiếm và bày tỏ chính Ngài cho họ. Vì vậy, một lẽ thật đầy hy vọng cho con người đó là Đức Chúa Trời đã và đang tìm kiếm những người thờ phượng thật.

Nền tảng Kinh thánh trong Giăng 4:4-42 soi sáng vấn đề này. Giếng Gia-Cốp ở Si-kha không phải là một nơi tường tượng. Đó là một địa điểm cố định mà du khách ngày nay có thể đến viếng thăm, thậm chí có thể múc nước giếng ở đó để uống (nếu không ngại) và chắc chắn họ cũng sẽ khát trở lại. Cuộc đối thoại của Chúa Jêsus và người đàn bà Sa-ma-ri thoát tiên chỉ đề cập đến nhu cầu căn bản của con người là nước uống nhưng sau đó đã dẫn đến vấn đề sâu sắc, quan trọng hơn đó là sự thờ phượng Chúa.

Bà hỏi Chúa câu hỏi về *nghệ thuật* (tức nơi chốn hay hình thức thờ phượng); nhưng Chúa trả lời cho bà vấn đề liên quan đến *tấm lòng*. Bà hỏi Chúa nơi nào thờ phượng cho phải lẽ; Chúa trả lời cho bà sự thờ phượng thật là gì. Chúng ta có những câu hỏi về thờ phượng giống như người đàn bà Sa-ma-ri này. Chúng ta hỏi những câu hỏi nơi nào, hoặc như thế nào vì chúng ta muốn giải quyết cho xong vấn đề về hình thức. Tuy nhiên, câu trả lời của Chúa cắt ngang phần hình

thức để đi thẳng vào cốt lõi vấn đề, đối diện với thực tế, với tâm linh và lẽ thật.

Đức Chúa Trời tìm kiếm những người thờ phụng thật. Điều này không phải là một sự mới lạ. Ngay từ buổi ban đầu trong lịch sử loài người, chúng ta đã chứng kiến điều này. Sáng thế ký đoạn 4 ghi lại câu chuyện Ca-in và A-bên dâng của lễ cho Đức Chúa Trời. Ngài nhận của lễ của A-bên mà không nhận của lễ của Ca-in. Việc Ca-in dâng thổ sản và A-bên dâng chiên đầu lòng không phải là lý do chính khiến Chúa từ chối lễ vật của Ca-in (vì người làm ruộng dâng thổ sản là điều có thể chấp nhận, xem Lê-vi-ký 2:1; 23:9-14). Lý do dễ chấp nhận hơn đó là vì thái độ của người dâng của lễ. Sách Hê-bơ-rơ 11:4 chép rằng bởi đức tin A-bên dâng cho Đức Chúa Trời của lễ tốt hơn của Ca-in. Cụm từ “bởi đức tin” được nhấn mạnh trong đoạn Kinh thánh này cũng là điểm nổi bật trong hành động của A-bên. Vì vậy, chúng ta có thể đoán định rằng Ca-in không có đức tin này.

Thêm nữa, khi đọc lại Sáng thế ký 4:4 phần c, chúng ta để ý thấy “Đức Chúa Trời đoái xem A-bên và nhận lễ vật của người.” Đức Chúa Trời không chỉ nhận lễ vật của A-bên nhưng Ngài đoái xem đến chính A-bên. Đọc tiếp, chúng ta cũng sẽ thấy Đức Chúa Trời chẳng đoái đến Ca-in và chẳng nhận lễ vật của người.” Chúa nhìn xem tấm lòng của mỗi người trước khi Ngài nhận lễ vật của họ. Thật ra, Chúa là Đức Chúa Trời, muôn vật đều thuộc về Ngài, cho nên Ngài cũng không cần những lễ vật của con người. Điều Chúa quan tâm hơn đó là con người và mối liên hệ của họ với Ngài.

Động từ tiếng Hê-bơ-rơ *sha'ah* bản tiếng Việt dịch là ‘đoái xem’ còn có nghĩa là ‘nhìn chăm vào, quan tâm đến, ưa thích.’ Ngay từ ban đầu, Đức Chúa Trời đã quan tâm, tìm kiếm những người thờ phụng thật, mong muốn thiết lập mối liên hệ với họ. Chúng ta nên để ý việc Đức Chúa Trời tìm kiếm, ưa thích sự thờ phụng không hàm ý rằng trong Đức Chúa Trời có một điều gì đó thiếu sót. Chúa thật ra

không cần sự thờ phượng của chúng ta. Trong cõi đời đời, vô hạn của Ngài, Đức Chúa Trời đã là toàn hảo, trọn vẹn. Tuy nhiên, trong khía cạnh thờ phượng, chúng ta thấy Đức Chúa Trời ưa thích, hài lòng với sự tôn vinh, suy phục từ tạo vật của Ngài. Đức Chúa Trời tìm kiếm, Đức Chúa Trời ưa thích, Đức Chúa Trời quan tâm đến những người thờ phượng thật. Khi chúng ta đến với Chúa như A-bên, chúng ta sẽ khám phá ra rằng chúng ta đang ở ngay trung tâm sự ưa thích của Ngài.

Luật pháp Môi-se cũng đề cập đến vấn đề tương tự. Phục truyền luật lệ ký 10:12-13 chép như vậy:

Vậy, hỡi Y-sơ-ra-ên, bây giờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đòi người điều chi?

Há chẳng phải đòi người kính sợ Giê-hô-va, Đức Chúa Trời người, đi theo các đạo Ngài,

hết lòng hết ý kính mến và phục sự Giê-hô-va Đức Chúa Trời người,

giữ các điều răn và luật lệ của Đức Giê-hô-va, mà ta truyền cho người ngày nay, để người được phước?

Tiên tri Mi-chê cũng quả quyết:

Hỡi người! Ngài đã tỏ cho người điều gì là thiện;

cái điều mà Đức Giê-hô-va đòi người há chẳng phải là làm sự công bình, ưa sự nhơn từ và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời người sao?

(Mi-chê 6:8)

Điều Đức Chúa Trời đòi hỏi nơi chúng ta đó là đời sống chân thật trước mặt Chúa, tức là từ cái bên trong con người của chúng ta thể hiện ra hành động bên ngoài đẹp lòng Chúa, không hai lòng, không giả dối. Dù chúng ta có dâng cho Chúa những của cải, vật chất rất giá trị, điều đó không

có ý nghĩa gì đối với Chúa nếu thực trạng bên trong của tâm thần và lẽ thật không đẹp lòng Chúa. Môi-se và Mi-chê đã dựa trên kinh nghiệm của A-bên để dẫn đến sự giải thích của Chúa Jêsus, đó là Đức Chúa Trời tìm kiếm, ưa thích những người thờ phụng thật. Ngài luôn muốn tìm kiếm những người tương giao với Ngài bằng con người bên trong hay từ tâm lòng. Thật vậy, người thờ phụng thật đến với Chân Thần trong tâm thần và lẽ thật.

III. Định nghĩa sự thờ phụng

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về sự thờ phụng. Tuy nhiên, định nghĩa của giáo sư Bruce Leafblad bao gồm khá đầy đủ những yếu tố quan trọng nhất của sự thờ phụng. Ông định nghĩa như sau: “Thờ phụng là sự tương giao với Đức Chúa Trời, bởi ân điển các tín hữu tập trung sự chú tâm của lý trí và sự yêu mến của tấm lòng vào một mình Chúa, làm vinh hiển danh Ngài trong sự khiêm cung đáp ứng lại sự vĩ đại và lời của Ngài.”

A. Thờ phụng là sự tương giao với Đức Chúa Trời

Kinh nghiệm của Môi-se cho thấy rõ điều này. Khi ông vào Trại, Kinh thánh chép như vậy: “Đức Giê-hô-va đối diện phán cùng Môi-se, như một người nói chuyện cùng bạn hữu mình” (Xuất Ê-díp-tô ký 33:11). Đây là một sự tương giao mật thiết, hai người cùng trao đổi, chuyện trò thân mật. Mỗi liên hệ này không phải giữa hai người xa lạ nhưng là mỗi liên hệ cá nhân thân thuộc. Yếu tố quan trọng nhất của cuộc gặp gỡ này là sự hiện diện của Đức Chúa Trời, do đó tạo nên một sự khao khát không nguôi từ phía con người.

Đoạn Kinh thánh trong Khải huyền 3:14-22 cũng mô tả bức tranh rất gần gũi, thân mật của hai người cùng ngồi ăn tối với nhau. Trong sự tương giao này, Chúa là Đấng khởi xướng (“Ta đứng ngoài cửa mà gõ”), với động cơ là tình yêu

(“Phàm những kẻ Ta yêu thì Ta quở phạt”). Sự mời gọi của Chúa kèm theo điều kiện, không phải từ phía của Chúa nhưng về phía chúng ta (“nếu ai nghe tiếng Ta mà mở cửa cho, thì Ta sẽ vào cùng người đó”). Đối với những người đáp ứng tích cực, kinh nghiệm của họ nhận được là một sự tương giao ở mức độ cá nhân thân mật (“ăn bữa tối với người, và người với Ta”).

B. Thờ phượng là hành động của đức tin

Chỉ có người đã tin nhận Chúa, đặt niềm tin nơi Ngài một cách cá nhân mới kinh nghiệm được sự thờ phượng Đức Chúa Trời vì thờ phượng là hành động của đức tin. Nói đến đức tin là nói đến sự tin cậy chắc chắn, niềm hy vọng về “những điều mình chẳng xem thấy” (Hê-bơ-rơ 11:1). Điều này càng rõ ràng hơn ở những nơi đạo Chúa bị bắt bớ. Những người thờ phượng này mặc dù chưa thấy bằng mắt trần Đấng yêu thương, thánh khiết, oai nghiêm mà họ tôn thờ, họ cũng chưa kinh nghiệm bữa tiệc thiên đàng nơi tất cả các con dân Chúa cùng họp lại với nhau, thông công và tôn vinh Đức Chúa Trời, nhưng họ vẫn đặt niềm tin, sự hy vọng của họ vào những điều này cho dù bị đe dọa tính mạng, bị bắt bớ, tù đầy.

Kinh thánh cũng cho biết ma quỷ biết rất rõ Đức Chúa Trời hiện hữu (niềm tin khách quan) nhưng nó không đặt đức tin nơi Ngài (lòng tin cậy cá nhân). Vì vậy, nhiều người tin có Chúa nhưng điều đó không giúp ích gì cho họ trong sự thờ phượng vì họ không có mối liên hệ tin cậy cá nhân nơi Đức Chúa Trời.

C. Thờ phượng được làm thành bởi ân điển

Đức Chúa Trời là Đấng khởi xướng sự thờ phượng. Ngài vẫn tiếp tục mặc khải, bày tỏ chính Ngài, thi hành các công việc

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

quyền năng, yêu thương của Ngài cho dù chúng ta không xứng đáng nhận những điều đó. Đáp ứng đúng đắn của con người là đón nhận ân điển đó với lòng biết ơn.

D. Thờ phụng tập trung lý trí vào Chúa

Đối với một người quan trọng, chúng ta dồn cả tâm trí, sức lực vào để tìm hiểu, để biết thêm về người đó, hoặc để thiết lập mối quan hệ với họ. Thờ phụng là đặt Chúa lên trên hết trong tất cả mọi suy nghĩ hay hành động của lý trí của mình, chỉ tập trung vào Chúa, để tìm hiểu, để học biết về Ngài.

E. Thờ phụng bày tỏ tình yêu đối với Ngài

Yếu tố cảm xúc, tình cảm thường có mặt trong sự thờ phụng vì đó là phản ứng tự nhiên của một người muốn bày tỏ lòng yêu thương đối với Chúa của mình. Thờ phụng là đặt Chúa lên trên hết trong mọi cảm xúc của mình.

F. Thờ phụng là phục vụ Chúa

Ở nhiều chỗ trong Kinh thánh dịch chữ ‘phục vụ’ hay ‘hầu việc’ là ‘thờ phụng’ vì thật ra trong nguyên ngữ không có một chữ riêng biệt cho ‘thờ phụng’ (Phục truyền luật lệ ký 4:19; 17:3; I Các Vua 9:6; 16:31). Một số bản dịch ‘kẻ hầu việc’ Ba-anh là ‘kẻ thờ phụng’ Ba-anh. Chữ thờ phụng trong tiếng Việt thật ra là ‘thờ phụng.’ Từ ‘phụng’ có nghĩa là hầu việc, vâng phục.

G. Thờ phụng là làm sáng danh Chúa

Một bài hát dâng lên Chúa hoặc một đời sống làm đẹp lòng Chúa đều có thể làm sáng danh Ngài.

H. Thờ phượng là đáp ứng lại với Chúa

Con người đáp ứng lại bản tính của Chúa, những công việc lạ lùng của Ngài, và những lời phán của Ngài.

IV. Chữ ‘thờ phượng’ trong tiếng Việt

Chữ ‘thờ phượng’ trong tiếng Việt hay đúng ra là ‘thờ phụng’ (chữ ‘phượng’ do đọc trại ra từ chữ ‘phụng’) truyền tải được một số ý nghĩa của sự thờ phượng theo Kinh thánh. Thờ phượng là chữ kết hợp của hai chữ tôn thờ và phụng sự. Tôn thờ hay sùng bái là hành động kính trọng, tôn chuộng, hay bày tỏ lòng tôn kính đối với một đối tượng. Phụng sự là chăm sóc, nuôi dưỡng hay phục vụ. Chữ ‘phụng’ nói riêng theo từ điển của Đào Duy Anh có nghĩa là vâng chịu, hiến dâng, hầu hạ, suy tôn lên. Như vậy, từ thờ phượng hay thờ phụng là hành động suy tôn, kính trọng bằng cách đầu phục, tận hiến, phục vụ cho đối tượng.

V. Các nguyên tắc của sự thờ phượng thật

A. Chúa đang tìm kiếm những người thờ phượng Ngài

Chính Chúa là Đấng tìm kiếm vì con người cho dù có nỗ lực đến đâu cũng không thể đến gần Chúa được. Sự tìm kiếm của Ngài bày tỏ qua sự mặc khải của Ngài. Chúa đã đến với Áp-ra-ham và kêu gọi ông để qua đó biệt riêng một dân cho Ngài. Sự tìm kiếm của Chúa cũng diễn ra liên tục và mãnh liệt. Kinh nghiệm trở lại đạo của một số người đã chứng minh cho điều đó. Qua nhiều cơ hội khác nhau, cuối cùng họ được Chúa bắt phục và quyết định đầu phục, tin nhận Ngài.

B. Chỉ có sự thờ phượng thật mới được Chúa chấp nhận

1. Đức Chúa Trời ghét sự thờ phượng sai lầm: sự thờ phượng sai là sự thờ hình tượng, bất cứ ai hoặc điều gì ngoài Chúa. Sự thờ phượng sai là sự bất tuân, chống nghịch lại với Ngài. Sự thờ phượng sai cũng là sự thờ phượng cướp đi vinh quanh chỉ dành cho Chúa mà thôi. Trường hợp vua Hêrôt là một ví dụ điển hình.
2. Đức Chúa Trời ghét sự thờ phượng vô ích: sự thờ phượng vô ích là sự thờ phượng đúng đối tượng nhưng sai cách.
 - a. Chỉ có bề ngoài: Chúa nói rõ điều này trong Mác 7:6-8, và nhấn mạnh rằng sở dĩ đây là sự thờ phượng vô ích là vì họ chỉ tôn vinh Chúa ngoài miệng nhưng trong lòng không thật sự thờ phượng.
 - b. Đặt truyền thống trên Kinh thánh: Chúa Jêsus cũng quở những người Do thái lúc bấy giờ rằng: “Các ngươi bỏ điều răn của Đức Chúa Trời mà giữ lời truyền khẩu của loài người” (Mác 7:6-8). Nhiều xích mích trong hội thánh xảy ra chỉ vì tính bảo thủ của nhiều người. Bảo thủ theo hướng tiêu cực là giữ những truyền thống xưa đến nỗi làm có ngăn cản cho nhiều người đến với Chúa. Mỗi hội thánh địa phương đều có những truyền thống. Điều chúng ta cần xét lại là chúng ta có coi trọng những truyền thống này hơn là những nguyên tắc trong Kinh thánh hay không.
 - c. Giấu kín tội lỗi: Chúa cảnh cáo rằng Ngài sẽ bịt tai không nghe, không nhậm lời khi con cái Ngài không xưng ra những tội lỗi của mình (Ê-sai 1:11-15; Thi-thiên 66:18). Đối với sự thờ phượng hội chúng, tội lỗi của cá nhân có ảnh hưởng đến cả một tập thể (Giô-suê 7).
 - d. Đời sống không nhất quán: sự thờ phượng trở nên vô ích khi những ngày còn lại trong tuần không nhất

quán với những hành động hoặc lời nói trong một buổi thờ phượng ngày Chúa nhật (A-mốt 4:4-5; 5:12, 21-23; Ê-sai 1:16-17).

- e. Mối thông công bị rạn nứt: Chúa dạy các môn đồ phải làm hòa với nhau trước khi đến dâng của lễ cho Ngài. Sự thờ phượng sẽ không trọn vẹn khi chúng ta giữ trong lòng sự buồn giận, cay đắng với anh em của mình (Ma-thi-ơ 5:23-24).
- f. Động cơ ích kỷ và sai lầm: Chúa đuổi những kẻ buôn bán trong đền thờ vì mặc dù bề ngoài họ ra vẻ giúp đỡ những người đến thờ phượng nhưng thâm tâm của họ chỉ là trục lợi, bỏ vào túi riêng của mình. Ngoài vấn đề tiền bạc, có nhiều lý do khác mà mỗi chúng ta phải cẩn thận xét mình mỗi khi ra mắt Chúa, thờ phượng Ngài. Như đã đề cập ở những phần trên, sự thờ phượng không phải là phương tiện cho bất cứ điều gì khác.
- g. Hờ hững, không thật sự tham dự: sự thờ phượng trở nên vô ích khi người thờ phượng ngồi trong nhà thờ nhưng đầu óc ở một chỗ khác. Thái độ thờ hững, lãnh đạm, không quan tâm và không cùng tham dự với các con cái Chúa khác trong sự thờ phượng là một điều nên tránh.

C. Sự thờ phượng thật không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian (Giăng 4:20-21)

Khái niệm này vừa đem đến sự tự do nhưng cũng đem đến trách nhiệm. Con cái Chúa có thể tự do thờ phượng Chúa ở bất cứ nơi nào, hoặc khi nào họ muốn miễn là nơi đó danh Chúa được tôn cao. Đồng thời, họ cũng có trách nhiệm sống đời sống thờ phượng mỗi ngày, vì ở bất cứ nơi nào, khi nào, Chúa cũng có thể được tôn vinh hay bị gièm chê bởi lối sống của họ.

Sự thờ phượng thật là kết quả của sự cứu rỗi: như đã nói ở phần trên, chỉ những người tin nhận Chúa thật mới có thể thờ phượng Chúa, vì mối liên hệ cá nhân với Chúa tạo nên sự khác biệt này.

D. Chúng ta đang sống trong thời kỳ của sự thờ phượng thật

Ngày xưa dân Y-sơ-ra-ên bị hạn chế bởi công tác cứu rỗi của Chúa Jêsus chưa được hoàn tất, nhưng ngày nay chúng ta có thể tự do đến với Chúa và thờ phượng Ngài bởi công tác cứu chuộc của Chúa đã hoàn tất.

E. Đức Thánh Linh là Đấng cung cấp năng lượng cho sự thờ phượng thật

Từ ‘cung cấp năng lượng’ trong tiếng Anh là “energizer.” Đây cũng là nhãn hiệu của một loại pin phổ biến. Chúa Thánh Linh như nguồn cung cấp năng lượng, làm cho sự thờ phượng trở nên đầy sức sống. Một cái quạt hay một cái đèn có pin sẽ hoàn toàn khác với một cái quạt hay một cái đèn không có pin. Chúa Thánh Linh là Đấng vận hành trong tâm lòng của mỗi cá nhân người thờ phượng và qua đó khiến cho sự thờ phượng hội chúng trở nên mạnh mẽ, sống động.

VI. Những ứng dụng trong hội thánh

A. Căn nguyên của một sự thờ phượng yếu kém

Cải thiện sự thờ phượng luôn là vấn đề quan tâm của nhiều người. Thật ra, sự thiếu sót trong sự thờ phượng chỉ là triệu chứng; sự thiếu sót của người thờ phượng mới là căn nguyên của vấn đề. Vì vậy, bất cứ cuốn sách nào mong muốn đưa ra

giải pháp để cải tiến sự thờ phượng phải trực tiếp đối diện với vấn đề đời sống của người thờ phượng. Allen và Borrer (1982) tin rằng sự thờ phượng thật diễn ra trong một cộng đồng nơi các thành viên nhận rằng sự thờ phượng bằng tấm lòng là lối sống hằng ngày của họ. Thay đổi cấu trúc trong cách thờ phượng chỉ là một nỗ lực giải quyết vấn đề ‘nghệ thuật’ nhưng không phải là vấn đề ‘tấm lòng.’ Chính chúng ta mới đáng phải thay đổi. Ba điều quan trọng góp phần đem đến chất lượng của một sự thờ phượng hội chúng, đó là:

- ❖ Dành sự tôn kính xứng đáng cho Chúa
- ❖ Thực hành nếp sống luôn ở trong sự hiện diện của Chúa
- ❖ Vun xới mối giao thông sâu sắc, đầy yêu thương trong cộng đồng dân Chúa

Đây là những hành động đối diện với căn nguyên của vấn đề, chứ không phải chỉ giải quyết triệu chứng của sự yếu kém trong thờ phượng hội chúng.

Một người kể rằng anh bạn của anh bị chứng đau chân kinh khủng. Việc đi lại rất khó khăn, vì vậy dẫn đến những cản trở trong cuộc sống hằng ngày. Anh này đi bác sĩ, chụp quang tuyến, mang loại giày đặc biệt, dán băng cá nhân, v.v...nhưng cũng không khỏi bệnh. Người ta chưa tìm ra nguyên nhân của triệu chứng này. Một ngày nọ, anh này tình cờ gặp một người bạn. Anh bạn cho biết anh đã từng nghe trường hợp tương tự như vậy và nguyên nhân là do có một cái răng hư. Nghe lời bạn, mặc dù anh không bị đau răng, anh vẫn đến bác sĩ khám răng và yêu cầu chụp quang tuyến. Bác sĩ phát hiện có một áp-xe (abscess) nhỏ tuy nó chưa làm đau răng. Sau khi giải quyết vấn đề này, chứng đau chân hầu như hết ngay.

Có lẽ hội thánh Chúa nói chung hoặc cá nhân các tín hữu nói riêng đang phải chịu đựng một chứng ‘nhức nhối’ thuộc linh. Có nhiều chỗ bị đau, và có nhiều chỗ không chịu đựng được phải khóc lên. Cũng có những lúc sự đau đớn gây ngăn trở công việc Chúa chung. Chúng ta thường chữa trị điều này bằng việc tổ chức những khóa hội thảo, huấn luyện, bồi linh đặc biệt, thay đổi chương trình, cập nhật tài liệu, trang bị những thiết bị hiện đại... Tuy vậy, cơn đau vẫn tiếp tục và chưa tìm thấy được một sự chữa lành thật. Phải chăng căn nguyên của vấn đề có liên quan đến sự thiếu sót trong đời sống thờ phụng thật của mỗi tín hữu?

Nguyên nhân của những thất bại trong việc truyền giảng hay dạy đạo không phải đều do chương trình hay kế hoạch yếu kém. Nguyên nhân là do chúng ta không hiểu sự thờ phụng bằng tấm lòng là một nếp sống, không phải là kết quả của một chương trình dàn dựng công phu và trình bày không chỗ chê trách (Dĩ nhiên điều này không có nghĩa là những yếu tố này là không quan trọng). Vậy thì sự thờ phụng là gì? Đó là hành động chú tâm vào sự mặc khải của Đức Chúa Trời (mặc khải Kinh thánh, mặc khải tổng quát, hay mặc khải đặc biệt), và đáp ứng lại những mặc khải này. Bruce Leafblad (1977), một giáo sư về thờ phụng đã nhận xét: “thờ phụng là dạng thức cao nhất của tình yêu.” Giám mục William Temple cho một định nghĩa về thờ phụng như sau: “Thờ phụng là làm khuấy động lương tâm bằng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, là nuôi tâm trí bằng lẽ thật của Chúa, là thanh lọc trí tưởng tượng bằng vẻ đẹp tuyệt vời của Chúa, là mở rộng tấm lòng trước tình yêu của Chúa, và tập trung ý chí vào ý chí của Ngài.”

B. Thờ phượng thật đòi hỏi sự đáp ứng

Thờ phượng bao gồm hai yếu tố: mặc khải và đáp ứng. Thông thường, chúng ta mạnh ở mặt nghe hơn làm. Marva Dawn (1995) rất có lý khi đưa ra nhận định xã hội ngày nay với các phương tiện thông tin hiện đại khiến con người dễ rơi vào tình trạng thụ động trước những núi thông tin hoặc dửng dưng thu thập được. Các chương trình trên Tivi hay trên internet, tin tức hay các sô nói chuyện, phần lớn nhắm đến tính tò mò của con người muốn biết về những chuyện lặt vặt đó đây.

Vì hầu hết các thông tin thường nhật chỉ là đề tài cho những cuộc nói chuyện xã giao mà không đưa đến một hành động thật sự có ý nghĩa, xã hội tràn ngập thông tin ngày nay đã làm cho tỉ lệ thông tin-hành động giảm xuống rất thấp. Đa phần các thông tin nhận được đều không cung cấp được một bức tranh toàn vẹn về một sự việc, không được đặt vào một bối cảnh đúng đắn (người nhận thông tin không biết rõ bối cảnh, những liên hệ phức tạp bên trong, hoặc những ứng dụng của nó), do đó người nhận thông tin không thể hoặc không muốn làm gì để đáp ứng lại những thông tin này.

Những ứng dụng rẻ tiền của những thông tin này thường được thấy trong các cuộc chuyện trò xã giao tại các đám tiệc, đề tài cho những câu đố trên đài phát thanh hay truyền hình, hoặc các sô trò chơi. Truyền hình nói riêng, hoặc phương tiện đại chúng nói chung, đã dần dà ảnh hưởng con người trong xã hội hiện nay thói quen làm lơ, không chịu đáp ứng bằng hành động cụ thể trước những điều nhận được. Các tín hữu Cơ đốc cũng ở trong số đó. Họ có thói quen đi nhà thờ để nghe giảng và rất đặc ý với một số ý tưởng hay nhưng không làm gì cả trước những thông tin này. Cũng vậy, thờ phượng sẽ không xảy ra hoặc không trọn vẹn nếu không có hành động đáp ứng của người nghe trước những mặc khải của Chúa. Nghe lời của Chúa là nhận sự khải thị từ Chúa, làm theo lời Chúa là đáp ứng lại những khải thị này. Rõ ràng

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

rằng nếu chúng ta không đáp ứng, sự thờ phượng thật sự không diễn ra.

Chương 5

NỀN TẢNG THẦN HỌC CỦA SỰ THỜ PHƯỢNG CƠ ĐỐC

Niềm tin của chúng ta ra sao, chúng ta cũng sẽ thờ phượng như vậy. Các giáo lý Cơ đốc căn bản mà chúng ta giữ lấy sẽ quyết định bản chất sự thờ phượng của chúng ta. Nếu chúng ta xem Đức Chúa Trời như một nguyên lý siêu phàm, chúng ta sẽ tìm cách thuận theo nguyên lý đó. Nếu chúng ta xem Chúa như một ý niệm, chúng ta sẽ nỗ lực tìm hiểu Ngài qua sự hiểu biết hoặc lý luận theo lý trí. Nếu chúng ta xem Chúa như một thực thể cá nhân, chúng ta sẽ mong muốn biết Chúa trong một mối liên hệ cá nhân với Ngài. Nếu chúng ta nhận Chúa là Thần, Đáng tự mặc khải chính Ngài qua lịch sử nhân loại, chúng ta sẽ thờ phượng Ngài bằng tâm thần và lễ thật.

Thờ phượng mà không có nền tảng thần học sẽ rất ủy mị và yếu ớt; thần học mà không có thờ phượng sẽ trở nên lạnh tanh, vô hồn. Thờ phượng và thần học kết hợp với nhau giúp thúc đẩy một đức tin Cơ đốc mạnh mẽ và thêm nguồn lực cho cuộc sống Cơ đốc đầy kết quả.

Thờ phượng Cơ đốc trước hết là một kinh nghiệm, không phải nghệ thuật. Kinh nghiệm này dựa trên một sự

kiện lịch sử chắc chắn đó là Đức Chúa Trời đã mặc khải chính Ngài qua lịch sử nhân loại. Thờ phụng theo Tin lành thuần túy đặt nền móng trên các sự kiện lịch sử vĩ đại đó là công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời, sự nhập thể và nhập thể của Đức Chúa Jêsu, công tác của Ngài trên đất, sự chết và sự sống lại của Ngài, và sự hiện diện của Đức Thánh Linh trong đời sống của mỗi Cơ đốc nhân. Cách chúng ta suy nghĩ về những sự kiện này được gọi là thần học. Nếu thờ phụng không châm rề từ sự hiểu biết và tình yêu đối với Chúa, đó không phải là sự thờ phụng thật. Nếu thần học không dẫn đến sự thờ phụng Chúa trong Đấng Christ thì sự thờ phụng đó là sai lầm và nguy hại. Nền tảng thần học đúng đắn làm công tác điều chỉnh sự thờ phụng, và sự thờ phụng thật sẽ đem đến sự năng động cho thần học.

Do không phát xuất từ con người, nền tảng của thờ phụng Cơ đốc không phải theo chủ nghĩa vị lợi nhưng theo tính thần học. Thờ phụng nói chung dựa vào sự mặc khải. Cụ thể hơn, sự thờ phụng Cơ đốc dựa vào sự mặc khải của Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jêsu Christ. Thật vậy, thờ phụng là kinh nghiệm sự tương giao có ý thức với Đức Chúa Trời, còn thần học là nỗ lực mô tả ý nghĩa của kinh nghiệm này.

I. Đức Chúa Trời, Đấng đáng được thờ phụng

Không một ai không có ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong mình. Đức Chúa Trời nhận tất cả các tạo vật của Ngài. Vì vậy, một cá nhân từ chối hay làm lơ Đức Chúa Trời không phải vì họ không biết nhưng họ tự ý chọn cho mình. Thờ phụng là hành động đáp ứng bày tỏ sự yêu thương của tạo vật đối với Đấng Tạo Hóa.

Thờ phụng Cơ đốc đặt Chúa ở vị trí trung tâm. Chúa khởi xướng sự thờ phụng qua hành động tạo dựng nên con người để tương giao với Ngài. Chúa là nguồn phát sinh và

duy trì sự sống. Là Đấng cầm quyền cõi vũ trụ và vạn vật, Chúa có quyền đổi chất hoặc đòi hỏi nơi con người là tạo vật của Ngài. Ngài đáng để con người thờ phượng và tôn cao. Khi con người đáp ứng trong sự thờ phượng, Chúa lại ban cho họ đặc ân kinh nghiệm sự tốt lành và tình yêu thương của Ngài.

A. Một Đức Chúa Trời có mối liên hệ cá nhân

Đức Chúa Trời không phải là một lý tưởng, một triết lý sống, hay một nguyên lý siêu hình; Ngài là một hữu thể thần linh có mối liên hệ cá nhân với con người. Thật vậy, Đức Chúa Trời tìm kiếm từng cá nhân thờ phượng Ngài để thiết lập mối liên hệ với họ. Sự mặc khải của Đức Chúa Trời không chỉ khiến con người công nhận chung chung rằng, “Có một Đức Chúa Trời,” nhưng sự mặc khải này còn có thể khiến từng cá nhân con người thốt lên rằng, “Ngài là Đức Chúa Trời của tôi.” Sự hiện diện của Ngài đụng đến từng đời sống riêng tư của mỗi người. Ngài không phải đơn thuần là một năng lực siêu nhiên nào đó mà con người cảm nhận, nhưng Ngài là một Đức Chúa Trời hằng sống, đầy yêu thương, có suy nghĩ, có mục đích, và Ngài đến để thiết lập mối liên hệ cá nhân với từng con người.

B. Một Đức Chúa Trời siêu việt

Mặc dù Đức Chúa Trời liên hệ một cách cá nhân với mỗi một con người, Ngài không phải là một hữu thể ngang hàng với con người. Chúng ta đang thờ phượng một Đức Chúa Trời siêu việt, là Đấng Tạo Hóa đời đời vô hạn. Ngài là cội nguồn tuyệt đối cho sự hiện hữu của con người; Ngài là hữu thể tối cao mà chúng ta tìm kiếm. Tính siêu việt của Đức Chúa Trời có nghĩa là trong tính tuyệt đối của Ngài, Ngài vượt trên hẳn chúng ta. “Ý tưởng ta chẳng phải ý tưởng các ngươi, đường lối các ngươi chẳng phải đường lối ta. Vì các

từng trời cao hơn đất bao nhiêu, thì đường lối ta cao hơn đường lối các người, ý tưởng ta cao hơn ý tưởng các người cũng bấy nhiêu” (Ê-sai 55:8-9).

Bản chất thánh khiết của Ngài là một sự tương phản, đồng thời là một thách thức liên tục đối với tình trạng tội lỗi của con người. Đứng trước sự hiện diện thánh khiết diệu kỳ của Chúa, chúng ta có thái độ vừa cung kính lẫn kính sợ. Trong sự thờ phụng này, chúng ta cảm nhận sự phụ thuộc của chúng ta vào Ngài. Thêm nữa, chúng ta cũng kính nghiệm sự oai nghiêm của Chúa và đồng thanh với tiên tri Ê-sai rằng, “Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn quân; khắp đất đầy dẫy sự vinh hiển của Ngài” (Ê-sai 6:3). Vì vậy, niềm tin vào Đức Chúa Trời cũng bao gồm việc công nhận giá trị vô hạn của Ngài. Nếu một người xưng, “Ngài là Đức Chúa Trời của tôi,” người đó cũng đồng thời nói rằng, “Lạy Chúa, Ngài đáng được ngợi khen, vinh hiển, tôn trọng và quyền thế.”

C. Một Đức Chúa Trời gần gũi

Đức Chúa Trời luôn hiện diện trong cuộc sống chúng ta. Ngài là nguồn ban sự sống, đồng thời là nguồn duy trì sự sống. Trong nhiều cách khác nhau, Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài cho con người. Sứ đồ Phao lô nói rằng, “...hầu cho tìm kiếm Đức Chúa Trời, và hết sức rờ tìm cho được, dẫu Ngài chẳng ở xa mỗi một người trong chúng ta. Vì tại trong Ngài, chúng ta được sống, động, và có...” (Công vụ các sứ đồ 17:27-28). Biểu hiện gần gũi và riêng tư nhất đó là qua tình yêu của Ngài. Điều này được thể hiện qua nhiều cách khác nhau như nguồn năng sáng tạo của Ngài, sự tể trị toàn cõi vũ trụ, các mặc khải đặc biệt cho cá nhân, sự nhập thể của Chúa Jê-sus, sự chết và sống lại của Ngài. Đức Chúa Trời luôn ban cho con người tình yêu và sự tha thứ cách dồi dào. Vì vậy, niềm tin vào một Đức Chúa Trời cao

cả siêu việt cũng bao gồm niềm tin chắc chắn vào tình yêu của Ngài.

D. Một Đức Chúa Trời đáng tin cậy

Đức Chúa Trời đáng cho chúng ta thờ phượng cũng là một Đấng đáng cho chúng ta tin cậy. Đức Chúa Trời nghe và đoái xem những lời ngợi khen cũng như những sự chúng ta trình dâng lên cho Ngài. Một khi Ngài đã chọn và cứu chúng ta, không ai có thể ngăn cách chúng ta ra khỏi tình yêu thương của Ngài (Rô-ma 8:30-31, 37-39). Tinh túy của Cơ đốc giáo không phải ở chỗ con người đã thành công trong việc vươn lên được tới Đức Chúa Trời, nhưng trái lại chính Ngài đã xuống nắm lấy và chọn con người. Vì vậy, sự tin cậy này được bảo đảm vì không nằm ở nơi con người nhưng đặt nơi một Đấng Toàn năng, không thay đổi.

II. Chúa Jêsus Christ, đối tượng đức tin Cơ đốc

Chúa Jêsus và công tác cứu chuộc của Ngài là lý do và nội dung của sự thờ phượng. Để được cứu chuộc làm con cái của Ngài, một người phải tin nhận Chúa Jêsus hoặc thật sự gặp gỡ chính Ngài. Sự thờ phượng Cơ đốc sở dĩ có thể có được là do Chúa Jêsus và công tác cứu chuộc của Ngài. Nói cách khác, thờ phượng Cơ đốc bày tỏ kinh nghiệm ân điển ban cho trong Đấng Christ. Chính Chúa Jêsus Christ là đối tượng của đức tin và của sự thờ phượng. Điểm khác biệt chủ yếu giữa Cơ đốc giáo và các tôn giáo khác trên thế giới là chính Chúa Jêsus. Sự thờ phượng thật xoáy trọng tâm vào Đấng Christ, vì chỉ có trong Đấng Christ chúng ta mới có thể tìm đến được Đức Chúa Trời.

Đấng Christ là Đền thờ nơi Đức Chúa Trời gặp gỡ con người. Ngày xưa sự hiện diện thiêng liêng diễn ra nơi đền tạm và đền thờ của dân Y-sơ-ra-ên, nhưng ngày nay

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

chúng ta đã tìm thấy trong Đấng Christ. Chúng ta đã diện kiến tâm của lịch sử nhân loại, đó là sự vinh hiển và ân điển của Đức Chúa Trời bày tỏ qua Chúa Jêsus. “Ngôi Lời đã trở nên xác thịt, ở giữa chúng ta, đầy ơn và lễ thật; chúng ta đã ngắm xem sự vinh hiển của Ngài, thật như vinh hiển của Con một đến từ nơi Cha” (Giăng 1:14). Vì vậy, sự thờ phụng có thể diễn ra ở bất cứ nơi nào bởi sự gặp gỡ chính Chúa Jêsus.

A. Sự bày tỏ Đức Chúa Trời

“Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời; chỉ Con một ở trong lòng Cha, là Đấng đã giải bày Cha cho chúng ta biết” (Giăng 1:18). Lễ đạo nhập thể cùng tất cả những sự kỳ diệu của nó là cách duy nhất khiến cho sự hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời trở nên đáng tin và có thể diễn tả được. Cuộc đời của Chúa Jêsus, sự dạy dỗ của Ngài, thập tự giá, sự sống lại, sự thăng thiên và sự chúc tụng Ngài là những hành động của Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jêsus. Sự nhận biết của con người về Đức Chúa Trời bày tỏ qua Đức Chúa Jêsus, “Ai đã thấy ta, tức là đã thấy Cha” (Giăng 14:9).

B. Sự đồng cảm với con người

Trong sự hạ mình của Ngài, Chúa Jêsus có thể cảm thông với chúng ta trong mọi khía cạnh của đời sống. Chúng ta có thể thờ phụng một Đức Chúa Trời cao cả, thánh khiết vì Ngài đã tự hạ mình xuống nơi thấp nhất của chúng ta.

C. Quyền năng cứu chuộc

Qua thập tự giá, chúng ta kinh nghiệm được quyền năng cứu chuộc của Ngài. Thập tự giá khiến chúng ta quỳ gối xuống để dâng lên Chúa lời ngợi khen cảm tạ bởi món quà vô giá

của Ngài. Thập tự giá thỏa mãn nhu cầu quan trọng của chúng ta khi thờ phượng, đó là nhu cầu được tha thứ.

D. Quyền chủ tể hằng sống

Qua sự chết của Ngài, Chúa Jêsus khiến con người có thể đến để thờ phượng Ngài. Qua sự sống lại và quyền chủ tể hằng sống của Ngài, Chúa Jêsus đáng cho con người chúc tụng ngợi khen. “Cũng vì đó nên Đức Chúa Trời đã đem Ngài lên rất cao, và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh, hầu cho nghe đến danh Đức Chúa Jêsus, mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, thảy đều quì xuống, và mọi lưỡi thảy đều xưng Jêsus Christ là Chúa, mà tôn vinh Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha” (Phi-líp 2:9-11). Các tín hữu đầu tiên khi nhóm nhau lại đã tuyên xưng đức tin của mình và liên tục nhận biết sự hiện diện cũng như quyền chủ tể của Đấng Christ. Chính họ là những người đầu tiên xưng nhận, “Chúa Jêsus là Chúa.”

III. Đức Thánh Linh, Đấng ban sức sống cho sự thờ phượng

Sự khao khát tâm linh hoặc những thành quả thuộc linh đều là công việc của Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh là sự hiện diện của Đức Chúa Trời ở giữa chúng ta ngày nay.

A. Sự hiện diện của Đức Chúa Trời

Đức Thánh Linh là một thân vị rõ ràng. Ngài là Đức Chúa Trời đang vận hành giữa vòng con cái Ngài trên đất này. Sứ đồ Phao lô nói như vậy, “Về phần anh em, nếu thật quả Thánh Linh Đức Chúa Trời ở trong mình, thì không sống theo xác thịt đâu, nhưng theo Thánh Linh; song nếu ai không có Thánh Linh của Đấng Christ, thì người ấy chẳng thuộc về

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

Ngài” (Rôma 8:9). Nếu một người từ chối Đức Thánh Linh, họ đã từ chối chính Đức Chúa Trời. Dập tắt Thánh Linh Đức Chúa Trời là khước từ quyền phép của Đức Chúa Trời trong sự thờ phượng.

B. Quyền năng biến đổi

Sự cứu chuộc xảy ra bởi quyền năng của Đức Thánh Linh. Chính Đức Thánh Linh là Đấng cáo trách tội lỗi và những sự bất xứng trong con người (Giăng 16:8). Công tác của Thánh Linh là tỏ bày Đấng Christ và soi sáng lẽ thật (Giăng 16:14-15). Chính Ngài là Đấng biến đổi đời sống chúng ta trong ân điển của Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus phán rằng, “Thần Linh làm cho sống” (Giăng 6:63). Công tác cứu chuộc của Đức Chúa Trời đến với cá nhân mỗi con người qua sự vận hành ẩn chứng bên trong của Đức Thánh Linh. Quyền năng biến đổi diệu kỳ của Đức Thánh Linh khiến chúng ta mỗi ngày càng giống Chúa càng hơn (2 Cô-rinh-tô 3:17-18) trong tâm trí, tình cảm, ý chí và toàn bộ con người. Chính quyền năng này khiến chúng ta có thể nói như Phao-lô rằng, “Tôi sống không phải là tôi sống nữa nhưng Đấng Christ sống trong tôi” (Ga-la-ti 2:20).

C. Sự sống trong hội thánh Chúa

Đức Thánh Linh tạo nên hội thánh và ban sự sống cho hội thánh của Ngài. Nếu không bởi quyền năng của Thánh Linh, hội thánh không thể tồn tại và càng không thể chu toàn trọng trách của mình trên đất. Chúa Jêsus dặn các môn đồ hãy đợi trong thành cho đến khi họ được mặc lấy quyền phép Đức Thánh Linh (Công vụ Các sứ đồ 1:4-5).

Một người không thể tự công nhận hoặc hiểu thấu được quyền chủ tể của Đấng Christ nếu không có Thánh Linh hiện diện, cảm thúc. Ý chí của Đấng Christ chỉ có thể

được hoàn thành khi Đức Thánh Linh sống động, vận hành và điều khiển mọi hoạt động của hội thánh. Về đời sống cá nhân cũng vậy, trái của Thánh Linh chỉ kết quả khi tín hữu cùng hợp tác với Đức Thánh Linh trong những kỷ luật của đời sống hằng ngày.

Các ân tứ thuộc linh được ban cho bởi Đức Thánh Linh để gây dựng hội thánh. Bởi quyền năng Thánh Linh hội thánh đầu tiên đã tôn vinh Chúa, cầu nguyện, giảng dạy, nói tiếng lạ, và nói tiên tri (1 Cô-rinh-tô 12:8-11). Tất cả những điều này đều được ban cho bởi cùng một Thánh Linh. Ngày nay, Đức Thánh Linh cũng ban quyền năng, soi dẫn hội thánh Ngài, thúc giục họ trong sự ngợi khen, làm chứng, giảng dạy, cầu nguyện...(Rô-ma 8:26-27; Công vụ 4:31; Ê-phê-sô 5:18-20).

Trong sự thờ phượng, Đức Chúa Trời được bày tỏ qua thân vị Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Linh. Ba thân vị đều bày tỏ sự hiện diện và bản chất của Đức Chúa Trời trong những khía cạnh khác nhau: sự hiện diện của Đức Chúa Cha nổi bật trong công cuộc sáng tạo đầu tiên, trong khi Chúa Giêsu định nghĩa bản chất của Đức Chúa Trời qua công tác cứu chuộc của Ngài, và Đức Thánh Linh truyền đạt sự hiện diện của Đức Chúa Trời cho chúng ta ngày nay qua sự thờ phượng.

Cho dù các hình thức thờ phượng có đa dạng và khác nhau ở nhiều nơi, hội thánh Chúa phải luôn luôn phụ thuộc vào Đức Thánh Linh để có thể có một sự thờ phượng thật. Chính Thánh Linh là Đấng khơi dậy nơi các tín hữu một khao khát muốn tôn vinh, thờ phượng Đức Chúa Trời. Cũng chính Ngài làm cho hội thánh Chúa cảm nhận được sự hiện diện của Đức Chúa Trời ở giữa họ. Sự thờ phượng thật chỉ diễn ra khi con cái Chúa vì Chúa, và không vì bất cứ một động cơ hay lý do nào khác mà thờ phượng Ngài.

IV. Kinh Thánh

Kinh thánh là quyển sách sự sống của hội thánh. Nó cung cấp nội dung khách quan cho sự thờ phượng. Nó hướng chúng ta đến Đức Chúa Trời là nguồn của lẽ thật và sự sống. Người đến thờ phượng trông đợi Chúa mở ra cho mình những điều kỳ diệu trong lời Ngài như một đứa trẻ không biết một tí gì và chờ đợi để được học những chữ cái a, b, c. Kinh thánh năng động, hướng chúng ta đến trung tâm là chính Chúa Jêsus. Kinh thánh như một biên bản khi chép lại sự mặc khải về sự cứu chuộc của Đức Chúa Trời cho chúng ta. Vì những tầm quan trọng như trên, Kinh thánh phải được đặt ở vị trí trung tâm trong sự thờ phượng.

Khi sử dụng Kinh thánh trong sự thờ phượng, chúng ta nên lưu ý rằng Kinh thánh đề cập đến các vấn đề tối hậu của cuộc sống, các giá trị, các mục tiêu, mục đích và các mối liên hệ của con người với Chúa và con người với nhau. Nói cách khác, Kinh thánh đáng tin cậy và có thẩm quyền trong lẽ thật cứu rỗi và cách sống của Cơ đốc nhân. Vì Kinh thánh chính là lời mặc khải của Đức Chúa Trời, chúng ta phải nhận những điều Kinh thánh nói, không thêm, không bớt. Nếu chúng ta tìm cách ‘điều chỉnh’ sứ điệp hay lẽ thật của Kinh thánh, chúng ta đã gián tiếp từ chối quyền năng của Đức Chúa Trời và mục đích của Ngài trên đời sống của chúng ta.

V. Hội thánh

Quan điểm của chúng ta về hội thánh một phần nào đó quyết định cách thức thờ phượng của chúng ta. Một số giáo phái theo tổ chức chiều dọc, có nề nếp từ xa xưa thường theo cách thức thờ phượng trọng nghi lễ, trong khi một số khác có khuynh hướng tự do hơn trong việc soạn thảo, chuẩn bị cho sự thờ phượng.

Về căn bản, sự thờ phượng Cơ đốc phải được hiểu trong bối cảnh của hội thánh. Cũng giống như công tác cứu chuộc của Đức Chúa Trời, hội thánh Chúa có tính phổ quát. Thật vậy, hội thánh vô hình bao gồm tất cả các con cái Chúa ở khắp mọi nơi, mọi thời đại và tồn tại đời đời. Những cảm giác bị cách ly hay cô đơn của chúng ta sẽ được lấp đầy khi chúng ta thờ phượng Chúa và nhận biết rằng mình thuộc về một hội thánh toàn cầu đời đời. Hội thánh được thành lập trong sự thờ phượng và sức sống của nó được duy trì theo mức độ thờ phượng của hội thánh.

Hội thánh địa phương là một phần của toàn thể thân thể Đấng Christ, một đơn vị sống động trong vương quốc của những người được cứu. Chúa Jêsus cầu nguyện với Đức Chúa Cha cho con cái Chúa ở khắp nơi được hiệp làm một cũng như Cha với Con là một (Giăng 17:21). Sự hiệp nhất của hội thánh toàn cầu phải bắt đầu bằng sự hợp nhất trong tinh thần thờ phượng dựa trên các nguyên tắc Thánh Kinh. Khái niệm hội thánh như một tập thể sống động phải đi trước khái niệm hội thánh như một tổ chức với các hoạt động khác nhau.

Hội thánh là một tập thể đã được cứu chuộc. Mặc dù hội thánh có thể làm các chức năng từ thiện như một số tổ chức xã hội, hội thánh khác với các tổ chức này vì hội thánh là một tập thể người được tái tạo bởi Đức Thánh Linh và hiệp một dưới quyền chủ tể của Đấng Christ. Là một tập thể đã được cứu chuộc, hội thánh phải thờ phượng. Nếu không có sự thờ phượng thì cũng không có hội thánh. Hơn nữa, để chu toàn mạng lệnh của Chúa, hội thánh phải liên tục làm mới lại trong mối tương giao với Đức Chúa Trời. Điều này chỉ có thể diễn ra qua sự thờ phượng.

Sự thông công trong hội thánh không loại trừ bất cứ một ai. Nó bao gồm tất cả mọi tầng lớp trong xã hội. Thật vậy, trong Đấng Christ tất cả những bức tường ngăn cách đều bị dẹp bỏ (Ê-phê-sô 2:14).

Đức tin tôn giáo có tính chất riêng tư nhưng cũng có tính xã hội. Vì vậy, đức tin này thường được kinh nghiệm một cách sống động, rõ ràng hơn qua những hình thức thờ phượng cộng đồng.

Hội thánh là một tổ chức sống. Hơn cả một tổ chức xã hội, hội thánh là một tổ chức sống vì cuộc sống của Đấng Christ biểu hiện qua đời sống của mỗi tín hữu. Sự sống của hội thánh biểu hiện ở khả năng liên tục làm mới lại qua sự giao thông mật thiết với nguồn của sự sống (Giăng 15).

Hội thánh là một hội chúng thờ phượng. Các tín lý một giáo hội hay một hội thánh địa phương noi theo ảnh hưởng đến quan điểm thờ phượng. Điều quan trọng là hội thánh đó phải chọn lựa hình thức phù hợp nhất để qua đó biểu hiện được niềm tin của mình cũng như sự thờ phượng.

Trong sự thờ phượng, hội thánh phải liên tục xét mình dưới ánh sáng của lời Đức Chúa Trời. Nếu không liên tục xưng tội, hội thánh Chúa sẽ không thể làm chứng nhân cho Chúa giữa thế gian này. Nếu không có sự phán xét, hội thánh sẽ không còn có năng lực của Ngài (I Phi-e-rơ 4:17). Thật vậy, hội thánh nên nhận thấy chính mình là một ‘hội những tội nhân’ nương nhờ vào ân điển của Đức Chúa Trời. Chỉ với thái độ này, hội thánh mới có thể đến thờ phượng Chúa với tấm lòng khiêm cung, hạ mình.

Hội thánh là một tập thể thầy tế lễ thánh dâng của tế lễ thánh cho Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus (I Phi-e-rơ 2:5; Khải huyền 1:6). Tín lý ‘chức tế lễ thánh’ hàm ý rằng mỗi chi thể trong Đấng Christ có trách nhiệm thờ phượng Chúa bằng cách dâng cho Ngài các của lễ thuộc linh. Bởi vì tất cả đều là thầy tế lễ, mỗi Cơ đốc nhân có đặc ân và trách nhiệm thờ phượng Chúa và phục vụ như thầy tế lễ cho chính mình và cho những người khác.

Chương 6

NỀN TẢNG LỊCH SỬ CỦA SỰ THỜ PHƯỢNG CƠ ĐỐC

I. Thờ phượng thời kỳ hội thánh đầu tiên

Một số đoạn Kinh thánh trong Tân ước cho thấy vị trí quan trọng của các bài hát trong nếp sống đạo của các tín đồ hội thánh đầu tiên (I Cô-rinh-tô 14:26; Cô-lô-se 3:16-17; Ê-phê-sô 5:18-20; Gia-cơ 5:13; Công vụ các sứ đồ 16:25). Đồng thời chúng ta cũng thấy một số đoạn Kinh thánh được sử dụng như các bài thánh ca (Phi-líp 2:6-11; Cô-lô-se 1:15-20; Giăng 1:1-18; Ê-phê-sô 5:14; và I Ti-mô-thê 3:16). Theo Hurtado (1999) việc sử dụng các bài hát tôn vinh Đức Chúa Jêsus không phải chỉ diễn ra trong các dịp lễ đặc biệt nhưng là một điểm rất đặc trưng, xảy ra thường xuyên trong sự thờ phượng của hội thánh đầu tiên.

A. Lá thư của Pliny

Trong lá thư nổi tiếng của thống đốc Pliny gửi cho Trajan về vấn đề Cơ đốc nhân thời bấy giờ có đoạn như sau, "...họ có thói quen nhóm lại với nhau trước khi trời sáng vào một ngày nhất định và hát thánh ca tôn vinh Christ như thể tôn

vinh thân của họ, và họ cũng buộc mình vào một lời thề, không phải vì mục đích gây rối, nhưng thề kiêng cử những thói tật xấu như trộm cắp, cướp bóc, tà dâm, không giữ đức tin, và nghi kỵ nhau. Sau đó họ giải tán và lại gặp nhau lần nữa để cùng ăn chung với nhau, loại thức ăn khá bình thường, không gây hại gì”.

B. Thi thiên

Ngoài các nguồn tư liệu được dùng như thánh ca trong Tân Ước, các tín hữu đầu tiên cũng sử dụng các Thi thiên để hát, nhưng với một cái nhìn mới dưới sự hà hơi và soi sáng của Đức Thánh Linh. Nói cách khác, các chất liệu trong Cựu Ước giờ đây được hiểu qua sự chết và sống lại của Đức Chúa Jêsus, Đấng đã đến để làm trọn luật pháp. Cũng có những sáng tác mới được sự cảm động của Đức Thánh Linh và được viết theo lối các thi thiên ngày xưa (Lu-ca 1:46-55; 67-79; 2:29-32; Phi-líp 2:6-11; và Khải huyền 4:11; 5:9-10).

C. Tập *Didache*

Tập tài liệu “Lời dạy của mười hai sứ đồ” (*Didache*), được viết vào khoảng năm 120 và 150 được tìm thấy ở Constantinople vào năm 1873, có đề cập đến những chỉ dẫn cho nếp sống đạo của Cơ đốc nhân và những nghi lễ trong hội thánh. Đặc biệt, sách này đưa ra những chỉ dẫn về cách làm phép báp têm và tham dự Tiệc thánh.

D. Tập *Apology* của Justin Martyr

Trong tập sách *Apology*, được viết vào khoảng năm 140, Justin Martyr ghi lại một thứ tự thờ phượng căn bản như sau:

- **Đọc Kinh thánh:** Trong ngày Chúa nhật chúng tôi có một cuộc nhóm họp tập thể của tất cả những người trong thành phố và vùng phụ cận, các lá thư của các sứ đồ và các sách tiên tri được đọc.
- **Lời giáo huấn của người đứng đầu:** sau khi đọc Kinh thánh xong, vị đứng đầu nhóm tín hữu đứng ra chia xẻ, răn dạy và khích lệ các tín hữu làm theo các gương trong Kinh thánh.
- **Cầu nguyện:** tất cả mọi người đứng dậy dâng lời cầu nguyện. Sau đó bánh, rượu và nước được đem ra.
- **Cảm tạ và A-men:** Người chủ buổi nhóm dâng lời tạ ơn, cầu nguyện. Sau đó hội chúng đồng thanh nói “A-men.”
- **Phân phát bánh và rượu:** Bánh và rượu cho lễ Tiệc thánh được phân phát cho những người có mặt; với những người vắng mặt, các chấp sự sẽ đem đến cho họ.
- **Quyên góp cho người nghèo:** người đứng đầu nhóm tín hữu phụ trách việc giữ những đóng góp của các tín hữu để phân phát cho người mồ côi, góa bụa, những người cần dùng trong lúc đau bệnh hay vì lý do nào khác.”

Qua phân phát thảo trên trong sách của Justin Martyr, chúng ta nhận thấy về nội dung thờ phượng, hội thánh ngày nay vẫn còn giữ các yếu tố căn bản của sự thờ phượng thời kỳ hội thánh đầu tiên. Theo Hurtado (1999) điểm đặc biệt về sự thờ phượng của hội thánh đầu tiên đó là tính riêng biệt. Sống trong thế giới La-mã thời bấy giờ, các tín hữu đầu tiên phải biệt mình ra khỏi sự thờ phượng các thần của người La-mã cũng như thần của các dân tộc sinh sống trong đế quốc này. Đồng thời, họ chủ trương chỉ thờ phượng độc nhất một Chúa của Kinh thánh và Đấng Christ mà thôi.

E. Lối sống ‘khác người’

Như chúng ta đã biết, điểm nổi bật của cuộc sống trong thế giới thời bấy giờ là sự tham gia, chi phối của tôn giáo ở tất cả mọi mặt của cuộc sống. Hurtado (1999) cho biết “sinh con đẻ cái, đám cưới, đám tang, cuộc sống chính trị, dân sự, xã hội, giải trí, hội họa, âm nhạc...đều mang dấu ấn của tôn giáo” (trg. 9). Vì vậy, đối với những người ngoại mới theo đạo, việc từ bỏ các tập tục thờ phụng của lối sống cũ đồng nghĩa với việc xoay lưng khỏi các khía cạnh quan trọng trong cuộc sống thường ngày của họ. Nói cách khác, điều họ phải trả giá đó là sự khinh khi, miệt thị của những người xung quanh về lối sống ‘khác người,’ tách biệt khỏi những sinh hoạt đời thường.

II. Thờ phụng thời kỳ trung cổ

Vào thế kỷ thứ ba và thứ tư những hình thức khác nhau của Cơ đốc giáo sơ khai dần dần chuyển hóa thành một hệ thống quy củ và sau đó càng phát triển triệt để hơn cùng với sự lớn mạnh của giáo hội Công giáo La mã.

Sự chú trọng vào hình thức bên ngoài và các nghi lễ bắt nguồn từ hệ thống thần học trọng nghi lễ và vai trò thần quyền của hàng tăng lữ. Thờ phụng thời trung cổ trở lại với hệ thống tế lễ thời Cựu Ước cộng thêm một số tập tục kỳ bí du nhập từ ngoại giáo.

Từ thế kỷ thứ năm cho đến thời cải chánh, thờ phụng nhấn mạnh đến các kiến trúc giáo đường phù hợp với các hình thức thờ phụng đã được định sẵn ở một thời điểm nhất định. Hai trường phái thờ phụng chính, Đông giáo hội và Tây giáo hội, bắt đầu định hình rõ ràng hơn từ thế kỷ thứ sáu.

Trường phái Đông giáo hội bắt nguồn từ trung tâm Giê-ru-sa-lem, An-ti-ốt và A-léc-xan-dria. Trong trường phái

này có các trường phái nhỏ khác bao gồm Đông và Tây Sy-ri, trường phái Byzantine (gồm có Chính thống giáo Nga và Hy-lạp), Ac-mê-ni-a, và giáo hội Ê-thi-ô-pi-a (Coptic). Các hình thức nghi lễ của Chính thống giáo Đông giáo hội rất màu sắc, phong phú và đa dạng. Trong hệ thống thần học của họ Đức Chúa Trời vừa được xem như là Đấng thánh khiết, cách biệt với con người, nhưng cũng được xem như là Đấng mặc lấy thân thể xác thịt ở giữa con người. Nghi lễ của họ thể hiện hai sự tương phản này. Nghi lễ Byzantine bao gồm hai nghi thức đan xen vào nhau. Nghi thức đầu tiên được thực hiện với hội chúng, trong khi nghi thức thứ hai được thực hiện đằng sau một bức màn, ngăn cách bàn thờ và hội chúng.

Trường phái Tây giáo hội bắt nguồn từ trung tâm Bắc phi Carthage và đặc biệt là La-mã. Trong trường phái này có hai hình thức chính đó là Gallican và La-mã, tuy nhiên trường phái La-mã phát triển mạnh hơn và thống trị hình thức nghi lễ của Tây giáo hội. Các hình thức nghi lễ này có tính tổ chức và chuẩn hóa cao. Bắt đầu từ thế kỷ thứ mười một, một trong những thay đổi đáng chú ý trong hệ thống nghi lễ La-mã là sự xuất hiện và phát triển của lễ Mi-sa (the Mass), một sự thay đổi đem đến nhiều ảnh hưởng tiêu cực trong giáo hội. Nghi lễ ngày trước vốn chú trọng sự tham gia của cả cộng đồng- bao gồm người hát, đọc Kinh thánh, và người chủ lễ- đã biến mất và nhường chỗ cho một hình thức mới. Trong hình thức mới này, chủ lễ đứng xoay lưng về hội chúng, đèn nến trở nên phổ biến, và buổi lễ hầu như diễn ra hoàn toàn do chủ lễ và không có một sự tham dự nào của hội chúng.

Thật vậy, hội chúng chỉ là những người xem lễ, không hiểu nội dung buổi lễ, và hầu hết thời gian chỉ thấy lưng của người hành lễ mà thôi. Nhiều nghi thức cầu kỳ được thêm thắt như làm dấu thánh giá ba lần (chỉ ba lần Chúa bị sỉ nhục), chủ lễ xoay hướng về hội chúng năm lần (chỉ năm lần Chúa hiện ra sau khi Ngài sống lại), hôn bàn

thờ, và các hình thức diễn lễ khác...Các hình thức nghi lễ khác cũng rộ lên trong thời kỳ này, ví dụ như cầu các thánh, thờ phượng Ma-ri, xưng tội qua màn, hài cốt thánh, làm công quả.v.v.

Các khuyết điểm của sự thờ phượng thời kỳ này gồm có:

- ❖ Đề cao hình thức dâng tế lễ dẫn đến sự lạm dụng
- ❖ Người thờ phượng chỉ là người xem lễ
- ❖ Các lời cầu nguyện như những miếng vải chắp vá đây đó, không ăn khớp và vì vậy không có ý nghĩa
- ❖ Thiếu sót trong sự cầu nguyện với Đức Thánh Linh để được Ngài hướng dẫn, chi phối mọi hoạt động
- ❖ Thụ động vì diễn ra với một ngôn ngữ chết, ít người hiểu. Davies (1957) nhận xét rằng bởi vì sự thờ phượng của Công giáo La-mã thời bấy giờ được thực hiện bằng một ngôn ngữ xa lạ, nó đã đánh mất điểm quan trọng của sự thờ phượng thật đó là tính dạy dỗ, gây dựng đức tin của những người thờ phượng.

III. Thờ phượng thời kỳ cải chánh

Điểm nổi bật trong phong trào cải chánh tách khỏi giáo hội Công giáo La mã thường là những bài viết mang tính học thuật cao hoặc những bản tuyên ngôn nổi tiếng được viết bởi các nhà cải chánh thời bấy giờ như Martin Luther, Ulrich Zwingli và John Calvin. Tuy nhiên, đối với giới bình dân điều hiển nhiên nhất của phong trào cải chánh là sự thờ phượng. Tín hữu theo phe cải chánh thực hiện nghi lễ thờ phượng bằng ngôn ngữ hiện hành của họ và bằng hình thức rất khác với Công giáo La-mã. Điểm khác biệt quan trọng nhất đó là sự nhấn mạnh vào tầm quan trọng của Kinh thánh với chủ trương đọc trước hội chúng và giảng giải để có thể hiểu được.

Sau đây là bốn trường phái thờ phượng tiêu biểu đại diện cho những vị trí khác nhau trên thang đánh giá hình thức thờ phượng từ bảo thủ đến cấp tiến.

A. Thờ phượng theo phái Luther

Cải cách thờ phượng theo phái Luther dựa trên nguyên tắc nếu điều gì Kinh thánh không cấm tuyệt thì giáo hội có quyền giữ. Vì vậy, thờ phượng theo phái Luther giữ lại phần lớn các tập tục nghi lễ của Công giáo La-mã. Tuy nhiên, những điểm đáng chú ý của phái Luther trong sự thờ phượng là:

- ❖ Vị trí quan trọng của Kinh thánh trong sự thờ phượng.
- ❖ Tiệc thánh vẫn là trung tâm sự thờ phượng. Luther quan niệm Tiệc thánh phải được thực hiện mỗi ngày và sự hiện diện thật của thịt và huyết của Chúa trong bánh và chén.
- ❖ Lễ Mi-sa không được xem như sự đơn thuần lặp đi lặp lại sự chết của Chúa Jêsus nhưng là sự cùng tham dự, dâng chính mình như của lễ với Chúa Jêsus Christ.
- ❖ Vai trò của hội chúng trong sự thờ phượng được quan tâm hơn, cụ thể là các nghi lễ được cử hành trong ngôn ngữ hiện hành có thể hiểu được.
- ❖ Chú trọng đặc biệt đến việc sử dụng âm nhạc và thánh ca trong sự thờ phượng. Chính ông đã tiên phong trong việc sáng tác các bản thánh ca. Bài hát “Chúa vốn bức thành kiên cố” của Martin Luther là một dấu ấn đậm nét cho thời kỳ cải chánh.
- ❖ Giảng dạy được phục hồi như một phần quan trọng của sự thờ phượng hội chúng.

B. Thờ phụng theo phái Cách tân (Reformed)

Thờ phụng theo phái Cách tân dựa trên quan điểm của Calvin cho rằng chỉ có điều gì Kinh thánh dạy một cách rõ ràng mới được sử dụng trong sự thờ phụng. Vì vậy, các hệ phái ảnh hưởng bởi Calvin ít có khuynh hướng trở lại với các hình thức thờ phụng thời trung cổ của Công giáo La-mã. Trường phái Cách tân xuất phát từ một số trung tâm bao gồm Zurich, Basel, Strassburg và Geneva.

Ulrich Zwingli (1484-1531) từ Zurich bắt đầu phong trào cải chánh dưới ảnh hưởng đậm nét của học thuật nhân văn và chủ nghĩa kinh viện triệt để. Ông nôn nóng đem sự thờ phụng trở lại nguồn của Kinh thánh và qua đó mong muốn đưa nó về với quan điểm thuộc linh hơn, đối lập với quan điểm trọng hình thức vật chất. Mặc dù là một nhạc sĩ, Zwingli từ chối sử dụng âm nhạc trong thờ phụng, cho rằng điều này có nguy cơ chi phối hay lôi kéo sự thờ phụng khỏi khía cạnh thuộc linh. Thay vào đó, tín hữu có thể đọc hoặc hát đối đáp các thi thiên hoặc các bài thuộc dạng thánh ca trong Kinh thánh. Không lạ gì khi ông chủ trương dẹp bỏ tất cả những hình tượng, biểu tượng sử dụng trong thờ phụng trước đó. Đối với Zwingli, dự Tiệc thánh bốn lần một năm là đủ với mục đích tưởng nhớ mà thôi.

John Calvin (1509-1564) ở Geneva đóng góp lớn nhất cho nền thần học Cách tân. Ông mạnh dạn hơn Luther trong việc thay đổi các hình thức thờ phụng nhưng không quá cực đoan như Zwingli. Thần học Cách tân theo Calvin không phải là một nền thần học mới nhưng chỉ là những niềm tin căn bản của các tín hữu Cơ đốc thời kỳ ban đầu đặt nền tảng trên Kinh thánh. Về tín lý Tiệc thánh, Calvin ở giữa Luther và Zwingli. Ông không đi quá xa như Zwingli cho rằng lễ Tiệc thánh chỉ là sự tưởng niệm, nhưng ông cũng không hoàn toàn đồng ý với Luther về sự hiện diện thật của thịt và huyết của Chúa trong bánh và chén.

Calvin cho rằng hát hội chúng là một phần quan trọng của sự thờ phượng. Vì hội chúng thời bấy giờ không quen hát nên ông đề nghị chọn ra các em nhi đồng có giọng tốt và lập một ban hát để qua đó hội chúng có thể học theo và hát được. Martin Bucer ở Strassbourg ảnh hưởng Calvin trong lối thờ phượng mới khi ông phục vụ ở một hội chúng nói tiếng Pháp ở Strassbourg. Thật ra, chính Bucer là người đã bỏ đi chữ ‘lễ Mi-sa’ và thay bằng chữ ‘Tiệc thánh’, chữ ‘bàn thờ’ và thay bằng từ ‘bàn tiệc Thánh.’ Ông cũng bỏ đi những lễ đặc biệt của các thánh. Bucer chú trọng đến khía cạnh tự do trong việc soạn thảo nghi lễ, tin rằng Đức Thánh Linh sẽ vận hành ở giữa người thờ phượng qua đó giúp họ thờ phượng, tôn vinh Chúa một cách tự do không bị bó buộc.

C. Thờ phượng theo Anh quốc giáo

Thờ phượng theo Anh quốc giáo trộn lẫn nhiều màu sắc khác nhau giữa cách thờ phượng tương tự như Công giáo La-mã và ảnh hưởng của Thanh giáo (Puritans). Tuy nhiên, cuốn *Sách cầu nguyện thông dụng* (the Book of Common Prayer) được xem là căn bản cho giáo hội Anh quốc giáo. Tổng giám mục Thomas Cranmer (1489-1556) cho xuất bản cuốn *Sách cầu nguyện thông dụng* vào năm 1549 và 1552. Qua quá trình dịch thuật, cô đọng, tái bản, Cranmer đã cố gắng đặt vào tay của mọi người dân Anh một cuốn sách bao gồm tất cả những buổi cầu nguyện thờ phượng hằng ngày và cũng lược bỏ những nghi lễ không cần thiết.

D. Thờ phượng theo Anabaptist

Những người Anabaptist, tiền thân của nhóm Mennonites, Baptists, Amish, Hutterites, chủ trương một hội thánh trong sạch và lối sống Cơ đốc tuyệt đối tuân theo Kinh thánh. Họ từ chối những hình thức thờ phượng không có sự hậu thuẫn rõ ràng của Kinh thánh. Vì chủ trương một hội thánh bao

gồm những tín hữu sống trong sạch, thánh khiết, người Anabaptist rất khắt khe trong việc tiếp nhận thành viên. Chỉ những người đã chịu báp têm mới được làm thành viên và những người đã là thành viên nhưng có đời sống không thánh khiết sẽ bị loại trừ như tinh thần của I Cô-rinh-tô 5:13. Những cộng đồng Amish, Mennonite, Hutterite ở thế kỷ mười chín sống biệt lập với thế giới bên ngoài. Tuy ít, nhưng lối sống kỷ luật của họ làm cho không ít người thán phục.

IV. Thờ phụng thời kỳ sau cải chánh

Trong khoảng năm 1600 đến 1900 các phong trào Tin lành tiếp tục phát triển với nỗ lực quay trở lại với Kinh thánh và làm mới lại sự thờ phụng cũng như những cách tổ chức hội thánh. Kết quả là có nhiều truyền thống khác nhau ra đời dựa trên sự giải thích và biểu hiện khác nhau về khái niệm thờ phụng và những điểm thần học có liên quan.

Dưới đây là một vài nét căn bản của một số truyền thống tiêu biểu phát triển ở thời kỳ này.

A. Thờ phụng theo Thanh giáo

Nhóm này cam kết chỉ theo Kinh thánh trong các vấn đề thờ phụng. Đặc biệt, họ cũng nhấn mạnh đến thần học giao ước và sự cầu nguyện. Đối với người Thanh giáo, các nhà cải cách Anh quốc vẫn chưa từ bỏ hẳn những ảnh hưởng của Công giáo La mã. Vì vậy họ muốn ‘thanh tẩy’ hội thánh triệt để hơn bởi những quan điểm thần học riêng của họ. Họ nhấn mạnh chỉ dựa vào Kinh thánh mà thôi trong sự thờ phụng. Hơn nữa, họ cũng chú trọng cả tri thức và tấm lòng: lễ thật được dạy dỗ khi thờ phụng phải được sống trong cuộc sống hằng ngày. Các tín hữu thường ghi lại bài giảng và người cha hay chủ gia đình thường có trách nhiệm hỏi lại con cái trong nhà xem chúng có để ý lắng nghe bài giảng hay không. Họ

cảm thấy có trách nhiệm đối với đời sống thuộc linh của con cái họ. Về thần học giao ước, họ xem họ như tuyển dân Y-sơ-ra-ên xưa, là một dân thánh, biệt riêng ra cho Chúa, được chọn để bước vào giao ước đời đời với Ngài.

B. Thờ phượng theo Báp-tít

Cũng giống như người Thanh giáo, nhóm Báp-tít chủ trương một sự thờ phượng hoàn toàn dựa vào Kinh thánh. Họ nỗ lực loại bỏ dần các hình thức của con người vốn đã được thiết lập trong giáo hội Công giáo La-mã và chỉ dựa vào các mẫu mực được hậu thuẫn bởi Kinh thánh. Theo họ, sự thờ phượng thật phải theo Kinh thánh và không dựa vào bất cứ một cuốn sách nào khác. Buổi thờ phượng của họ bắt đầu với lời cầu nguyện tự do, không theo khuôn mẫu nhất định của một mục sư. Sau đó mục sư đọc một phân đoạn Kinh thánh và giảng dựa theo phân đoạn đó. Kế đến, ba hoặc bốn tín hữu giảng hoặc khích lệ hội chúng dựa trên cùng một phân đoạn Kinh thánh nếu thời gian cho phép. Cuối cùng, mục sư cầu nguyện, dâng hiến và chúc phước kết thúc buổi nhóm. Việc ngợi khen, tôn vinh diễn ra tự do, tùy ý, không được định trước với lý do rằng những lời thi thiên hay thánh ca soạn sẵn sẽ gây cản trở cho sự vận hành của Đức Thánh Linh.

Về sau này, khoảng giữa thế kỷ mười bảy với sự xuất hiện của nhóm Quaker và một số nhóm quá cách tân, người Báp-tít không muốn sự thờ phượng của họ trở nên hỗn độn hoặc quá tự do như những nhóm này, nên thay vì nhấn mạnh đến sự hành động của Thánh Linh, họ thiên về Kinh thánh nhiều hơn. Đồng thời họ cũng đi đến quyết định chỉ những người được biệt riêng ra trong chức vụ mới hướng dẫn thờ phượng.

C. Thờ phụng theo nhóm Quaker

Thờ phụng theo nhóm Quaker được xem như không có một tổ chức hay cấu trúc nhất định. Điểm đặc biệt của nó là sự yên lặng trong thờ phụng để lắng nghe sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh. Người sáng lập nhóm là George Fox (1624-1691), người khám phá ra khái niệm “ánh sáng nội tại” trong mỗi con người. Theo ông, ánh sáng này giúp đem con người lại gần với Chúa hơn là qua Kinh thánh hay những tế lễ bởi vì nó trực tiếp đến Thánh Linh mà không phải qua trung gian của giới tăng lữ hay một hình thức thờ phụng định sẵn nào hết.

Vì tất cả đều bình đẳng trước mặt Đức Thánh Linh, cả nam và nữ, đàn ông hay đàn bà, nô lệ hay chủ, người có chức tước thứ bậc trong xã hội, giàu nghèo đều được xem như nhau và đều có quyền phát biểu trong buổi thờ phụng. Theo quan điểm của họ, Đức Thánh Linh dùng những cá nhân để nói với hội chúng. Về sau này, một số nhân vật tâm cỡ của nhóm này như John Woolman (1720-1772) bày tỏ sự lo sợ rằng các tín hữu chỉ tự mình nói chứ không phải nói do Thánh Linh hướng dẫn. Một số nơi dần dần trở nên có cấu trúc hơn trong sự thờ phụng với sự phụ trách của mục sư.

D. Thờ phụng theo nhóm Methodist

James White nhận xét nhóm Methodist là một phong trào đối văn hóa trong thời kỳ Khai sáng. Trong khi nghi lễ có chiều hướng bị dẹp qua bên lề trong các giáo hội khác, người Methodist ban đầu đã đặt chúng ở vị trí trung tâm; khi sự cuồng nhiệt tôn giáo bị khinh khi, họ biến lòng nhiệt huyết làm yếu tố quan trọng; trong khi tôn giáo bị giới hạn trong khuôn khổ nhà thờ, người Methodist đã đem nó ra ngoài đồng ruộng, nơi đường phố. John Wesley (1703-1791) người sáng lập nhóm Methodist, được xem là một người con trung thành của Anh quốc giáo và là người rất yêu chuộng sự thờ

phượng của giáo hội này. Một số đặc điểm của sự thờ phượng theo nhóm Methodist thời kỳ ban đầu là việc dự Tiệc thánh thường xuyên, các buổi giảng ngoài trời, sự chăm sóc nhau trong nhóm nhỏ và những lời cầu nguyện tự do lẫn theo bài bản. Charles Wesley (1707-1788) đã viết hàng ngàn bản thánh ca. John Wesley chủ trương chủ nghĩa truyền thống thực dụng, theo các hình thức xưa nhưng để đáp ứng nhu cầu hiện đại.

E. Thờ phượng theo nhóm Ngũ Tuần

Webber (1994) nhận xét sự lớn mạnh của nhóm Ngũ Tuần và các truyền thống nhạc ngợi khen (praise traditions) đã làm thay đổi hình dạng của sự thờ phượng khắp nơi trên thế giới. Điểm đáng chú ý của phong trào này là tính thanh thoát, tự ý, không bị gò bó và những biểu hiện cá nhân. Sự thờ phượng cộng đồng cũng được hiểu là sự thờ phượng cùng một lúc của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Tín hữu Ngũ Tuần họp nhau lại để theo đuổi kinh nghiệm cá nhân thiêng liêng và cũng cùng bày tỏ sự liên đới chặt chẽ như một dân của Chúa. Âm nhạc của họ rất sáng tạo và biểu cảm. Họ sáng tác những bài hát ngợi khen diễn tả cảm xúc, kinh nghiệm và sự ngợi khen của họ. Cùng với xu hướng này là những hình thức đứng hát trong một thời gian dài vào đầu buổi thờ phượng, đưa tay lên khi hát và lặp đi lặp lại một số câu trong bài hát.

Nhân một cơ hội tham dự nhóm ở một nhà thờ thuộc phái Ngũ Tuần tại Phi-líp-pin, Wonsuk Ma (2006) đưa ra một số đặc điểm của sự thờ phượng theo nhóm Ngũ Tuần: (1) mạnh mẽ và sôi nổi biểu hiện qua lời nói và cử chỉ của người tham dự, sự nhảy múa, vỗ tay, cầu nguyện lớn tiếng, âm nhạc sống động, lối giảng sinh động đi qua đi lại, làm cử chỉ, điệu bộ.v.v..xen lẫn với những tiếng ‘Amen,’ ‘Halêlugia.’ Điều này xuất phát từ quan điểm thần học cho rằng tín hữu luôn ở trong trạng thái chờ đợi sự thăm viếng của Chúa, một Đấng không phải mơ hồ nhưng cụ thể rõ ràng,

sống động; (2) tất cả cùng tham gia: đường ranh phân biệt giữa mục sư và tín hữu hầu như rất mờ nhạt trong sự thờ phượng này, thì giờ ‘dân chủ’ nhất là lúc làm chứng, mọi người không phân biệt có thể lên nói, chia sẻ, vai trò của Đức Thánh Linh được đề cao; (3) tính thanh thoát, không gò bó biểu hiện qua những lời làm chứng, hướng dẫn hát và cả bài giảng; (4) kinh nghiệm Đấng Siêu việt: Chúa được kinh nghiệm một cách cụ thể không chỉ bằng nhận thức nhưng qua những sự chữa bệnh, cầu thay, xưng tội, nói tiếng lạ.v.v... Qua những điểm kể trên, Wonsuk và Julie Ma (2005) đã từng nhận xét, “Phái Ngũ Tuần là tôn giáo có xương có thịt.”

Tóm lại, các hình thức thờ phượng thuộc các nhóm phái khác nhau qua các thời kỳ cho thấy những phản ứng khác nhau về nội dung và cách thức thờ phượng thời kỳ Trung cổ. Đặc biệt, các phản ứng này đa số tập trung vào vị trí của Kinh thánh và vai trò của người thờ phượng. Tùy vào mỗi hệ phái các nhau, quan điểm về hai chủ đề này day động từ thái cực này đến thái cực kia và những vị trí ở giữa hai thái cực này.

Chương 7

THỜ PHƯỢNG VÀ ÂM NHẠC

Nhiều lần nhiều lúc Kinh thánh truyền dạy và khuyến khích con cái Chúa tôn vinh Ngài. Đối với những người đã được Chúa cứu, hát tôn vinh, ngợi khen Ngài không phải là một điều gượng ép, bắt buộc nhưng là một biểu hiện từ tấm lòng với sự tự nguyện. Có người nói rằng dường như không thể có trường hợp một tín hữu đầy niềm vui nhưng lại không phải là một người hay hát. Nói cách khác, khi một người không biết hát trở thành con cái Chúa, người đó sẽ trở thành ca sĩ cho Chúa (với ý là người đó sẽ vui mừng luôn muốn hát ngợi khen Chúa)! Dĩ nhiên không phải ai cũng được phú cho lỗ tai âm nhạc với giọng hát oanh vàng, và những âm thanh phát ra không phải lúc nào cũng tuyệt vời, đúng nốt, đúng nhịp. Cần nhớ rằng: thờ phượng là biểu hiện của tấm lòng; âm nhạc là biểu hiện của nghệ thuật. Chúng ta không nên nhầm lẫn hai điều này.

Về âm nhạc nói riêng, có những tiêu chuẩn chúng ta dựa vào để đánh giá, ví dụ như cách phát âm, âm sắc, nhịp điệu, và tính phù hợp của từng thể loại hoặc thời kỳ âm nhạc. Mặc dù Kinh thánh không có những chỉ dẫn chi tiết về các kỹ thuật hát hoặc chơi nhạc, xét trên phương diện nghệ thuật, nhưng Kinh thánh cho chúng ta biết cách phải hát thể nào xét về phương diện tấm lòng. Thật vậy, Kinh thánh cho biết

chúng ta phải hát ‘theo tâm thần, nhưng cũng hát bằng trí khôn’ (I Cô-rinh-tô 14:15). Đối với một nghệ sĩ, tự thân âm nhạc cũng có ‘hồn’ của nó. Đối với Cơ đốc nhân, hát với tinh thần dựa trên Kinh thánh là hát hòa điệu với Đức Thánh Linh, Đấng có nhiệm vụ hướng con cái Chúa đến Đấng Christ. Chủ đích của việc hát ngợi khen là dốc đổ, vận dụng tất cả những biểu hiện năng động, mạnh mẽ, trầm bổng... của âm nhạc để tôn vinh Đức Chúa Trời.

A. Hát bằng trí khôn

Trong kinh nghiệm nhiều năm hầu việc Chúa trong lãnh vực âm nhạc, Gordon Borrer (1982) mô tả lại một số nhóm người với biểu hiện khác nhau khi họ tôn vinh Chúa. Nhóm người thứ nhất hát với sự vui mừng tràn ngập tấm lòng và lộ ra bên ngoài vẻ mặt của họ. Khi nhìn họ hát, chúng ta có thể đọc được biểu hiện trên khuôn mặt hay cử chỉ của họ dường như nói rằng “Con yêu Chúa lắm và con muốn Ngài cũng như những người xung quanh con biết điều đó.” Nhóm thứ hai chỉ ngồi yên, thậm chí không thèm nhìn bài hát. Họ dường như không có niềm vui, không cùng hòa lòng với Đức Thánh Linh trong sự ngợi khen. Nhóm thứ ba làm những điều người khác làm. Họ cũng mở thánh ca hay nhìn lên bài hát và mở miệng hát theo. Tuy nhiên, nếu chúng ta tình cờ hỏi họ ý nghĩa của những chữ họ mới vừa hát, họ không biết phải trả lời như thế nào. Họ đã để cho những lời thánh ca đi vào mắt, ra khỏi miệng nhưng không bao giờ để cho nó thấm vào tâm trí của mình.

Một số khác chỉ hát những bài nào mình biết mà thôi. Họ không chịu khó đọc, học, hay suy nghĩ để biết hát. Thông thường, những bài hát quá quen thuộc thường được hát một cách vô thức, không suy nghĩ, và những bài không biết vẫn luôn là những bài không bao giờ được hát. Chúng ta không nên đợi cho đến khi chúng ta ‘cảm thấy muốn hát.’ Cách tốt nhất để con cái Chúa có thể ngợi khen Chúa là cứ việc hát.

Hãy cùng hát cho Chúa, trong Chúa và được khích lệ lẫn nhau.

B. Sự cân bằng trong những bài hát

Cô-lô-se 3:16 và Ê-phê-sô 5:19 cho chúng ta một số chỉ dẫn để cân bằng những bài hát khi ngợi khen Chúa trong lúc nhóm lại với nhau. Mặc dù những câu này không đưa ra những loại bài hát cụ thể, nhưng chúng ta có thể rút ra nguyên tắc rằng các thể loại bài hát khác nhau được khuyến khích sử dụng trong sự thờ phượng.

- ❖ Thánh thi: cũng được xem là ‘thánh ca’ của người Y-sơ-ra-ên. Một số nhà thờ ngày nay chỉ sử dụng Thi thiên để hát ngợi khen.
- ❖ Thánh ca: không dễ định nghĩa từ này nhưng nhìn chung đây là những bài hát về, hoặc cho Đức Chúa Trời (về bản tính, công việc của Ngài...và trực tiếp dành cho Chúa hay chỉ về Chúa).
- ❖ Bài hát thiêng liêng (spiritual songs): những bài hát có cảm hứng từ tâm lòng muốn dâng lời ngợi khen. Có khi nào bạn hát cho Chúa trong thì giờ tĩnh nguyện của mình không? Hãy tự ‘chế’ ra bài hát từ tâm lòng của bạn khi bạn cảm nhận Chúa và muốn đáp ứng lại bằng cách ngợi khen Ngài. ‘Bài hát thiêng liêng’ cũng có thể là những bài hát nói về kinh nghiệm hoặc lời chứng của một cá nhân và chia sẻ cho người khác.

Cho dù bạn có những cách định nghĩa khác nhau về những loại bài hát trên, chúng ta đồng ý với nhau rằng có nhiều biểu hiện hoặc thể loại khác nhau trong sự thờ phượng và cần có sự cân bằng trong các cách biểu hiện này. Tấm lòng đầy sự biết ơn phải đi trước nghệ thuật vì Chúa yêu mến

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

một tấm lòng biết ơn, một tinh thần hòa lòng, và một sự tham gia tích cực bằng trí khôn của những người ngợi khen Ngài. Vẻ đẹp hay cái tinh tế của nghệ thuật sẽ đương nhiên theo sau những tấm lòng muốn dâng lên cho Chúa lời ngợi khen.

C. Âm nhạc có sức mạnh

Khó mà diễn tả được hết sức mạnh của âm nhạc. Thật vậy, âm nhạc có thể đem đến sự kích thích cả về cảm xúc lẫn lý trí mà không một phương tiện truyền thông nào có thể sánh bằng. Từ ngữ tự chúng đã mạnh nhưng nếu kết hợp với đúng loại nhạc, nó có thể làm sôi bùng tâm trí và để lại dấu vết không thể xóa được.

Chúa ban cho chúng ta món quà âm nhạc để chúng ta phát triển và sử dụng nó qua đó chúng ta biểu hiện được những sáng tạo của mình trong việc ngợi khen, tôn vinh Ngài. Thi-thiên 92:1-4 có chép:

*Hỡi Đấng Chí cao, lấy làm tốt mà ngợi khen Đức Giê-hô-va,
Và ca tụng danh của Ngài;*

*Buổi sáng tỏ ra sự nhơn từ Chúa, Và ban đêm truyền ra sự
thành tín của Ngài,*

*Trên nhạc khí mười dây và trên đàn cầm, Họa thành với đàn
sắt.*

*Vì, hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài đã làm cho tôi vui vẻ bởi công
việc Ngài; Tôi sẽ mừng rỡ về các việc tay Ngài làm.*

Chúng ta thấy rõ rằng Đức Chúa Trời đã đặt trong con người khả năng sáng tác và đáp ứng lại âm nhạc. Xuất Ê-díp-tô ký 15: 1 chứng tỏ điều này, “Đoạn, Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên hát bài ca này cho Đức Giê-hô-va, rằng: Tôi ca tụng Đức Giê-hô-va, vì Ngài rất vinh hiển oai nghiêm.” Mỗi

lần Đức Giê-hô-va làm những điều lớn lạ, dân sự Ngài lại bật lên những bài ca ca ngợi Ngài.

Khi một người hạnh phúc, tràn ngập niềm vui thì những bài ca xuất phát từ môi miệng của họ là điều tự nhiên. Đức Chúa Trời đã đặt trong chúng ta một bài ca vui mừng khi mọi sự diễn ra êm đẹp. Tưởng tượng hình ảnh một người đang bận rộn vừa sửa xe vừa huýt gió, ngâm nga một bài hát, chúng ta biết anh này đang làm trong vẻ say mê, thích thú; tương tự hình ảnh một phụ nữ vừa sửa soạn bữa ăn vừa hát khe khẽ một bài hát quen thuộc.

Có hai lý do chủ yếu khiến chúng ta khó tìm thấy một bài hát trên môi của một người trong xã hội ngày nay:

1. Áp lực của một cuộc sống vô mục đích (không có Chúa): một xã hội bận rộn, quay cuồng với tốc độ ngợp thờ đã lấy đi bài hát trên môi của con người.
2. Âm nhạc ở khắp mọi nơi (trong nhà, trong xe, nơi công cộng, nơi sở làm, trường học, bệnh viện, các cơ sở thương mại... làm cho con người dường như cảm thấy không cần phải hát nữa. Chúng ta cần sự yên lặng để cảm nhận sự hiện diện và quan phòng của Chúa trên đời sống chúng ta. Trong sự yên lặng này, Chúa sẽ cho chúng ta một bài hát.

Đức Chúa Trời biết rõ sức mạnh của những bài hát đối với con cái Ngài. Mục sư Jack Hayford (2000) cho biết có 85 đoạn Kinh thánh khuyến khích con dân Chúa tôn vinh, ca ngợi Ngài. Hầu hết những đoạn này được tìm thấy trong Thi-thiên nhưng cũng có một số ở trong Tân ước. Sau đây là một số trường hợp điển hình.

1. Bài ca của các sao mai (Gióp 38:7).

2. Bài ca cứu chuộc của dân Y-sơ-ra-ên khi họ ra khỏi Ê-díp-tô (Xuất Ê-díp-tô ký 15:1-21).
3. Các bài ca ngợi trong Thi thiên
4. Bài ca đối đáp của những ban hợp xướng ở buổi lễ cung hiến xây dựng lại tường thành Giê-ru-sa-lem (Nê-hê-mi 12:40).
5. Bài ca mới của những người được cứu trong Đấng Christ (Cô-lô-se 3:16).
6. Bài ca của những người được cứu và các thiên sứ hợp nhau trước ngai Chiên Con (Khải huyền 5:9-10; 12, 13).

Một cách tổng quát, từ đầu đến cuối Kinh thánh, chúng ta thấy rõ những biểu hiện âm nhạc và sức mạnh của nó.

D. Satan và thế gian biết sử dụng sức mạnh của âm nhạc

Vua của thế gian mờ tối này biết rất rõ sức mạnh của âm nhạc. Chúng ta để ý sẽ thấy Satan thường dùng những điều Đức Chúa Trời làm ra vốn tốt đẹp cho con người hưởng và phát triển, thì Satan dùng những điều đó và làm ô uế đi cho những mục đích xấu xa của nó. Satan đã siết chặt gọng kìm và ảnh hưởng thế hệ ngày nay đi vào sự phạm tội, thỏa hiệp, dâm dục, lừa dối...và một trong những công cụ hữu hiệu nhất đó là âm nhạc. Một ý tưởng (bất kể tốt hay xấu) lồng vào một giai điệu hay, kết hợp với một cường độ nhịp điệu nhất định được lặp đi lặp lại nhiều lần có thể đi vào tâm trí của con người. Kinh thánh cho biết điều chúng ta suy nghĩ ảnh hưởng đến bản thân chúng ta. Ma quỷ đã lợi dụng âm nhạc tinh vi đến nỗi chúng ta gần như muốn kết luận rằng âm nhạc là xấu. Điều ma quỷ muốn làm qua âm nhạc đó là lừa

đổi tấm lòng của con người và làm ô uế tâm trí của họ. Nó biết rằng âm nhạc là một vũ khí lợi hại để gieo rắc ý tưởng của nó vào tấm lòng con người và từ đó ảnh hưởng hành vi của họ.

Các nhà kinh doanh cũng biết điều này. Muốn bán một món đồ nào đó, bạn phải hát về nó. Quảng cáo nước giải khát Coca-cola hay một hiệu giày thể thao nổi tiếng, bạn cần phải có một giai điệu êm tai, dễ nghe, bắt tai, bắt mắt. Âm nhạc có thể tôn một sản phẩm nào đó lên rất cao, rằng nếu chúng ta không có nó, đời sống sẽ không trọn vẹn, vì vậy phải ‘thử’ nó. Tương tự như vậy, thật ra, đó chính là lý do Chúa ban tặng âm nhạc cho con người, đó là để tôn cao Ngài, để nhận biết Ngài, và để duy trì mối tương giao tươi mới mỗi ngày với Ngài.

E. Đánh trận bằng bài hát

Dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa đã đánh trận bằng bài hát. Sách II Sử ký 20: 1-25 ghi lại một sự kiện rất đáng để học hỏi. Trong thời vua Giô-sa-phát, dân Giu-đa đối diện với một thách thức rất lớn, đó là sự khiêu chiến của dân Mô-áp, Am-môn và đồng minh. Cả dân sự, từ vua đến dân đã hết lòng tìm cầu Đức Giê-hô-va và kêu xin sự giải cứu từ nơi Ngài. Sau khi vua nghe được lời hứa chắc chắn của Đức Giê-hô-va qua miệng của một tiên tri, vua và cả dân sự đã quỳ gối xuống và thờ phượng Đức Giê-hô-va. Trong lúc đó, người Lê-vi đứng dậy “cất tiếng lớn ngợi khen Đức Giê-hô-va” (câu 19). Sáng hôm sau, Giô-sa-phát chỉ huy dân sự dàn trận để sẵn sàng chiến đấu. Điều rất ngạc nhiên đó là vua xếp những người ca hát đi trước, vừa đi vừa hát lớn tiếng rằng, “Hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va, vì sự thương xót Ngài hằng có đời đời.” Kinh thánh ký thuật rằng, “Đương lúc chúng khởi ca hát và ngợi khen thì Đức Giê-hô-va đặt phục binh xông vào dân Am-môn, dân Mô-áp và những kẻ ở núi Sê-i-rơ đã đến hãm đánh Giu-đa; và các dân ấy đều bị bại” (câu 22).

Rõ ràng vai trò của mục vụ âm nhạc trong thời kỳ này rất quan trọng. Nói cách khác, nó mang trên vai sự sống còn của một dân tộc. Người Lê vi (trong câu 19) là những người được biệt riêng để lo cho việc hát ngợi khen Chúa (I Sử ký 6:31). Họ là ban hợp xướng của dân Y-sơ-ra-ên. Họ đã được chỉ định từ thời Đa-vít để phụ trách mục vụ âm nhạc trong dân Y-sơ-ra-ên. Trong khi mọi người khác đều quỳ xuống trước mặt Chúa, thờ phụng Ngài, họ là những người đứng lên và hướng dẫn hội chúng ca ngợi Ngài về sự đắc thắng mà Ngài đã hứa.

Đoàn quân tiên phong trong đạo binh của Đức Chúa Trời không phải là những chiến sĩ với gươm dao oai vệ nhưng là những người ca hát chúc tụng Đức Giê-hô-va với niềm tin kiên định nơi lời hứa của Ngài. Nếu Chúa đã nói chiến trận thuộc về Ngài, thì không có gì bằng khi ra trận chạm trán với quân thù với bài hát chiến thắng. Vì vậy, khi Chúa nói với chúng ta rằng chiến trận thuộc về Chúa và chiến thắng là điều chắc chắn, thì chúng ta nên đi ra gặp quân thù với bài ca cảm tạ Chúa. Mặc dù chiến thắng thuộc về Chúa, Ngài vẫn dùng phương tiện là con người, ban hợp xướng thờ phụng, để qua đó đem chiến thắng về.

Mục sư John Piper (1985) đưa ra hai nhận định qua câu chuyện này. Thứ nhất, sự thờ phụng tâm linh và cuộc chiến thuộc linh cần được thực hiện qua tiếng hát. Thứ hai, Chúa dùng những bài hát làm vũ khí hữu hiệu để nghịch lại với kẻ thù là Satan. Như trong câu 22 của đoạn Kinh thánh này, kẻ thù đã bị rối loạn khi dân sự của Ngài cất tiếng hát.

Một câu chuyện khác hỗ trợ cho ý này được ghi lại trong Công vụ 16:19-29 khi Phao lô và Si-la bị bắt tra tấn, đánh đòn và quăng vào ngục tối. Trong một hoàn cảnh đau đớn, tối tăm và bế tắc nhất, họ đã cầu nguyện và hát ngợi khen Chúa. Đây cũng là chìa khóa cho đời sống mỗi chúng ta, “Khi chạm đến đáy của vực sâu, hãy hát ngợi khen

Chúa.” Tại sao họ hát? Vì họ trông mong quyền năng của Chúa được bày tỏ. Họ học biết rằng hát ca ngợi Chúa không những là sự đáp ứng lại ân điển của Ngài nhưng là một vũ khí trong chiến trận thuộc linh. Cũng giống như Giô-sa-phát và nhiều người trong chúng ta, họ biết rằng một khi con cái Chúa dâng lời hát, Chúa sẽ làm cho kẻ thù bị rối loạn.

F. Các ích lợi của âm nhạc

Trong khi âm nhạc đã bị Satan lợi dụng, bị giới kinh doanh thương mại hóa, thì Hội thánh Chúa nhiều khi lại làm ngược. Dĩ nhiên, cũng có một số sử dụng âm nhạc theo mục đích thanh cao của nó, và dĩ nhiên cũng có nhiều hội thánh coi trọng vai trò của âm nhạc.

Âm nhạc là:

- ❖ Một trong những phương tiện tốt nhất của hội thánh để tôn cao Chúa, chúc tụng bản chất và công việc của Ngài. Điều này biểu hiện ở cả mức độ cá nhân và tập thể.
- ❖ Một trong những cách tốt nhất để dạy dỗ lẽ thật Kinh thánh. Lời Chúa, qua phương tiện âm nhạc, có thể xuyên thấu tâm trí và tấm lòng của con người và trú lại đó. Điều chúng ta hát, chúng ta sẽ nhớ vì chúng ta kết hợp sức mạnh của trí khôn và cảm xúc.
- ❖ Một trong những cách tốt nhất để rao truyền sứ điệp Tin lành cho những người chưa tin. Qua lịch sử của các buổi truyền giảng hoặc những công tác truyền giáo bản xứ, âm nhạc chứng tỏ khả năng hữu hiệu của nó để vươn ra bên ngoài, đụng đến tấm lòng của nhiều người ở những tầng lớp văn hóa khác nhau.

Khi suy nghĩ đến mục vụ âm nhạc, xin Chúa cho chúng ta có thể dâng lên những lời cầu nguyện như sau:

- ❖ Xin Chúa giúp cho con nhận ra rằng âm nhạc là món quà Chúa ban để con bày tỏ tấm lòng của con đối với Ngài và với những người xung quanh
- ❖ Xin Chúa Thánh Linh giúp con phát triển và yêu mến món quà này với tất cả ý nghĩa cao đẹp của nghệ thuật
- ❖ Xin Chúa ban cho những nhạc sĩ biết Chúa dốc đổ năng lực vào mục vụ này để tôn vinh Chúa, gây dựng hội thánh Ngài và vươn ra cộng đồng bên ngoài với một sứ điệp Tin lành rõ ràng.

G. Các nguyên tắc sử dụng âm nhạc trong sự thờ phượng

Mục sư R. Kent Hughes (2002) nhấn mạnh rằng âm nhạc chỉ có giá trị trong sự thờ phượng Cơ đốc nếu từ đầu cho đến cuối buổi thờ phượng nó tham dự hoặc góp phần vào mục vụ lời Đức Chúa Trời. Đó là lý do tại sao âm nhạc phải luôn được xem xét cẩn thận và mục vụ âm nhạc phải luôn được xây dựng với trọng tâm là lời Chúa. Các ví dụ lịch sử điển hình của Ambrose và Luther cho thấy tầm quan trọng của nó trong việc đem con người đến đức tin theo Kinh thánh. Mục sư Kent Hughes liệt kê sáu nguyên tắc của việc sử dụng âm nhạc trong sự thờ phượng hội chúng như sau:

1. Âm nhạc phục vụ cho sự giảng dạy: trong bối cảnh của một buổi thờ phượng, âm nhạc được xem là đầy tớ của bài giảng. Bởi vì toàn bộ buổi thờ phượng được xây dựng xung quanh bài giảng, tất cả các bài hát, thánh ca, và các yếu tố khác cần liên hệ đến hoặc bổ sung cho các khía

canh của bài giảng. Mặc dù tất cả các bài hát đều là tôn ngợi Chúa, bài hát trong một buổi thờ phượng cụ thể có thể hướng đến một mỹ đức của Chúa, một nguyên tắc Thánh Kinh, một cam kết nào đó mà bài giảng có đề cập đến. Như vậy, những điều hội chúng hát hoặc nghe hát sẽ xuất phát từ, hoặc xoay quanh một nền tảng Kinh thánh chủ yếu cho buổi thờ phượng hôm đó. Những bài chỉ sử dụng nhạc cụ không có lời cũng có thể hướng đến điều này qua tính chất êm lắng, mạnh mẽ, vui mừng, điệp khúc hành quân...như được phản ánh qua nền tảng Kinh thánh của một buổi thờ phượng. Don Hustad (1993) mô tả âm nhạc trong thờ phượng thể hiện ‘chức năng’ tính. Lời nói và hành vi của con dân Chúa trong buổi thờ phượng (1) tạo nên nhu cầu cần có âm nhạc, (2) cung cấp môi trường để âm nhạc được thể hiện, và (3) làm nhiệm vụ như quan tòa để xét xem âm nhạc có thật sự tôn cao Đấng Christ và lời của Ngài trong buổi thờ phượng hay không.

2. Âm nhạc dẫn đến sự trưởng thành: Chính hành động hát lời của Chúa hay những lễ thật trong Kinh thánh về Chúa tự nó có chức năng dạy dỗ bởi vì âm nhạc rất dễ thuộc. Nhìn lại Thi-thiên chúng ta sẽ thấy rõ chức năng này. Bởi vì âm nhạc có tính truyền cảm một cách rất tự nhiên, cần phải hết sức cẩn thận để truyền đạt một cách trung thành lễ thật Kinh thánh qua âm nhạc. Ngày nay nhiều hội thánh quá chú trọng đến mặt cảm xúc mà bỏ qua tính chính xác của lời Chúa trong các bài hát. Âm nhạc hoàn thành chức năng của nó khi nó trung thành với lời Đức Chúa Trời. Sứ đồ Phao lô viết cho các tín hữu hội thánh Cô-lô-se như vậy, “Nguyên xin lời của Đấng Christ ở đây trong lòng anh em, và anh em đừng đặt mọi sự khôn ngoan. Hãy dùng những ca vịnh, thơ thánh, bài hát thiêng liêng mà dạy và khuyên nhau, vì được đầy ơn Ngài nên hãy hết lòng hát khen Đức Chúa Trời.” Mục sư Jack Hayford (2000) cho biết đoạn Kinh thánh này rõ ràng kết

nổi sự in khắc lời Chúa có hiệu quả với sự hát ngợi khen và thờ phượng. Thông thường chúng ta nghĩ đây là hai yếu tố riêng biệt với nhau: hát ngợi khen trong thờ phượng có tính chất truyền cảm hứng trong khi sự khích lệ bởi lời Chúa chỉ mang tính dạy dỗ. Tuy vậy, đoạn Kinh thánh này cho thấy trí hiểu của con người và cảm xúc hòa quyện vào nhau qua sự hát ngợi khen Chúa. Nói cách khác, lẽ thật Kinh thánh thâm rỗng, khắc sâu hơn vào tâm trí người thờ phượng khi họ hát ngợi khen Chúa bằng chính lời của Ngài. Sự thờ phượng được nâng cao và khởi sắc khi những người tạo âm nhạc (người sáng tác, người nhạc trưởng, và tất cả những người hát hoặc chơi nhạc cụ) và hội chúng đều quỳ gối xuống trước sự vinh hiển của Chúa và khiến cho âm nhạc trở nên phục tùng lời của Ngài.

3. Âm nhạc là nhiệm vụ của tất cả mọi người: Trong thời Cựu Ước, âm nhạc mang chức năng thầy tế lễ; thời Tân Ước vẫn duy trì điều này. Chúa Jêsus, thầy tế lễ tối cao của chúng ta, phán rằng: “Tôi sẽ truyền danh Chúa cho anh em tôi; Và ngợi khen Chúa ở giữa hội” (Hê-bơ-rơ 2:12). Và dĩ nhiên, là vương quốc thầy tế lễ, con cái Chúa cùng họp lại với nhau để ca ngợi Ngài. Sứ đồ Phao lô dặn dò tín hữu hội thánh tại Cô-rinh-tô, “Khi anh em nhóm lại với nhau, trong anh em, ai có bài ca, hoặc bài giảng dạy, hoặc lời tỏ sự kín nhiệm, hoặc nói tiếng lạ, hoặc giải tiếng lạ chẳng? Hãy làm hết thảy cho được gây dựng” (I Cô-rinh-tô 14:26). Là con cái của Chúa, họ phải sử dụng giọng của mình để gây dựng hội thánh. Vì vậy, rõ ràng đây là trách nhiệm của tất cả mọi người. Ngoài ra, Phao lô cũng khích lệ con cái Chúa tại hội thánh Cô-lô-se sử dụng âm nhạc trong sự ngợi khen Chúa, “Hãy dùng những ca vịnh, thơ thánh, bài hát thiêng liêng mà dạy và khuyên nhau, vì được đầy ơn Ngài nên hãy hết lòng hát khen Đức Chúa Trời” (Cô-lô-se 3:16). Phao lô nắm được tính không thể tách rời giữa lời của Chúa và

Thánh Linh của Ngài (như lời nói và hơi thở). Đây là điều hội thánh Chúa cần làm khi hát ngợi khen Ngài. Đó là trách nhiệm của mỗi thành viên trong thân thể Đấng Christ khi họ nhóm nhau lại.

4. Vấn đề lựa chọn âm nhạc, bài hát rất quan trọng: việc lựa chọn nhạc thờ phượng cho thích hợp không phải đơn thuần là vấn đề lựa chọn giữa nhạc truyền thống và nhạc hiện đại. Quyết định phải được dựa trên nguyên tắc rõ ràng. Dù chọn nhạc ở bất cứ thể loại nào, việc quyết định phải dựa trên ba nguyên tắc: lời, điệu, và khung cảnh.
 - a. *Lời*: Việc xem xét lời của bài hát phải đi trước. Người chọn lựa nhạc phải chọn lời đi sát với trọng tâm sứ điệp của bài giảng hôm đó. Người chọn lựa phải làm việc với bài hát một bên và Kinh thánh ở bên kia để có sự đối chiếu, tra xét kỹ lưỡng xem nội dung lời hát và lẽ thật Kinh thánh có ăn khớp với nhau hay không. Câu hỏi đặt ra đó là: lời hát có theo Kinh thánh hay không? Có một vài lời hát vẽ nên bản chất của Đức Chúa Trời nghe rất thơ và dùng những hình ảnh đầy cảm xúc ‘như trong phim.’ Tuy vậy, nên cẩn thận xét xem chúng có phản ánh đúng hình ảnh được dùng trong Kinh thánh hay không, hay chỉ là sáng tác theo ý riêng của con người. Bài hát “Ngài là tất cả” (You are my all in all) có những hình ảnh ví Chúa là sức mạnh, là báu vật, là ngọc châu... Bài “Nếu Chúa là...” ví Chúa là trái đất, mặt trời, suối mát, mẹ hiền.v.v... Cũng có một số lời hát dựa theo lời trong Kinh thánh nhưng bối cảnh của nó hoàn toàn khác. Ví dụ, bài “Một ngày tươi mới” với nhịp điệu vui tươi, nhộn nhịp thường được dùng để hát vào buổi sáng Chúa nhật khi bắt đầu buổi thờ phượng. Thật ra, bối cảnh của Thi-thiên 118:21-25 nói đến ngày đoán xét cuối cùng. Hãy xem những câu ở trước và sau lời hát quen thuộc chúng ta thường hát, “Hòn đá mà thợ xây loại ra, Đã trở nên sự cứu rỗi cho tôi. Hòn đá mà

thợ xây loại ra, Đã trở nên đá đầu góc nhà. Điều ấy là việc Đức Giê-hô-va, Một sự lạ lùng trước mặt chúng tôi. Đây là ngày Đức Giê-hô-va làm nên, Chúng tôi sẽ mừng rỡ và vui vẻ trong ngày ấy. Đức Giê-hô-va ôi! xin hãy cứu; Đức Giê-hô-va ôi, xin ban cho chúng tôi được thối-thạnh.” Thật ra, Chúa Jê-sus đã dùng câu 22 để xác quyết về sự phán xét: “Đức Chúa Jê-sus bèn ngó họ mà rằng: Vậy thì lời chép: Hòn đá thợ xây nhà bỏ ra, Trở nên đá góc nhà, nghĩa là gì? Hễ ai ngã nhằm đá này, thì sẽ bị giập nát, còn đá này ngã nhằm ai, thì sẽ giập người ấy” (Lu-ca 20:17-18). Vâng, đây là ngày Đức Giê-hô-va làm nên. Và, chúng ta vui mừng trong ngày ấy. Tuy nhiên, không phải như cách thức hoặc thời điểm mà bài hát đề nghị. Một bản dịch Việt ngữ khá phổ biến của bài hát này chèn thêm ý nghĩa rằng đây là một ngày tươi mới, một ngày mà Chúa ban cho trên đời sống hằng ngày của con cái Chúa. Bối cảnh của Kinh thánh không chỉ nhiều ngày tươi mới, nhưng chỉ nói đến một ngày, ngày đoán xét cả nhân loại. Đây là ngày vui mừng vì trong ngày này Chúa cứu những ai tin cậy Ngài. Vì vậy, riêng đối với hội thánh Việt nam vốn hay sử dụng các bài hát từ các ngôn ngữ khác, người chọn bài hát không những xem xét lời nguyên bản, nhưng cũng xem xét lời chuyển ngữ xem (1) có theo đúng với Kinh thánh hay không; và (2) có thể hiện đúng tinh thần của bối cảnh Kinh thánh hay không. Một điều lưu ý khác là lời hát lấy từ Thi-thiên 46:10a: “Hãy yên lặng và biết rằng ta là Đức Giê-hô-va” và cách hát không thật sự phản ánh đúng bối cảnh lịch sử của nó. Thông thường hội thánh ngày nay hát những lời này với giai điệu rất ngọt ngào, mang vẻ đồng quê tĩnh mịch. Thật ra, bối cảnh của Thi-thiên này là bối cảnh giặc giã, chiến đấu khốc liệt.

- b. *Giai điệu*: giai điệu phải hậu thuẫn, đi đôi với lời và ý nghĩa của bài hát. Một giai điệu ủy mị gắn vào một lời hát có tính thúc giục, cổ vũ sẽ làm giảm hiệu quả của lời hát. Những câu hỏi như, “giai điệu này có hợp với ý nghĩa lời hát này không?” hay, “Lời hát này có tự đứng một mình được không?” Không cần phải là một ‘chuyên gia,’ một người có một ít hiểu biết âm nhạc, cộng với sự nhạy bén suy nghĩ có thể có quyết định đúng đắn.
 - c. *Khung cảnh*: lựa chọn bài hát cũng phải dựa vào hiểu biết về hội chúng. Yếu tố văn hóa, lứa tuổi, hoàn cảnh...nên được xem xét để hội chúng có thể hòa lòng với bài hát một cách tối đa. Người hướng dẫn thờ phượng phải vừa chọn bài hát cho phù hợp với lời Đức Chúa Trời và bối cảnh của hội chúng.
5. Nhạc sĩ phải được chuẩn bị: Sau sự chuẩn bị âm nhạc là sự chuẩn bị tâm linh. Các nhạc sĩ phải xem họ như những người đồng công trong lời của Đức Chúa Trời và phải hướng dẫn hội chúng với sự hiểu rõ bằng trí và sự tham gia bằng lòng. Những người phụ trách mục vụ thờ phượng phải là những tín hữu ‘khỏe mạnh’ thuộc linh, là những người xưng tội mình trước mặt Chúa và bởi ân điển của Ngài sống một đời sống nhất quán với điều họ hát. Một sự thật hiển nhiên đó là với sự trợ giúp của thời gian hội chúng có khuynh hướng bắt chước giống như những người hướng dẫn, hoặc tốt hoặc xấu. Nhạc sĩ cũng được kêu gọi để dâng lên Chúa điều tốt nhất. Trong sự thờ phượng Cơ đốc, nơi âm nhạc làm đầy tớ của lời Đức Chúa Trời, các tiêu chuẩn âm nhạc là điều kiện tối thiểu cho một sự truyền thông rõ ràng. Âm nhạc trong nhà thờ cũng phải được đánh giá dựa trên tiêu chuẩn chung của giới âm nhạc: âm nhạc phải hay, trình bày tốt, để ý đến nhịp điệu, cách phát âm.v.v...

6. Hội chúng là nhạc cụ chính: hội chúng cũng phải được chuẩn bị cho mục vụ âm nhạc bởi vì họ là nhạc cụ chính của các bài ngợi khen Chúa, họ là ban hợp xướng không thể thiếu được. Howard Stevenson (1990) diễn tả như vậy, “mặc dù ban hợp xướng, các ca sĩ đơn ca, song ca, và dàn nhạc đóng một phần rất quan trọng trong âm nhạc thờ phượng, nhưng ban hợp xướng quan trọng nhất của chúng ta là những người ngồi ở các băng ghế nhà thờ với giọng hát không chuyên.” Các nhạc sĩ và ban hợp xướng bắt đầu dĩ rơi vào vai trò ‘giúp giải trí’ hay trình diễn nếu hội chúng không hòa lòng hoặc không hát. Với những bài hát mới, ban hợp xướng phải nắm vững và hát trước để tạo đà cho hội chúng cùng tham gia. Một hội chúng biết hát và hay hát sẽ cùng nâng đỡ, khích lệ, gây dựng nhau rất nhiều. Tóm lại, mục vụ âm nhạc không phải là một mục vụ nào khác hơn là mục vụ lời Đức Chúa Trời trước hết, sau cùng và luôn luôn là như vậy.

H. Hãy hát một bài ca mới cho Đức Giê-hô-va!

Bài hát mới thường là nguồn cảm hứng mạnh mẽ, tươi mới khi một tập thể ngồi lại với nhau để thờ phượng. Kinh thánh có nhiều chỗ khuyến khích sáng tác và hát những bài ca mới (Thi-thiên 33:3, 40:3, 96:1, 144:9, 149:1, Ê-sai 42:10, Khải huyền 5:9). Việc học lời Chúa một cách cẩn thận trong Thi-thiên, hoặc các bài thánh ca, lời cầu nguyện trong Cựu và Tân ước thường đem đến nguồn cảm hứng để viết những bài hát mới. Người sáng tác nên xem xét và nhận ra chủ đề cấp thiết, quan trọng để sáng tác. Đây là kết quả của những giờ phút tĩnh tâm, suy nghĩ, cầu nguyện và được cảm động. Đa-vít cho biết rằng bởi sự cảm động của Đức Thánh Linh mà các bài hát được sáng tác và do đó nó có vai trò tiên tri, dạy dỗ...trong sự thờ phượng. Kinh thánh cho biết Đa-vít để riêng ra ba người Lê-vi và gia đình họ cho việc phụ trách âm nhạc thờ phượng gồm có A-sáp, Hê-man và Giê-đu-thun.

Hê-man là con cháu của Cô-rê (I Sử ký 6:33-38), tên mà chúng ta thường thấy trong các Thi-thiên. Họ là những người viết những bài ca mới cho Đức Giê-hô-va để hướng dẫn dân Y-so-ra-ên trong sự ngợi khen Chúa. Những kinh nghiệm sáng tác của họ được chia sẻ qua các Thi-thiên như sau:

Lắng nghe lời Chúa phán

“Tôi sẽ lắng nghe lời Đức Giê-hô-va phán...” (Thi-thiên 85:8). Rõ ràng những người này là những nhạc sĩ nhưng họ cũng là các tiên tri (I Sử ký 25:5). Bảy trong số 24 Thi-thiên chứa đựng những lời tiên tri hoặc lời phán của Đức Chúa Trời (Thi-thiên 46, 50, 75, 81, 82, 85, 87). Họ là những nhạc sĩ nghe được tiếng phán của Chúa và truyền đạt lại qua bài hát của họ.

Hứng khởi bởi một chủ đề

Bản Việt ngữ dịch Thi-thiên 45:1 là “Lòng tôi tràn đầy những lời tốt.” Các bản tiếng Anh dịch chữ ‘lời’ là ‘theme’ hay ‘chủ đề, đề tài.’ Người nhạc sĩ bị ‘khuấy động’ hay ‘tràn ngập’ bởi một chủ đề nào đó. Họ để cho chủ đề đó gây kích thích hay đem cảm hứng đến cho họ. Trong một chủ đề lớn, có những tiểu đề nhỏ, ví dụ, các dịp lễ (đám cưới, Thi-thiên 45), câu đố, lời châm ngôn (những câu hỏi quan trọng về sự sống, sự chết, Thi-thiên 49), lời dạy hay ngụ ngôn (về sự thành tín của Chúa và tính luôn thay đổi của con người, Thi-thiên 78).

Phát triển chủ đề

“Tôi sẽ lắng tai nghe lời châm ngôn; Tôi sẽ lấy đàn cầm mà giải câu đố tôi” (Thi-thiên 49:4). Người nhạc sĩ sau khi đã lắng nghe lời Chúa và được cảm động bởi một chủ đề, giờ đây người đó tìm cách để phát triển, dẫn giải chủ đề đó.

Các chủ đề nào đang cần?

Giáo sĩ John Oswald (2001) khi nghiên cứu về âm nhạc thờ phượng của người Tây tạng đã khám phá ra một số chủ đề bị thiếu đi trong nguồn âm nhạc của họ, đặc biệt là các bài hát về sự tăng trưởng của tín hữu Cơ đốc. Ông đã liệt kê ra các chủ đề sau:

1. Các bài hát theo lối cầu nguyện: những bài này giúp các tín hữu đối diện với những lúc khó khăn, bất bực. Đặc biệt, nội dung chính của những bài hát này nhấn mạnh đến sự thương khó của Chúa, sự hiện diện của Ngài trong lúc khó khăn, sự thêm sức của Ngài trong lúc bị cám dỗ, sức mạnh của Ngài trên sự chết, các linh dữ, tội lỗi, sự đau buồn... và hy vọng về sự trở lại khả hoàn của Chúa khi Ngài lau ráo mọi nước mắt và chữa lành mọi bệnh tật.
2. Các bài hát có tính thờ phượng: giúp tín hữu bày tỏ sự thông công gần gũi hơn với Chủ và Cứu Chúa của họ. Các bài này thường sử dụng lối xưng hô đối thoại, “con,” và “Ngài,” diễn tả sự gần gũi, thân mật.
3. Các bài hát về tín lý, ngợi khen, cảm tạ: bày tỏ bản chất và công việc của Đức Chúa Trời qua đời sống của tín hữu, về quyền năng, sự thành tín, và mục đích vĩnh cửu của Ngài.
4. Các bài hát có tính kể chuyện: rút ra từ các nhân vật trong Kinh thánh, gương cầu nguyện, gương đức tin, gương vâng lời của họ...

I. Thờ phượng mang tính tâm linh và văn hóa

Truy nguyên đến tận gốc rễ, thờ phượng chắc chắn mang tính tâm linh và phản ánh một hiện tượng văn hóa. Các dân

tộc khác nhau với các cách thờ phượng khác nhau được ví như những mặt cắt của một viên ngọc lóng lánh, phản chiếu sự vinh hiển đẹp đẽ của Đức Chúa Trời. Qua sự thờ phượng từ nhiều nền văn hóa khác nhau, Đức Thánh Linh mở mắt và lòng của chúng ta để thấy được chính Ngài một cách mới mẻ hơn, kỳ diệu hơn.

Một số người dị ứng với ý niệm văn hóa ở đây khi nói về thờ phượng. Dĩ nhiên, sự thờ phượng mang tính chất tâm linh và tính chất này phải cao hơn, hoặc vượt qua các văn hóa. Nó thuộc về vương quốc Đức Chúa Trời, không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian. Tuy vậy, niềm tin của chúng ta được thể hiện ở những hình thức khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh sinh trưởng và kinh nghiệm của mỗi người. Sự kiện Chúa Jêsus đến thế gian này trong một không gian và thời gian nhất định và sứ mạng giảng Tin Lành Nước Đức Chúa Trời được thực hiện bởi những con người bằng xương bằng thịt chứng tỏ văn hóa là một phương tiện qua đó đức tin được trình bày và lớn lên.

Các nhà âm nhạc ngữ tộc Cơ đốc quan niệm rằng âm nhạc thờ phượng thực hiện qua ngôn ngữ mẹ đẻ kết hợp với âm sắc bản địa sẽ mang đến ảnh hưởng mạnh mẽ hơn cho người thờ phượng. Họ dùng chữ “sự thờ phượng lưu loát” (fluent worship) để chỉ quan điểm này. Theo họ, được thực hiện qua màu sắc bản địa, sự thờ phượng lưu loát sẽ tuôn chảy từ tâm lòng của người thờ phượng cách dễ dàng hơn và mạnh mẽ hơn.

Là một người hướng dẫn thờ phượng trong nhiều năm, người viết nhận thấy mặc dù các hội thánh Việt tại hải ngoại sử dụng rất nhiều bài hát Tây phương, họ vẫn ưa chuộng và cảm thấy gần gũi, dễ hòa lòng, dễ liên hệ hơn khi hát những bài hát do các nhạc sĩ Việt nam sáng tác. Có một điều gì đó rất đặc biệt ở trong âm nhạc Việt đã thu hút người thờ phượng và làm cho họ cảm thấy thoải mái, dễ liên hệ khi hát. Cũng vậy, mặc dù có những lời dịch khá xuất sắc cho

nhiều bài hát phổ biến trong các hội thánh, người thờ phụng cảm thấy tiếng Việt trong các bài hát này quá gượng ép và không chuyển tải được cái tinh túy trong ý nghĩa nguyên thủy của tiếng Anh hay của các thứ tiếng khác. Những bài hát với âm điệu Việt (không nhất thiết phải là cải lương) và lời Việt thật sự đã đi vào lòng người thờ phụng cách lưu loát hơn, mạnh mẽ hơn rất nhiều.

Khai thác được lợi điểm này, câu hỏi tiếp theo cần đặt ra là: các bài hát do nhạc sĩ Việt đặt nhạc và lời có đủ để hội thánh tôn vinh Chúa hay không? Việc sáng tác nhạc không chỉ đơn thuần là có được một bài để hát, nhưng qua đó truyền tải ý nghĩa gì, có đúng với Kinh thánh hay không, có thật sự được sự soi sáng của Đức Thánh Linh hay không, có quá thiên về một chủ đề hay không?

J. Âm nhạc và thần học liên hệ chặt chẽ và ảnh hưởng lẫn nhau

Greg Peters, mục sư của hội thánh Fair Havens ở Ontario nhấn mạnh rằng, “Âm nhạc phải là phương tiện để truyền đạt các lẽ thật thần học chính trong Kinh thánh và vì vậy nó phải chính xác. Tách âm nhạc khỏi thần học dẫn đến quan niệm sai lầm cho rằng âm nhạc là một phần phụ đi trước bài giảng, dọn đường cho ‘phần chính’ của buổi thờ phụng là bài giảng.” Joan Averett, một người phụ trách âm nhạc ở hội thánh Giám lý Sandersville, Georgia, cảnh cáo rằng nếu chúng ta tách âm nhạc khỏi thần học, điều này sẽ dẫn đến khuynh hướng âm nhạc phục vụ ‘mua vui’ cho những người ngồi trên băng ghế nhà thờ mà không thật sự trang bị cho họ một sự hiểu biết sâu sắc, đúng đắn về Phúc âm.

Mark Noll (1999), nhà sử học Cơ đốc tâm cỡ của thời đại hiện nay cho biết rằng chúng ta sẽ trở nên điều chúng ta hát. Nếu các bài hát chỉ xoay quanh chủ đề về kinh nghiệm cá nhân với Chúa, những chủ đề khác như sự công bình,

thánh khiết của Chúa, tình yêu thương giữa con cái Chúa với nhau, hay tinh thần truyền giáo, truyền giảng vô tình bị bỏ qua một bên. Do vậy, hội thánh Chúa sẽ như một người thiếu dinh dưỡng, khiếm khuyết ở nhiều mặt và không cân bằng.

Leonardo Espinosa, mục sư âm nhạc ở một hội thánh tại Boston đồng thời là giáo sư tại chủng viện Gordon-Conwell lưu ý rằng các mục sư âm nhạc hay người hướng dẫn thờ phượng cần phải nói chuyện, trao đổi thường xuyên hơn với mục sư chủ tọa. Sự hợp tác này sẽ giúp chọn ra những bài hát thích hợp với lời hát xoay quanh sứ điệp Kinh thánh trọng tâm. Ông cũng đề nghị các nhạc sĩ hoặc người hướng dẫn âm nhạc nên đầu tư vào việc học hỏi lời Chúa cách cẩn thận để có thể truyền đạt lẽ thật của Chúa một cách rõ ràng, chính xác trong sự thờ phượng.

John Oswald (2001) đưa ra bốn chủ đề căn bản cho các bài hát sử dụng trong thờ phượng. Dựa vào đây, các nhạc sĩ Cơ đốc Việt nam và những người hướng dẫn thờ phượng có thể sáng tác hoặc chọn lựa các bài hát trong một buổi thờ phượng để đem lại sự cân bằng trong tiến trình lớn lên của các tín hữu. Các chủ đề này bao gồm: (1) Kéo lại gần Chúa hơn, (2) Học biết Chúa; (3) Thông công với nhau; (4) Mở mang Nước Chúa. Dĩ nhiên các chủ đề này đều liên hệ và đan xen với nhau. Khi chúng ta đến gần với Chúa, Chúa cũng sẽ đến và dạy dỗ chúng ta. Khi tình yêu của chúng ta với Chúa càng dâng cao, tình yêu của chúng ta với các con cái Chúa khác cũng dâng cao, và dẫn đến sự quan tâm, yêu thương những người chưa biết Chúa, từ đó đẩy lên tinh thần dẫn thân phục vụ, chia sẻ tình yêu của Chúa cho người khác.

Kéo lại gần Chúa

Khi con cái Chúa họp nhau lại, họ mong muốn được đến gần với Ngài càng hơn. Chúng ta đã được lời Chúa hứa rằng Ngài sẽ ở giữa nơi nào có đôi ba người nhân danh Chúa

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

nhóm nhau lại (Mathiơ 18:20). Chúa ngự trong đời sống của những người tin Ngài (Giăng 14:20). Tuy vậy, không phải lúc nào chúng ta cũng sống trong sự nhận thức về sự hiện diện của Chúa vì tội lỗi ngăn cách con người với Ngài (Ê-sai 59:2). Hơn nữa, chúng ta không thể nào hiểu hết được một lúc tất cả các bản chất của Ngài. Kinh thánh cũng cho biết, “hãy đến gần Đức Chúa Trời, thì Ngài cũng đến gần anh em” (Ê-phê-sô 2:22; Gia-cơ 4:8).

Trong sự thờ phụng, điều này được thực hiện qua sự kết hợp của những bài hát xen lẫn những lời cầu nguyện hoặc đọc Kinh thánh, nhắc lại những mỹ đức của Chúa và các công việc của Ngài. Các bài hát ở trong dạng này gồm có:

- ❖ Bài hát có chữ “Con-Chúa/Ngài”, dùng để nói chuyện trực tiếp với Chúa
- ❖ Các bài hát cảm tạ
- ❖ Những bài ngợi khen bản chất và công việc của Đức Chúa Trời
- ❖ Những bài hát bày tỏ sự hạ mình, quỳ xuống trước mặt Chúa

Học biết Chúa

Mặc dù học biết Chúa thường được thực hiện qua các bài giảng dạy, chủ đề này cũng có thể được truyền đạt qua các bài hát hoặc các hình thức nghệ thuật khác như kể chuyện, kịch, lời làm chứng... Các bài hát thuộc dạng này gồm có:

- ❖ Bài hát về tín lý, niềm tin Cơ đốc
- ❖ Bài hát kể chuyện các nhân vật Kinh thánh

- ❖ Bài hát dùng những câu Kinh thánh phổ nhạc
- ❖ Bài hát làm chứng
- ❖ Bài hát kêu gọi sự đáp ứng

Thông công với nhau

Trong bối cảnh thờ phượng hội chúng, sự thờ phượng thật sẽ không diễn ra nếu không có một cộng đồng với tình thông công trong Chúa thật. Chúa ban cho chúng ta mạng lệnh, “Ai yêu Đức Chúa Trời thì cũng yêu anh em mình” (I Giăng 4:21). Sự thông công, hiệp nhất trong Thánh Linh là kết quả của sự thông công hiệp nhất trong Đấng Christ. Thông công thật là một yếu tố quan trọng của sự thờ phượng. Nó là phần mở rộng của nếp sống Cơ đốc cá nhân trong cuộc sống hằng ngày. Sự thông công của con cái Chúa là môi trường rõ ràng nhất của sự thờ phượng. Các bài hát thuộc dạng này được chia ra làm hai phần:

- ❖ Các sinh hoạt cộng đồng: Báp têm, Tiệc Thánh, Dâng con, Đám cưới, Đám tang, Dâng hiến, Phục sinh, Giáng sinh...
- ❖ Các bài hát khích lệ nhau trên bước đường theo Chúa, truyền đạt tình yêu thương, sự quan tâm lẫn nhau...

Mở mang Nước Chúa

Các bài hát thuộc dạng này gồm có:

- ❖ Bài hát với sứ điệp Tin lành
- ❖ Bài hát với lời chứng cá nhân về sự quay trở về với Chúa

- ❖ Bài hát nói đến truyền giảng, con người và các nhu cầu khắp nơi trên thế giới

K. Nghiên cứu âm nhạc Cơ đốc

Như đã trình bày, âm nhạc có tính văn hóa và âm nhạc liên hệ chặt chẽ với thần học. Vì vậy, tìm hiểu sở thích âm nhạc và phân tích nội dung hoặc chủ đề thần học trong các bài hát tiếng Việt sẽ đem lại một cái nhìn rõ ràng hơn về chỗ đứng của nền âm nhạc Cơ đốc Việt nam cũng như vạch ra hướng đi đúng đắn hơn cho việc sáng tác hoặc sử dụng âm nhạc trong các hội thánh Việt nam.

Ví dụ, người phụ trách thờ phụng của một hội thánh có thể liệt kê tất cả những bài hát hội thánh địa phương hát trong một năm và có những câu hỏi như sau: Bao nhiêu bài hát (tỉ lệ phần trăm) mang chủ đề “Kéo lại gần Chúa,” bao nhiêu bài hát mang chủ đề “Mở mang Nước Chúa,” “Thông công với nhau,” và “Học biết Chúa”? Trong các bài hát này, bao nhiêu bài hát thuần túy Việt nam? Tỉ lệ phần trăm của các chủ đề này trong các bài hát mới ra sao (có thể chọn một mốc thời gian nhất định)? Sau khi trả lời những câu hỏi này, người nghiên cứu sẽ thấy được những điểm mạnh và điểm yếu, những chủ đề rất phổ biến và những chủ đề ít được khai thác.

Người nghiên cứu có thể hỏi những câu hỏi tương tự trong một tầm rộng lớn hơn, ví dụ như trong một vùng, một tiểu bang, một nhóm tuổi nhất định...

Việc nghiên cứu cũng có thể được thực hiện qua những bảng thăm dò với những mục như:

- Những bài hát bạn không thích, vì: (1) không dễ nhớ; (2) Quá nhiều từ; (3) Nhịp điệu quá mạnh; (4) Lỗi thời; (5) Giống như bài tình ca...

- Những bài hát bạn thích, vì: (1) Nói về kinh nghiệm theo Chúa; (2) trình bày Phúc âm; (3) Dễ nhớ; (4) Chậm, ngân lâu; (5) Dùng chữ “Ngài” khi chỉ về Chúa; (6) Có những chữ lặp đi lặp lại...

Đây chỉ là những gợi ý sơ khởi. Người nghiên cứu có thể phát triển thêm những mục này tùy theo mục đích của việc thăm dò. Các yếu tố khác như tuổi tác, kinh nghiệm theo Chúa, hệ phái... cũng có thể được kèm vào những bảng thăm dò này để có những hiểu biết sâu sắc hơn về bối cảnh chung của âm nhạc thờ phượng Việt nam.

Chương 8

KỸ THUẬT HÁT THÁNH NHẠC

Bài viết của: Nguyễn Đặng Thu Vân

Hát nhạc thánh khó hơn hát nhạc đời, vì sao?

- *Hát không phải là để giải trí cho người nghe*
- *Bài hát không chỉ đến qua lỗ tai (bởi kỹ thuật hát, hoặc nhạc hay), nhưng đến qua trí óc (mind), và là công cụ của Chúa dùng để xuyên đến tâm lòng (heart), và tâm linh của con người (spirit.)*

I. Bài tập khởi động

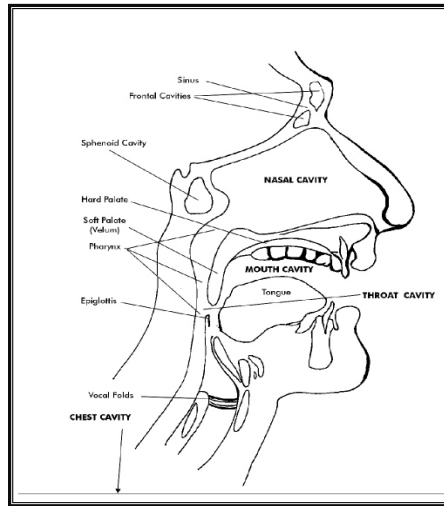
Mục đích: làm thư giãn sự căng thẳng (relaxation.)

- Khởi động các cơ (thể dục): Những chỗ thường căng thẳng ảnh hưởng đến giọng hát của bạn là cổ, cằm, mặt, vai. Sau đây là những gợi ý để tập:

- Cổ: xoay cổ nhẹ nhẹ từ phải sang trái, rồi từ trái sang phải
 - Cằm, mặt: dùng tay xoa bóp mặt, xoa cằm
 - Vai: người sau đẩy bóp cho người trước, sau đó đổi vai từ trước ra sau. rồi dẫn thẳng tay ra.
- Khởi động cuồng hộng (xướng âm): có rất nhiều, chọn tùy theo nhu cầu của mỗi người.
- Thực tập hát mở rộng âm vực (voice range): hát âm quãng từ cao xuống thấp: 8 7 6 5 4 3 2 1 rồi 8-1.
 - Thực tập giọng đầu (head voice): 1-3-5-8-5-3-1
 - Thực tập nguyên âm và các âm kết hợp: Mi, ma, mê, mô, mu...

II. Những kỹ thuật hát cơ bản

1. Kỹ thuật lấy giọng (voice)



Thờ Phụng Đức Chúa Trời

- Về giọng hát, có thể nói cách đơn giản là có 2 giọng: giọng ở đầu (head voice), và giọng ở ngực (chest voice).
- Chest voice (giọng ngực): thường tạo những âm thanh ấm (deep, warm, rich, and thick tones). Đa số người Việt hát bằng giọng ngực.
- Head voice (giọng đầu): tạo những âm thanh ở những nốt cao, và độ rung ở vùng gò má gần mũi (nasal cavity).
- Nên biết để sử dụng những giọng Chúa ban cho trong cơ thể mình để hát hay nhất cho Chúa.
- Đề ý: cần phải hạ xuống thấp khi hát ở nốt cao, nhớ tránh sự cố gắng và căng thẳng trong khi hát. Có thể soi trong gương (mirror) khi thực tập.

Thực tập: 1-4-1-4-1

Bắt đầu từ nốt G dưới nốt C giữa đến nốt G ở trên

2. Kỹ thuật lấy hơi (breath):

- Biết lấy hơi và điều khiển hơi (breath control) là một trong những điều rất quan trọng trong khi hát (lúc nào cho hơi ra nhiều, lúc nào cho hơi ra ít). Hãy suy nghĩ đến con diều (kite) đang bay trên không gian. Khi con diều gặp đủ gió, nó sẽ lượn rất đẹp trên trời. Nhưng nếu không đủ gió, nó sẽ bị chao đảo và rơi xuống. Giọng hát cũng tựa như vậy, nếu bạn cung cấp đầy đủ hơi, giọng của bạn sẽ bay mạnh mẽ và lướt vào tai người nghe cách nhẹ nhàng. Nhưng nếu hơi của bạn không đủ, và không được đều đặn, giọng bạn sẽ ngắt khúc, và sẽ chao đảo.
- Từ ban đầu, Chúa dựng nên chúng ta thở rất đúng cách. Nếu bạn nhìn các em bé, bạn sẽ thấy nó thở bằng bụng. Nhưng khi lớn lên, đại đa số sử dụng phần trên của phổi để thở. Nếu bạn để ý, bạn sẽ thấy khi hít vô, vai và ngực có chiều hướng đưa lên (upward).

- Lấy hơi đúng cách khi hít vào không đi theo chiều dọc, đưa lên (vertical, expanding upward), nhưng đi theo chiều ngang, đưa ra (horizontal, expanding outwards.)
- Gợi ý cách tập thở:
 - Dùng ống hút (straw), và hút không khí vào. Tưởng tượng cái bụng của bạn là cái bong bóng, khi bạn đem không khí vào, bụng sẽ bắt đầu to ra từ từ. Sau khi đầy, bạn ngưng lại và bắt đầu xì không khí ra cách chậm chậm. Cái bong bóng sẽ bắt đầu xẹp lại.
 - Đặt hai tay trên eo (hai ngón cái phía trước, chỉ vào rún.) Hít mạnh vào, khi bạn thấy hơi đi vào phần dưới của phổi (nằm dưới ngực) và bụng to ra, tay bạn cảm nhận được độ giãn nở của bụng, tức là bạn đã làm đúng cách. Dừng lại vài giây, rồi bắt đầu xì hơi ra nhẹ nhẹ. Khi hơi từ từ đi ra, bụng bắt đầu xẹp lại.
 - Dùng nịt bụng để tập thở.
 - Có thể tập ở nhà bằng cách nằm xuống, để sách lên và tập thở ra thở vô
- Tập thở những phương pháp trên và hít vào đến 4 nhịp, giữ hơi lại đến 4 nhịp, thở ra 4 nhịp, rồi chờ 4 nhịp, sau đó trở lại hít vào nữa.
 - Hít vào 2 3 4, Dừng lại 2 3 4, Thở ra 2 3 4, Chờ 2 3 4, trở lại
 - Hít vào 2 3 4, Dừng lại 2 3 4, Thở ra 2 3 4, Chờ 2 3 4, lần nữa
 - Hít vào 2 3 4, Dừng lại 2 3 4, Thở ra 2 3 4, Chờ 2 3 4.

Nhớ khi hít vào, phải hít thật mạnh và sâu.

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

- Những bài tập này rất dễ để bạn tự thực hành mỗi ngày. Bạn có thể tập trong lúc đi làm, lúc ngồi coi TV, hay lúc đứng sắp hàng... Bạn càng thực tập nhiều, bạn càng biết cách điều khiển hơi. Đến một lúc bạn sẽ lấy hơi cách tự nhiên không cần suy nghĩ nữa, và bạn sẽ hát ngân dài hoặc lên những nốt cao cách thoải mái và dễ dàng.
- Khi bạn đã làm được những bài tập trên, hãy thử tập tăng nhịp thở lên 8, 12, 16 hoặc hơn nữa.

3. Kỹ thuật phát âm (diction)

- Tiếng Anh: *A Pronouncing Dictionary of American English* by John S. Kenyon and Thomas A. Knott, Merriam-Webster Inc. Publishers.
- Tiếng Việt: theo tiêu chuẩn giọng Hà Nội (ngoại trừ nhạc dân ca các miền, hay vọng cổ.)

4. Những điểm khác cần biết:

- Uống nhiều nước
- Ngủ đầy đủ.

III. Kỹ thuật phát âm trong khi hát nhạc Việt

1. Phụ âm (consonant):

Phụ âm đứng trước nguyên âm

ch Ví dụ: Chúa

d dòng dôi

gi giang sơn, gia đình

qu	<u>qu</u> ây <u>qu</u> ần
r	<u>r</u> ắc <u>r</u> ối
tr	<u>tr</u> ong <u>tr</u> ởng
v	<u>v</u> ấn <u>v</u> ương

Phụ âm đứng sau nguyên âm

n & ng	an, ang, iêng <u>an</u> lành, <u>kh</u> ang <u>tr</u> ang, <u>riêng</u> tư
yên	<u>yên</u> vui
on, ong	chúng <u>con</u> , trắng <u>tr</u> ong
c & t	
uộc, uột	<u>cu</u> ộc đời, <u>tu</u> ốt <u>lu</u> ốt
ước, ước	<u>b</u> ước đi, đất <u>n</u> ước, <u>u</u> ớt mưa
ắt	làm <u>đ</u> ất, <u>c</u> ắt nhà

2. Nguyên âm (vowel):

Nguyên âm đơn

a, ă, â	<u>an</u> ủi, <u>ăn</u> năn, <u>ân</u> điển
e, ê	chị <u>em</u> , <u>êm</u> ẩm
o, ô, ơ	<u>tr</u> ong <u>l</u> òng, ước <u>m</u> ong, <u>tr</u> ong cây, <u>ơ</u> n lớn lao
u, ư	<u>v</u> u vơ, <u>t</u> ư gia
i, y	<u>t</u> im

Nguyên âm kép

ai, ay	<u>Ng</u> ài, hằ <u>ng</u> <u>ng</u> ày, <u>đ</u> ầy lòng, <u>đ</u> ầy tim
--------	--

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

iê tiêm thuốc
ươ thương mến

3. Để ý các dấu

Dấu hỏi đám hỏi
Dấu ngã chị ngã em nâng
Dấu nặng nặng nề

IV. Thái độ cần có khi hát thánh nhạc

1. Sẵn sàng là một công cụ cho Chúa dùng.

* Đa-vít: 1 Sa 16:16-23

“Vậy, khi Đức Chúa Trời khiến ác thần nhập vào Sau-lơ, thì Đa-vít lấy đàn và gảy. Sau-lơ bèn được an ủi, lành mạnh, và ác thần lìa khỏi người.”

* Ê-li-sê: 2 Vua 3:15

“Nhưng bây giờ, hãy đem đến cho tôi một người khảy đàn. Trong lúc người ấy khảy đàn, thì tay của Đức Giê-hô-va ở trên Ê-li-sê.”

2. Hát bằng bằng tâm linh và bằng tâm trí

“Tôi sẽ cầu nguyện bằng tâm linh nhưng cũng bằng tâm trí nữa. Tôi sẽ ca ngợi bằng tâm linh nhưng cũng ca ngợi bằng tâm trí nữa.” (1 Cô-rinh-tô 14:15)

a. Tâm trí => sự hiểu biết:

Muốn giúp người khác hiểu bài hát, chính mình cần phải hiểu bài hát trước

* Một số gợi ý giúp bạn hiểu bài hát:

- 1) Đọc kỹ lời của bài hát để hiểu được ý nghĩa của bài hát
- 2) Tập phát âm cho đúng cách
- 3) Nghe bài hát nhiều lần (nếu có CD)
- 4) Hát tới hát lui nhiều lần
- 5) Nhấn mạnh ý nghĩa của lời bài hát trong khi hát

b. Tâm linh => từ bên trong, với cả sự cảm động

Muốn người nghe cảm động bài hát, chính mình cần phải được cảm động trước.

* Thái độ: Cầu nguyện: Xin Chúa Thánh Linh cảm động lòng con qua bài hát, để qua đó Chúa cũng cảm động lòng người nghe.

Khi bài hát thấm nhuần vào trong lòng bạn và trở thành kinh nghiệm của chính cá nhân bạn, Chúa có thể dùng giọng hát của bạn để đem lòng người nghe hòa với lòng bạn trong sự ca ngợi Ngài.

3. Lối sống đi đôi với lời hát

“Hãy cất xa khỏi Ta tiếng ca hát ồn ào, Ta chẳng muốn nghe tiếng đàn hạc của các ngươi! Nhưng hãy để cho sự xét xử công bình trào lên như nước, Sự chính trực như dòng sông không hề cạn!” (A-mốt 5:23-24) - Bản Dịch Mới.

4. Phải luôn nhớ rằng chỉ có CHÚA là Đấng duy nhất nhận được sự ngợi khen.

“Ta là Đức Giê-hô-va; ấy là danh Ta. Ta chẳng nhường sự vinh hiển Ta cho một đấng nào khác.” “I am the LORD, that is My name; I will not give My glory to another” (Ê-sai 42:8)

V. Những điểm khác mà người hát thánh nhạc cần lưu ý

1. Sự kiêu ngạo! (Câu chuyện con lừa trong Lu-ca 19:28-40)
2. Cách ăn mặc: giương mẫu. (Vì sự vinh hiển của Chúa mà làm. 1 Cor. 10:31)
3. Diễn tả: tùy theo bài hát để biết nên diễn tả thế nào cho thích hợp. Riêng với việc hát đơn ca, nên diễn tả cách tự nhiên theo sự cảm động từ bên trong, để người nghe cảm nhận được điều mà Chúa thăm viếng mình qua bài hát. Chúng ta muốn người nghe thấy những gì thật, những gì có thể đưa họ đến gần Chúa.
4. Chọn nhạc: thích hợp với chất giọng của mình. Nhiều người hát nhạc dân ca rất hay.
Thách thức: thử hát nhiều thể loại khác nhau: nhạc dân ca, vọng cổ, nhạc Mỹ, nhạc thuần túy Việt Nam.
5. Hát với soundtrack: trước khi tập hát, phải viết kỹ số nhịp xuống bài hát, nhất là những chỗ đàn dạo, hoặc ngân dài. Ráng nhớ cách đàn dạo và giữ vững nhịp để không bị rối nhịp. (Thuận lợi: có thể tập theo thì giờ của mình; Bất lợi: nếu trễ nhịp hoặc sai nhịp thì rất nguy hiểm.)
6. Chuẩn bị: cả về phần kỹ thuật (bằng cách tập dợt) và cả về phần tâm linh (ở gần Chúa.)

“Nguyện đời tôi là bài ca dâng lên Chúa! ”

Chương 9

LỄ BÁP TÊM VÀ LỄ TIỆC THÁNH

Kể từ thời Tân ước trở về sau, lễ báp-têm và tiệc thánh là hai lễ quan trọng nhất, nằm ở vị trí trung tâm trong các hình thức nghi lễ thuộc sự thờ phượng hội chúng. Trong lịch sử Cơ đốc giáo, có nhiều quan điểm giáo lý và nghi thức khác nhau liên hệ đến vấn đề này. Một số gọi những lễ này là các bí tích (sacraments) trong khi một số khác gọi là các huấn lệnh (ordinances). Tuy nhiên, Kinh thánh không dùng hai từ ngữ trên mà chỉ gọi đơn giản là ‘báp têm’ và ‘tiệc thánh.’

Bí tích và huấn lệnh

Xét về phương diện lịch sử, đa số các hội thánh trọng hình thức sử dụng danh từ ‘bí tích,’ trong khi các hội thánh tự do (Free Churches) phản đối từ ngữ này. Đa số thống nhất với nhau rằng từ ‘bí tích’ chỉ có giá trị khi được giải thích như một biểu hiện của một phương diện nào đó trong sự mặc khải cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Trong ý nghĩa này, tất cả các tạo vật đều mang tính ‘bí tích,’ nhưng các hội thánh tự

do thích chữ ‘huấn lệnh’ hơn. Dĩ nhiên, từ ngữ ‘huấn lệnh’ không lột tả được hết tính chất quan trọng sâu đậm của lễ báp têm và tiệc thánh. Nó không chỉ là những huấn lệnh được ban truyền bởi Đức Chúa Jêsus, nhưng nó là những hành động thờ phụng.

Nếu lễ báp-têm và tiệc thánh là các hành động thờ phụng có ý nghĩa, thì tín hữu Cơ đốc cần phải hiểu rõ sự liên hệ của các thánh lễ này với khái niệm biểu trưng. Mặc dù con người vốn mong muốn tìm kiếm một cái gì đó siêu hình, bên trên họ hay thuộc về một thế giới khác, nhưng trào lưu hoài nghi chủ nghĩa, quá trình công nghiệp hiện đại hóa và chủ nghĩa khoa học hiện thực đã thu nhỏ con người vào một cuộc sống thực dụng và xa dần với những điều huyền bí, siêu nhiên. Các hội thánh tự do đã bị lôi cuốn bởi dòng chảy của chủ nghĩa vật chất và vì vậy có khuynh hướng xem các nghi lễ này chỉ là những biểu tượng chứ không phải là các bí tích.

Ý nghĩa của biểu tượng

Sự thờ phụng của hội thánh đầu tiên kết hợp cả thái độ, động cơ bên trong và biểu tượng bên ngoài tượng trưng cho sự bày tỏ Phúc âm của Chúa Jêsus. Sứ đồ Phao lô nhấn mạnh cả tâm linh và các hành động biểu trưng trong các thư tín của ông. Các tín hữu Cơ đốc có mối liên hệ sống động, mật thiết với Chúa và với nhau, “Vì chung chúng ta hoặc người Giu-đa, hoặc người Gô-réc, hoặc tôi mọi, hoặc tự chủ, đều đã chịu phép báp-têm chung một Thánh Linh để hiệp làm một thân; và chúng tôi đều đã chịu uống chung một Thánh Linh nữa” (I Cô-rinh-tô 12:13). Cả thân thể Đấng Christ cùng chia sẻ chung với nhau huyết và thân thể của Đấng Christ, “Vì chỉ có một cái bánh, chúng ta dầu nhiều, cũng chỉ một thân thể; bởi chung chúng ta đều có phần chung trong một cái bánh” (I Cô-rinh-tô 10:17).

Lễ thật của Phúc âm hiện diện trong các biểu tượng như lời nói và các vật thể, và cũng được thể hiện qua các nghi lễ hoặc hành vi nghi lễ. Cả trong Cựu và Tân ước, từ ‘thờ phượng’ nhấn mạnh đến hành động thuộc thể đó là cúi xuống, sắp mình trước mặt Đức Chúa Trời. Lễ báp-têm và lễ tiệc thánh là các hành động thờ phượng chuyển tải lễ thật Phúc âm. Khi các hành động này được thực hiện trong sự thờ phượng, chúng hướng người thờ phượng đến ân điển của Đức Chúa Trời.

Biểu tượng và mối liên hệ cá nhân

Mặc dù các huấn lệnh này là các biểu tượng của sự mặc khải Đức Chúa Trời, chúng không phải là các phương tiện đem đến ân điển của Đức Chúa Trời như những người theo phép bí tích quan niệm. Đức Chúa Trời truyền đạt lễ thật của Ngài qua lời thành văn tức Kinh thánh, qua lời giảng, và qua lời diễn qua hành động (như lễ báp têm và lễ tiệc thánh). Tuy nhiên, cần lưu ý rằng ân điển của Chúa chỉ hiệu nghiệm qua sự giao thông cá nhân trực tiếp với Chúa qua Đức Thánh Linh, chứ không qua bất cứ một phương tiện nào khác.

Tôn giáo thật là mối tương giao bằng đức tin chứ không phải là sự thực hiện các ma thuật vì thật ra mong ước của những người chạy theo ma thuật huyền bí là họ có thể ảnh hưởng hay tác động đến đấng thần linh để đấng đó làm theo ý của họ. Hành động nghi lễ bên ngoài tự thân nó hoàn toàn không có một hiệu lực tâm linh nào. Vì vậy, nếu một người muốn nắm được thứ quyền lực này mà không có một mối liên hệ với Đức Chúa Trời và ân điển cứu rỗi của Ngài là người đó đang cầu mong ma thuật.

Báp têm và tiệc thánh là hai phương tiện biểu hiện sự mặc khải về ân điển của Đức Chúa Trời. Hội thánh Chúa cần phải thực hiện hai điều quan trọng này vì mục đích của nó là truyền đạt sứ điệp cứu rỗi của Phúc âm.

Đức Chúa Trời dùng các biểu tượng để ‘nói chuyện’ với con người. Toàn thể vũ trụ hay tất cả các tạo vật của Ngài, thật ra là biểu tượng của sự tối cao của Đức Chúa Trời. Một biểu tượng chỉ về một thực tế, truyền đạt ý nghĩa, và kêu gọi sự đáp ứng. Biểu tượng đi thẳng đến tâm trí, kêu gọi một cảm xúc, và cũng có thể dẫn đến một quyết định. Một biểu tượng trở nên một công cụ có hiệu quả khi nó khơi dậy đức tin và một mối liên hệ cá nhân với Đức Chúa Trời. Từ ngữ ‘huấn lệnh’ sở dĩ không truyền đạt được hết ý nghĩa sâu đậm của các thánh lễ này là vì có những yếu tố rất quan trọng, đặc biệt hiện diện trong kinh nghiệm tiếp xúc với các biểu tượng này, đó là đức tin, sự vâng phục, lòng cam kết, và sự biết ơn.

Tóm lại, Kinh thánh là lời thành văn, thể hiện và truyền đạt Lời hằng sống là Chúa Jêsus nhập thể. Giảng dạy là lời nói, thể hiện và truyền đạt Lời hằng sống, tức là Chúa nói qua con người. Báp-têm và tiệc thánh là lời diễn qua hành động, thể hiện và truyền đạt Lời hằng sống, tức là Chúa phán qua các dấu hiệu. Cả ba đều này, lời thành văn, lời nói, lời diễn bằng hành động, không thể nào là phương tiện hữu hiệu của ân điển Đức Chúa Trời nếu không có đức tin và sự cam kết của người thờ phụng. Trong các thánh lễ này, các hành động và vật biểu trưng đứng ở vị trí thứ yếu; người tham dự đứng ở vị trí hàng đầu. Chúa phán qua các biểu tượng và hành động, việc của chúng ta là đáp ứng bằng đức tin.

I. Nền tảng Kinh thánh

A. Xuất xứ của lễ báp-têm

Lễ báp-têm là một hành động thờ phụng quan trọng trong hội thánh đầu tiên. Nước biểu trưng cho sự thanh tẩy thuộc linh (Ê-xê-chi-ên 36:25). Báp-têm cũng là một thói quen giữa vòng người Essenes và cộng đồng Qumran. Người Do thái dùng báp-têm cho người mới theo đạo. Trong tập *Các lời dạy*

của mười hai sứ đồ (Didache) cũng có đề cập đến báp têm. Giảng Báp-tít làm báp têm ăn năn tội. Học giả Beasley-Murray không cho rằng báp têm của Giảng và báp têm nhập đạo của Do thái giáo liên hệ với nhau. Báp têm của Giảng mở đầu cho một cuộc sống mới của người cải đạo, bảo đảm sự tha tội và làm sạch tội; và chính báp têm này hướng đến báp têm bởi Đức Thánh Linh, đem đến lời hứa chắc chắn về một chỗ trong Nước của Đấng Mết-si-a.

Báp têm của Đức Chúa Jêsus là nền tảng cho báp têm của các tín hữu Cơ đốc. Chúa Jêsus được Giảng làm phép báp têm nơi sông Giô-đanh (Mác 1:9-12; Ma-thi-ơ 3:13-17; Lu-ca 3:21-23). Mục đích của báp têm này là để “làm trọn mọi sự công bình” (Ma-thi-ơ 3:15). Hành động chịu phép báp têm của Chúa Jêsus diễn tả sự đồng cảm với con người trong bốn cách: (1) Ngài đồng cảm với con người trong nỗ lực tìm kiếm sự công bình. Chúng ta muốn làm theo ý chỉ Đức Chúa Trời; vì vậy, Chúa Jêsus đã đến và hoàn thành ý chỉ của Cha trên đất; (2) Ngài đồng cảm với chúng ta trong sự chuẩn bị cho vương quốc của Đức Chúa Trời; (3) Ngài đồng cảm với chúng ta trong nỗ lực tìm kiếm Đức Chúa Trời; (4) Ngài đồng cảm với chúng ta trong tội lỗi và sự đau buồn của nhân loại. Báp têm của Chúa Jêsus về một phương diện đã hoàn tất những mục đích của Đức Chúa Trời trong công tác cứu rỗi của Ngài. Toàn bộ bối cảnh của lễ báp têm đồng thời phản ánh cả cuộc đời chức vụ của Chúa Jêsus trên đất: được sự ban cho Đức Thánh Linh, bắt đầu chức vụ, sự chết và sự sống lại của Ngài.

B. Xuất xứ của lễ Tiệc thánh

Một buổi ăn chung trong tinh thần yêu thương, tin cậy, và chấp nhận lẫn nhau là dấu hiệu của một cộng đồng. Buổi ăn cuối cùng của Chúa Jêsus với các môn đồ là buổi ăn của lễ Vượt qua. Chúa bẻ bánh và trao cho các môn đồ. Ngài cũng lấy chén trao cho họ, rồi truyền họ uống. Buổi ăn tối kết thúc

bằng các bài thánh ca trong Thi-thiên 114 hay 115 đến 118. Một số đoạn Kinh thánh nền tảng cho lễ tiệc thánh được ghi lại trong Ma-thi-ơ 26:17-30; Mác 14:23-26; Lu-ca 22:14-23, và I Cô-rinh-tô 11:17-34. Một số đoạn khác có thể ám chỉ lễ tiệc thánh hay các buổi ăn khác khi các tín hữu nhóm chung lại với nhau (Công vụ 2:42, 46; 20:7, 11; I Cô-rinh-tô 5:17; 10:3-4, 16-17, 21; và Giăng 6. Có nhiều từ ngữ khác nhau được dùng để chỉ lễ tiệc thánh: “tiệc thánh của Chúa” (I Cô-rinh-tô 11:20), “chén của Chúa,” “tiệc của Chúa” (I Cô-rinh-tô 10:21), “chén phước lành,” “bánh chúng ta bẻ” (I Cô-rinh-tô 10:16), “bẻ bánh” (Công vụ 2:42, 46; 20:7), và “thông với huyết và thân thể của Đấng Christ” (I Cô-rinh-tô 10:16).

Các sự kiện lịch sử liên quan đến thánh lễ Tiệc thánh được tóm lược như sau: (1) Nơi xảy ra là tại phòng cao, có thể là nhà của Giăng Mác. (2) Thời điểm là vào buổi tối. (3) Buổi ăn tối này liên hệ với lễ Vượt Qua, hay là giao ước cũ, trong khi Giao ước mới đang diễn ra. (4) Những người có mặt với Chúa Jêsus là các môn đồ của Ngài. (5) chất thể (elements) được dùng là bánh và rượu nho. (6) Chúa dâng lời tạ ơn Đức Chúa Cha trong tinh thần thờ phượng. (7) Chúa Jêsus bẻ bánh và phân phát cho các môn đồ, sau đó lấy chén và chuyển cho các môn đồ. (8) Chúa Jêsus truyền các môn đồ ăn bánh và uống chén, cũng cho họ biết lý do tại sao họ tham dự điều này và dặn rằng hành động này phải được lặp lại cho đến khi Ngài trở lại. (9) Sau buổi ăn tối, họ hát thánh ca. (10) Chúa và môn đồ ra ngoài và đi đến núi Ô-li-ve, nơi Ngài cầu nguyện tại vườn Ghết-sê-ma-nê để chuẩn bị cho sự thương khó.

Trong lịch sử hội thánh, lễ Tiệc thánh được sử dụng dưới nhiều tên gọi khác nhau: tiệc thánh (Lord's Supper), tiệc tưởng nhớ (Memorial Supper), tiệc tạ ơn (Eucharist), tiệc thông công (Communion) và lễ Mi-sa (Mass). Một số xem nó như là một bí tích, một số chỉ xem như là một biểu tượng không hơn không kém. Một số xem nó như là phần chính trong mỗi buổi thờ phượng, trong khi một số khác chỉ cử

hành một năm một lần hoặc thậm chí không giữ lễ. Từ ngữ ‘tiệc thánh’ (trong I Cô-rinh-tô 11:17-34) có thể là sự kết hợp của nhóm từ ‘tiệc yêu thương’ (love feast) (Giu-đe 12, bản Việt ngữ chỉ ghi là ‘đám tiệc anh em’) và buổi tiệc cuối cùng. Từ ngữ tiệc tưởng nhớ được dựa vào câu “Hãy làm điều này để tưởng nhớ đến Ta” (I Cô-rinh-tô 11:24). Tiệc cảm tạ, lấy từ chữ *eucharist* trong sách Tin lành Mác nói đến Chúa Jêsus lấy bánh và tạ ơn (*eucharistesas*). Từ ngữ Hy Lạp *koinonia* được dịch là ‘thông công’ (communion), chủ yếu để chỉ sự hiệp nhất trong thân thể Đấng Christ.

II. Một vài đề nghị

Bởi vì báp têm và lễ tiệc thánh là những hành động thờ phượng, những đề nghị thiết thực sau cần được lưu ý cẩn thận. Không nên thi hành các thánh lễ này một cách cầu thả, nhưng phải thực hiện với sự cẩn thận và nhạy cảm.

A. Về lễ báp têm

1. Lễ báp têm nên trở nên một phần của một buổi thờ phượng. Cho dù đặt nó ở đầu hay cuối buổi thờ phượng, chúng ta nên thực hiện với sự kính kiềng, trang nghiêm.
2. Mỗi hội thánh lãnh trách nhiệm thực hiện lễ báp têm. Chúa Jêsus đã trao mạng lệnh này cho hội thánh, tức là thân thể của Chúa, những người đã được báp têm; mỗi hội thánh địa phương là một đại diện của thân thể hoàn vũ của Chúa và vì vậy có trách nhiệm thực hiện mệnh lệnh này ở nơi địa phương của mình.
3. Người chịu lễ báp têm phải được hướng dẫn cẩn thận về ý nghĩa của lễ báp têm và cách thức thực hiện. Ứng viên báp têm phải tiếp cận với tinh thần cam kết và trang nghiêm.

4. Các đồ dùng và thiết bị cần thiết cho lễ báp têm phải được chuẩn bị chu đáo. Hồ báp têm nên có độ sâu vừa đủ và để nước ấm bằng thân nhiệt. Áo lễ có độ dày thích hợp cho người làm lễ và người chịu lễ.
5. Người làm lễ báp têm phải thực hiện với sự tôn kính và chững chạc. Người làm lễ xuống hồ báp têm trước, đọc (hoặc nhờ người đọc) một đoạn Kinh thánh liên quan đến sự cam kết của một Cơ đốc nhân và sau đó ra hiệu cho những người chịu lễ lần lượt tiến lên. Người làm báp têm hướng dẫn cho người chịu lễ chấp hai tay để trước ngực; sau đó, cầm chặt tay của người chịu lễ và đặt tay còn lại ở đằng sau đỡ cổ của họ. Người làm báp têm lặp lại câu sau đây: “(Tên), nhân sự tuyên xưng đức tin của (ông, bà, anh, chị, em...) trong Chúa Jêsus Christ là Cứu Chúa của mình, và bởi vâng phục theo mạng lệnh của Ngài, tôi báp têm (ông, bà, anh, chị, em...(tên)) trong danh của Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. A-men.” Sau đó, người làm lễ sẽ nghiêng người chịu lễ xuống, lấy tay đỡ cổ cho đến khi nước vừa lấp mặt của họ thì đỡ lên khỏi nước ở vị trí đứng thẳng một cách chậm rãi. Vì đây là một hành động thờ phượng, người làm lễ nên thực hiện một cách khoan thai và lưu loát.
6. Một trong những cách làm cho lễ báp têm trở nên ý nghĩa hơn là: (1) Mời người chịu lễ đứng trước hội chúng và giới thiệu họ với hội chúng; (2) Cho phép người chịu lễ làm chứng kinh nghiệm gặp Chúa của mình hoặc hỏi họ một số câu hỏi ngắn liên quan đến điều này; (3) tổ chức lễ báp-têm ngoài trời; (4) để dành một buổi thờ phượng hướng về chủ đề báp têm và sau đó làm lễ báp têm; (5) tổ chức lễ báp têm vào những ngày lễ lớn như Phục sinh hoặc Giáng sinh để đánh dấu một sự kiện quan trọng cho người chịu lễ; (6) làm lễ Tiệc thánh trong cùng một buổi thờ phượng và cho phép người mới chịu lễ báp têm tham dự.

B. Về lễ Tiệc thánh

Lễ tiệc thánh được thực hiện khác nhau tùy truyền thống và hội chúng. Mức độ thường xuyên của lễ tiệc thánh có thể là mỗi tuần, mỗi tháng, mỗi năm, hai lần một năm, hoặc mỗi quý. Các hội thánh tự do (Free Churches) kỷ niệm mỗi tháng hoặc mỗi quý. Họ quan niệm lễ tiệc thánh không nên được tổ chức quá thường xuyên vì sẽ gây ra tính máy móc, hời hợt, nhưng cũng không để quá lâu sẽ gây sự lãng quên; tuy vậy, nhiều hội thánh cũng nhận ra rằng sự thường xuyên của một nghi lễ không đồng nghĩa với sự tâm thưởng của nghi lễ đó.

1. Cũng giống như lễ báp têm, lễ tiệc thánh phải được xem là phần quan trọng của một buổi lễ thờ phượng, không phải là một mục thêm vào. Nhiều nơi thực hiện một buổi lễ thờ phượng như thường lệ và thêm vào mục Tiệc thánh như là một phần phụ. Làm như vậy sẽ khiến người dự Tiệc thánh cảm thấy như đây là một phần không quan trọng, thường là kéo dài thêm thời gian, vô tình gây ấn tượng không tốt mỗi khi nhắc đến lễ Tiệc thánh.
2. Trong phần thứ tự thờ phượng, nên soạn làm sao để ý nghĩa của lễ Tiệc thánh được nhấn mạnh. Sắp xếp các bài hát thích hợp để dẫn sự tập trung, chú ý vào ý nghĩa của tiệc thánh. Thông thường, phần bài giảng hàng tuần nên ngắn lại khi hội thánh dự tiệc thánh. Nên cho hội chúng có một vài giây phút yên lặng, tĩnh tâm và sau đó tiến hành lễ.
3. Nghi thức lễ tiệc thánh có thể thay đổi tùy theo từng hội thánh. Sau đây là một diễn tiến thường thấy ở nhiều hội thánh: (1) Trong một buổi thờ phượng, vào một thời điểm nhất định, người làm lễ sẽ đến đứng sau bàn tiệc thánh. (2) Những người phụ giúp sẽ tiến lên đứng ở hàng ghế đầu. (3) Người làm lễ đọc một đoạn Kinh

thánh và giải thích ý nghĩa liên quan đến tiệc thánh. (4) Người làm lễ bẻ bánh và dâng lời cầu nguyện tạ ơn và cầu xin ơn của Chúa trên những người dự lễ. (5) Khay đựng bánh và chén lần lượt được chuyển đến cho hội chúng. Sau đó, những người phụ giúp sẽ trở lại vị trí cũ, đưa lại những bánh và chén còn dư nếu có cho người làm lễ. Người này sẽ đọc một câu Kinh thánh thích hợp, ví dụ Rô-ma 12:1, sau đó cùng với hội chúng dự tiệc thánh: bánh rồi đến chén. (6) Hội thánh nhiều nơi có truyền thống hát một bài thánh ca sau khi dự tiệc thánh, theo sau đó là phần chúc phước và sai phái hội thánh đi ra trong tinh thần thờ phụng và cam kết với Chúa.

4. Một số cách khác để dự tiệc thánh gồm:

- ❖ Đến phía trước bàn tiệc để nhận bánh và chén
- ❖ Dựng lên một số ‘trạm’ chung quanh phòng nhóm
- ❖ Ăn chung một cái bánh và uống chung một ly
- ❖ Nhúng bánh vào chén

5. Lễ tiệc thánh cũng nên được phục vụ thường xuyên cho những tín đồ Cơ đốc tàn tật già yếu

Tóm lại, về cách thức phải thực hiện như thế nào, các huấn lệnh của Chúa Jêsus không được ghi lại một cách chi tiết trong Tân ước, nhưng tinh thần của các huấn lệnh này được chỉ định rất rõ, đó là phải có sự trung thành với Đấng Christ và sự hiệp nhất trong thân thể Đấng Christ giữa vòng những người thờ phụng Chúa, những người có mối liên hệ cá nhân rõ ràng với Chúa, là Đấng Cứu chuộc và là Chủ của họ.

Chương 10

CẦU NGUYỆN TRONG THỜ PHƯỢNG

Cầu nguyện là linh hồn của sự thờ phượng. Nhiều người nhất trí rằng những lời cầu nguyện kiến tạo nên phần quan trọng nhất của sự thờ phượng. Qua lịch sử, chúng ta thấy con người đã thờ phượng Chúa bằng cách kêu cầu danh của Ngài qua lời ngợi ca và sự nài xin của họ. Kinh thánh ghi lại rất nhiều lời cầu nguyện của cá nhân cũng như của hội chúng. Thi-thiên 51 là một bài cầu nguyện điển hình của Đa-vít nói đến sự ăn năn của một cá nhân trước mặt Chúa. Nhiều bài thi thiên khác xen lẫn những lời ca ngợi và cầu xin cho những vấn đề cá nhân cũng như cho cả một quốc gia (Thi-thiên 60, 79, 80). Lời cầu nguyện dâng lên Chúa trước mặt hội chúng của vua Sa-lô-môn nhân dịp khánh thành đền thờ cũng là một khuôn mẫu đáng để học hỏi. Đây là một lời cầu nguyện rất hùng hồn tán dương các mỹ đức và sự vinh hiển của Chúa đồng thời cầu xin ân điển của Chúa cứ luôn gia thêm trên dân sự của Ngài (II Sử ký 6).

I. Bài cầu nguyện chung

Chúa Jêsus cũng xem sự cầu nguyện là rất quan trọng. Vì vậy, Ngài đã dạy các môn đồ Ngài cầu nguyện (Ma-thi-ơ 6:9-13, Lu-ca 11: 2-4):

Lạy Cha chúng tôi ở trên trời; Danh Cha được thánh;

Nước Cha được đến; Ý Cha được nên, ở đất như trời!

Xin cho chúng tôi hôm nay đồ ăn đủ ngày;

Xin tha tội lỗi cho chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ phạm tội nghịch cùng chúng tôi; Xin chớ để chúng tôi bị cám dỗ, mà cứu chúng tôi khỏi điều ác!

Vì nước, quyền, vinh hiển đều thuộc về Cha đời đời. Amen.

Bài cầu nguyện chung bao gồm một số thái độ cần có cho sự thờ phượng đó là sự chúc tụng, thuận phục, ăn năn, cầu xin và dẫn thân.

Bài cầu nguyện chung gợi ý một khuôn mẫu:

- ❖ Danh của Chúa: nói đến danh tánh và bản chất của Đức Chúa Trời
- ❖ Nước của Chúa: bao gồm tất cả mọi lĩnh vực của cuộc sống, tất cả các mối liên hệ của Chúa với con dân của Ngài
- ❖ Ý của Chúa: những điều Chúa mong muốn và những điều Ngài hoạch định
- ❖ Nhu cầu thuộc thể của chúng ta: cầu xin Chúa cung cấp những nhu cầu hằng ngày
- ❖ Nhu cầu xưng tội: cầu xin Chúa hướng dẫn trong đường công chính và tránh khỏi điều ác

- ❖ Cam kết của chúng ta: chúng ta cam kết dâng lên Chúa toàn bộ cuộc sống, những gì thuộc về chúng ta vì biết rằng Chúa tể trị trên mọi vật, mọi sự sống. Bài cầu nguyện mở đầu với lời ngợi khen chúc tụng Chúa và kết thúc bằng cam kết dâng mọi sự quy vinh hiển về cho Ngài.

II. Cầu nguyện và sự thờ phượng hội chúng

Giáo sư về thờ phượng Bruce Leafblad (2000) cho biết vai trò của sự cầu nguyện là sử dụng lời nói để biểu hiện đáp ứng của hội chúng trước Đức Chúa Trời và những sự mặc khải của Ngài. Lời cầu nguyện là cách để con người sử dụng từ ngữ bộc lộ bên ngoài để diễn đạt những cái đang xảy ra bên trong tâm lòng của họ. Đồng thời, sự cầu nguyện cũng bày tỏ hành động cam kết của con dân Chúa với Chúa, không những trong buổi thờ phượng nhưng cũng trong cuộc sống hàng ngày của họ.

Kinh thánh cho biết hội thánh đầu tiên đã biến sự cầu nguyện thành thói quen của họ, và họ đã trung kiên, bền đỗ trong sự cầu nguyện. Kết quả của sự cầu nguyện này đã khiến ‘nơi nhóm lại rúng động,’ ‘mọi người được đầy đầy Đức Thánh Linh’ và được ban cho sức mạnh, sự dạn dĩ để làm chứng về Chúa (Công vụ Các sứ đồ 2:24-25, 31, 42).

Sự cầu nguyện hội chúng là trái tim của sự thờ phượng hội chúng. Qua những lời cầu nguyện này, các tín hữu hiệp lại với nhau trong sự thờ phượng, đồng thời bày tỏ tinh thần cộng đồng, tình đoàn kết và mối thông công sâu sắc trong thân của Đấng Christ.

Có ba loại cầu nguyện trước hội chúng: (1) lời cầu nguyện được viết sẵn, người cầu nguyện chỉ việc đọc những lời này; (2) lời cầu nguyện tự phát: người cầu nguyện không cần phải đọc từ một bản văn nào hết nhưng dùng chính lời của mình để cầu; (3) lời cầu nguyện tự phát nhưng sau khi đã

có sự chuẩn bị: ở đây có cả hai yếu tố kỷ luật và tự do, cả chuẩn bị và tự phát.

Những lời cầu nguyện theo bài đã được viết sẵn từ trước thường không có chỗ để Đức Thánh Linh tự do hành động. Lời cầu nguyện tự do có chuẩn bị trước sẽ giúp người cầu nguyện vừa có cơ hội chuẩn bị để biết phải nói gì (vì người đó trình dâng nhu cầu và mong ước của cả hội chúng chứ không phải riêng cho họ mà thôi), vừa để Đức Thánh Linh hành động và phán qua những lời cầu nguyện của họ. Lời cầu nguyện tự do không có nghĩa là chúng ta muốn nói gì cũng được vì có nhiều người không thật sự kiểm soát được hết ý tưởng của họ, hoặc không diễn đạt được hết ý tưởng của mình qua lời nói, hoặc lặp ý nhiều lần, hoặc có khi xen vào những ý riêng, mục đích riêng của mình khi cầu nguyện.

III. Một vài đề nghị

A. Những điểm nên làm

Mục sư Franklin Segler (1996) đưa ra một số đề nghị thiết thực cần lưu ý cho những người cầu nguyện trước hội chúng:

1. Mỗi lời cầu nguyện có một trọng tâm. Một lời cầu nguyện không nên nói chung chung, mơ hồ nhưng phải cụ thể, rõ ràng. Nếu cầu nguyện tạ ơn, nên nêu ra cụ thể một vài ơn phước Chúa ban. Nếu dâng lên lời cầu xin, nên nêu ra chi tiết cụ thể (dĩ nhiên không nên thêm những chi tiết không thích hợp, hoặc không cần thiết). Chúng ta đã nhiều lần nghe những bài cầu nguyện như một mớ hỗn độn những lời cầu xin, ngợi khen, thậm chí lời giảng...một cách rất chung chung.
2. Mỗi lời cầu nguyện nên đơn giản, trực tiếp, rõ ràng. Người cầu nguyện không cần giới hạn mình theo một khuôn mẫu cầu nguyện nhất định trong Kinh thánh, nhưng cần để cho tâm trí và lời nói của mình thấm nhuần

ý tưởng của Chúa và lời của Ngài, đặc biệt là những lời cầu nguyện trong Kinh thánh.

3. Mỗi lời cầu nguyện phải hướng về Chúa, nói với Chúa. Đây không phải là một cuộc thảo luận về Chúa. Ví dụ, lời cầu nguyện như vậy là không nhất quán, “Lạy Cha, chúng con biết Đức Chúa Trời quan tâm và lắng nghe lời cầu xin của chúng con.” Ví dụ này cho thấy những chữ đầu tiên nói trực tiếp với Chúa, nhưng những chữ còn lại là một ‘bài giảng’ về Chúa.
4. Mỗi lời cầu nguyện phải bằng giọng nói lớn tiếng, rõ ràng để mọi người cùng nghe. Nên tránh lối nói đều đều hoặc giả giọng giảng thuyết.
5. Mỗi lời cầu nguyện không nên quá dài.
6. Mỗi lời cầu nguyện nên có sự chuẩn bị để đưa hội chúng vào sự thờ phượng. Nhiều người chống đối ý này, cho rằng cầu nguyện là vấn đề của tấm lòng, không nên chuẩn bị trước. Tuy vậy, sự cầu nguyện hội chúng, hay cầu nguyện đại diện hội chúng trước mặt Chúa là vấn đề của không những một tấm lòng, mà nhiều tấm lòng, nó bao gồm tâm trí của cả hội chúng. Vì vậy, sự cầu nguyện phải thể hiện được điều này trong sự cân bằng.
7. Mỗi lời cầu nguyện hội chúng nên cho người cầu nguyện biết trước. Vì mỗi lời cầu nguyện góp vào một mục tiêu cụ thể cho toàn bộ buổi thờ phượng, sự cầu nguyện hội chúng cần hướng người thờ phượng đến các mục tiêu này một cách hiệu quả.

B. Những điểm nên tránh

1. Thiếu trung thực
 - a. Không thật sự cầu nguyện với Chúa
 - b. Lập đi lập lại như vẹt: Chúa nghe, vì vậy chúng ta không cần phải lập lại

- c. Dùng lời của người khác
 - d. Nói như khi cầu nguyện riêng một mình: trình bày những vấn đề cá nhân trước hội chúng. Trong khi những vấn đề này cần được quan tâm và có chỗ thích hợp của nó trong sự thờ phượng, cầu nguyện cho những nhu cầu cá nhân mà thôi dẫn đến những lời xì xầm không cần thiết và không thật sự đưa cả hội chúng đến sự thờ phượng
2. Sai mục đích: Có người dùng lời cầu nguyện để phô trương khả năng hiểu biết Kinh thánh. Cũng có khi chúng ta dùng lời cầu nguyện để nâng một ai lên, khen ai quá đáng trong lời cầu nguyện, hay có khi khiển trách người khác cũng qua lời cầu nguyện.
3. Sai trong thái độ:
- a. Muốn gây xúc cảm: Cảm xúc chân thật trong tâm lòng của một người luôn được trân trọng. Tuy nhiên, dùng lời cầu nguyện để vận động cảm xúc của người khác là sai lầm. Việc người khác phản ứng như thế nào là phần của họ. Người cầu nguyện không nên bị cám dỗ dùng những lời gây cảm xúc để phô diễn ‘sức mạnh’ của lời cầu nguyện của mình.
 - b. Dùng lời hoa mỹ để gây ấn tượng
 - c. Hời hợt, chiếu lệ, cầu thả
 - d. Nhà nghề: nhiều tín hữu lâu năm tỏ ra rất đặc ý khi dùng những từ ngữ ‘nhà nghề’ trong hội thánh để chứng tỏ sự lão luyện, lâu năm của mình trong đạo. Điều đó chỉ tạo ấn tượng cho những người chuộng bề ngoài, vì Chúa thấy trong lòng.
4. Yếu về nội dung
- a. Chung chung: lời cầu nguyện chung chung giống như những mũi tên bắn loạn xạ, không trúng đích.

- b. Bỏ qua điều quan trọng : người cầu nguyện nên nắm rõ mục đích chính của lời cầu nguyện của họ và xoáy vào ý đó.
- c. Thiên vị: nhiều người chỉ nhớ cầu nguyện cho anh A, chị B, mà không lúc nào nhắc đến anh C, gia đình chị H...do nhiều lý do khác nhau nhưng cũng có khi vì chức tước, tiếng tăm, giàu sang, hoặc vị trí
- d. của những người này trong hội thánh.
- e. Có đầu óc địa phương hẹp hòi: một số người cầu nguyện như thể trên trái đất chỉ có một mình họ và không biết một ai khác ở kế bên cạnh hay ở bên kia quả địa cầu.

IV. Những chức năng, mục đích, và dạng thức của sự cầu nguyện

A. Lợi ích

Mỗi lời cầu nguyện nên có một chức năng hay mục đích rõ rệt. Nếu không theo nguyên tắc này, chúng ta dễ vấp phải thói quen không tốt mà Chúa Giêsu đã dạy các môn đồ đó là, “Đừng dùng những lời lặp vô ích như người ngoại” (Ma-thi-ơ 6:7). Nếu không có mục đích rõ rệt, lời cầu nguyện của chúng ta không khác gì những câu nói vô hồn có tính chất thủ tục. Những từ ngữ hay lời nói rập khuôn cũ rích sẽ sớm mất đi ý nghĩa.

Phân biệt được các chức năng, mục đích, và dạng thức sau đây của sự cầu nguyện sẽ giúp người cầu nguyện biết phải cầu nguyện cho mục đích gì và như thế nào. Điều này hoàn toàn không làm giới hạn sự vận hành cách tự do của Đức Thánh Linh trong lời cầu nguyện của họ vì họ không làm nô lệ cho những dạng thức hay mục đích này. Nói cách khác, đây chỉ là phương tiện giúp người cầu nguyện tập

trung tư tưởng và qua đó giúp cả hội chúng cùng thờ phượng trong một tâm tình, một ý hướng. Thật ra, Chúa Thánh Linh là Đấng làm cho những ý tưởng hoặc cách diễn đạt khác nhau của mỗi người quy về một đầu mối đó là tôn vinh Chúa Giêsu là Chúa và ngợi khen Đức Chúa Trời.

B. Các phân loại

1. Xét về các chức năng thuộc linh, sự cầu nguyện được chia ra làm năm loại: (1) Cầu nguyện chúc tụng, ngợi khen và cảm tạ; (2) Cầu nguyện ăn năn, xưng tội; (3) Cầu nguyện tạ ơn, cam kết, đầu phục; (4) Cầu xin, cầu thay; và (5) Cầu nguyện chúc phước.

Vì sự thờ phượng là sự gặp gỡ với Chúa trong mỗi thông công, trò chuyện với Ngài, những hình thức hoặc thể loại cầu nguyện sau đây đều nhằm bày tỏ mối liên hệ hai chiều này. Những lời cầu nguyện này như là những cách khác nhau con người đáp ứng lại sự mặc khải của Chúa, bản chất của Ngài và những công việc lớn lao, diệu kỳ của Ngài.

❖ Cầu nguyện chúc tụng, ngợi khen và cảm tạ

- Tất cả đều hướng về Đức Chúa Trời, về bản chất và công việc của Ngài với tinh thần ngợi khen, cảm tạ. Thứ tự ưu tiên rất rõ ràng tại đây: Chúa và danh của Chúa trước hết, không phải con người hoặc những nan đề của họ. Thái độ đúng đắn khi đến trước mặt Chúa là ngợi khen tôn vinh danh Ngài trước tiên. Nói cách khác, chính Ngài là khởi điểm của sự thờ phượng.
- Cầu nguyện chúc tụng nhấn mạnh đến sự chiêm ngưỡng vẻ đẹp tuyệt vời của Chúa bằng thái độ suy niệm, ngưỡng mộ. Cầu nguyện ngợi khen đề cao bản chất, danh tánh và công việc của Ngài với tinh thần vui mừng, ngợi khen cao độ. Cầu

nguyện cảm tạ xoáy vào việc nhận biết những quyền năng, phép lạ Ngài đã làm giữa vòng con dân Chúa với thái độ khiêm cung biết ơn.

- ❖ *Cầu nguyện ăn năn, xưng tội*: Tội lỗi là vấn đề quan trọng hàng đầu ngăn trở sự thờ phượng ngay từ thời ban đầu. Tội lỗi trong hội thánh là vấn đề càng nghiêm trọng hơn đối với Chúa. Vì vậy, Ngài kêu gọi con cái Ngài quay trở lại để Ngài bày tỏ lòng thương xót và đoái xem họ (II Sử ký 7:14). Trách nhiệm của con cái Chúa là trở lại và ăn năn tội lỗi mình trước mặt Chúa với lòng tin chắc vào sự tha thứ của Ngài (I Giăng 1:9). Bởi ân điển của Đức Chúa Trời bày tỏ qua công tác cứu chuộc của Đức Chúa Jêsus Christ, con cái Chúa thật sự đến xưng tội với Ngài với nhận biết rằng mình đã được chấp nhận và được an toàn. Chúng ta xưng tội không phải để được Chúa tha nhưng bởi vì Chúa đã tha thứ tội cho chúng ta qua Chúa Jêsus Christ rồi.
- ❖ *Cầu nguyện tận hiến, cam kết và đầu phục*: Tận hiến là dâng một điều gì đó cho một mục đích nhất định. Trong bối cảnh này, người thờ phượng cam kết dâng chính mình cho Chúa, đáp ứng lời kêu gọi cụ thể của Chúa để phục vụ Ngài. Đầu phục Chúa là đặt Chúa trên hết trong ý chí của mình. Sự cam kết đầu phục của Ê-sai trước sự kêu gọi của Chúa là một ví dụ điển hình (Ê-sai 6).
- ❖ *Cầu xin và cầu thay*: đây là hành động xoay hướng về Chúa, nhìn nhận Ngài là nguồn của mọi sự. Thái độ cầu xin đúng đắn không 'làm phiền' Chúa nhưng trái lại làm Chúa vui lòng vì Ngài thấy con cái Chúa chạy đến với Ngài, nhờ cậy Ngài mà không nương nhờ vào các nơi khác.

- ❖ *Cầu nguyện chúc phước*: đây là lời cầu nguyện vừa theo chiều đứng vừa theo chiều ngang. “...Nguyên xin ân điển của Đức Chúa Jêsus ở với ông bà anh chị em...”

2. Xét về các loại cầu nguyện thông thường trong thờ phượng hội chúng, chúng ta thấy có một số loại như sau:

- ❖ *Cầu nguyện mở đầu*: đây là lời cầu nguyện chúc tụng, ngợi khen đã được nói đến ở phần trên. Mục đích của nó là dẫn hội chúng vào sự hiện diện của Chúa, chuẩn bị tâm trí và tấm lòng của mọi người hướng về Chúa. Lời cầu nguyện này nên có tính cách ‘khách quan’ (về chính Chúa) hơn là ‘chủ quan’ (về chúng ta, về con người nói chung), và thường là lời cầu nguyện ngắn.
- ❖ *Cầu nguyện của người chấn bầy*: đây là lời cầu nguyện trình dâng những nhu cầu, nan đề của hội chúng lên trước mặt Ngài.
- ❖ *Cầu nguyện dâng hiến*: có thể bắt đầu bằng lời cảm tạ về những điều Chúa ban cho. Để ý dâng hiến là một hành động thờ phượng rất quan trọng. Thái độ biết ơn và tin cậy Chúa phải được thể hiện ở sự dâng hiến này. Một số người cầu nguyện rằng, ‘chúng con xin dâng món tiền nhỏ mọn này để làm công việc lớn cho Chúa.’ Thật ra chúng ta không cần phải đề cập đến món tiền, và vì vậy chữ ‘nhỏ mọn’ vừa không cần thiết, vừa vô tình hạ giá hành động dâng hiến này.
- ❖ *Cầu nguyện trước bài giảng*: đơn giản, ngắn gọn, cầu xin Chúa mở mắt, mở lòng để lắng nghe, hiểu, đón nhận lời của Ngài.
- ❖ *Cầu nguyện sau bài giảng*: đơn giản, nhắm vào phần áp dụng của sứ điệp bài giảng hôm đó.
- ❖ *Cầu nguyện xưng tội*

- ❖ *Cầu nguyện cảm tạ*
- ❖ *Cầu nguyện tận hiến*
- ❖ *Cầu nguyện chữa bệnh*: đây là lời cầu nguyện rất thông dụng trong thời hội thánh đầu tiên. Ngày nay chúng ta có còn tin Chúa là Đấng có thể chữa lành hay không?

3. Xét về các dạng thức cầu nguyện, có một số dạng thức cầu nguyện tiêu biểu như sau:

- ❖ *Cầu nguyện sôlô*: mỗi cá nhân tự cầu nguyện riêng với Chúa
- ❖ *Cầu nguyện nêu nan đề*: Người hướng dẫn lần lượt nêu lên một số nhu cầu hay nan đề và kêu gọi hội thánh cầu nguyện cho từng nan đề hay nhu cầu một.
- ❖ *Cầu nguyện đối đáp ngắn*: người hướng dẫn cầu nguyện và hội chúng đáp lại bằng cách lặp đi lặp lại một số chữ nhất định. Ví dụ:

Người hướng dẫn: Lạy Chúa, chúng con đã bỏ qua sự thờ phượng Chúa trong đời sống hằng ngày.

Hội chúng: Xin Chúa thương xót chúng con.

Người hướng dẫn: Chúng con đã phạm tội với Chúa vì đã có những thành kiến với những người xung quanh.

Hội chúng: Xin Chúa thương xót chúng con.

- ❖ *Cầu nguyện đồng bộ*: ví dụ như lời cầu nguyện chung
- ❖ *Cầu nguyện thâm*: trước khi cầu nguyện, người hướng dẫn có thể kêu gọi hội chúng tập trung yên lặng đến với Chúa. Người hướng dẫn cần tham gia với hội chúng và quyết định lúc nào chấm dứt. Vì đây là lời cầu nguyện đòi hỏi sự yên lặng, người hướng

dẫn nên xoay khỏi micrô để tránh phóng thanh tiếng cầu nguyện thầm của mình vì điều này sẽ làm chi phối hội chúng một cách không cần thiết.

- ❖ *Cầu nguyện cùng một lúc*: hội chúng cùng lớn tiếng cầu nguyện, đến với Chúa và không để ý đến những người xung quanh.
- ❖ *Cầu nguyện bằng cách hát*: có nhiều lời hát như lời cầu nguyện, đem hội chúng đến gần với Chúa.

C. Lời cầu nguyện đầy ơn

Sự cầu nguyện chân thật đại diện cho toàn thể hội chúng để kết nối con người với những mục đích của Đức Chúa Trời rất đáng được chuẩn bị chu đáo. Những yếu tố quan trọng để có một sự chuẩn bị tốt nhất đó là:

- ❖ *Đời sống cầu nguyện cá nhân*: Người hướng dẫn hội chúng vào sự thờ phượng cách đầy ơn nơi công cộng cũng là người có đời sống thờ phượng Chúa cách mật thiết nơi riêng tư.
- ❖ *Quan tâm đến những nhu cầu của người khác*: Người cầu nguyện nơi công cộng là người am hiểu nhu cầu của hội chúng. Những ước nguyện hay mong muốn của người cầu nguyện cũng là những ước nguyện hay mong ước của cả hội chúng. Ở đây nhấn mạnh đến một sự quan tâm nhạy bén đến những nhu cầu của những người xung quanh và một đức tin mạnh mẽ nơi ân điển và sự thương xót của Chúa. Cũng giống như bài giảng, lời cầu nguyện càng liên quan nhiều đến những nhu cầu, nan đề hiện tại, thực tế của hội chúng thì càng giúp ích cho họ khi thờ phượng Chúa.
- ❖ *Học tập những lời cầu nguyện trong Kinh thánh*: Kinh thánh chứa đựng cả một kho tàng những lời cầu

nguyện. Trải qua nhiều thế kỷ, Thi-thiên vẫn là tập sách được ưa chuộng nhất của những chiến sĩ cầu nguyện đầy ơn ở khắp nơi trên thế giới.

- ❖ *Ghi ra những ý chính*: dù có một số phản đối về việc này, nhưng việc ghi ra dàn ý, cũng giống như bài giảng, giúp người cầu nguyện tập trung ý tưởng và làm giàu thêm đời sống cầu nguyện của người đó.
- ❖ *Học thuộc một phần nhỏ*: biết phải nói gì trong những chữ đầu tiên của một lời cầu nguyện giúp hội chúng tập trung và giúp người cầu nguyện không phải bối rối, bỡ ngỡ lục soạn ý tưởng của mình trong những giây phút đầu tiên.
- ❖ *Tùy thuộc vào Đức Thánh Linh*: Tất cả những người thờ phượng thật phải nương cậy vào Đức Thánh Linh cả trong sự thờ phượng riêng tư lẫn công cộng. Lời cầu nguyện được chuẩn bị sẵn khiến Đức Thánh Linh càng có nhiều cơ hội hơn để dẫn hội chúng vào sự thờ phượng. Cũng vậy, ở đây có thể so sánh sự cầu nguyện và bài giảng. Sự chuẩn bị hoàn toàn không ngăn cản tính tự do, thanh thoát trong một bài giảng nhưng trái lại càng làm cho người giảng cảm thấy tự do hơn khi diễn đạt ý tưởng của mình. Giáo sư H.E. Dana nói rằng, “Sự chuẩn bị được ví như những chiếc cánh nâng cao lên đến khoảng không tự do chứ không phải là những quả tạ kéo trì xuống.”

Liên kết lời cầu nguyện với những yếu tố môi trường xung quanh: Lời cầu nguyện nên được gắn chặt với những yếu tố xung quanh nó. Khi chuẩn bị cầu nguyện, nên để ý đến một bài hát mới vừa hát, hoặc một đoạn Kinh thánh sắp sửa được đọc. Đồng thời nên chú ý đến chủ đề của buổi thờ phượng và không khí chung của buổi nhóm.

Chương 11

KINH THÁNH VÀ SỰ THỜ PHƯỢNG: ĐỌC VÀ GIẢNG KINH THÁNH

Kinh thánh chiếm vị trí quan trọng trong sự thờ phượng. Như chúng ta đã biết, Đức Chúa Trời phán với con người qua ngôn từ của họ. Là một bản ký thuật những công việc của Đức Chúa Trời trong lịch sử, và được mặc khải bởi Đức Thánh Linh, Kinh thánh là nguồn chính mang nội dung khách quan trong sự thờ phượng.

Nhiều trước giả trong Cựu ước biết rất rõ khi Đức Chúa Trời phán với họ. Các tiên tri của Chúa nhiều lần nhiều lúc xác nhận nguồn gốc của những lời tiên tri của mình bằng những chữ, “Có lời Đức Giê-hô-va phán cùng ta...” (Giê-rê-mi 1:4). Người viết sách Hê-bơ-rơ cũng nói rằng, “Đời xưa, Đức Chúa Trời đã dùng các đấng tiên tri phán dạy tổ phụ chúng ta nhiều lần nhiều cách” (Hê-bơ-rơ 1:1). Ông cũng xác nhận thêm rằng sự xuất hiện của Lời hằng sống trong con người Jêsus càng làm cho lời chứng về lời thành văn, tức Kinh thánh, thêm chắc chắn, đáng tin.

I. Đọc Kinh thánh là một hành động thờ phượng

Nhiều người đã không đọc Kinh thánh cách thường xuyên nơi riêng tư. Nhiều hội thánh đã bỏ qua hoặc không coi trọng việc đọc Kinh thánh nơi công cộng. Đã có nhiều lần, nhiều lúc Kinh thánh được đọc một cách cầu thả, hấp tấp. Hoàn toàn trái với thái độ này, hai trường hợp điển hình của thầy tế lễ E-xơ-ra và của Chúa Jêsus sẽ khiến chúng ta có cái nhìn khác hơn về tầm quan trọng của việc đọc và giảng Kinh thánh. Ký thuật trong Nê-hê-mi 8: 5-18 cho biết dân sự đã lấy lòng cung kính lắng nghe lời của Đức Chúa Trời, họ quỳ xuống thờ lạy Đức Chúa Trời khi được nghe đọc và giảng nghĩa lời Chúa. Họ cũng khóc lóc, vui mừng, và làm theo những lời đã nghe. Sử gia Lu-ca cũng ghi lại trường hợp Chúa Jêsus vào nhà hội và đọc những lời viết về mình trong khi mọi mắt đều dán vào Ngài và họ ngạc nhiên khi nghe những lời đầy nhân lành này. Rõ ràng, hai trường hợp này cho thấy Kinh thánh không những là một phương tiện qua đó quyền năng Đức Thánh Linh được bày tỏ, nhưng nó còn chứa đựng nội dung có giá trị tối hậu.

Đọc Kinh thánh tự nó đã là một hành động thờ phượng- không phải chúng ta thờ Kinh thánh nhưng chúng ta thờ Lời hằng sống hay Đấng sống mà Kinh thánh làm chứng. Tác động của Kinh thánh trong sự thờ phượng có tính cách trực tiếp. Mục sư McComiskey (1991) cho biết lý do quan trọng nhất của việc đọc Kinh thánh trước hội chúng là để chuyển tải sứ điệp của nó đến người nghe. Kinh thánh tự nó có ý nghĩa và thích hợp với những người lắng nghe bằng đức tin với sự soi sáng của Đức Thánh Linh mà không cần một bài giảng hùng hồn.

II. Vai trò của Kinh thánh trong sự thờ phượng

- ❖ *Mặc khải chính Chúa*: Chúa tự mặc khải chính Ngài qua lời của Ngài trong Kinh thánh.
- ❖ *Đại diện Chúa trong cuộc đối thoại với con người*: Kinh thánh là lời Chúa phán với người thờ phượng. Nó có tính cách khách quan vì nó trình bày điều Chúa nói, chứ không phải điều chúng ta nghĩ về Chúa.
- ❖ *Giữ cho sự thờ phượng có Chúa làm trung tâm*: đây là cách duy nhất để luôn đặt Chúa ở trước chúng ta trong sự thờ phượng hội chúng
- ❖ *Giữ sự thờ phượng trong lẽ thật*: sự hiện diện của Kinh thánh là kỹ thuật chính xác về sự mặc khải của Đức Chúa Trời.
- ❖ *Định hình, hướng dẫn, và kích thích sự đáp ứng của con cái Chúa trong sự thờ phượng*.

III. Cách đọc Kinh thánh

Đọc Kinh thánh nơi công cộng là một yếu tố quan trọng trong sự thờ phượng hội chúng của người Do thái xưa và các tín hữu Cơ đốc từ nhiều thế kỷ qua. Một số đoạn Kinh thánh tiêu biểu đề cập đến vấn đề này được tìm thấy trong Xuất Ê-díp-tô ký 24:7, Phục truyền luật lệ ký 31:11, Giô-suê 8: 34-35, Nê-hê-mi 8:1-8; 9:3; 13:1; và I Ti-mô-thê 4:13). Từ lâu, giáo sư S. S. Curry (1923) đã nhắc nhở chúng ta rằng từ sự hiểu biết riêng của người đọc về ý nghĩa của một phần đoạn Kinh thánh, các biểu hiện khác nhau khi đọc chắc chắn sẽ đến cách tự nhiên để diễn tả nội dung thích hợp.

A. Các nguyên tắc đọc Kinh thánh

- ❖ Đọc ở nhịp độ vừa phải để người nghe nắm bắt được ý chính của đoạn Kinh văn.

- ❖ Khi thực tập nên đọc lớn ra để có thể phát hiện và sửa chữa những chỗ hay vấp. Ở điểm này, việc đọc Kinh thánh đòi hỏi sự cho biết trước để chuẩn bị. Không nên gọi bất chợt một người lên đọc khi người này chưa có cơ hội để tìm hiểu ý nghĩa của đoạn Kinh văn và đọc lớn qua ít nhất vài lần.
- ❖ Chủ tâm giúp người nghe bắt được trọng điểm của đoạn Kinh văn. Một lần nữa, tại đây nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc tìm hiểu ý nghĩa người viết đoạn Kinh văn đó muốn nói. Một khi đã nắm được ý của đoạn Kinh văn đó, người đọc sẽ tìm cách nhấn mạnh, ngưng, lướt, hoặc đọc chậm lại một cách thích hợp.
- ❖ Để ý ngắt câu, ngắt giọng hợp lý để tạo hiệu quả.
- ❖ Bản thân người đọc phải thừa nhận sự quan trọng, tính thích hợp và giá trị của đoạn kinh văn để thuyết phục được hội chúng qua cách đọc.
- ❖ Đọc với tâm lòng chân thành, thành thật.
- ❖ Đọc với sắc thái, âm thanh phù hợp để làm nổi bật lên vẻ đẹp của đoạn kinh văn. Dĩ nhiên, mục đích chính là cho người nghe nắm được lẽ thật chứa đựng trong đoạn kinh văn, vì vậy những biện pháp tu từ, bút pháp, hoặc các hình thức nghệ thuật của đoạn kinh văn là những phương tiện người viết sử dụng để qua đó ý tưởng chính của họ được nổi bật.
- ❖ Đọc và phản ánh được xúc cảm của đoạn kinh văn.

B. Tầm quan trọng của việc đọc Kinh thánh

Đọc Kinh thánh là một nhiệm vụ quan trọng và khó khăn không thể xem thường. Trong suốt một tuần, đôi tai của chúng ta đã tiếp nhận hàng núi thông tin, cộng với vô số lời nói, lời than, lời khích lệ, động viên, lời chửi rủa, lời tâm tình...từ nhiều nguồn khác nhau. Vì vậy, khi đến thờ phượng

Chúa, người đến thờ phượng đáng được nghe đọc lời Chúa một cách cẩn thận, sống động, đầy ơn, đầy sức thuyết phục như thể Chúa đang phán với họ. Những lời đọc ngập ngừng, vấp vấp, ngưng không đúng chỗ, nghỉ không đúng nơi... càng làm cho người thờ phượng coi thường lời Chúa, thậm chí phải phá lên cười vì những lỗi ngưng hoặc phát âm sai của người đọc.

Dĩ nhiên, ở đây chúng ta không nói đến những trường hợp cá biệt của một số người vì khả năng vốn bị giới hạn của họ. Điều chúng ta lưu ý đó là tấm lòng của một người đối với Chúa cũng phải được thể hiện qua sự chuẩn bị chu đáo của họ, không những cho chính họ mà còn cho cả hội chúng mà họ đã được giao trách nhiệm. Đọc lời Chúa là một hành động thờ phượng. Vì thế, mỗi chúng ta không muốn làm điều này một cách khinh suất.

Đây vừa là một nhiệm vụ quan trọng cũng vừa là một nhiệm vụ khó khăn vì nó đòi hỏi thời gian và công sức của một người. Mục sư McComiskey (1991) nói rằng bí quyết đọc Kinh thánh trước hội chúng một cách có hiệu quả không phải bắt đầu từ những bài tập luyện giọng nhưng từ nỗ lực tìm hiểu ý của tác giả muốn nói trong đoạn kinh văn. Từ đó, người đọc tìm cách truyền đạt ý nghĩa này qua những cách đọc, giọng đọc với những lối nhấn hoặc ngưng giọng khác nhau.

C. Phương pháp đọc Kinh thánh theo McComiskey

Một trong những phương pháp đọc hiệu quả là tìm ra và truyền đạt được ý chính của những cấu trúc có nghĩa. Mục sư McComiskey (1991) định nghĩa một cấu trúc có nghĩa là một câu độc lập thường chứa đựng những yếu tố cảm xúc hoặc mang tính nhấn mạnh. Ví dụ, câu “Vừa đến trường, tôi lật đặt chạy vào lớp.” Cụm từ ‘tôi lật đặt chạy vào lớp’ là một đơn vị câu có nghĩa, nhưng cụm từ ‘vừa đến trường’ chỉ là

một cụm từ phụ thuộc, chưa hoàn tất một ý. Vì vậy, một cấu trúc có nghĩa là một câu hoàn tất bao gồm một số từ kết hợp với nhau theo nguyên tắc ngữ pháp để tạo nên một hiệu quả nhất định.

1. Ví dụ 1: Hãy cùng xem một ví dụ sau đây lấy từ sách II Sa-mu-ên 12:1-7a.

“Đức Giê-hô-va sai Na-than đến cùng Đa-vít. Vậy, Na-than đến cùng người mà rằng: Trong một thành kia có hai người, người này giàu, còn người kia nghèo. 2 Người giàu có chiên bò rất nhiều; 3 nhưng người nghèo, nếu chẳng kể một con chiên cái nhỏ mà người đã mua, thì chẳng có gì hết. Người nuôi nó; nó cùng lớn lên với con cái người tại nhà người, ăn đồ người ăn, uống đồ người uống, và ngủ trên lòng người; nó như một con gái của người vậy. 4 Và, có người khách đến người giàu; người giàu tiếc không muốn đặng đến chiên bò của mình dọn một bữa ăn cho người khách đã đến, bèn bắt con chiên con của người nghèo và dọn cho kẻ khác đã đến thăm mình. 5 Đa-vít bèn nổi giận lắm cùng người ấy, và nói cùng Na-than rằng: Ta chỉ Đức Giê-hô-va hằng sống mà thề, người đã phạm điều ấy thật đáng chết! 6 Hễ phải thường bốn lần giá chiên con, vì đã làm như vậy, và vì không có lòng thương xót. 7 Bấy giờ, Na-than nói cùng Đa-vít rằng: Vua là người đó!”

Có ba bước để diễn đạt được ý chính của một cấu trúc có nghĩa.

Bước thứ nhất là phát hiện ra ý của một cấu trúc có nghĩa. Câu 1 chép “Đức Giê-hô-va sai Na-than đến cùng Đa-vít.” Ở đây chúng ta thấy được ý sơ bộ của câu này, nhưng chưa thật sự nắm được toàn bộ ý nghĩa tác giả muốn nói. Chúng ta phải tìm ra được chỗ tác giả muốn nhấn mạnh.

Bước thứ hai là phát hiện ra cách thức hoặc phương tiện tác giả sử dụng để truyền tải ý của một cấu trúc có nghĩa. Chữ “Đức Giê-hô-va” ở đây không được nhấn mạnh vì chúng ta đã thấy nó trong đoạn 11:27. Vì vậy, khi chúng ta thấy lại chữ này trong 12:1, chúng ta biết đây chỉ là một sự tiếp tục trở lại. Hơn nữa, bối cảnh của đoạn kinh văn này không nhằm phân biệt Đức Giê-hô-va với một ai khác. Từ ‘sai’ cũng không được nhấn mạnh vì hành động này không tương phản với bất cứ một hành động nào khác ở đây. Từ “Na-than” là từ được nhấn mạnh. Chữ “Đa-vít” không được nhấn mạnh vì đã được đề cập đến trong 11:27 và được tiếp tục trở lại trong 12:1. “Nathan” là một nhân vật mới trong bản ký thuật này. Việc giới thiệu tên của ông chỉ ra một sự thay đổi sang một bước ngoặt mới của những sự kiện trong ký thuật này. Vì vậy, người đọc nên có giọng nhấn mạnh thích hợp khi đọc chữ “Na-than.”

Về tiếp theo “Vây Na-than đến cùng người mà (nói với người) [rằng]” cũng là một cấu trúc có nghĩa. Những chữ nhấn mạnh ở đây là ‘đến’ và ‘nói’ (trong bản tiếng Anh). Chữ “Na-than” trong câu này không còn được nhấn mạnh nữa vì ký thuật này không nhằm phân biệt ông với một ai khác ở đây.

Câu tiếp theo chép, “Trong một thành kia có hai người, người này giàu, còn người kia nghèo.” Từ nhấn mạnh ở đây là “hai người.” Những chữ “trong một thành kia” không có ý nhấn mạnh vì không phân biệt bất cứ thành nào, chỉ nói ‘trong một thành kia.’ Từ “giàu” và “nghèo” là hai từ ngữ nhấn mạnh phụ thêm để làm rõ ý cho đặc điểm của hai người. Từ “người này” và “người kia” chỉ làm nhiệm vụ chỉ định, vì vậy không có ý nhấn mạnh.

Trong câu 2 và 3, từ ‘giàu’ và ‘nghèo’ một lần nữa được nhấn mạnh. Từ ngữ “một con chiên cái nhỏ” lần đầu tiên xuất hiện ở đây và mang ý nghĩa quan trọng trong câu

chuyện, vì vậy, cần đọc với giọng nhấn mạnh hoặc rãi ra đủ để chuyển tải ý này.

Bước thứ ba là phát hiện ra yếu tố cảm xúc diễn tả trong cấu trúc có nghĩa. Trong đoạn kinh văn này, hãy nghĩ đến một người nghèo chẳng có gì hết ngoài con chiên nhỏ mà người coi như một con gái của mình. Từ đó chúng ta cũng cảm nhận được phản ứng mạnh mẽ của Đa-vít khi nghe hành động gian ác của người giàu. Cũng vậy, chúng ta sẽ đọc với giọng nghiêm và nhấn mạnh khi Na-than tuyên bố: “Vua là người đó!”

2. Ví dụ 2: được chép trong Thi-thiên 70.

“1 Đức Chúa Trời ôi! xin mau mau giải cứu tôi; Đức Giê-hô-va ôi! xin mau mau giúp đỡ tôi. 2 Nguyện những kẻ tìm hại mạng sống tôi. Đều phải bị hổ thẹn và nhuốc nhơ; Nguyện những kẻ vui vẻ về sự thiệt hại tôi Phải thối lại sau, và bị mất cỡ.

3 Những kẻ nói rằng: Ha ha! ha ha! Nguyện chúng nó phải thối lại sau, vì có sự hổ thẹn chúng nó.

4 Nguyện hết thảy người nào tìm cầu Chúa, Được mừng rỡ vui vẻ nơi Chúa; Nguyện những kẻ yêu mến sự cứu rỗi của Chúa Hằng nói rằng: Đáng tôn Đức Chúa Trời oai nghi thay!

5 Còn tôi bị khốn cùng và thiếu thốn; Đức Chúa Trời ôi! xin hãy mau mau đến cùng tôi: Chúa là sự giúp đỡ tôi, Đáng giải cứu tôi; Đức Giê-hô-va ôi! chớ chậm trễ.”

Hãy dành ra một vài phút để đọc đoạn Kinh thánh này, đọc như thể bạn đang đứng trước một hội chúng của Đức Chúa Trời. Sau đó tự trả lời những câu hỏi sau:

- 1) Giọng đọc của bạn có phản ánh được tính cấp bách của câu 1 hay không?

- 2) Bạn có diễn tả cảm xúc thể hiện trong những chữ ‘hỗ thẹn’ và ‘nhuốc nhor’ trong câu 2 không?
- 3) Cảm xúc nào chi phối cách bạn đọc câu 2?
- 4) Bạn đọc từ “Ha ha! Ha ha!” trong câu 3 như thế nào? Chữ này truyền đạt cảm xúc gì?
- 5) Bạn có ngưng trước khi bắt đầu một phân đoạn mới trong câu 5 hay không?
- 6) Cảm xúc nào chi phối cách bạn đọc câu 5?

Phản ánh tính chất cấp bách của câu 1 bằng cách đọc những chữ này nhanh hơn bình thường một chút. Tuy vậy, cũng không nên cường điệu quá cảm xúc của lời than khóc này, đồng thời cũng đừng sợ diễn đạt một chút thối thía, chua xót trong lời cầu xin này.

Chúng ta sẽ đọc những chữ trong câu 2 như thế nào khi có một ai đó thật sự muốn dọa giết chúng ta? Phản ánh giọng đọc cương quyết của bạn. Từ ngữ ‘hỗ thẹn’ và ‘nhuốc nhor’ mang một chút màu sắc trong đó. Khi thấy một điều nào đó đáng hổ thẹn, chúng ta sẽ nói “Thật là xấu hổ!” như thế nào?

“Thiệt hại” và “mất cỡ” là hai từ ngữ chỉ những trạng thái tình cảm tiêu cực. Giọng đọc nên phản ánh được điều này.

Từ “ha ha! Ha ha!” nếu đọc quá nhấn mạnh sẽ tự gây sự chú ý không cần thiết cho những chữ này và làm mất đi vẻ đẹp của Thi-thiên này. Đọc nhẹ nhàng vừa phải nhưng cũng truyền đạt được cảm xúc thích hợp. Cảm xúc đằng sau những từ ngữ này là một thái độ “Đó, tôi đã nói với anh rồi mà!”

Khoảng ngưng một chút trước câu 5 cho chúng ta có dịp thay đổi tâm trạng của hai phần tương phản. Chúng ta sẽ đọc câu “Đáng tôn Đức Chúa Trời oai nghi thay!” như gõ lên một nốt nhạc chiến thắng. Tuy nhiên, những chữ “Còn

tôi bị khốn cùng và thiếu thốn” tạo nên một hợp âm hoàn toàn khác.

Người đọc có thể dựa theo những phân tích trong các ví dụ này mà thực tập và chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để lời Chúa được rao ra một cách rõ ràng, đầy ơn, đem ích lợi đến cho người nghe, vì thật ra, đó chính là Chúa phán với họ.

IV. Giảng lời Chúa

A. Nền tảng Kinh thánh

Giảng lời Chúa hay giải thích Kinh thánh có nền tảng Kinh thánh rõ ràng. Trong Nê-hê-mi 8:6-8, sau khi E-xơ-ra đọc lời Chúa, dân sự cúi xuống và thờ phượng Ngài. Sau đó người Lê-vi “giải cho dân sự hiểu luật pháp.” Vì vậy, không phải chỉ có việc đọc lời Chúa, nhưng cũng có việc kêu gọi và biệt riêng một số người ra để giúp con cái Chúa hiểu lời của Ngài. Hơn nữa, đây là bối cảnh của một sự thờ phượng được Chúa thăm viếng và chúc phúc.

Trong thời Tân ước, các nhà hội Do thái vẫn tiếp tục truyền thống này. Trong Lu-ca 4:16 và tiếp theo, Chúa Jêsus đến Na-xa-rét và vào nhà hội, đọc trong sách tiên tri Ê-sai, và sau đó ngồi xuống giảng dạy. Ngài nói rằng, “Lời Kinh thánh mà các ngươi đã nghe hôm nay đã được ứng nghiệm” (Lu-ca 4:21). Đây là lối thờ phượng điển hình trong nhà hội: lời Chúa được đọc, sau đó được giảng nghĩa và nêu ra áp dụng.

Chúng ta cũng thấy sự giảng dạy được đề cập đến trong sách Công vụ các sứ đồ. Khi sứ đồ Phao-lô đến An-ti-ốt và vào nhà hội, đoạn 13:14-15 chép như tiếp vậy, “Vừa đọc sách luật và sách các tiên tri xong, các chủ nhà hội sai sứ nói cùng hai người rằng: Hỡi anh em, nếu có mấy lời khuyên bảo dân chúng, hãy giảng đi.” Phao-lô liền đứng dậy và giảng.

Sở dĩ việc giảng dạy trở nên quan trọng trong hội thánh ngày nay là vì nền tảng đó đã được thiết lập và duy trì từ thời Cựu ước và Tân ước.

B. Hai quan điểm

Có hai thái cực khi nói đề cập đến việc giảng dạy trong sự thờ phượng. Những người theo chủ nghĩa giáo nghi, hình thức và trọng hệ thống tế lễ đẩy việc giảng dạy qua một bên và thay vào đó là việc cử hành các bí tích. Martin Luther đã tuyên bố rằng các tín hữu chớ nên nhóm lại nếu lời Chúa không được rao giảng.

Một thái cực thứ hai là có một số người cho rằng những bài hát, lời cầu nguyện và những hình thức nghi lễ khác phục vụ như là ‘món ăn khai vị’ để chuẩn bị cho ‘món ăn chính’ là bài giảng. Họ đã đặt tầm quan trọng của bài giảng lên quá cao đến nỗi ý nghĩa của các phần khác bị lu mờ. Đầu đó trong một vài hội thánh, chúng ta cũng vẫn nghe người hướng dẫn nói rằng, “Sau đây là phần chính của chương trình, mời mục sư B lên chia sẻ lời Chúa.” Mặc dù bài giảng là phần quan trọng, đó không phải là phần duy nhất của một buổi thờ phượng. Một số người đi trễ tự an ủi mình, nói rằng, “ít nhất tôi cũng được nghe bài giảng...vậy là đủ rồi.” Họ lầm tưởng sự thờ phượng với việc nghe giảng.

C. Giảng lời Chúa là một hành động thờ phượng

Vì giảng lời Chúa cũng là một hành động thờ phượng dâng lên Chúa, người giảng phải chuẩn bị đời sống, tâm trí, và tấm lòng trước khi giảng. Nội dung bài giảng phải giúp người nghe hướng về Chúa, chứ không phải về bất cứ điều gì khác, và càng không phải về chính người giảng. Việc giảng dạy hiệu quả sẽ giúp người nghe liên kết những ý nghĩa thần học với kinh nghiệm cuộc sống hiện tại.

D. Thách thức của việc giảng lời Chúa trong thời đại hiện nay

Mục sư John Piper (1995) nhận xét các bài giảng ngày nay thường theo khuynh hướng hướng nhân hơn là hướng thiên. Ông giải thích thêm rằng các đề tài về sự ly dị, kềm chế cơn giận, làm thế nào để nuôi dạy con cái, cách quản lý thì giờ...có khuynh hướng thu hút hội chúng nhiều hơn là chỉ nói đến bản tính của Đức Chúa Trời vì nó đụng chạm đến những nhu cầu thiết thực của con người trong xã hội.

Dĩ nhiên, điều chúng ta đồng ý với nhau là sự giảng dạy nếu không hề quan tâm đến con người và những nỗi đau của họ thì cũng không đem lại những kết quả theo Kinh thánh. Tuy nhiên, chúng ta cần lưu ý rằng, nhiều mục sư đã không thật sự tin rằng những mỹ đức của Chúa, sự cao trọng, tuyệt vời của Ngài và những công việc lạ lùng lớn lao của Ngài có thể cảm động và tác động vào tâm lòng hay tâm trí của người nghe. Âm nhạc có một lợi thế là những lời hát được hòa quyện trong một hình thức nghệ thuật qua đó biểu hiện cảm xúc, cho nên thờ phượng qua âm nhạc dễ đem lại tác động cho người nghe hơn là sự giảng dạy. Tuy vậy, mục sư John Piper (1995) quả quyết rằng “sự giảng dạy có thể tự nó tạo ra một thứ âm nhạc riêng.”

Sự giảng dạy không cần phải bị ‘thuần hóa’ bởi những trào lưu hiện đại và cũng không hẳn phải bị giới hạn trong khả năng ‘gãi được chỗ ngứa’ của người nghe. Nó không cần tiếng nhạc của đàn dương cầm hay đàn ghi-ta để nâng cao tâm hồn của mọi người đến gần Chúa hơn. Điều nó cần là một tiếng hát được ban cho bởi Đức Thánh Linh xuất phát từ chính tâm hồn của người giảng. Khi sự giảng dạy là sự thờ phượng, người thờ phượng sẽ được cảm động.

Chương 12

CHUẨN BỊ VÀ HƯỚNG DẪN MỘT BUỔI THỜ PHỤNG

Mục sư F. M. Segler (1996) nhận xét: “Một trong những lời giải thích cho sự thờ phượng không hiệu quả trong hội thánh của chúng ta là sự thiếu coi trọng việc chuẩn bị.” Trong những chương trước, chúng ta đã thấy bí quyết của sự thờ phượng được đầy ơn của một hội chúng là tùy thuộc vào đời sống thờ phượng cá nhân của mỗi người. Sự chuẩn bị là một trong những yếu tố có thể nhìn thấy được về đời sống thờ phượng của một cá nhân. Nếu một người thật sự yêu mến, coi trọng Chúa của mình, người đó sẽ hết lòng, hết sức chuẩn bị để làm tốt công việc Chúa giao hầu làm vui lòng Ngài.

I. Nền tảng căn bản cho người chuẩn bị

Ba nền tảng căn bản cho sự chuẩn bị và hướng dẫn thờ phượng được ơn là: (1) sự hiểu rõ Kinh thánh và những nguyên tắc của nó; (2) đời sống thờ phượng cá nhân mỗi ngày; và (3) soạn chương trình với một tấm lòng cầu nguyện.

Trong đời sống hằng ngày, người phụ trách soạn chương trình hoặc/và hướng dẫn thờ phượng cần chăm chỉ và cẩn thận học hỏi lời Chúa, để Đức Thánh Linh soi sáng, đổi mới tâm trí của mình để từ đó thực hành nếp sống đạo mỗi ngày như là một “của lễ dâng lên có mùi thơm cho Đức Chúa Trời” (Rô-ma 12:1-2). Với nếp sống thờ phượng này, người phụ trách thờ phượng cũng đem tinh thần đó vào trong những sự chuẩn bị chương trình thờ phượng, để Đức Thánh Linh hướng dẫn, chi phối mọi ý tưởng và quyết định của mình.

II. Các mô hình thờ phượng

Một khi đã có ba nền tảng căn bản trên, người phụ trách thờ phượng cần nắm vững một số mô hình thờ phượng và các nguyên tắc điều hành để có thể dựa vào đó soạn và làm tốt công việc của một người phụ trách thờ phượng trong một hội thánh địa phương.

A. Ba yếu tố cần phân biệt khi soạn một chương trình thờ phượng

Để có thể soạn một chương trình thờ phượng, giáo sư Robert Webber (1998) giúp chúng ta phân biệt ba yếu tố căn bản thường hay bị lẫn lộn sau đây: nội dung, cấu trúc và thể loại.

1. Về nội dung, sự thờ phượng Cơ đốc không có trọng tâm nào khác hơn là Ba ngôi Đức Chúa Trời. Thật vậy, sự thờ phượng Cơ đốc tôn vinh, chúc tụng Đức Chúa Cha, Đấng thánh khiết, siêu việt ngự trên ngôi thánh Ngai, là Đấng tạo dựng vũ trụ, muôn loài. Sự thờ phượng Cơ đốc tôn vinh, chúc tụng, cảm tạ công tác cứu chuộc của Đức Chúa Con, qua Ngai muôn phục được phục hòa với Đức Chúa Trời, cảm tạ quyền năng của thập tự giá và sự sống lại vinh hiển của Ngai. Sự thờ phượng Cơ đốc cũng khải

nài sự hiện diện của Đức Thánh Linh là Đấng Yên ủi ở bên cạnh chúng ta, dạy dỗ, sửa trị, hướng dẫn mỗi cá nhân vào lẽ thật của Ngài. Nói cách khác, những nội dung này giúp hiện thực hóa hội thánh Chúa trên đất, làm cho con cái Chúa nếm trước được ‘mùi vị’ của thiên đàng hay sự trị vì trong tương lai của Vua trên muôn vua. Nội dung của sự thờ phượng Cơ đốc hình thành trong con cái Chúa một thế giới quan Cơ đốc và ban năng lực cho hội thánh Chúa để trở thành một cộng đồng đem sự cứu rỗi và sự giảng hòa đến cho nhiều người.

2. Về cấu trúc, sự thờ phượng Cơ đốc theo mô hình bốn phần vốn được mô tả trong Kinh thánh và được thực hiện bởi các tín hữu hội thánh đầu tiên. Theo ký thuật trong Công vụ 2:42, các tín hữu đầu tiên đã nhóm lại với nhau, nghe lời dạy của các sứ đồ, bẻ bánh, cầu nguyện và thông công với nhau. Theo câu Kinh thánh này, sự thờ phượng Cơ đốc từ lúc ban đầu có hai trọng điểm: lời Chúa và Bàn tiệc. Hành động tập hợp lại và sau đó được sai phái ra thiết lập nên mô hình bốn phần này, đó là: Tập hợp, Lời Chúa, Cảm tạ, và Giải tán. Mô hình này sẽ được trình bày chi tiết ở phần tiếp theo.
3. Về thể loại, Robert Webber (1998) nhấn mạnh rằng, từ trước tới giờ đây là vấn đề chưa bao giờ thuộc về Kinh thánh. Sự thờ phượng trang trọng, bình dân, cầu kỳ, đơn giản... là vấn đề thuộc về thị hiếu. Tuy vậy, vì thể loại thờ phượng được xem như cửa sổ của hội thánh, chúng ta phải để những thể loại này phản ánh con người của chúng ta. Thế giới Cơ đốc bao gồm vô số những loại người khác nhau; một số thờ phượng theo kiểu lễ nghi, hình thức, số khác thì có ban hát dẫn và hầu như không có một nghi lễ nào. Một số khác nữa rơi trong giới hạn của hai thái cực này. Vì vậy, không có thể loại này được gọi là ‘tiêu chuẩn’ cho tất cả các hội thánh địa phương.

Như vậy, với một cái nhìn bao quát nhất, bất cứ một sự thờ phượng nào rơi trong phạm vi của nội dung và cấu trúc nêu trên đều được xem là một sự thờ phượng Cơ đốc, cho dù hình thức có khác nhau.

Có ba mô hình thờ phượng mẫu được sử dụng trong nhiều hội thánh ngày nay. Những mô hình này có cả những mặt mạnh và mặt yếu. Tùy theo môi trường, điều kiện nhân lực, quan điểm thần học, và kinh nghiệm cá nhân của mỗi người, các mô hình này có thể được sử dụng trong những dịp khác nhau, hoặc có thể bổ sung, sửa chữa cho phù hợp.

B. Mô hình thờ phượng theo Ê-sai đoạn 6

Đức Chúa Trời là Đấng khởi xướng tiến trình thờ phượng và con người đáp ứng lại sự mời gọi của Ngài. Đây là mô hình theo cách đối thoại. Chúa Jêsus cũng đã từng phán: “Này, ta đứng ngoài cửa mà gõ; nếu ai nghe tiếng ta mà mở cửa cho, thì ta sẽ vào cùng người ấy, ăn bữa tối với người, và người với ta” (Khải huyền 3:20). Khung cảnh hai người cùng trò chuyện, ăn tối chung với nhau diễn tả một sự gần gũi, thân mật. Nơi đây những ý nghĩ thầm kín nhất được chia sẻ, và những lời nói đầy sự quan tâm lẫn khích lệ được lắng nghe. Trong cuộc đối thoại này, Đức Chúa Trời là Đấng khởi xướng. Sự thờ phượng được bắt đầu bằng sự mặc khải của Ngài.

1. Mặc khải

Câu 1 trong Ê-sai đoạn 6 cho thấy Chúa là Đấng mặc khải, và Ê-sai ‘thấy Chúa ngồi trên ngai cao sang.’ Thật vậy, Chúa đến với con người, hay Trời trở thành người. Các tôn giáo khác đều chủ trương sự nỗ lực của bản thân con người để vươn lên tới một Đấng tối cao, một trạng thái hay thực thể siêu phàm nào đó. Tuy nhiên, trong Cơ đốc giáo chính Đấng

tối cao đó đã đến với con người. Đây là điểm đặc biệt của Cơ đốc giáo. Đây là niềm hy vọng chắc chắn cho nhân loại. Vì vậy, tín hữu Cơ đốc khi đến thờ phụng nhận biết rằng Chúa đang hiện diện ở giữa họ. Sự hiện diện này như một món quà vô giá mà chỉ có những người nhân danh Chúa nhóm nhau lại mới được đặc ân này. Sự thật này đáng để tín hữu Cơ đốc càng thêm trân trọng hơn, chuẩn bị kỹ lưỡng hơn cả hình thức bên ngoài và tấm lòng bên trong.

Trong mô hình đối thoại, sự mặc khải là khởi điểm của sự thờ phụng. Chúa là Đấng đến với con người và bày tỏ chính Ngài. Trong chương trình thờ phụng, người hướng dẫn có thể đọc một đoạn Kinh thánh ngắn, ví dụ trong Ê-sai 66:1-2, như thể lời Chúa phán với người đến thờ phụng. Cũng với mục đích này, ca đoàn có thể mở đầu bằng một bài hát mạnh mẽ, oai nghiêm bày tỏ sự mặc khải của Chúa hay sự hiện diện của Chúa giữa vòng con dân Ngài.

2. Tôn vinh, ngợi khen và cảm tạ

Trong câu 3, các thiên sứ tôn vinh, chúc tụng danh Đức Giê-hô-va. Đáp ứng trước vẻ đẹp, sự oai nghi, vinh hiển của Chúa, tạo vật của Ngài không thể không cảm tạ, ngợi khen Ngài. Trong chương trình thờ phụng, đây là hành động của con dân Chúa. Họ đáp ứng lại bằng cách ngợi khen, tôn vinh Chúa qua những hình thức như hát hội chúng, đơn ca, độc tấu, hoặc cầu nguyện để bày tỏ tấm lòng vui mừng, tung hô Chúa về những bản chất và công việc lạ lùng của Ngài. Những lời hát hoặc lời cầu nguyện nên xoáy vào trọng tâm này.

3. Xưng tội

Câu 5 ghi lại phản ứng của tiên tri Ê-sai khi thấy sự vinh quang của Chúa. Ông nhận thấy tội lỗi của mình trong sự

hiện diện thánh khiết của Ngài. Cũng vậy, sau khi đã chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Ngài và đối diện với lời Chúa cũng như sự mặc khải của Ngài, sự đáp ứng thích hợp nhất của hội chúng là hành động xưng tội, ăn năn những tội lỗi xấu xa của mình trước mặt Chúa. Trong thì giờ thờ phượng, người hướng dẫn cần kêu gọi hội chúng đến dốc đổ tấm lòng trước mặt Chúa, kêu xin sự tha thứ của Ngài. Với một khoảng thời gian rất giới hạn đối với đa số hội thánh, thì giờ tự do đến với Chúa mà không cảm thấy bị ‘thúc’ là một điều khó làm. Tuy vậy, đây là một thì giờ rất ý nghĩa trong sự thờ phượng, vì sự dốc đổ tấm lòng thật sẽ dẫn đến sự chữa lành thật, điều mà rất nhiều người khi đến thờ phượng mong muốn nhận được.

Sự kêu gọi xưng tội diễn ra trong mối liên hệ kết ước giữa Chúa và con cái Ngài. Bởi ân điển của Đức Chúa Trời bày tỏ qua công tác cứu chuộc của Đức Chúa Jêsus Christ, con cái Chúa thật sự đến xưng tội với Ngài với nhận biết rằng mình đã được chấp nhận và được an toàn. Chúng ta xưng tội không phải để được Chúa tha nhưng bởi vì Chúa đã tha thứ tội cho chúng ta qua Chúa Jêsus Christ rồi. Vì vậy, “kêu gọi đến sự xưng tội” là những lời đầy ân điển xác quyết sự tha thứ của Chúa, không phải để bôi nhọ hoặc làm hổ thẹn những người đến xưng tội.

Người hướng dẫn có thể đọc các đoạn Kinh thánh sau đây để kêu gọi hội chúng đến sự xưng tội:

- Thi thiên 32:1-6
- Thi thiên 66:16, 18-20
- Thi thiên 139:23-24
- Êsai 1:18
- Êsai 30:15,18
- Rôma 5:8, Hêborơ 4:16
- Hêborơ 10:19-22

- 1Giăng 1:5-7
- 1Giăng 1:8-9

4. Tuyên bố tha tội

Câu 7 cho biết Chúa đã tuyên bố tha tội cho Ê-sai. Dù biết rằng mình đã được tha tội qua dòng huyết của Chúa Jêsus, con cái Chúa sẽ cảm thấy được khích lệ hơn, tự tin hơn khi chính tai họ nghe lời tuyên bố tha tội của Chúa cho mình. Người hướng dẫn có thể đọc câu Kinh thánh trong I Giăng 1:9 như lời của Chúa phán với hội chúng. Ngoài ra, hội chúng có thể hát đối đáp bài, “Ca ngợi dòng huyết báu” (“Tôi hân hoan ngợi khen dòng huyết báu...”) để xác tín sự tha tội của Chúa cho mình.

5. Công bố Tin mừng

Trong câu 8, Chúa bày tỏ ý chỉ của Ngài cho Ê-sai với câu hỏi, “Ta sẽ sai ai đi?” Trong buổi thờ phụng, phần này tương ứng với bài giảng với trọng tâm là bày tỏ ý chỉ, ý muốn của Chúa cho con cái Ngài trong cuộc sống hằng ngày, có những lời thách thức và cũng có những lời khích lệ.

6. Tận hiến, cam kết

Tiên tri Ê-sai đã lên tiếng, “Có tôi đây, xin hãy sai tôi.” Người đến thờ phụng sẽ không nhận được một điều gì hết nếu không có một quyết định cụ thể đối với điều mình nghe. Sự đáp ứng là điều cần thiết sau khi đã nghe được ý chỉ của Chúa. Trong buổi thờ phụng, hội chúng hoặc một cá nhân dâng lên Chúa một bài hát, bày tỏ ý nguyện muốn vâng theo điều Chúa vừa mặc khải qua lời giảng. Bài “Xin cho con đi đường Ngài,” hay “Lời nguyện cầu” (Lạy Giê-xu xin cho

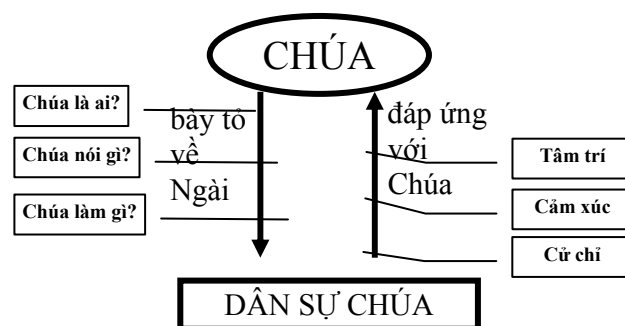
con theo ý Chúa cả cuộc đời và dùng con để truyền rao danh Chúa ra...) mang tinh thần này.

7. Cầu thay

Ê-sai hỏi Chúa về dân Y-sơ-ra-ên. Sự quan tâm, cầu thay cho những người xung quanh là một phần quan trọng của một buổi thờ phượng. Phần này đã được đề cập trong chương về “Sự cầu nguyện.”

8. Ủy thác

Chúa sai phái tiên tri Ê-sai đi ra với một nhiệm vụ khó khăn. Tuy vậy, vì Chúa là Đấng sai phái, Ngài cũng hứa sẽ ở cùng và thêm sức cho con cái Ngài. Đây là phần ít được chú ý đến trong các hội thánh Việt nam. Thông thường, phần này tương đương với lời chúc phước của mục sư. Thật ra, lời chúc phước chỉ là một trong hai yếu tố quan trọng của sự ủy thác. Để ý rằng lời ủy thác hay sứ mạng Chúa ban (đặc biệt liên quan trực tiếp đến sứ điệp của buổi nhóm ngày hôm đó) cho hội thánh phải được nhắc lại, và mang ý nghĩa sai phái hội chúng đi vào cuộc sống hằng ngày của họ với sứ mạng đó. Và rồi, lời chúc phước là lời Chúa hứa ở cùng, ban ơn sức cho con cái Ngài để làm trọn sứ mạng Chúa giao. Nhiều hội thánh chỉ chú trọng đến lời chúc phước mà không thật sự thay mặt Chúa ủy thác sứ mạng Chúa giao cho họ trong cuộc sống mỗi ngày.



Ê-sai 6 - Mô Hình Mẫu Về Sự Thờ Phụng Trong Kinh Thánh

HÀNH ĐỘNG CỦA CHÚA	HÀNH ĐỘNG CỦA DÂN SỰ CHÚA
Mặc khải (6:1-2) Đọc Lời Chúa, Ca đoàn, Ban nhạc Tuyên bố tha tội (6:6-7) Đọc Lời Chúa Công bố Tin Mừng Đọc Lời Chúa (6:8-10, 11-13) Ủy thác (Commission) (6:9-11) Đọc Lời Chúa Chúc phước	Chúc tán, Ngợi khen (6:3) Hội Chúng hát, Đơn ca Xưng tội (6:5) Hội Chúng hát, Cầu nguyện Tận hiến/Cam kết (6:8b) Hội Chúng hát, Đơn ca Cầu thay (6:11) Cầu nguyện

C. Mô hình thờ phượng năm chặng của John Wimber và Eddie Espinosa

Trong vòng các hội thánh Việt nam, tên tuổi của John Wimber và Eddie Espinosa hầu như không được biết đến nhưng âm nhạc của họ rất phổ biến. Cụ thể là, bài hát “Bài ca tâm linh” (Spirit Song) được viết bởi John Wimber và bài “Đổi thay con Chúa ôi” (Change my heart, O God) được sáng tác bởi Eddie Espinosa đã trở thành những bài hát quen thuộc của nhiều người. Thật ra, âm nhạc của nhóm Maranatha (xuất phát từ nhà thờ Cavalry Chapel do Chuck Smith thành lập ở miền nam California) và Vineyard (John Wimber đã từng tham gia Calvary Chapel nhưng đã tách ra lập nhóm Vineyard từ những năm 1980 và sau này đã trở thành một phong trào/hệ phái lớn mạnh nổi tiếng với thể loại âm nhạc của họ) đã được sử dụng rất nhiều trong các hội thánh Việt nam trong nhiều năm qua.

Trong bối cảnh hội thánh Chúa vươn tay ra đón nhận những người híp-pi (hippies) đến với Chúa trong những năm 1970, 1980, nhiều người đã trở lại tin nhận Chúa và sử dụng ân tứ âm nhạc của họ để tôn vinh Chúa. Các truyền thống cũ (sử dụng thánh ca và ban hợp ca) bị ‘cạnh tranh’ bởi làn sóng âm nhạc thờ phượng mới với những ban hát dẫn và những bài hát mới sáng tác. Từ ngữ ‘dòng chảy tự do’ (free-flowing) mô tả các buổi thờ phượng ngợi khen mang tính chất liên tục, tự nhiên, không bị gò bó.

Eddie Espinosa của nhà thờ Vineyard tại California ví thì giờ ngợi khen trong buổi thờ phượng như hành động của một số người ngồi quây quần lại với nhau xung quanh một bàn ăn, vừa thông công vừa trò chuyện thân mật với nhau. Ông cũng ví thì giờ hát ngợi khen liên tục không bị gián đoạn trong khoảng 15 đến 40 như là buổi tập thể dục trong đó các ‘cơ bắp’ thuộc linh sẽ được cứng mạnh khi được luyện tập không ngừng nghỉ trong một thời gian nhất định.

Theo Barry Liesch (1995) vì tâm lòng và trí óc cần phải tập trung vào chính Chúa, giờ hát thờ phụng kéo dài như vậy sẽ tạo cơ hội cho toàn thể con người (lý trí, ý chí, và tình cảm) tham gia vào sự thờ phụng mà không bị chi phối. Buổi thờ phụng này bao gồm các mắc xích nối kết nhịp nhàng với nhau để tạo một cảm giác như đang tiến triển và hướng đến một mục đích nào đó. Tuy nhiên, để đưa đến kinh nghiệm thờ phụng này, người hướng dẫn thờ phụng cần hiểu rõ hướng đi của dòng chảy và cách để dẫn dòng chảy này vào đúng chỗ của nó. Mô hình thờ phụng năm chặng là cách Wimber và Espinosa phát họa ra để giúp họ đạt được điều này.

1. Mời gọi

Chặng mời gọi có chức năng kêu gọi mọi người đến sự thờ phụng. Nó tiếp nhận tất cả mọi người và kéo họ đến sự hiện diện của Chúa. Cũng như một người cần khởi động trước khi chạy, đây được xem như chặng khởi động về mặt thuộc linh để chuẩn bị thờ phụng.

Không khí chung của chặng này là sự vui mừng, hân hoan, với những loại nhạc có nhịp điệu mạnh (upbeat). Lời hát ở đây không trực tiếp hướng về Chúa nhưng nhằm hướng đến hội chúng, cho họ biết điều họ sẽ làm sau đó. Hội chúng thường vỗ tay theo những điệu nhạc này và hát theo như một cách chuẩn bị tâm trí của họ cho sự thờ phụng. Barry Liesch (1995) đưa ra một số bài hát như “Bạn có biết đã đến giờ ca ngợi Chúa không?” (Don’t You Know It’s Time to Praise the Lord?). Lời của bài này có những câu như sau:

“Bạn có biết đã đến giờ ca ngợi Chúa không?

Trong đền thánh Đức Thánh Linh của Ngài

Vậy hãy hướng tâm trí bạn lên Ngài.”

Để ý thấy lời bài hát làm nhiệm vụ tốt hơn là lời nói suông của người hướng dẫn trước buổi nhóm lên thông báo, “Đã đến giờ nhóm thờ phượng, mời mọi người cùng ổn định chỗ ngồi và hướng tâm lòng về Chúa.” Thay vì nói những lời như vậy, những bài hát sẽ đưa hội chúng đến sự thờ phượng một cách tự nhiên và dễ chịu hơn.

Những hội thánh truyền thống có thể dùng thánh ca trong chặng này và sau đó đọc một đoạn Kinh thánh để kêu gọi thờ phượng. Theo Liesch (1995) cách này đặc biệt giúp cho một số hội thánh nhỏ phải nhóm lại tại những nơi không có cấu trúc hay biểu tượng của nơi thờ phượng (ví dụ như bàn Tiệc thánh, thập tự giá, Kinh thánh, hay các phong màn có dán những câu Kinh thánh) như trường học, nơi chơi thể thao... để bước vào sự thờ phượng hơn.

2. Nhập cuộc

Trong giai đoạn nhập cuộc, người thờ phượng bắt đầu hướng tâm lòng và tâm trí đến Đức Chúa Trời, không phải đến con người. Lời hát trực tiếp hướng về Chúa như một người nói chuyện với Chúa, ví dụ như bài “Ngợi khen ơn thương xót” (I Will Sing of the Mercies of the Lord).

3. Tán dương

Trong chặng này, người thờ phượng tiếp tục tôn vinh Chúa, tán dương Ngài với tất cả những từ ngữ uy nghi, cao trọng nhất, làm nổi bật tính siêu việt, lạ lùng, đầy thánh khiết, yêu thương của Ngài. Những bài hát ở chặng này thường kết hợp những nốt với âm quãng xa nhau tạo sự tương phản, diễn tả sự vĩ đại của Đức Chúa Trời và sự nhỏ bé của con người. Bài hát thánh ca truyền thống “Ngợi Danh Jêsus Rất Oai Quyền” (All Hail the Power of Jesus’ Name), bài “Chúa Trị Vì” (Our God Reigns), và bài “Chúc tôn Ngài” (Majesty)... là những

bài hát diễn hình thích hợp cho mục đích này. Khi cảm nhận được sự oai nghi cao trọng của Đức Chúa Trời thể hiện qua các bài hát, lời Kinh thánh...sự đáp ứng của người thờ phụng trong chặng này sẽ trở nên mạnh mẽ hơn, sâu sắc hơn.

4. Chiêm ngưỡng

Ở giai đoạn này, âm nhạc trở nên lắng dần. Lời hát thường có những chữ ‘Ngài,’ ‘Chúa Jêsus’...hoặc những từ ngữ diễn tả sự thân mật, riêng tư của mỗi cá nhân trong mối liên hệ với Chúa. Người thờ phụng như được kéo lại rất gần với Chúa, kinh nghiệm sự cảm thông của Chúa, mặt ‘nhân’ trong bản tính ‘thần nhân’ của Chúa Jêsus.

5. Thân mật

Chặng cuối trước khi đi vào bài giảng diễn tả sự thân mật nhất của người thờ phụng đối với Chúa. Giờ phút thờ phụng trở nên rất yên lặng và con cái Chúa đến với Ngài trong một mối liên hệ rất gần gũi, có thể bật lên tiếng “A-ba” khi nói chuyện với Ngài. Bài “Giờ đây giây phút này” (In Moments Like This) là một trong những bài có thể truyền đạt được ý nghĩa này. Âm nhạc trong chặng này rất êm, nhẹ, hầu như không cần sử dụng các bộ gõ.

Giáo sư Barry Liesch (1995) ví các chặng trong mô hình này như tốc độ chạy của một người. Nhịp độ của phần Mời gọi và Nhập cuộc giống như đang chạy, phần Tán dương giống như đi bộ, chặng Chiêm ngưỡng giống như đi thong thả, và chặng Thân mật giống như ngừng lại, ngồi chăm. Ông cũng đưa ra một số nguyên tắc cho những người soạn phần hát thờ phụng này như sau:

- Thờ phượng nên có một mục đích và định hướng rõ rệt
- Thờ phượng để ý đến các chiều kích tâm lý của người tham dự
- Thờ phượng phản ánh bản chất của Đức Chúa Trời (siêu việt và gần gũi)
- Lời hát có tính chức năng (hát ‘về’ Chúa và sau đó hát ‘cho’ Chúa)
- Kết hợp hài hòa giữa thánh ca và nhạc ngợi khen
- Các bước chuyển tiếp nên nhẹ nhàng, trơn tru
- Chuẩn bị phần của mình nhưng cũng sẵn sàng để Đức Thánh Linh hướng dẫn

D. Một số nhận xét về âm nhạc thờ phượng hiện hành (contemporary music)

Giáo sư Harold Best, từng đứng đầu khoa âm nhạc thuộc đại học danh tiếng Wheaton College, đã có lần cảnh cáo rằng nếu đặt gánh nặng quá lớn trên âm nhạc, những nhạc sĩ, các cách thờ phượng hoặc người hướng dẫn thờ phượng...thay vì dựa vào Đức Thánh Linh, chúng ta đã đi con đường sai vì Đức Thánh Linh là Đấng có thể tác động đến con người mà không cần đến các phương tiện của con người. Ông nhắc nhở rằng nếu quá chú trọng đến phương tiện để nhằm đạt đến một mục đích, người hướng dẫn thờ phượng sẽ đi đến chiều hướng không nhờ cậy vào quyền năng của Đức Thánh Linh.

Giáo sư Barry Liesch của đại học Biola cũng đồng ý rằng điểm yếu của âm nhạc thờ phượng hiện hành là chú trọng quá nhiều đến âm nhạc hay các loại hình nghệ thuật khác mà bỏ qua sự cầu nguyện và đọc Kinh thánh trong buổi thờ phượng. Ông cũng nhận xét thấy cần chú trọng về thần học thờ phượng hơn là những ‘công cụ’ thờ phượng. Điểm

quan trọng ông nhấn mạnh là thờ phượng có thể diễn ra mà không cần âm nhạc.

Tuy nhiên, giáo sư Barry Liesch cũng cho biết rằng nghệ thuật có thể làm giàu cho sự thờ phượng. Nói cách khác, cách chúng ta sử dụng nghệ thuật và sức mạnh của nó như thế nào để làm vinh hiển danh Chúa là vấn đề cần được xem xét cẩn thận. Ông cũng không ngần ngại nhận rằng mô hình năm chặng là một mô hình dựa trên các chiều kích tâm lý của con người. Lý luận của ông là con người là một sinh vật có linh và cũng có thân thể. Chúa Jêsus cũng đã từng mang hình hài của con người. Vì vậy, sự thờ phượng chú trọng đến các yếu tố tâm lý là điều hợp lý.

Một lần nữa, giáo sư Harold Best phê phán mô hình năm chặng và chỉ ra rằng, tại sao chúng ta đồng hóa sự thờ phượng với sự kéo lại gần với Chúa hơn. Xét về phương diện thần học theo Kinh thánh, Chúa đã ở trong chúng ta rồi, vì vậy chúng ta không cần phải đến gần Ngài. Giáo sư Robert Webber, người cũng từng dạy tại Wheaton College giải thích rằng, đồng ý là chúng ta đã ở trong Chúa, nhưng sự thờ phượng với âm nhạc và các hình thức nghệ thuật khác giúp cho tâm trí, cảm xúc của con người trở nên tập trung hơn về Chúa vì con người với cuộc sống bận rộn hằng ngày không thật sự có được những giây phút tập trung cao độ về Chúa như trong một buổi thờ phượng.

Thật ra, giáo sư Harold Best nhìn nhận vai trò của nghệ thuật trong sự thờ phượng nhưng ông lưu ý rằng âm nhạc hay các hình thức nghệ thuật khác chỉ được chấp nhận khi chúng được xem như *của lễ* dâng lên cho Chúa chứ không phải là một *phương tiện* để qua đó đạt đến một mục đích thuộc linh. Vì âm nhạc có sức mạnh, việc sử dụng âm nhạc chắc chắn đem lại một tác động nhất định. Tuy nhiên, theo Harold Best, tác động của âm nhạc chỉ ảnh hưởng đến cảm xúc và tư tưởng của chúng ta mà thôi chứ tự chúng không thể làm cho sự hiện diện của Chúa bị thu nhỏ hay

được thổi phồng lên. Đây là một sự phân biệt rất quan trọng mà tất cả những người tham gia trong lãnh vực âm nhạc hay các hình thức nghệ thuật nào khác trong hội thánh cần để ý và nắm vững vì nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ làm như mình bằng Chúa hoặc ít ra ‘giúp’ Chúa để gây ảnh hưởng đến người thờ phượng.

Con người trong thân thể hữu hạn có khả năng chiêm ngưỡng vẻ đẹp và đáp ứng lại vẻ đẹp một cách tự nhiên. Một bài nhạc hay làm cảm động lòng người và khiến họ có những đáp ứng thích hợp. Tuy vậy, nhìn từ góc cạnh của người tạo ra âm nhạc (người hát, người đàn, hướng dẫn...), bản nhạc đó là một thức hương có mùi thơm dâng lên cho Chúa mà thôi, và không nhằm mục đích gây ấn tượng cho một ai hết. Sự tác động trên một người theo phương diện thuộc linh là công việc của Đức Thánh Linh. Ngài có thể làm điều này thông qua khả năng âm nhạc của một người hay không cần khả năng âm nhạc của một người. Quyền năng của Đức Thánh Linh cao hơn và vượt quá những khả năng hữu hạn vốn làm cho con người rất tự hào. Đây là một thái độ cần có của những người tham gia mục vụ thờ phượng.

E. Mô hình thờ phượng bốn phần: Tập hợp, Lời Chúa, Cảm tạ, và Giải tán

Mô hình thờ phượng này là mẫu số chung của nhiều mô hình khác nhau hiện đang được sử dụng ở nhiều nơi vì nó bao gồm các yếu tố tối thiểu cần có của một buổi thờ phượng Cơ đốc bắt nguồn từ hội thánh đầu tiên.

Tập hợp

Cũng giống như hình ảnh dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa đi lên đền thánh Giê-ru-sa-lem, sự thờ phượng bắt đầu khi dân sự Chúa cùng tập hợp lại với nhau và bước vào sự hiện diện của

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

Chúa. Hành động tập hợp là một tiến trình đi lên từng bước đến gần ngôi thánh của Đức Chúa Trời, là nơi của sự thờ phượng đòi hỏi. Dĩ nhiên, chúng ta luôn ở trong sự hiện diện của Chúa, nhưng chúng ta cũng cảm nhận được sự hiện diện của Chúa ở mức độ tập trung hơn trong sự thờ phượng hội chúng.

Trong tiến trình này, khi con dân Chúa bắt đầu bước vào sự hiện diện của Chúa, trước hết họ cảm nhận được tính siêu việt, vĩ đại của Ngài và vì vậy họ đáp ứng bằng cách dâng lên Ngài lời tôn vinh, ngợi khen, chúc tụng. Sau đó, cũng trong sự hiện diện thánh của Chúa, cộng đồng con dân Chúa nhìn thấy sự ô uế, xấu xa của mình và đến với Chúa bằng sự xưng tội. Chúa đáp lại bằng cách phán lời chữa lành và tha thứ của Ngài (qua đoạn Kinh thánh, một bài hát...). Ngay sau phần này là lời cầu nguyện để chuyển tiếp qua phần lắng nghe lời Chúa.

Người soạn chương trình thờ phượng nên nhớ rằng đây như là một mẫu chuyện chứ không phải một chương trình. Vì là một mẫu chuyện, các chi tiết và hành động thờ phượng liên kết tự nhiên với nhau tạo nên một dòng chảy lưu loát, không bị gián đoạn nhưng có mục đích và định hướng rõ ràng. Chúng ta cũng nên ‘chống lại cám dỗ’ thông báo trước hội chúng những vấn đề trong hội thánh vì nó sẽ làm gián đoạn tiến trình thờ phượng, vì lúc này tâm trí người thờ phượng như ở trong một hành trình bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, mục thông báo sẽ làm cắt ngang mẫu đối thoại đang diễn ra giữa Chúa và con dân Ngài.

Lắng nghe Lời Chúa

Tập hợp là giai đoạn bước vào sự hiện diện của Chúa. Lắng nghe lời Chúa là giai đoạn ở trong sự hiện diện của Chúa.

Trong giai đoạn này, Chúa phán với con dân Chúa qua lời của Ngài và họ đáp ứng lại.

Giai đoạn này được ví như một cuộc đối thoại (cũng như giai đoạn tập hợp được ví như một tiến trình hay hành trình) hai chiều giữa Chúa và con dân Ngài. Trong phần này Chúa phán lời của Ngài (qua phần đọc Kinh thánh Cựu Ước, các Thư tín, các Sách Tin lành Công quan, và giảng) và con dân Chúa lần lượt đáp ứng với từng phần qua những bài hát, lời cầu nguyện...

Âm nhạc trong phần này chuyển từ sự sôi động của tinh thần tung hô, ngợi khen sang sự lắng đọng, suy tư để giúp người thờ phượng chú tâm lắng nghe lời Chúa. Người soạn có thể sử dụng những bài hát có lời Kinh thánh, những bài nói về đức tin, hoặc những bài về sự tận hiến, cam kết.

Cũng trong phần này, việc đọc Kinh thánh đóng vị trí rất quan trọng. Người đọc phải đọc thể nào để người nghe cảm nhận được và hiểu được lẽ thật của Chúa qua phần đọc Kinh thánh (Xin xem lại phần “Kinh thánh và sự thờ phượng”). Lẽ thật của Chúa cũng có thể được truyền đạt qua nhiều phương tiện khác nhau như đọc Kinh thánh phân vai, diễn kịch, bài hát... Vì người thờ phượng có những điểm mạnh khác nhau trong việc tiếp nhận thông tin (nghe diễn thuyết, đọc chữ trên màn hình, thấy hình ảnh, nghe âm thanh, vận dụng thân thể...), các cách truyền đạt thông tin khác nhau không những tạo sự đa dạng nhưng cũng có cơ hội nâng cao khả năng truyền đạt đến nhiều người hơn. Hơn nữa, bằng cách này, hội thánh có thể phát hiện và phát huy tài năng của nhiều người hơn trong các lãnh vực hầu việc Chúa khác nhau. Thật tốt đẹp biết bao khi mỗi người trong hội thánh đều thấy được những khả năng hay ân tứ của mình và đều có được cơ hội để sử dụng những điều này cho công việc Chúa chung.

Chữ chìa khóa của phần này là ‘chú tâm.’ Tinh thần, thái độ của người thờ phượng trong lúc này là tư thế không

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

những sẵn sàng lắng nghe lời Chúa mà còn sẵn sàng để lời Chúa tác động, xuyên thấu tâm lòng và từ đó có hành động thích hợp. Điều quan trọng nhất người hướng dẫn thờ phượng có thể làm ở đây là đưa hội chúng vào tư thế hạ mình lắng nghe lời Chúa với một quyết tâm rõ ràng đối với điều mình sẽ nghe, vì nếu không họ sẽ tham dự phần này như những người đi nghe những buổi nói chuyện giải trí với tư thế phê bình những lời mục sư giảng hoặc chỉ chọn nghe những điều êm tai, dễ chịu mà bỏ qua những lời cáo trách hay cảnh cáo một cách thẳng thắn của Kinh thánh qua lời tỏ của Ngài.

Cảm tạ (Thờ phượng Bàn Tiệc)

Sự thờ phượng ở phần này là sự đáp ứng của hội thánh trước lời thành văn và công tác cứu chuộc của Lời Hằng Sống, là Chúa Jêsus. Đây là thời điểm dâng lên lời ngợi khen và cảm tạ. Khác với phần Tập hợp, lời ngợi khen cảm tạ này trở nên sâu sắc hơn, gần gũi hơn, hòa cùng với thiên sứ trên trời dâng lên Chúa bài ca ngợi khen đời đời. Trọng điểm của sự thờ phượng là Đấng Christ và công tác cứu chuộc của Ngài. Sự đắc thắng khải hoàn của Chúa Jêsus Christ trên quyền lực của điều ác và sự chết khiến cho Ngài xứng đáng được tôn cao trên hết mọi danh, và làm cho “mọi đầu gối trên trời dưới đất thấy đều quì xuống và mọi lưỡi thấy đều xưng Jêsus Christ là Chúa và ngợi khen Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha” (Phi-líp 2:9-11).

Có bốn hình ảnh tiêu biểu cho sự thờ phượng Bàn tiệc, đó là: sự bẻ bánh (Công vụ các sứ đồ 2:42); Tiệc thánh (I Cô-rinh-tô 11:20); Sự thông công (I Cô-rinh-tô 10:26); và sự Cảm tạ (I Cô-rinh-tô 14:16). Tìm hiểu rõ hơn về những hình ảnh này sẽ giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn về ý nghĩa của sự thờ phượng Bàn Tiệc).

Sự bẻ bánh

Ý nghĩa của sự bẻ bánh xuất phát từ kinh nghiệm của hai môn đồ trên đường Em-ma-út (Lu-ca đoạn 24). Hai người có lẽ từ Giê-ru-sa-lem đang trên đường trở về làng của họ thì gặp một người khác bộ hành cùng đi với họ. Người khách này không những giải nghĩa Kinh thánh cho họ mà còn trả lời những câu hỏi làm họ rất cảm động. Khi họ mời người này vào nhà dùng bữa, mọi sự bỗng nhiên thay đổi. Thành linh, họ nhận ra người đó là Đức Chúa Jê-sus, Đấng đã sống lại. Khi Chúa bẻ bánh, Kinh thánh chép: “Mắt họ mở ra mà nhìn biết Ngài” (Lu-ca 24:31). Hai môn đồ bèn vội vàng trở về Giê-ru-sa-lem để thuật lại cho các môn đồ khác rằng Chúa Jê-sus thật đã sống lại và bằng chứng là họ đã nhận ra Ngài khi thấy Ngài bẻ bánh (câu 35).

Nhiều học giả thống nhất với nhau rằng đoạn Kinh thánh Lu-ca 24 là nền tảng cho sự giải thích về thói quen bẻ bánh của các tín hữu hội thánh đầu tiên. Mỗi lần bẻ bánh chung với nhau, họ lại được nhắc nhở về sự hiện diện của Chúa. Vì vậy, lễ bẻ bánh luôn liên hệ đến sự hiện diện của một Đấng sống là Chúa Jê-sus Christ.

Tiệc thánh

Về xuất xứ của Tiệc thánh, chúng ta phải trở lại với bối cảnh ban đầu khi các tín hữu đầu tiên thường nhóm nhau lại để dự Tiệc yêu thương (Agape Feast). Lễ này vẫn tiếp tục trong những năm 50 sau Chúa, nhưng theo I Cô-rinh-tô đoạn 11, lễ này đã có chiều hướng đi quá trớn. Sứ đồ Phao-lô đã la rầy các tín hữu tại Cô-rinh-tô vì trong khi dự Tiệc yêu thương nhiều người đã ăn uống quá độ dẫn đến say sưa (câu 20, 21) trong khi một số khác lại bị đói. Do đó, Phao-lô khuyên họ hai điều: thứ nhất, ăn bữa ăn tại nhà riêng (câu 34), rồi cùng chia xẻ với nhau bánh và chén “để nhớ đến Chúa” (câu 24-26). Sứ đồ Phao-lô đã tách biểu tượng của bánh và rượu nho

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

từ một bữa ăn và dời trọng tâm từ sự kỷ niệm Chúa sống lại sang kỷ niệm sự chết của Chúa. Kết quả là, lễ tiệc thánh mặc dù cũng vẫn nói đến cả sự chết và sự sống lại của Chúa, nhưng Phao-lô đã hướng tinh thần của lễ này đến sự tiết độ, điềm tĩnh hơn là sự hớn hở vui mừng kỷ niệm sự sống lại.

Tiệc thông công

Hình ảnh thứ ba là buổi tiệc thông công. Phao-lô có nhắc rằng, “Cái chén phước lành mà chúng ta chúc phước, há chẳng phải là thông với huyết của Đấng Christ sao? Cái bánh mà chúng ta bẻ, há chẳng phải là thông với thân thể của Đấng Christ sao? (I Cô-rinh-tô 10:16). Nhiều học giả Kinh thánh cho rằng các từ ngữ trong câu Kinh thánh này chỉ về một buổi ăn giao ước trong đó bánh và chén tượng trưng cho giao ước Đức Chúa Trời hứa với chúng ta qua Chúa Jêsus. Sự chết và sự sống lại của Ngài là lời hứa chắc chắn cho sự cứu rỗi của chúng ta. Ngài đã đắc thắng quyền lực của tội tằm, đã giày đạp sự chết. Đến cuối cùng Ngài cũng sẽ diệt tất cả các quyền lực của Satan.

Buổi tiệc thông công hay buổi ăn giao ước này được xem như là một hiện thực sẽ đến trong tương lai khi tất cả chúng ta đều ngồi chung với nhau và dự tiệc trên thiên đàng. Hành động cùng ăn chung với nhau nói lên ý nghĩa của sự thông công, hiệp một với nhau. Vì vậy, tiệc thông công chỉ mối liên hệ mật thiết của chúng ta với Đấng sống Jêsus Christ.

Cảm tạ

Từ ngữ thứ tư là “cảm tạ.” Phao lô dùng từ ngữ này trong I Cô-rinh-tô 14:16 để răn dạy hội thánh Chúa nói với nhau trong một ngôn ngữ có thể hiểu được, “Bằng không, nếu người chỉ lấy tâm thần mà chúc tạ, thì người tầm thường

ngồi nghe, chẳng hiểu người nói gì, thế nào họ theo lời chúc tạ mình mà đáp lại "A-men" được?" Chủ đề chính là sự biết ơn. Người mục sư làm lễ đứng tại bàn Tiệc thánh dâng lên lời cảm tạ biết ơn Chúa về món quà cứu rỗi qua Chúa Jêsus.

Rốt lại, nội dung của sự thờ phượng Bàn Tiệc là gì? Đầu tiên đó là chúng ta nhớ đến sự chết của Chúa (lễ Tiệc thánh); kế đến, chúng ta vui mừng trong sự sống lại của Ngài (lễ bẻ bánh); sau đó, chúng ta bước vào mối liên hệ mật thiết với Đấng sống nơi bàn tiệc của Ngài (lễ thông công); và cuối cùng, chúng ta dâng lên lời tạ ơn vì công tác cứu chuộc của Ngài (sự cảm tạ). Trọng tâm của tất cả những điều này xoay quanh Chúa Jêsus và công tác cứu chuộc của Ngài.

Giải tán

Sứ đồ Phao-lô nắm được cốt lõi của sự ủy thác từ sự thờ phượng khi ông viết cho tín hữu ở thành Rô-ma: "Vậy, hỡi anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời *khuyến* anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lẽ của anh em" (Rô-ma 12:1). Phao-lô tán thành quan điểm cho rằng sự thờ phượng là lối sống của một người. Thay vì kết thúc sự thờ phượng tại cửa nhà thờ khi hội chúng bước ra về, sự thờ phượng vẫn tiếp tục xâm nhập vào mỗi khía cạnh của đời sống chúng ta- nơi nhà riêng, tại xưởng làm, và ngay cả khi chúng ta vui chơi giải trí. Thật vậy, chúng ta phải xem sự thờ phượng như là toàn bộ cuộc sống của chúng ta, nó liên quan đến tất cả những điều chúng ta làm. Vì nó quan trọng đến như vậy, những lời chúng ta nói với hội chúng trong phần Giải tán sẽ như những lời khích lệ, thách thức hay chuẩn bị cho hội chúng tiếp tục đời sống thờ phượng của họ mỗi ngày, sai phái họ đi vào thế gian, đối diện với cuộc sống thường nhật với một sứ mạng rõ ràng.

Khi nói đến sự giải tán trong một buổi thờ phượng, chúng ta thường suy nghĩ ngay đến sự chúc phước. Khái niệm ‘chúc phước’ có hai phần: phần của Chúa và phần của chúng ta. Về phần của chúng ta, dĩ nhiên chúng ta không ‘chúc phước’ Chúa (tuy vậy, tiếng Anh vẫn thường dùng câu “We bless the Lord”), nhưng chúng ta làm cho danh Chúa được tôn cao qua những hành động của chúng ta. Ý nghĩa ‘chúc phước’ ở đây hàm ý qua đời sống chúng ta những công việc lạ lùng của Ngài, những mỹ đức của Ngài được tôn cao. Nói cách khác, chúng ta muốn làm đẹp lòng Ngài bằng cách nhận Ngài là Chúa và phục vụ Ngài trong đời sống của chúng ta.

Về phần của Chúa, Chúa chúc phước cho con cái Ngài bằng cách ban ơn, quyền của Ngài trên họ để sống và làm trọn sự kêu gọi của Chúa trên đời sống của họ. Sự ban ơn của Chúa trên chúng ta là một món quà, đó là Đức Thánh Linh trên đời sống của mỗi Cơ đốc nhân.

Sau khi Đức Chúa Trời phán với Môi-se chỉ dẫn cho thầy tế lễ A-rôn về cách phải chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên như thế nào (Dân số ký 6:24-26), Ngài cũng phán tiếp như vậy, “Họ phải đặt danh ta trên dân Y-sơ-ra-ên như vậy, thì ta đây sẽ ban phước cho dân đó” (câu 27). Trong sự chúc phước của Chúa, Ngài đặt danh của Ngài trên chúng ta, và đó là cách chúng ta phải sống. Thật vậy, đời sống của một người sẽ khác hẳn khi trong mỗi lãnh vực hay từng hành động của cuộc sống họ đều thẳm trong lòng rằng, “tôi đang mang danh của Chúa trên đời sống tôi.”

Như vậy, sự thờ phượng là một hành động không ngưng nghỉ. Sự thờ phượng bắt đầu khi Đức Chúa Trời mặc khải chính Ngài cho con người. Sự thờ phượng tiếp tục khi con người nghe sự mặc khải của Chúa và có những hành động đáp ứng thích hợp trong cuộc sống hằng ngày. Sự thờ phượng bị gián đoạn và bị bóp méo khi tội lỗi vào trong thế gian và Satan gieo rắc những ý tưởng sai lầm về Đức Chúa

Trời nơi con người. Sự thờ phượng được phục hồi khi Đức Chúa Jêsus đến trần gian, chịu chết và sống lại, đắc thắng sự chết và quyền lực của sự tối tăm. Những người đặt niềm tin vào Đức Chúa Jêsus và được sự soi dẫn của Đức Thánh Linh cùng tập hợp lại trong danh Chúa để thờ phượng như một hội thánh địa phương. Sự thờ phượng hội chúng này như là một sự tập dợt cho sự thờ phượng trên thiên đàng. Con dân Chúa lại được sai phái đi vào thế gian làm những người mang danh của Đức Chúa Trời. Họ tập hợp lại và ‘tập dợt’ tiếp tục...cho đến khi Chúa trở lại, sự thờ phượng lại tiếp tục...hoàn toàn trọn vẹn, vinh hiển, và đời đời.

F. Lợi ích của việc lập kế hoạch dài hạn

Sự thờ phượng hội chúng vẫn là một hoạt động quan trọng trong đời sống thờ phượng Chúa của một Cơ đốc nhân. Vì vậy, ngoài các yếu tố thuộc linh đã được trình bày ở trên, xét về mặt tổ chức hành chính, người soạn chương trình cần thấy được lợi ích của việc lập kế hoạch dài hạn để chuẩn bị được tốt hơn.

Nói về việc lập kế hoạch dài hạn, Đức Chúa Trời là Đấng đi đầu trong lãnh vực này. Công tác cứu chuộc của Đức Chúa Jêsus đã được chuẩn bị ngay từ ban đầu, nếu không nói là trước đó, khi con người phạm tội trong vườn Ê-đen (Sáng thế ký 3:15). Sách Ga-la-ti 4:4 chép rằng, “Nhưng khi kỳ hạn đã được trọn, Đức Chúa Trời bèn sai Con Ngài bởi một người nữ sanh ra...”

Nhiều người không chuẩn bị và đưa ra lý do cách thiêng liêng giả dối rằng “tôi chỉ nhờ Đức Thánh Linh mà thôi, không cần phải soạn.” Đó là sự lười biếng được che đậy dưới những từ ngữ thiêng liêng.

Sau đây là một vài ích lợi của việc lập kế hoạch dài hạn:

- *Thuần thực hơn*: Những người hát trong một ban hát, người đàn, người đọc Kinh thánh, người giảng... là những người tham gia vào việc đưa hội chúng đến sự thờ phụng Đức Chúa Trời. Càng chuẩn bị kỹ, họ sẽ trở nên thuần thực hơn, không bị lệ thuộc vào bài hát, bài giảng... nhưng tự do hơn để nghe theo sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh.
- *Ít gấp rút, bớt căng thẳng* (Less urgent, less stressed): sự chuẩn bị càng ít, sự căng thẳng càng nhiều. Điều này đa số đều có thể liên hệ được trong kinh nghiệm cá nhân thường ngày (thi cử, phỏng vấn, nói chuyện...).
- *Tạo cơ hội để Chúa tham dự, chi phối nhiều hơn vào kế hoạch*: thời gian là điều cần thiết để một tình bạn được lớn lên và trở nên sâu đậm. Cũng vậy, trong xã hội thời nay, dành ra được thời gian ở riêng với Chúa không bị gián đoạn, không bị chi phối bởi những lo lắng xung quanh là một điều không phải dễ. Soạn chương trình trước trong một thời gian sẽ giúp người soạn có nhiều cơ hội hơn để đến với Chúa và để Chúa hướng dẫn mình trong các chi tiết cần thiết.
- *Có sự chuẩn bị nhiều hơn, rộng hơn cho tất cả mọi người*: hội thánh Chúa không những cần một vài người nhưng cần tất cả mọi người tham gia vào sự phục vụ Chúa. Một vở kịch sẽ đòi hỏi thời gian và nhân lực nhiều hơn là phần đọc Kinh thánh của một người. Cùng một lễ thật nhưng nếu được trình bày trong nhiều hình thức khác nhau sẽ tạo một hiệu quả cao hơn, mang tính sáng tạo nhiều hơn. Càng có nhiều thời gian chuẩn bị, càng có cơ hội để nhiều người với những ân tứ khác nhau cùng tham gia.

G. Chuẩn bị chính mình

Sau khi đã dành thì giờ soạn chương trình, tập dợt những phần cần thiết cho một buổi thờ phượng, người hướng dẫn cần chuẩn bị chính mình trước khi cùng hội chúng thờ phượng. Mục sư Jack Hayford (1990) nhắc nhở người hướng dẫn thờ phượng để ý đến ba yếu tố sau đây để chuẩn bị chính mình:

Chuẩn bị bằng sự cầu nguyện

Người hướng dẫn cần đặt sự cầu nguyện làm thứ tự ưu tiên hàng đầu trong sự chuẩn bị vì sự cầu nguyện làm tan chảy tất cả những điều chi phối không cần thiết ảnh hưởng đến sự thờ phượng. Một chi phối thường xảy ra đối với nhiều người hướng dẫn thờ phượng là tìm kiếm sự thành công bên ngoài. Dĩ nhiên, những người này cũng lo lắng đến tình trạng thuộc linh của những người đến thờ phượng, nhưng họ cũng quan tâm đến những con số hay biểu hiện bên ngoài. Quan tâm đến một sự thờ phượng ‘thành công’ dễ cản trở ơn hướng dẫn của một người:

- *Mong có một sự thờ phượng trôi chảy:* mục sư Jack Hayford có lần đã lớn tiếng với một thành viên của một nhóm dự định sẽ trình bày một tiết mục trong chương trình. Hôm đó trời mưa lớn nên nhóm này đến trễ làm cho chương trình bị gián đoạn. Ngay sau đó, ông bị cáo trách và đến xin lỗi người bị ông nói nặng. Ông nhận ra rằng sức mạnh của một buổi thờ phượng không tùy thuộc vào sự trôi chảy.
- *Tìm kiếm sự hoàn hảo:* Nhiều lúc chúng ta bị chi phối khỏi sự thờ phượng thật vì chúng ta quá bận tâm đến sự hoàn hảo của ban hát chúng ta, của bài hát đơn ca, của bài giảng... Chúng ta thường tự nhủ rằng mình phải dâng cho Chúa của lễ thật hoàn hảo. Mặc dù, đó

là ý tưởng tốt, sự thật là Chúa không cần sự hoàn hảo của chúng ta. Nói cách khác, sự hoàn hảo của chúng ta không làm nâng cao hơn giá trị của Chúa. Dĩ nhiên, sự hoàn hảo làm cho sự việc trở nên đẹp hơn một chút, nhưng nó cũng dễ dàng dẫn đến sự kiêu ngạo. Chúng ta sẽ trở nên quá chú trọng đến hình thức hơn là nội dung, quá khắt khe với cách trình bày, chưng diện, mà quên đi những lẽ thật chúng ta truyền đạt. Cần lưu ý rằng chúng ta không cố vũ tinh thần xuề xòa, lười biếng vì Kinh thánh khuyến khích con dân Chúa dâng điều tốt nhất cho Ngài. Tuy nhiên, tìm kiếm sự hoàn hảo là một chiến lược tinh vi mà Satan muốn gieo vào tâm trí của những người hướng dẫn hội chúng đến sự thờ phượng.

- *Mong có một sự thờ phượng hiệu quả:* có những lúc khác chúng ta bị chi phối khỏi sự thờ phượng vì chúng ta muốn gây ảnh hưởng lên con người. Mục sư Jack Hayford chia sẻ rằng nếu ở lễ một ông tự xưng nói điều gì đó buồn cười và làm cho hội chúng cười nhưng nó vô tình lại là một ý tốt cho bài giảng, thì ở lễ hai, ông bị cám dỗ lặp lại câu nói đó vì ông nghĩ nó hay và hội chúng sẽ thích nó. Nếu đó là động cơ để ông lặp lại, thì sức sống thuộc linh tự xưng sẽ bị rút cạn khỏi nó. Thật vậy, nếu chúng ta làm một điều gì đó với động cơ tìm kiếm một ảnh hưởng, tìm kiếm một sự đáp ứng theo xúc cảm từ hội chúng mà không tập trung vào lẽ thật của sứ điệp mình chia sẻ, thì chúng ta đã rơi vào bẫy của Satan.

Chuẩn bị bằng cách kiểm tra lại thái độ của mình

Vun đắp thái độ thờ phượng là chuẩn bị quan trọng nhất cho sự thờ phượng. Người hướng dẫn cần liên tục nuôi dưỡng thái độ khiêm nhu thật trước Chúa và duy trì thái độ như con trẻ khi hướng dẫn hội chúng. Thái độ như con trẻ nhắc cho

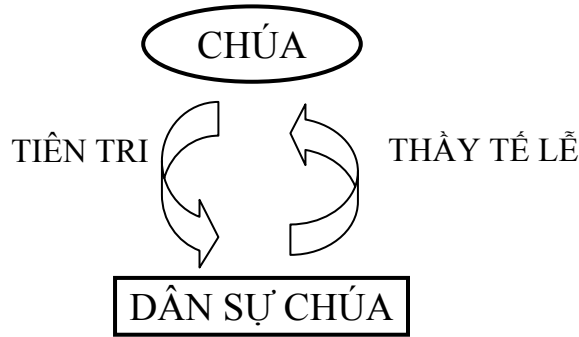
người hướng dẫn thờ phượng rằng dù họ có non kém hay lão làng trong công việc họ đang làm, họ phải nhận rằng họ vẫn không có tất cả những sự khôn ngoan hay có đủ hết kinh nghiệm khi đứng bên cạnh Đấng Toàn năng, Toàn tri.

Chuẩn bị bằng cách giữ liên lạc với thực tại:

Mục sư Jack Hayford kể rằng ông có thói quen đến nhà thờ khoảng 7, 8 giờ tối thứ Bảy, đi vòng quanh các băng ghế, đặt tay cầu nguyện cho những người sẽ ngồi những băng ghế này ngày Chúa nhật. Ông vừa đi vừa cầu nguyện, vừa hát, và để Chúa phán với ông.

III. Vai trò của ban hướng dẫn thờ phượng

A. Chức Vụ Tiên Tri và Thầy Tế Lễ



Hai vai trò chính của người hướng dẫn thờ phượng là vai trò thầy tế lễ và vai trò tiên tri. Lưu ý rằng đây chỉ là hình ảnh minh họa cho các chức năng cụ thể mà người hướng dẫn thờ phượng cần thấy rõ để làm tốt vai trò của mình. Hai hình ảnh này hoàn toàn không ám chỉ vai trò trung gian của bất cứ ai trong vấn đề thờ phượng vì trong giáo lý của Tin lành thuần túy, tất cả mọi người đều có thể đến trực

tiếp với Đức Chúa Trời mà không cần qua trung gian của một ai khác hơn ngoài Đức Chúa Jêsus, Đấng đã bởi sự chết và sống lại của Ngài thiết lập lại mối giao thông để con cái Chúa dọn dĩ đến gần Đức Chúa Trời (Hê-bơ-rơ 7-9). Vì vậy, theo quan điểm này, tất cả các con cái Chúa đều có vai trò thầy tế lễ và tiên tri lẫn cho nhau.

Vai trò thầy tế lễ: trong thời Cựu ước, thầy tế lễ là người đại diện dân sự dâng tế lễ và dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời. Kinh thánh gọi những người được cứu là “dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời, là chức thầy tế lễ nhà vua” (I Phi-e-rơ 2:5,9). Vì vậy, vai trò thầy tế lễ là vai trò đứng giữa Chúa và hội chúng để dâng lên lời cầu nguyện cũng như những của lễ (những bài hát, lời ngợi khen, ân tứ, khả năng...) Vai trò này đòi hỏi người hướng dẫn thờ phượng phải cảm thông được nỗi buồn và chia xẻ được niềm vui của hội chúng, hiểu được những lo lắng, bất an của họ để dâng lên Chúa bằng cả tấm lòng thiết tha. Nếu hội chúng đến với Chúa với sự khấn thiết, kêu van cùng Chúa thì người hướng dẫn cũng phải đồng tâm tình với họ khi dâng lên lời cầu nguyện với Chúa.

Vai trò tiên tri: tiên tri là môi miệng của Đức Chúa Trời, những lời họ nói không phải là lời của họ nhưng lời của Đức Chúa Trời đặt trong miệng họ. Với vai trò này, người hướng dẫn thờ phượng phải đặt mình hoàn toàn dưới sự điều khiển của Đức Thánh Linh, nhất là trong những lời nói của mình trước hội chúng, vì thật ra lời nói và ý tưởng của người đó là lời nói và ý tưởng của Chúa cho hội chúng của Ngài. Những thủ thuật để tạo một hiệu quả nào đó trên hội chúng, những câu nói nhằm gây ấn tượng, gây cảm xúc...là những điều nên tránh.

Qua hai vai trò này, chúng ta thấy người hướng dẫn đứng ở cả hai vị trí: vị trí của dân sự (thầy tế lễ) để dâng lên Chúa lời cầu nguyện và của lễ, vị trí của Chúa (tiên tri) để phán lời của Ngài cho dân sự. Cả hai vị trí này đều rất quan

trọng, vì vậy, người hướng dẫn thờ phượng cần nhận ra trách nhiệm lớn lao này mà cẩn thận nhận lấy và làm trọn.

B. Những quan niệm liên quan đến sự thờ phượng

	Quan niệm sai lầm	Quan niệm đúng theo KT
Hội Chúng	Khán giả	Diễn viên
Người Hướng Dẫn	Diễn viên	Người nhắc tuồng
CHÚA	Người nhắc tuồng	Khán giả

Con người hành động theo điều mình suy nghĩ. Nếu hiểu sai, họ sẽ có hành động sai. Cũng vậy, khi đến thờ phượng Chúa, nhiều người có quan niệm sai lầm về sự thờ phượng và vì vậy sự thờ phượng của họ không đúng như điều Chúa mong muốn. Quan niệm này cho biết hội chúng là khán giả, những người hướng dẫn thờ phượng (người hát, người đàn, người giảng...) là các diễn viên và Chúa là người nhắc tuồng. Quan niệm người thờ phượng là khán giả đã có từ rất lâu, không phải chỉ do ảnh hưởng của tính giải trí của xã hội ngày nay. Từ thời Trung cổ (Middle Age), người thờ phượng chỉ đi xem lễ mà không thật sự tham dự. Họ đến xem các linh mục ‘biểu diễn’ hành lễ mà không thật sự hiểu những điều họ xem.

Trong thời đại hiện nay, lối sống giải trí của xã hội bên ngoài đã xâm nhập vào hội thánh. Các buổi nhóm được sắp xếp như các sô giải trí với các em-xi (emcee, MC-master of ceremonies), sân khấu và hệ thống âm thanh, đèn màu. Vì được xem là khán giả, người thờ phượng sẽ có khuynh hướng phê bình các ‘tiết mục’ và xem họ là người quan trọng (theo như phương châm của giới kinh doanh: ‘khách hành là thượng đế’) có quyền có những đòi hỏi theo ý mình. Sử dụng

những điều thuộc về thế gian nhưng không theo các giá trị của thế gian là một thách thức cho nhiều hội thánh vừa muốn trung thành với lời Chúa nhưng cũng vừa muốn hợp thời.

Trong quan điểm theo Kinh thánh, tất cả hội chúng là các diễn viên, Chúa là khán giả duy nhất và những người hướng dẫn thờ phượng là những người nhắc tuồng. Hội chúng không phải chỉ ngồi ‘thưởng thức,’ nhưng họ thật sự tham gia vào sự thờ phượng, đóng góp vào sự thờ phượng. Nói cách khác, họ là những nhân tố chính tạo ra sự thờ phượng. Chúa là Đấng nhìn xem những điều họ làm. Những người hướng dẫn là người nhắc tuồng vì họ đóng vai trò như những người đứng phía sau để giúp cho một buổi diễn được tiếp tục ‘chạy.’ Một câu Kinh thánh, một lời hát ý nghĩa giúp cho hội chúng hòa lòng vào sự thờ phượng, có lúc trong tâm trạng vui mừng hớn hở, có lúc trong tâm trạng suy tư, trầm lắng.

Tóm lại, trong các quan điểm này, từ chìa khóa ở đây là ‘cùng tham gia’ chứ không phải ‘biểu diễn.

C. Những điều cần phân biệt

1. Thờ phượng và chương trình thờ phượng: Một chương trình thờ phượng trở thành thờ phượng khi những người tham dự gặp gỡ Chúa, nghe tiếng Chúa phán với mình và có những đáp ứng thích hợp. Một người quá chú trọng đến chương trình thờ phượng khi người đó để cho những ‘tiết mục,’ chi tiết bên ngoài lấn áp ý nghĩa, nội dung bên trong của các hành động đó.
2. Hướng dẫn thờ phượng và hướng dẫn chương trình: Một con cái Chúa thật dễ cho Chúa điều khiển, chỉ phối mọi lời nói hành động của mình có thể hướng dẫn thờ phượng mặc dù không thể hướng dẫn chương trình (thờ phượng) một cách chuyên nghiệp như Nguyễn Ngọc Ngạn. Khán giả khen ngợi ông vì lối ăn nói vừa trí thức vừa khéo léo.

Trái lại người hướng dẫn thờ phượng sẽ không làm cho hội chúng của Chúa khen ngợi người đó nhưng khiến họ ca ngợi Đức Chúa Trời vì người này không kéo sự tập trung về mình nhưng về chỉ một mình Chúa.

3. Hướng dẫn hát và hướng dẫn thờ phượng: nhiều người rất có tài thuyết phục người khác làm theo mình. Các ban nhạc hay làm cho khán giả sôi động lên, hòa cùng nhịp điệu của bài hát. Tuy nhiên, hướng dẫn thờ phượng là đem hội chúng đến với những lẽ thật của Chúa, giúp họ cảm nhận và hiểu được Chúa càng hơn. Nhiều người đến nhà thờ hòa cùng mọi người hát những bài ca ngợi Chúa, vỗ tay, khóc lóc, quỳ xuống... và làm tất cả những hành động thờ phượng khác. Tuy nhiên, người đó không thật sự thờ phượng Chúa nếu họ không thật sự nhận Chúa làm Chủ đời sống họ, hoặc nếu đời sống hằng ngày của họ không thật sự thờ phượng Chúa. Những hành động thờ phượng chỉ là những hành động tôn giáo vô nghĩa nếu người thờ phượng không có mối liên hệ cá nhân với Đấng mình thờ phượng.

D. Hướng dẫn hát hội chúng

Mục sư âm nhạc Howard Stevenson (1990) nhớ lại một kỷ niệm đầy ấn tượng về một ban đại hợp xướng ông từng chứng kiến như sau: “Tôi được cử làm trưởng ban phụ trách âm nhạc cho chương trình truyền giảng của Billy Graham tại vùng Anaheim, California vào năm 1985. Một biển người với mười ngàn giọng hát trỗi lên cùng một lúc thật đầy ấn tượng. Nhưng chưa hết, tôi thật sự xúc động nhất là khi tôi nghe ‘ban đại hợp xướng’ 85 ngàn người trên cả vận động trường cùng hát tôn vinh Chúa. Lúc đó, khi Cliff Barrow hướng dẫn cả vận động trường hát bài “Nơi chân thập tự,” tôi bước ra chính giữa sân vận động, đứng tại đó và nhìn xem ánh trăng đang chiếu xuyên qua tầng hai của sân vận động. Sức mạnh của bài hát tuyệt vời này như thác nước đổ xuống

trên tôi. Tôi nghe chính mình nói với Chúa, “Chúa ơi, Chúa có nghe thấy gì không?” “Chúa có nghe những người này đang ngợi khen Chúa không?” Tôi thật sự rung động khi nghe được ngàn người như một đồng thanh dâng lời tạ ơn Chúa. Lời hát đó như lan tỏa khắp nơi trong không khí của vận động trường Anaheim. Kinh nghiệm đó một lần nữa xác quyết cho tôi chiều sâu và ảnh hưởng mạnh mẽ của lời hát hội chúng.”

Thật vậy, lời hát hội chúng thu thập sức mạnh qua nhiều người và mở khóa một chiều kích sâu xa hơn trong tâm hồn chúng ta, khiến chúng ta có thể dâng lên cho Chúa toàn bộ con người của chúng ta. Âm nhạc là chìa khóa dẫn đến “phương diện tâm lòng” trong sự thờ phượng, cho dù chúng ta ở tại sân vận động, một hội thánh lớn, hay một nhóm nhỏ tại nhà. Hát ngợi khen có sức mạnh giúp chúng ta bày tỏ cảm xúc một cách tự do trước mặt Chúa.

1. Năm cản trở trong lời hát hội chúng

- a. *Sự co cụm của những bài hát chung quen thuộc:* Ngày nay, nhiều hội thánh có những bài hát riêng mà những nơi khác không có. Điều này dẫn đến việc co cụm dần mẫu số chung của các bài hát quen thuộc cho nhiều hội thánh khác nhau. Các bài hát thuộc loại ‘nhạc ngợi khen’ (praise songs) mặc dù phổ biến ở nhiều nơi nhưng thông thường nó có tính chất theo vùng. Đối với hội thánh Việt nam, mặc dù có nhiều bài hát giống nhau nhưng chuyển ngữ của những bài hát này có nhiều bản khác nhau và do vậy tạo ra không ít khó khăn trong việc ca ngợi. Bề dày lịch sử của các bài thánh ca quen thuộc cũng đã bị thay thế bởi nhiều bài hát hiện đại sau này.
- b. *Khuynh hướng làm khán giả:* Âm nhạc trong xã hội ngày nay trở thành cái để chúng ta nghe chứ không phải để chúng ta mở miệng hát hoặc tham dự vào.

Thời kỳ của iPods, mp3 cầm tay, nhạc trong xe, nhạc trong nhà... khiến con người trở nên thụ động với âm nhạc.

- c. *Sự hiểu biết sai lầm về âm nhạc trong thờ phượng*: trong một số nhà thờ, sức mạnh và hiệu quả của âm nhạc có khi bị coi thường hoặc đánh giá thấp. Chúng ta dùng âm nhạc để lấp đầy khoảng trống. Đây là một số câu nói điển hình, “Chúng ta hãy cùng hát với nhau một bài hát trong khi chờ những người tới trễ,” hay, “Chúng ta còn một ít thời gian, hãy hát thêm một câu nữa.” Trong một số dịp khác, âm nhạc được xem như là phương tiện khởi động cho bài giảng mà thôi. Khi âm nhạc bị xem thường như vậy, hội chúng sẽ không thật sự hết lòng tham gia vì chính người hướng dẫn đã đối xử với âm nhạc một cách rất tiêu cực. Khi chúng ta đánh giá thấp vai trò của âm nhạc trong thờ phượng, chúng ta đã chẳng khác nào sử dụng ‘ông thần đèn’ (genie) để làm một số chuyện lật vật trong nhà mà thôi, trong khi ông có thể làm vô số chuyện lớn lao khác không thể tưởng tượng được.
- d. *Thiếu thời gian*: Một bài giảng tốt cần thời gian để đi đến điểm trọng tâm, âm nhạc trong thờ phượng cũng vậy. Âm nhạc cần ít nhất 15 đến 20 phút để có thể ‘thấm’ vào người thờ phượng. Do vậy, có người đề nghị đơn giản hóa các yếu tố không cần thiết khác để có thì giờ dành cho thờ phượng, hát tôn vinh.
- e. *Hệ thống cách âm không tốt*: Lỗi hát hội chúng thành công đòi hỏi sự ‘ủng hộ’ của nơi nhóm lại. Lý tưởng nhất là căn phòng có khả năng nhận và hòa tiếng khi hội chúng hát. Nếu không bị giới hạn, hội thánh cần có sự quan tâm đến yếu tố này.

2. Cách hướng dẫn

Thông thường, một người sẽ rất ngại hát nếu không được hỗ trợ bởi các giọng hát xung quanh mình. Họ ngại nghe tiếng của mình. Vấn đề này gây khó khăn đặc biệt trong một hội thánh nhỏ. Tuy nhiên, với cách hướng dẫn thích hợp, hội thánh có thể khắc phục được điều này. Một chìa khóa quan trọng là tạo một không gian thoải mái cho hội chúng, không quá căng thẳng, nhưng lan tỏa bầu không khí ấm cúng và thân thiện. Làm thế nào để đạt được điều này?

- a. *Thứ nhất, qua nhân cách của chúng ta.* Nếu chúng ta thân thiện, cởi mở, dễ gần, tự tin, thì hội chúng cũng sẽ đáp ứng lại tương tự. Khuôn mặt thường xuyên nở nụ cười và sử dụng những từ ngữ dễ chịu, mang tính cá nhân sẽ dẹp bỏ nhiều rào cản.
- b. *Thứ hai, sử dụng các cách đệm thích hợp.* Chúng ta hát tự tin hơn khi được bao quanh hoặc ủng hộ bởi các âm thanh nghe đầy. Chúng ta sẽ không cảm thấy tiếng của mình bị ‘lòi ra.’ Khi nhạc dạo đầu thiết lập được nhịp điệu, cường độ và đúng ‘tông,’ hội chúng sẽ hát vào những hàng đầu tiên một cách rập ràng, mạnh mẽ hơn. Chọn nhạc cụ cũng giúp phần đệm thích hợp hơn. Ví dụ bài “Ơn Giê-sus cao sâu lắm thay,” hay bài “Ngợi danh Giê-hô-va” thường không sử dụng đàn ghi-ta vì sẽ không làm bật lên âm điệu mạnh mẽ, oai nghi của bài hát. Ngược lại, bài “Như nai kia,” hay “Lòng ước mong,” sẽ thích hợp hơn với tiếng ghi-ta thùng vì nó chuyển tải được vẻ trầm tư, lắng đọng của bài hát.
- c. *Thứ ba, chọn những bài đầu tiên dễ hát và quen thuộc với hội chúng.* Chọn một bài đơn giản không có nghĩa là hy sinh về đẹp, sức mạnh, hay tính cao trọng của bài hát đó. Nhịp điệu đơn giản với nhiều nốt đen

của bài “Thánh thay, thánh thay, thánh thay” vẫn tạo được vẻ oai nghi, mạnh mẽ của bài hát.

- d. *Thứ tư, chọn hát ở ‘tông’ thấp hơn.* Nhiều bài hát được viết với ‘tông’ cao, vì vậy nên để ý hạ xuống khi cho hội chúng hát. Nốt cao nhất mà hội chúng có thể hát tốt là D (Re) hay Eb (Mi giáng). Nên chuẩn bị trước với người đàn, hoặc ban nhạc, để điều chỉnh ‘tông’ thích hợp.
- e. *Thứ năm, bằng cách nhắc khéo cách hội chúng hát.* Những câu nói này có khi giúp ích những cũng có khi gây hiểu lầm. Vì vậy, cần phải rất cẩn thận và tế nhị khi làm điều này. Những câu nói như, “Hãy cùng nở một nụ cười khi hát bài này!” “Xin chúng ta cùng suy nghĩ đến từng lời từng chữ của bài hát này!” Có khi chúng ta kết hợp nhịp điệu với những liên tưởng về cuộc sống. Thay vì nói, “Tôi sẽ hát trước, quý vị hát sau theo tôi,” chúng ta sẽ nói, “Tôi sẽ hát cho quý vị nghe, và rồi quý vị sẽ đáp lại từng câu một.” Ví dụ như bài, “Lòng ước mong,” chúng ta sẽ hát trước, “Lòng ước mong,” và hội chúng sẽ hát đáp lại, “Lòng ước mong” Cứ như thế qua lại cho đến hết bài hát như một cách đối đáp sống động.

Trạng thái hoan hỉ ở rất gần với các biểu hiện cảm xúc mạnh mẽ khác. Một khi chúng ta có thể ‘xả’ ra được niềm vui qua các bài chúng ta hát, chúng ta có thể cùng với một tập thể di chuyển đến bất cứ mức độ cảm xúc nào khác. Chúng ta có thể cùng hớn hởi vui mừng trong một lúc, nhưng cũng có thể có cảm xúc lắng đọng sâu xa trong một lúc khác. Nếu chúng ta hoàn tất tốt công việc của chúng ta là tạo nên một không gian thoải mái, dễ chịu để mọi người có thể biểu lộ cảm xúc vui mừng, thì Đức Thánh Linh cũng sẽ tự do vận hành giữa vòng chúng ta, phán với mỗi người và thay đổi cuộc sống của mỗi một chúng ta.

3. Hướng trong tâm vào tinh thần của một buổi thờ phượng

Nhiều người sống dường như không bày tỏ cảm xúc, ít nhất là ở bề mặt bên ngoài. Trong cuộc sống hằng ngày, ít người trong chúng ta kinh nghiệm được sự đụng chạm đầy ý nghĩa đến tâm hồn sâu thẳm bên trong. Âm nhạc là một biểu hiện nghệ thuật có xúc cảm và nó có thể truyền tải được cảm xúc tốt hơn nhiều so với từ ngữ trơn. Đặc biệt, thánh nhạc có thể đụng đến phương diện tâm linh hay tình cảm sâu sắc bên trong.

Một người hướng dẫn thờ phượng có đặc ân giúp đem đến cho người thờ phượng những cảm xúc hay hứng khởi. Howard Stevenson (1990) nói nhiệm vụ của ông là đem người thờ phượng đến những đỉnh cao của cảm xúc và tâm linh, chỉ cho họ thấy viễn cảnh của đức tin họ, và dẫn họ vượt lên khỏi những hiểu biết giới hạn của trí óc về Cơ đốc giáo.

Người hướng dẫn thờ phượng cần nhớ rằng người đến thờ phượng đem theo với họ những kinh nghiệm, những lo lắng, những nhu cầu, những cảm xúc, các ý nghĩ...rất khác nhau. Một phụ nữ đứng tuổi đang mang trong người một nỗi sầu khổ, người đàn ông ngồi kế bên bà đang mang mặc cảm tội lỗi. Gia đình ông ở hàng ghế sau vừa mới có xích mích trong nhà. Đối diện họ là một nhà doanh nghiệp đang lo lắng chuyện làm ăn thua lỗ, và con gái của ông ở tuổi thiếu niên đang ngồi mơ mộng về anh bạn trai của cô ta. Người hướng dẫn phải tìm cách để xoay tâm trí và tấm lòng của từng cá nhân này về một hướng đề với sự hiệp một thật sự, tất cả mọi người đều hết lòng dâng lên lời ca ngợi Chúa. Hát hội chúng là một trong những cách rất tốt để đạt được điều này. Tưởng tượng tiến trình hát thờ phượng như hình cái phễu với miệng rộng bên trên và đuôi nhỏ bên dưới để chỉ một mục tiêu thống nhất.

Hình ảnh mở đầu buổi thờ phượng được liên tưởng như cái miệng rộng của cái phễu, rộng đến nỗi có thể bao gồm nhiều trạng thái tình cảm, kinh nghiệm khác nhau của hội chúng. Người hướng dẫn có thể chọn những đề tài hay bài hát với những lẽ thật bất biến như quyền năng, sự tể trị, sự sống vĩnh cửu, hay tính không thay đổi của Đức Chúa Trời. Dần dần những bài hát tiếp theo sẽ đưa mọi người vào điểm tập trung hẹp hơn, rõ ràng hơn, và liên hệ cụ thể hơn với đề tài hay chủ đề chính của buổi thờ phượng hôm đó.

Việc chọn bài hát có một ảnh hưởng vô cùng mạnh mẽ đến trạng thái chung, tinh thần chung của buổi thờ phượng. Giống như một người thợ sửa nhà sử dụng các dụng cụ khác nhau để hoàn thành các công việc khác nhau, người hướng dẫn thờ phượng có thể sử dụng một số bài hát khác nhau để hoàn tất những công tác hay mục tiêu khác nhau.

Có những bài hát làm dậy lên tinh thần sôi sục, nóng cháy hầu việc Chúa. Có những bài như đưa người thờ phượng đến trước ngai oai nghi, rực rỡ, đẹp đẽ của Chúa, Vua trên muôn vua, Chúa trên muôn chúa. Một số khác làm tâm hồn lắng xuống và mời gọi chúng ta đến sự cầu nguyện, cam kết với Chúa cách cá nhân. Khi chúng ta gần đến đuôi của chiếc phễu, tức là càng gần hơn với tinh thần của buổi thờ phượng, người hướng dẫn có thể xen vào những bài có tính chất cam kết cá nhân như bài, “Lạy Cha yêu thương” (I Love You, Lord), “Xin cho con đi đường Ngài, dạy con lối đi.” Đây là những bài hát đơn giản, biểu cảm, cá nhân mà hội chúng có thể dâng lên Chúa mà không cần phải lệ thuộc nhiều vào cuốn bài hát (thánh ca).

Điểm trọng tâm của cái đuôi phễu đó là kéo mọi người lại và hợp nhất tấm lòng của cả hội chúng lại với nhau, đề tập trung vào dòng chảy của buổi thờ phượng, chuẩn bị mỗi người để lắng nghe lời Chúa, và tạo điều kiện cho họ bày tỏ sự đáp ứng của mình trước Chúa.

4. Bảng kiểm kê cho người hướng dẫn thờ phượng

Mục vụ âm nhạc và trò tung hứng trên không có một điểm giống nhau: chúng ta phải giữ cho nhiều thứ ở trên không cùng một lúc. Sự nhạy cảm thuộc linh, sự chuẩn bị cá nhân, đề ý đến sự biến chuyển của nhóm, chọn lựa bài hát thích hợp, đệm nhạc...là một số ít những điều cần có cho việc hướng dẫn hát thờ phượng. Bảng liệt kê cho người hướng dẫn thờ phượng gồm có:

- a. *Các bài hát có ý nghĩa không?* Mỗi người hướng dẫn đều cần phải có một chút vốn liếng sự phạm. Khi hướng dẫn một bài hát, người hướng dẫn đôi khi cần nói qua lịch sử của bài hát hoặc đưa ra một cái nhìn mới về bài hát dựa trên chủ đề chính của buổi nhóm. Như vậy, việc hát ngợi khen sẽ có ý nghĩa hơn. Có nhiều bài hát được hỗ trợ bởi các câu Kinh thánh nền tảng. Vì vậy có thể đọc hoặc giới thiệu những câu Kinh thánh này với nhiều cách khác nhau ở trước, sau, hay giữa bài hát, và như vậy sẽ đem đến ý nghĩa cho những lời hát. Một cách khác thường được dùng là liên hệ ý nghĩa bài hát với kinh nghiệm cá nhân hoặc những kinh nghiệm cuộc sống gần gũi. Vì người thờ phượng có thể liên hệ đến những kinh nghiệm thực tế này, lời hát của họ sẽ trở nên sống động hơn, thật hơn.
- b. *Tôi có thật sự nhiệt tình, hăng hái, phấn khởi hay không?* Người hướng dẫn nên truyền đạt cho hội chúng nhận biết rằng thờ phượng rất thú vị, thích thú. Sự nhiệt tâm, phấn khởi này có tính lây lan rất mạnh.
- c. *Tôi có quá bảo thủ không hay bằng lòng mở rộng cho nhiều thể loại?* Bởi vì người thờ phượng ‘nói’ những ngôn ngữ âm nhạc khác nhau, cho nên chúng ta cần tạo điều kiện để mọi người có thể biểu hiện sự thờ phượng của họ qua nhiều cách khác nhau. Chúng ta nên theo trường phái tổng hợp hơn là cái này hoặc cái

kia. Cả nhạc truyền thống, thánh ca, hay nhạc mới, nhạc ca ngợi, v.v...đều có chỗ của nó trong sự thờ phượng.

- d. *Tôi có đang tránh những thông lệ hay không?* Chúng ta có thể làm cho sự thờ phượng trở nên tươi mới và sống động bởi một số cách giới thiệu mới dựa trên những điều đã quen thuộc. Howard Stevenson (1990) đề nghị, ví dụ đối với một bài hát có cùng số chữ như nhau, người hướng dẫn có thể cho hát một giai điệu mới trong một lời hát cũ. Dĩ nhiên, điều này rất khó thực hiện đối với tiếng Việt vì chữ có dấu phải đi với những nốt nhạc thích hợp. Nguyên tắc này đòi hỏi sự sáng tạo của những người hướng dẫn trong hội thánh người Việt. Một cách khác đó là cho hội chúng hát không có nhạc đệm. Dĩ nhiên, người hướng dẫn phải biết rõ trình độ âm nhạc của hội chúng và hiệu quả của việc hát không có nhạc đệm. Nguyên tắc ở đây là xen một điều mới vào dựa trên những điều đã quen thuộc.
- e. *Tôi đã diễn giải đủ chưa hay là quá dài dòng?* Ở đây đòi hỏi nghệ thuật. Người hướng dẫn nên biết lúc nào cần nói, lúc nào không; nói trong bao lâu và nói như thế nào. Dĩ nhiên, ‘nói’ là cách chung chung, nhưng người hướng dẫn có thể ‘nói’ qua những phương tiện khác nhau. Chúng ta không phải lúc nào cũng giới thiệu bài hát, trình bày lịch sử của mỗi bài. Điều quan trọng ở đây là làm sao để hội chúng không cảm thấy buổi thờ phượng bị đứt quãng, hay một sự chấp vá của nhiều thứ hỗn độn. Cần sắp xếp các chi tiết liên kết với nhau như một sợi dây không có đường nối. Hãy để hội chúng tự khám phá ra những sắc thái khác nhau trong buổi thờ phượng mà không cần chỉ cho họ chỗ chúng ta ‘nối’ các ‘sợi chỉ’ lại với nhau.

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

Tôi có đang để ý đến trạng thái tinh thần chung của hội chúng hay không? Người hướng dẫn phải luôn luôn theo dõi, để ý đến cảm xúc của hội chúng, nắm bắt các thời điểm quan trọng để đưa hội chúng vào sự thờ phượng đầy sự hợp nhất, dâng vinh hiển cho Chúa. Có một điều gì đó không thể diễn tả được khi hội chúng đồng lòng, hiệp một với nhau cùng hát, cùng thờ, cùng đến thờ phượng Chúa chung với nhau, vì lúc đó chính Đức Thánh Linh là Đấng ràng buộc mọi người lại với nhau và khiến họ mở miệng dâng lên Chúa lời ngợi khen từ tận sâu đáy lòng.

PHỤ LỤC 1

HỌC KINH THÁNH CÁ NHÂN VỚI CHỦ ĐỀ ‘THỜ PHƯỢNG’

Hướng dẫn: Đây là các phân đoạn Kinh thánh đề cập đến sự thờ phượng trong Kinh thánh. Các đoạn Kinh thánh này nhằm giúp mỗi cá nhân có cơ hội đào sâu hơn về chủ đề thờ phượng trong giờ tĩnh nguyện cá nhân. Ba câu hỏi chính người học cần trả lời cho mỗi phân đoạn Kinh thánh này là:

- (1) Đoạn Kinh thánh này nói đến điều gì? (Quan sát, Giải thích tổng quát)
- (2) Đoạn Kinh thánh này nói gì về sự thờ phượng? (Quan sát, Giải thích xoáy vào trọng tâm ‘thờ phượng’)
- (3) Tôi học được điều gì qua đoạn Kinh thánh này? (Áp dụng cho cá nhân hoặc những vấn đề liên quan đến sự thờ phượng trong hiện tại)

THỜ PHỤNG THỜI CỰU ƯỚC

1. Sáng-thế Ký 4:3-16 (Ca-in và A-bên)
2. Sáng-thế Ký 6:9, 22; 7:5, 13, 17, 24; 8:20-22 (Nô-ê)
3. Sáng-thế Ký 12:1-8; 22:1-14 (Áp-ram)
4. Sáng-thế Ký 24:26-27, 48, 52 (Đầy tớ của Áp-ra-ham)
5. Sáng-thế Ký 26: 24-25 (Y-sác)
6. Sáng-thế Ký 28:10-22; 35:1-7, 14-15 (Gia-cốp)
7. Xuất Ê-díp-tô Ký 3:1-12; 4:29-31 (Môi-se; Môi-se và A-rôn)

8. Xuất Ê-díp-tô Ký 5:1, 3; 7:16; 8:1, 8, 20, 25-28; 9:13-14; 10:7-9, 24-26; 12:14-17, 31 (Dân Y-sơ-ra-ên ở Ai cập)
9. Xuất Ê-díp-tô Ký 14:29-31; 15:1-21 (Ra khỏi Ê-díp-tô)
10. Xuất Ê-díp-tô Ký 19:3-25; 20:1-11, 22-24 (Tại Si-na-i)
11. Xuất Ê-díp-tô Ký 23:13-17, 20-25, 32-33; 24:1-25:9
12. Xuất Ê-díp-tô Ký 32:1-35 (Con bò vàng)
13. Xuất Ê-díp-tô Ký 29:42-46 (Lều tạm và Hội mạc)
14. Lê-vi Ký 1-9 (Các chỉ dẫn thờ phượng)
15. Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:15-31

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

16. Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:4-5, 13-15a

17. Phục-truyền Luật-lệ Ký 7:1-6; 8:10-20; 12:1-7; 16:21-17:7

18. Phục-truyền Luật-lệ Ký 29:16-18, 24-26; 31:30-32:43

19. Thi-thiên 29, 30, 33, 34

20. Thi-thiên 42, 46, 47, 48, 63

21. Thi-thiên 84, 92, 95, 96, 97, 98, 99

22. Thi-thiên 103, 111, 115, 136, 189, 145, 147, 150

23. Ê-sai 1:2-4; 10-18

24. Ê-sai 43:1-21

25. Ê-sai 44:1-20

26. Giê-rê-mi 10:1-16

27. Đa-ni-ên 3:1-4:3

28. A-mốt 5:1-24

29. Sô-phô-ni 2:8-11; 3:2-3, 17-19

30. Ma-la-chi 1:1-14

THỜ PHƯỢNG THỜI TÂN ƯỚC

1. Ma-thi-ơ 2:1-11

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

2. Ma-thi-ơ 14:25-33

3. Ma-thi-ơ 28:16-20 (đặc biệt câu 17)

4. Mác 7:1-8

5. Lu-ca 1:46-55

6. Lu-ca 1:67-79

7. Lu-ca 2:13-14, Hê-bơ-rơ 1:6

8. Lu-ca 2:25-32

9. Lu-ca 4:1-8

10. Lu-ca 4:16

11. Công-vụ các Sứ-đồ 2:42-47

12. Rô-ma 1:21-25

13. Rô-ma 12:1

14. Cô-rinh-tô 11:17-34

15. Cô-rinh-tô 14:26-40

16. Ê-phê-sô 1:11-12

17. Phi-líp 2:9-11

18. Phi-líp 3:3

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

19. Cô-lô-se 2:18-23

20. I Ti-mô-thê 2:1-10

21. Hê-bơ-rơ 12:28

22. Hê-bơ-rơ 13:15

23. I Phi-e-rơ 2:4-5, 9

24. I Giăng 5:18-21

25. Khải-huyền 4:1-11

26. Khải-huyền 5:1-14

27. Khải-huyền 7:9-17

28. Khải-huyền 11:15-17

29. Khải-huyền 13:1, 5-8; 14:9-11

30. Khải-huyền 14:6-7

31. Khải-huyền 19:1-10; 22:8-9

PHỤ LỤC 2

**BẢN QUAN SÁT MỘT BUỔI
THỜ PHƯỢNG**

Tên hội thánh bạn quan sát: _____

Ngày: _____

HỘI CHÚNG

- A. Mô tả hội chúng khi họ bước vào nhà thờ hoặc nơi thờ phượng. Họ có vẻ đang sửa soạn để gặp Chúa hay không? Hành động nào của họ cho bạn thấy điều đó?
- B. Khi hội chúng ngồi vào chỗ trước khi bắt đầu buổi thờ phượng, hội chúng sửa soạn để thờ phượng như thế nào?

- C. Trước khi và đang trong giờ thờ phượng bạn có cảm nhận một cách rõ ràng sự hiện diện của Chúa hay không? Hội chúng đáp ứng lại sự hiện diện của Chúa cho chúng ta thấy cái nhìn của hội chúng đối với Chúa như thế nào? (Tôn nghiêm, xem thường...)

- D. Hội chúng tham gia một cách chú tâm và tích cực như thế nào trong những tiết mục thờ phượng của chương trình? Qua cách hát thánh ca? Qua âm nhạc? Khi đọc Kinh Thánh? Cầu nguyện? Những lời nói khác? Họ có chú ý lắng nghe hay không?

- E. Hội chúng có giúp bạn trong sự thờ phượng không? Hay họ là sự cản trở làm xao lãng sự tập trung của bạn? Xin giải thích.

- F. Vài nhận xét khác về hội chúng.

BAN HƯỚNG DẪN THỜ PHỤNG

- A. Liệt kê những người hoặc nhóm người dự phần trong việc hướng dẫn thờ phụng. Trách nhiệm của từng người như thế nào?

- B. Ai là người ảnh hưởng nhiều nhất trong việc hướng dẫn hội thánh thờ phụng? Điều này diễn ra như thế nào?

- C. Vị Mục Sư Quản Nhiệm đã đưa bạn đến gần Chúa trước bài giảng như thế nào. Mục sư có làm gương khi cùng với hội chúng dự phần thờ phụng trước khi lên giảng hay không?

- D. Theo bạn nghĩ, cái nhìn của ban hướng dẫn thờ phụng về chính họ như thế nào? Có phải họ làm như người tìm cách giúp hội chúng đến gần Chúa? Hay là họ làm theo thứ tự lễ nghi tôn giáo trong sách vở cho xong việc? Hay là người hướng dẫn đóng vai trò như một hướng dẫn viên của một chương trình văn nghệ đặc biệt trên TV giúp vui cho khán giả đến dự? Giải thích.

- E. Người hướng dẫn có làm cho bạn có cảm giác tích cực tham gia vào sự thờ phượng – hoặc bạn có cảm giác như một khán giả đến xem một chương trình? Giải thích.

- F. Ban hướng dẫn thờ phượng có hướng dẫn bạn tập trung hướng về chỉ một mình Chúa suốt buổi thờ phượng? Hay là họ muốn bạn chú ý đến chính mình họ?

- G. Trong ban hướng dẫn ca ngợi (ban hát, người đánh đàn, người hát đơn ca, người đánh nhịp...) ai là người giúp bạn nhiều nhất trong sự thờ phượng qua âm nhạc? Giải thích?

BUỔI THỜ PHƯỢNG

- A. Mô tả cấu trúc của chương trình

- B. Diễn tiến của chương trình lưu loát hay không? Các tiết mục có liên kết với nhau theo một tiến trình hợp

Thờ Phụng Đức Chúa Trời

lý? Ngay từ đầu buổi thờ phụng đi đúng mục đích hay không? Có hướng đi rõ ràng không?

C. Nội dung của buổi thờ phụng chất lượng không? Lời Chúa có chiếm vị trí quan trọng trong buổi thờ phụng không? Nội dung có hợp với giáo lý Kinh Thánh không? Nội dung có ý nghĩa sáng suốt hay không? Có sự quân bình giữa Lời Chúa và cảm xúc con người trong buổi thờ phụng hay không?

D. Phần âm nhạc giúp bạn thờ phụng như thế nào? Hay âm nhạc cản trở sự thờ phụng của bạn như thế nào? Phân tích về phần âm nhạc trong giờ thờ phụng— loại nhạc thích hợp, giúp đỡ tâm linh, chất lượng cao như thế nào?

E. Sự kết hợp giữa âm nhạc, có lúc yên lặng, và những lời nói buổi thờ phụng có hiệu quả tốt hay không?

F. Buổi thờ phụng có soạn đề hội chúng tham gia tích cực trong sự thờ phụng Chúa hay không? Phần nào là phần hội chúng tham gia tích cực nhất?

- G. Phần bài giảng nằm trong vị trí nào của buổi thờ phượng? Bài giảng có thích hợp khi đứng trong tiết mục đã đề ra của chương trình thờ phượng hay không? Đứng ở cao điểm? Hay là ở vào điểm thấp của chương trình?
- H. Hội chúng có được những cách nào để đáp ứng (theo tập thể hoặc từng cá nhân)- lại những điều Chúa phán qua bài giảng? Mô tả những cách này.
- I. Có điều gì đặc biệt làm ngăn trở trong buổi thờ phượng làm cho bạn khó chú tâm trong sự thờ phượng của bạn hay không? Giải thích.
- J. Diễn tả về linh động của buổi thờ phượng? Mạnh mẽ? Quá dồn dập? Ấm áp? Sôi nổi? Vui tươi? Đáng sợ? Có tính cách ca tụng? Chậm chạp? Nhiều cảm xúc? Chán chường? Có những thay đổi về cảm tính? Buổi thờ phượng có kích thích để đáp ứng bằng cảm xúc? Có sự quân bình về lý trí và cảm xúc của tấm lòng không?

BỐI CẢNH NƠI THỜ PHỤNG

- A. Căn phòng này có giúp sự thờ phượng của bạn hay không? Trong căn phòng có điều gì cản trở không? Hoặc không cản trở? Giải thích.

- B. Kiến trúc trong nơi nhóm họp có giúp cho sự thờ phượng không?

- C. Lối kiến trúc của căn phòng như thế nào? Nhà thờ? Hội trường? Rạp hát? Đèn đài? Thánh đường đồ sộ? Phòng thể thao? Nhà thờ nhỏ? Cái gì khác? Tại sao?

NHỮNG ĐIỀU KHÁC

- A. Tờ chương trình có giúp bạn trong sự thờ phượng không. Giải thích.

- B. Bạn tham gia vào sự thờ phượng bằng những giác quan nào? (thị giác, thính giác, vị giác, cảm giác, tri giác)

- C. Buổi thờ phượng có hướng dẫn bạn dùng động tác gì không? Diễn tả.
- D. Có bằng chứng gì cho thấy có sự thanh thoát linh động trong buổi thờ phượng không?
- E. Có sáng kiến mới trong cách soạn thảo chương trình hoặc bạn kinh nghiệm một cái gì mới trong buổi thờ phượng này?

TỔNG KẾT

- A. Tổng kết những ấn tượng bạn nhận được từ buổi thờ phượng này?
- B. Nhìn chung, bạn cảm thấy khó khăn hay dễ dàng thờ phượng Chúa trong buổi thờ phượng này. Giải thích.

C. Bạn học được điều gì trong buổi thờ phượng này?

D. Nếu có một tín hữu muốn tìm một nơi để thờ phượng một cách đầy ý nghĩa, bạn có muốn đề nghị hội thánh này cho người đó hay không? Giải thích.

PHỤ LỤC 3

**CÁC NGUYÊN TẮC THÔNG BÁO
TRONG BUỔI THỜ PHỤNG**
(Guidelines for Announcements in Public Worship)

- 1) Đừng cắt ngang sự thờ phượng bằng sự thông báo
(Do not interrupt worship to give announcements.)
- 2) Việc thông báo ăn khớp hợp lý nhất vào phần kết thúc của chương trình. (Logically, announcements fit best with the closing acts of sending.)
- 3) Thông báo để những chi tiết liên qua đến toàn cả hội thánh. (Announce only those items which pertain to the congregation as a whole.)
- 4) Thông báo ngắn gọn và rõ ràng. (Keep announcements brief and to the point.)
- 5) Tốt nhất là chỉ một người thông báo. (It is generally best for one person to make all the announcements in a given service.)

PHỤ LỤC 4

NGUỒN TÀI LIỆU (RESOURCES)

Soạn bởi Nguyễn Đặng Thu Vân

Những tài liệu dưới đây có một số là miễn phí, nhưng có nhiều nguồn phải mua. (Some resources below are free of charge, but some are not.)

Nền Power Point tĩnh:

- <http://www.crossmap.com>: free
- <http://www.crossdaily.com>: Not free, but if you register, you will receive a free background everyweek.
- <http://www.eBibleTeacher.com>: very good website!
- <http://www.projectorsforworship.com/templates.asp>
- <http://www.rimshotgraphix.com/powerpoint/powerpoint.htm>
- www.brainybetty.com/MENUPowerPoint.htm

Nền động:

- Easy Worship: <http://www.easyworship.com>
- MediaShout: <http://mediashout.com>
- Worship Him: <http://www.worship-him.com>

Các đoạn phim ngắn:

- Digital Hotcakes: <http://www.digitalhotcakes.com>
- Sermon Spice: www.sermonspice.com

Kịch ngắn (bằng tiếng Anh):

- The Worship Drama Library, by Doug Fagerstrom (at local Bible Bookstores)
- Lillenas Drama:
<http://www.lillenasmusic.com/nphweb/html/ldol/index.jsp>
- Christian Scripts Free: <http://www.fea.net/bobsnook>
- Orion's Gate: www.orionsgate.org/drama.html
- For Children: <http://www.kidsword.com/>

Lời Thánh Ca Việt & English:

- http://www.vnbaptist.net/Thanh_Ca,
- <http://www.vietchristian.com/thanhca>
- <http://www.4cangoi.com>
- <http://www.vcbc-aurora.org> (Media => Music sheets)
- <http://www.thienky.com> (Music)

- <http://thanhnientinlanh.org> (Thánh Ca, cũng có một số kịch bản tiếng Việt, và những mẫu chuyện ngắn,...)

Nhạc Thánh Việt Nam (Nghe Nhạc, CDs & DVDs):

- www.songdaoonline.com
- <http://www.tinlanhhuyvong.com>
- <http://www.monsoptamlinh.com> (Thánh Ca & Biệt Thánh Ca)
- www.5bread2fish.biz
- <http://www.vpns.org/catalog/index.php?cPath=9> (Văn Phẩm Nguồn Sống)
- http://www.vietchristian.com/music/vn_index.asp

Nhạc Thánh Mỹ:

- <http://www.g3worship.com/> (complete set of orchestra music, chord charts, lyrics in PowerPoint, listening tracks and split tracks)
- <http://www.integritymusic.com>
- Ideas for Worship Leaders:
- www.worshipideas.com by Don Chapman (free one song each month, and an email every 2 weeks.)

Magazine:

- Worship Leader Magazine:
<http://www.worshipleader.com>